VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Võ Đình - CÂY TỔ, mộc bản, 1968, 11½"x22"

số 72 và 73 tháng hai và ba 1992

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ¤ Nguyễn Xuân Hoàng

Cao Xuân Huy ¤ Hoàng Khởi Phong ¤ Trịnh Y Thư

Khánh Trường ¤ Trương Vũ

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Mỹ thuật: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France.

Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia.

Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 542-1712**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

*

Số báo *Văn Học* quí vị đang cầm trên tay có thể được xem là số tân niên năm 1992. Nói "có thể" vì lẽ ra số báo đó phải đến tay quí vị từ đầu tháng hai dương lịch, ngay sau khi phát hành giai phẩm Xuân Nhâm Thân.

Báo ra trễ, nhiều độc giả và văn thi hữu xa gần đã tỏ ra quan tâm một cách đặc biệt. Nhà văn Hoàng Liên viết thư về, "... Nếu vì một lý do nào đó mà Văn Học tạm thời đình bản (nếu trường hợp này xảy ra thì thật là một điều đau buồn cho tất cả chúng ta)..." Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, "... Văn Học chết, tôi không biết gửi đăng những bài đắc ý nhất về đâu nữa..." Nhà thơ Trần Mộng Tú, "... Tôi sẽ bắt đền ông chủ bút nếu để tờ báo chết." Và còn rất nhiều lời lẽ khích lệ tương tự khác. Vì lẽ đó, chúng tôi nhận thấy có trách nhiệm phải tiếp tục duy trì tờ báo để khỏi phụ lòng tin yêu của quí vị. Tuy nhiên, trong lúc điều kiện còn cực kỳ khó khăn như hiện nay, chúng tôi đành phải tạm thời ấn hành báo hai tháng một kỳ thay vì hằng tháng như trước đây. Đây là một quyết định vô cùng khó khăn cho ban chủ biên, vì từ nhiều năm qua, tờ báo đã là món ăn tinh thần quen thuộc của nhiều độc giả đều đặn vào mỗi đầu tháng, nay đột nhiên thay đổi, tránh sao khỏi sự ngỡ ngàng. Nhưng, để bù vào đó, mỗi số báo ra hai tháng một kỳ như vậy sẽ dày gấp đôi số bình thường, như số báo quí vị đang cầm trên tay, và nội dung vẫn luôn luôn là những bài biên khảo, nhận định văn học giá trị bên cạnh thơ văn sáng tác của những ngòi bút được yêu thích nhất của văn học Việt Nam hải ngoại. Chúng tôi hy vọng tình trạng này chỉ là tình trạng tạm thời trong một thời gian ngắn. Khi đã ổn định lại và điều kiện cho phép, *Văn Học* sẽ trở lại là một tờ nguyệt san như cũ. Một lần nữa, *Văn Học* thành thật cảm tạ lòng ưu ái của quí vị và ước mong tờ báo trước sau vẫn giữ được vai trò đóng góp tích cực vào sinh hoạt văn học Việt Nam tại hải ngoại.

Văn Học

TẠ QUỐC TUẤN

đạo đức kinh hay đức đạo kinh *

Từ hơn hai ngàn năm nay, mỗi khi nói tới Lão tử (1) và học thuyết của ông ai nấy đều nghĩ ngay đến một tác phẩm thường được gọi là sách Lão tử hay *Đạo Đức Kinh* (2), một kiệt tác phẩm của Trung hoa đã được hơn 400 nhà bình chú (3) và được phiên dịch ra nhiều ngoại ngữ, riêng bằng Anh ngữ đã có tới hơn bốn mươi bản dịch rồi (4). Tuy nhiên gần đây đã có người gọi sách vốn được coi là do Lão tử sáng tác (5) là *Đức Đạo Kinh* chứ không phải là *Đạo Đức Kinh* (6).

Sở dĩ có tên gọi mới này là vì trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1972 đến tháng 1 năm 1974 một nhóm các nhà khảo cổ Trung hoa đã khai quật được ba ngôi mộ cổ ở một làng nhỏ tên Mã vương đôi, ở phía nam sông Dương tử chừng 100 dặm Anh, gần Trường sa thuộc tỉnh Hồ nam, địa bàn cũ của nước Sở. Ba ngôi mộ này thuộc gia đình Đại hầu Lợi Thương, vị Thừa tướng ba triều vua Trường sa. Ngôi mộ được đánh số 1 là mộ của bà vợ Lợi Thương, chết vì có lẽ ăn phải đồ độc khoảng năm 166 TCN; ngôi mộ số 2 là mộ của chính Thừa tướng Lợi Thương, chết khoảng năm 186 TCN; và ngôi mộ số 3 là mộ con trai Lợi Thương, chết năm 168 TCN, khi mới 30 tuổi (7).

Ngôi mộ số 2 vì không được phong cẩn thận nên đã bị đào trộm nhiều lần. Do đó, người ta không tìm thấy mấy di vật quan trọng. Trong ngôi mộ số 1 người ta tìm thấy rất nhiều bức tranh tuyệt đẹp, nhiều bộ quần áo thêu tỉ mỉ, hơn 180 món đồ sơn mài, 162 pho tượng người mộ bằng gỗ và hơn

300 thẻ tre hay gỗ, gọi là *khiển sách* (8), viết bằng mực với nét chữ cao sang.

Ngôi mộ số 3 quan trọng hơn cả. Người ta tìm thấy hơn 1.000 di vật, trong đó đáng quí nhất là 51 văn kiện viết trên lụa (9), trên các thẻ tre hay gỗ. Các văn kiện này gồm cả bản đồ, họa đồ, và nhất là các văn bản của nhiều tác phẩm quí giá về y học, thiên văn học, chiêm tinh học, âm dương ngũ hành, triết lý, chính trị, v.v...

Các tài liệu về y học nói về hệ thống tuần hoàn, cách trị và phương thuốc trị 52 thứ bệnh, sinh đẻ, dưỡng thân, ẩm thực, lại còn có cả sách nói về tướng ngựa nữa (tướng mã kinh). Các tài liệu về thiên văn học và chiêm tinh học gồm một tài liệu xác định vị trí năm hành tinh (ngũ hành chiêm) vào khoảng năm 246 – 177 TCN và một tài liệu khác gọi là thiên văn khí tượng chiêm có 29 hình thiên thể.

Có một tài liệu gồm 27 chương mà văn từ lại giống văn từ Chiến quốc Sách nên nhiều người nghĩ rằng đó có lẽ là văn bản xưa nhất của Chiến quốc Sách. Tuy nhiên vì trong số 27 chương này có tới 16 chương xưa nay chưa hề được thấy bao giờ nên cũng có người cho rằng nếu đây không phải là văn bản xưa nhất của Chiến quốc Sách thì ít ra nó cũng là một tài liệu được các nhà biên soạn Chiến quốc Sách tham khảo. Lại có người nghĩ rằng đây có thể là 27 trong số 33 chương sách Tô tử đã bị thất truyền. Dù sao thì qua tài liệu này người ta cũng biết được thêm nhiều chi tiết về lịch sử Trung hoa thời Chiến quốc (480 – 222 TCN) (10).

Ngoài ra, người ta còn tìm thấy bốn văn bản đính kèm trước ất bản của sách Lão tử (sẽ nói tới trong đoạn sau) mà nhiều người cho rằng đây là tập tài liệu *Hoàng đế Tứ kinh* đã thất truyền từ lâu, như đã được đề cập tới trong phần *Liệt truyện* của sách *Tiền Hán thư*. Bốn văn bản này là *Kinh pháp* (5.000 chữ); *Thập Đại Kinh* (4.500 chữ); *Xưng* (1.600 chữ) và *Đạo nguyên* (464 chữ) (11). Đó là các tài liệu nói nhiều về tư tưởng chính trị thường gọi là tư tưởng Hoàng Lão (12) rất thịnh hành thời Hán sơ, nhưng sau đó vì tài liệu thất lạc nên ít người nghiên cứu được. Các tài liệu này trình bày một quan niệm về thiện chính, tức chính sách tốt, kết hợp các nguyên lý của ba phái Nho gia, Pháp gia và Đạo gia (13).

Một tài liệu khác cũng tìm thấy ở ngôi mộ số 3 này là một văn bản Kinh Dịch được coi là xưa nhất. Tài liệu này gồm nguyên văn về 64 quẻ (5.200

chữ) và năm bài bình chú của Nho phái mà chỉ có một bài, *Hệ từ*, là được xếp chung trong các văn bản hiện hành (14).

Sau hết là một tài liệu dài 5.400 chữ thấy đính kèm sau giáp bản của sách Lão tử (sẽ nói tới trong đoạn sau). Theo Michael A.N. Lowe, tài liệu này quảng diễn học thuyết Nho gia có thể so sánh với học thuyết trình bày trong sách *Đại học* của Nho phái và tác giả của tài liệu đó có thể là một môn đồ phái Mạnh tử hay Tử Tư (15). Trái lại, Đỗ Duy Minh cho rằng tài liệu này có lẽ theo truyền thống sách *Trung dung* của Nho phái và thuộc chính loại học thuyết của Mạnh tử mà sách Tuân tử gọi là thuyết ngũ hành(16).

*

Bảo vật quan trọng nhất tìm thấy ở đáy hộp số 57 trong ngôi mộ số 3 là hai bản của một thủ cảo viết trên lụa sách Lão tử hay *Đạo Đức Kinh*. Hai bản này được các nhà Hoa học gọi là giáp bản và ất bản và thủ cảo viết trên lụa dược gọi là *Mã vương đôi Bạch thư Lão tử*. Sở dĩ nó quan trọng là vì hai văn bản này có nhiều điểm đặc biệt giúp chúng ta hiểu rõ về sách Lão tử hơn các văn bản hiện lưu hành (thường gọi là thông hành bản).

Cho tới nay chúng ta được biết là văn bản cổ nhất sách Lão tử được chép trong sách *Hàn Phi tử* (17). Tuy nhiên bản này không đầy đủ vì chỉ có một số trong 81 chương sách Lão tử được bình chú trong hai chương 20 và 21 sách *Hàn Phi tử* (18). Chương 20 bình chú các chương 38, 58, 60, 46, 14, 39, 1, 50, 67, 53 và 54 sách Lão tử; còn chương 21 bình chú các chương 46, 54, 26, 36, 63, 64, 52, 71, 47, 41, 33 và 27.

Một bản cổ khác là bản chép trong sách *Lão tử Chỉ qui* của Nghiêm Tuân (53 – 24 TCN). Đáng tiếc là sách này chỉ trích dẫn mà bình chú chứ không sao chép trọn vẹn sách Lão tử. Sách của Nghiêm Tuân sau này được Hà Thượng Công (19) tham khảo để bình chú trong sách *Lão tử Chú*.

Văn bản cổ nhất và đầy đủ nhất là bản nhan đề *Hiệu định Cổ bản Lão tử* do Phó Dịch (555 – 639) biên tập. Bản này dựa một phần vào một văn bản tìm thấy năm 487 trong một ngôi mộ cổ, chôn khoảng thế kỷ III TCN. Tuy văn bản tìm thấy năm 487 nay đã mất, chúng ta cũng được biết là nó có trước các bản Mã vương đôi khoảng hai ba chục năm và có lẽ là bản

Vương Bật (226 – 249) đã dùng để biên soạn sách *Lão tử Chú* của ông vì ta thấy nó rất giống sách của Phó Dịch.

Trước khi tìm thấy hai bản Mã vương đôi các thông hành bản được dùng nhiều nhất là hai sách của Vương Bật và Hà Thượng Công. Tuy nhiên ngay các thông hành bản này cũng đã được sao chép nhiều lần trải qua nhiều thế hệ nên không chắc có phải là những chính bản của hai nhà bình chú này không. Sách *Lão tử Chú* của Vương Bật được thịnh hành trong giới học giả trí thức nên đã được bổ túc và sửa đổi nhiều. Một số chữ tối nghĩa hay không thịnh dụng đã bị bỏ và vận điệu cũng thay đổi cùng với sự thay đổi thanh âm Hoa ngữ. Trái lại, sách *Lão tử Chú* của Hà Thượng Công vì lưu hành trong giới ít học nên đã ít bị sửa đổi. Vì thế người ta cho rằng sách của Hà Thượng Công giá trị hơn sách của Vương Bật.

Mặt khác, tuy hai bản giáp, ất tìm thấy ở Mã vương đôi có nhiều điểm giống nhau về hình thức và nội dung nhưng cũng có lắm chỗ khác biệt. Do đó, chúng ta có thể nghĩ rằng ngay vào khoảng thời gian hai văn bản này được sao chép có thể đã có nhiều văn bản khác được lưu truyền.

Tình trạng hai bản Mã vương đôi

Hai bản Mã vương đôi không được hoàn toàn. Các chương 1, 18, 31, 42, 43, 44, 45, 56, 50, 51, 52, 61, 62, 63, 69, 76 và 79 của giáp bản khá hơn các chương này của ất bản, ít chữ bị mất hay viết sai hoặc bị người sao chép xóa bỏ. Ngược lại các chương khác của ất bản hoàn bị hơn nhiều. Sau đây là tình trạng hai bản giáp, ất.

Chương	**Số chữ mất**		**Số chữ xóa**	
	Giáp bản	Ất bản	Giáp bản	Ất bản
1	2	13		
2	10	4		
3	40	0		
4	13	0		
5	4	1		
6	2	0		
7	2	0		
8	0	0		

9	11	0	
10	46	0	
11	15	0	
12	5	1	1
13	1	1	
14	16	1	1
15	31	2	
16	6	1	
17	2	2	
18	0	2	
19	5	1	
20	4	0	
21	5	0	
22	8	0	
23	9	0	
24	2	0	
25	16	0	
26	3	0	
27	6	0	1
28	10	5	1
29	11	9	1
30	10	10	
31	3	22	
32	26	5	
33	11	0	
34	11	2	
35	4	1	
36	2	1	1
37	7	0	
38	42	3	1
39	21	4	
40	13	3	
41	96	8	
42	26	36	

43	6	29	
44	8	37	
45	0	36	
46	6	22	
47	16	13	
48	41	14	
49	24	25	
50	16	26	
51	9	15	
52	5	13	1
53	21	8	
54	56	13	
55	12	8	
56	5	8	
57	31	17	
58	51	10	
59	44	18	
60	15	4	
61	10	15	
62	4	15	
63	23	48	
64	63	50	
65	7	6	
66	8	5	
67	25	1	
68	2	1	
69	0	1	1
70	7	0	
71	6	1	
72	22	0	
73	35	1	
74	10	1	1
75	1	1	
76	0	3	

77	41	9
78	23	13
79	1	16
80	14	2
81	40	0

Năm sao chép hai văn bản Mã vương đôi

Một lối tính thời gian soạn thảo hay sao chép một văn liệu Trung hoa xưa vẫn được nhiều người dùng tới khi văn liệu đó không ghi rõ ngày tháng là dựa vào lệ húy kỵ, nghĩa là lệ kiêng tránh không dùng tên tục của vua và hoàng gia của vương triều đang trị vì.

Chúng ta thấy trong giáp bản Mã vương đôi các từ "bang" 邦 (nước) vẫn được dùng. Thí dụ chương 61 có 7 từ "bang". Như vậy chúng ta có thể nói được là văn bản này phải được sao chép trước năm 206 TCN là năm Lưu Bang, tức vua Cao tổ (206 – 194 TCN), sáng lập nhà Hán (206 TCN – 265 SCN). Về điểm này chúng tôi không hoàn toàn đồng ý với chủ trương của Đỗ Duy Minh cho rằng giáp bản được sao chép trước năm 195 TCN (20) vì, như vừa nói, Hán Cao tổ trị vì Trung quốc từ năm 206 đến năm 195 TCN. Theo lệ húy kỵ, nếu giáp bản được sao chép trước năm 195 TCN, tức là dưới triều Hán Cao tổ, thì tất cả các từ "bang" phải tránh không được dùng mới đúng. Nếu nói như Đỗ Duy Minh thì lệ húy kỵ đã bị vi phạm trầm trọng, người sao chép đã phạm vào một trong mười tội ác (thập ác) không thể nào được tha thứ hay ân xá vì bất cứ lý do gì và sẽ phải chịu tội tử hình.

Ngược lại, chúng ta thấy các từ "bang" trong ất bản đã được đổi thành từ "quốc" 國 (nước); như vậy ất bản phải được sao chép sớm lắm là năm 206 TCN, chứ không thể nào trước năm đó được. Mặt khác, ất bản, giống như giáp bản, vẫn mang các từ "doanh" 盈 (đầy) và "hằng" 恆 (thường), mà "doanh" lại là tên tục Hán Huệ đế (194 – 187 TCN), vị vua thứ hai nhà Hán, Lưu Doanh, và "hằng" là tên tục Hán Văn đế (179 – 156 TCN), vị vua thứ tư nhà Hán, Lưu Hằng. Các thông hành bản sau này đã đổi "doanh" thành "mãn" 滿 (đầy) và "hằng" thành "thường" 常 (thường). Nói cách khác, ất bản phải được sao chép trong khoảng thời gian Hán Cao tổ trị vì mà thôi, nghĩa là 206 – 194 TCN, thì mới không

phải tránh dùng hai từ "doanh" và "hằng", trái với chủ trương của Đỗ Duy Minh là ất bản được sao chép trong khoảng năm 194 – 180 TCN (21).

Cũng nên nói thêm là các thông hành bản sau này đã đổi các từ "khải" 啓 (mở) thành "khai" 開 (mở), từ "phất" 弗 (đừng, không) thành "bất" 不 (không) để tránh tên tục Hán Cảnh đế (156 – 141 TCN), vua thứ năm nhà Hán, Lưu Khải, và Hán Chiêu đế (86 – 74 TCN), vua thứ bẩy nhà Hán, Lưu Phất Linh.

Như vậy, căn cứ vào lệ húy kỵ, chúng ta thấy rằng cho tới nay hai văn bản tìm thấy ở Mã vương đôi là văn bản cổ xưa nhất của sách Lão tử, được sao chép vào cuối thế kỷ III và đầu thế kỷ II TCN, nghĩa là lối 500 năm trước các thông hành bản.

Các điểm khác biệt

a. Giữa giáp bản và ất bản

Như trên đã nói, hai bản giáp và ất tìm thấy ở Mã vương đôi bên cạnh những điểm giống nhau cũng có nhiều chỗ khác biệt. Các điểm khác biệt về phương diện nội dung sẽ được nghiên cứu trong một bài sau. Về phương diện hình thức, điểm khác biệt dễ thấy là giáp bản viết theo lối chữ tiểu triện, một lối viết thịnh hành đời Tần (221 – 206 TCN) nhưng đã bị bãi bỏ từ đời Hán. Ngược lại, ất bản được viết theo lối chữ lệ nhiều hơn (22). Đây là một bằng chứng khác nữa là giáp bản đã được sao chép trước ất bản.

b. Giữa hai bản Mã vương đôi và các thông hành bản

So sánh hai văn bản tìm thấy ở Mã vương đôi và các thông hành bản hiện hữu, chúng ta cũng nhận ra được một số khác biệt. Rải rác đó đây chúng ta vẫn thấy có những câu, những chữ khác, những câu hay đoạn văn thêm hay bớt. Tuy nhiên những khác biệt này không quá lớn và quan trọng để khiến chúng ta phải hiểu thuyết của sách Lão tử một cách hoàn toàn khác.

1. Số chữ trong hai bản Mã vương đôi nhiều hơn.

Tổng số chữ trong các thông hành bản là 5.000 chữ. Ngược lại, tổng số chữ trong ất bản tìm thấy ở Mã vương đôi lên tới 5.467 chữ, nghĩa là nhiều hơn các thông hành bản 467 chữ.

2. Về phương diện ngữ pháp.

Điều đáng chú ý là hai bản Mã vương đôi đứng về phương diện ngữ

pháp có nhiều điểm khác biệt với các thông hành bản. Do đó, các câu, các tư tưởng trình bầy được hiểu một cách chính xác hơn nhiều. Khi so sánh về phần nội dung giữa hai bản Mã vương đôi và các thông hành bản chúng ta sẽ đi sâu vào chi tiết các điểm khác biệt này.

3. Một số chữ viết khác.

Hai bản Mã vương đôi có mang một số chữ lối viết khác các chữ thấy trong các thông hành bản. Vì vậy nghĩa của nhiều câu rõ ràng hơn. Chúng tôi xin đơn cử một thí dụ.

Câu cuối cùng (câu 8) của chương 33 các thông hành bản chép là:

死而不亡者壽

Tử nhi bất vong giả thọ.

Câu này đã được các học giả Trung Hoa, Việt Nam và Âu Mỹ hiểu là "Chết mà không mất là thọ" (23). Nghĩa của câu không rõ lắm. Cái gì chết mà không mất là thọ? Thu Giang Nguyễn Duy Cần giải thích là bản tính của ta là vật trường tồn, không mất được sau khi ta chết và chữ "thọ" (sống lâu) cùng một ý với chữ "cửu" 久 (lâu dài) (24).

Sự tối nghĩa là do từ "vong" 亡 (mất) thấy trong các thông hành bản. Trái lại, hai bản Mã vương đôi đã chép là "vong" 忘 với nghĩa là "quên".

Giáp bản:

死不忘者壽也

Tử bất vong giả thọ dã.

Ất bản:

死而不忘者壽也

Tử nhi bất vong giả thọ dã.

Cả hai có nghĩa là ai chết mà không bị quên thì đó là thọ (sống lâu). Như vậy câu rõ nghĩa hơn nhiều, vì không quên hợp với nghĩa sống lâu.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy có ít nhất là 37 chữ không thấy ở trong bất cứ một tự điển nào. Do đó chúng ta không biết chắc là những chữ này có phải là lối viết khác của một số chữ nào không.

4. Thứ tự các thiên.

Theo *Sử Ký* của Tư Mã Thiên thì Lão tử viết sách thành hai thiên (25). Các thông hành bản hiện hữu cũng đều gồm hai thiên. Thiên thứ nhất thường được gọi là "Đạo kinh" vì mở đầu bằng chữ "đạo" ("*Đạo khả đạo phi thường đạo*", nghĩa là đạo mà có thể nói được thì không phải là đạo thường) và thiên thứ hai thường được gọi là "Đức kinh" vì bắt đầu bằng từ "thượng đức" ("*Thượng đức bất đức thị dĩ hữu đức*", nghĩa là đức mà cao là không có đức, như vậy mới có đức). Thiên thứ nhất bàn nhiều về các vấn đề siêu hình và vũ trụ, còn thiên thứ hai bàn về đạo đức và chính trị. Tuy nhiên sự phân biệt này không hoàn toàn tuyệt đối, vì trong Đạo kinh có nhiều đoạn (chương 10, 21, 23, và 28) nói về đạo đức và chính trị, cũng như trong Đức kinh có nhiều đoạn nói về các vấn đề siêu hình và vũ trụ. Mặt khác, cũng vì lý do phân chia như vậy nên sách Lão tử vẫn thường được gọi là *Đạo Đức Kinh* vì thiên *Đạo* đi trước thiên *Đức*.

Trái lại, hai bản Mã vương đôi có điểm đáng chú ý. Mỗi bản cũng gồm có hai thiên. Ở phần cuối thiên thứ nhất của ất bản có ghi câu "Đức – tam thiên tứ thập nhất" (Đức: 3.041 chữ) và ở phần cuối thiên thứ nhì có ghi câu "Đạo – nhị thiên tứ bách nhị thập lục" (Đạo: 2.426 chữ) (26). Nếu đem so sánh với các thông hành bản thì ta thấy thiên thứ nhất chính là thiên Đức và thiên thứ hai là thiên Đạo. Vì lý do này, một số học giả cho rằng thứ tự hai thiên của hai bản Mã vương đôi có lẽ đúng là thứ tự của nguyên bản sách Lão tử và sách này nên gọi là *Đức Đạo Kinh* chứ không phải là Đạo Đức Kinh (27).

Theo Cao Hanh và Trì Hi Triều, thứ tự của hai thiên trong hai bản Mã vương đôi phù hợp với thứ tự của sách Lão tử đề cập tới trong sách Hàn Phi tử (28). Nhận xét này có phần đúng, vì bản bình chú sách Lão tử trong sách Hàn Phi tử cũng bắt đầu bằng chương 38 (của thông hành bản). Tuy nhiên, chỉ có điểm này là đúng thôi, ngoài ra, thứ tự các chương khác của sách *Lão tử Bình chú* trong sách Hàn Phi tử không theo thứ tự của hai bản Mã vương đôi. Mặt khác, vẫn theo hai ông, việc thiên Đức đặt trước thiên Đạo là việc làm của phái Pháp gia cho nó phù hợp với các nguyên lý phái này chủ trương. Họ có lẽ đã đặt thiên Đức trước thiên Đạo vì cho rằng thiên này mang những vấn đề quan trọng hơn. Hai ông cũng kết luận là vào đầu thế kỷ II TCN đã có ít nhất là hai văn bản khác nhau của sách Lão tử,

một văn bản của phái Đạo gia bắt đầu bằng thiên Đạo và một văn bản của phái Pháp gia với thiên Đức đi trước thiên Đạo (29).

Ellen M. Chen cũng cho rằng việc xếp hai bản Mã vương đôi bắt đầu bằng chương 38 (tức là thiên Đức) trước là một việc làm về sau này để cho nó phù hợp với các nhu cầu đặc biệt của phái Pháp gia, học phái cổ điển cuối cùng của Trung quốc. Bà cũng nói thêm là khi viết bản bình chú sách Lão tử có lẽ Vương Bật đã dùng một văn bản cổ hơn hai văn bản tìm thấy ở Mã vương đôi (30).

Mặt khác, theo Đỗ Duy Minh, việc đặt thiên Đạo trước thiên Đức trong các thông hành bản phản ảnh quan niệm của phái Đạo gia đối với tính cách quan trọng của hai vấn đề này. Ông nói thêm là việc thờ cúng thần tiên tái hiện vào thế kỷ I SCN (31), cùng với việc chú trọng đến Đạo học như là một triết lý nhân sinh có lẽ đã là nguyên nhân đưa đến việc xếp thiên Đạo trước thiên Đức, việc chia sách này thành 81 chương và việc giảm số chữ xuống còn khoảng 5.000 chữ (32).

Ngược lại, theo Nghiêm Linh Phong, lý do của sự khác biệt này chỉ là kết quả của việc đóng sách thôi. Theo ông, hai bản Mã vương đôi, cũng như các văn bản có trước đó, được sao chép từ các bản viết trên thẻ tre, rồi được buộc lại với nhau thành hai bó, một bó là thiên Đạo và một bó thiên Đức. Tuy nhiên sau khi sao chép xong, người sao chép đã bỏ bó mang thiên Đạo vào trong hộp trước và bó mang thiên Đức bỏ lên trên. Người sau sao chép lại lẽ dĩ nhiên bắt đầu sao chép với bó mang thiên Đức ở bên trên trước (33).

5. Không phân chương

Mặt khác, các thông hành bản hiện hữu đều chia hai thiên thành 81 chương. Thiên Đạo gồm từ chương 1 đến chương 37 và thiên Đức gồm các chương 38 đến hết 81. Theo truyền thuyết, việc chia chương này bắt đầu từ sách *Lão tử Chú* của Hà Thượng Công. Trái lại, theo Robert G. Henricks, có bằng chứng cho thấy con số 81 chương được quyết định vào khoảng năm 50 TCN (34).

Về lý do sách Lão tử chia làm 81 chương, Robert G. Henricks cho rằng con số 81 này không có liên hệ gì tới nguyên ý của Lão tử mà chỉ là con số hoàn bị trong thuyết âm dương, bởi vì 9 là con số hoàn bị của dương và 81

là 2 lần 9 (9 x 9 hay dương x dương). Ông còn nói thêm là có một số chương (chương 17, 18, 19, 67, 68 và 69) đúng ra không nên phân chương mà phải giữ nguyên là một chương dài liên tục thì mới diễn tả đủ mạch văn. Trái lại, một số đoạn chính ra phải là những đoạn riêng biệt, nhưng trong các thông hành bản thì lại góp thành một chương, ví dụ chương 29 (35). Ellen M. Chen cũng cùng một nhận xét. Theo bà, con số 9 là con số thiêng liêng và la căn của số 81. Có người giải thích là thiên Đạo chỉ trời mà phần số là số lẻ (37 chương) và thiên Đức chỉ đất mà phần số là số chẵn (44 chương)(36).

Cũng cần nói thêm là sách *Lão tử Chỉ qui* của Nghiêm Tuân lại chia làm 72 chương, với thiên Đạo gồm 40 chương và thiên Đức gồm 32 chương. Con số 72 là tích số của 8 (tượng trưng cho âm) và 9 (tượng trưng cho dương). Còn sách *Lão tử Bản nghĩa* của Ngụy Nguyên lại chia làm 68 chương vì có một số chương có cùng nội dung được gộp lại thành một chương.

Ngược lại, hai bản Mã vương đôi không chia chương, không đánh số chương và mỗi chương không có tựa đề, ngoại trừ mỗi bản đều chia làm hai thiên như đã nói ở đoạn trên. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là ở thiên Đạo của giáp bản giữa các câu có nhiều dấu chấm đen, thường là ở đầu những đoạn mà nếu đem đối chiếu với các thông hành bản thì chính là bắt đầu một chương. Theo Robert G. Henricks, điểm này cho thấy là vào thời kỳ hai bản Mã vương đôi được sao chép, việc phân chương sách Lão tử chưa được quyết định (37).

6. Thứ tự một số chương

Sau hết, đem đối chiếu hai bản Mã vương đôi với các thông hành bản hiện hữu, chúng ta còn thấy có sự khác biệt về thứ tự một số chương như sau:

a. Chương 24 của các thông hành bản thấy ở giữa hai chương 21 và 22 của hai bản Mã vương đôi.

b. Chương 40 của các thông hành bản đặt ở giữa hai chương 41 và 42 của hai bản Mã vương đôi.

c. Hai chương 80 và 81 của các thông hành bản thấy ở giữa hai chương 66 và 67 của hai bản Mã vương đôi.

Hai trường hợp đầu đặt như vậy là hợp lý vì mạch văn thông suốt. Trái

lại, chúng ta không rõ vì sao hai chương 80 và 81 lại được đặt vào giữa hai chương 66 và 67 vì các chương này không có liên hệ với nhau.

*

Hai văn bản tìm thấy ở Mã vương đôi đã góp phần không nhỏ vào việc nghiên cứu chẳng những là sách *Đạo Đức Kinh* (hay *Đức Đạo Kinh*) mà còn cả học thuyết Lão tử nữa. Chúng làm sáng tỏ nhiều đoạn văn, nhiều câu tối nghĩa hay vô nghĩa, cũng như là giải đáp những thắc mắc hay vấn nạn do việc sử dụng các thông hành bản hiện hữu. Tuy hai văn bản này mang một số khác biệt, nhưng, như đã nói bên trên, những khác biệt này không làm cho sự học hỏi hiểu biết của chúng ta vẫn có về học thuyết Lão tử trở nên sai lầm nhiều đến độ cần phải loại bỏ hoàn toàn. Ngược lại, hai văn bản Mã vương đôi giúp chúng ta thấu triệt học thuyết của Lão tử hơn.

Cho tới nay các bản dịch Việt ngữ sách *Đạo Đức Kinh* cũng như các nghiên cứu học thuyết Lão tử của người Việt Nam đều dựa vào các thông hành bản. Bây giờ là lúc chúng ta nên dịch lại sách này theo hai văn bản Mã vương đôi cho được chính xác hơn và phù hợp với nguyên ý của Lão tử hơn. □

Chú Thích:

(1) Thôi Thuật (1740 - 1816) trong sách *Thù Tứ Khảo Tín Lục* và Uông Trung (1744 - 1794) trong sách *Lão tử Khảo Dị* đã nghi ngờ không chắc nhân vật Lão tử có thật.

(2) Sách này được chính thức liệt vào hàng "Kinh" từ đời Hán Cảnh đế (156 - 141 TCN), tuy theo *Tiền Hán Thư* thì trước đời Hán Cảnh đế đã có lưu hành ba văn bản tên sách có mang chữ "kinh" rồi. *Tiền Hán Thư*, quyển 30, trang 20a-b.

(3) Theo Nghiêm Linh Phong, *Trung ngoại Lão tử Trước thuật Mục lục*, Trung hoa Trùng thư Ủy viên hội, Đài bắc, 1957.

(4) Theo Ellen M. Chen (rất tiếc chúng tôi không được rõ tên Trung hoa của nữ giáo sư, chỉ biết bà họ Trần), *The Tao Te Ching: A New Translation with Commentary*, Paragon, New York, 1989, trang ix.

(5) Sở dĩ nói "vốn được coi là do Lão tử sáng tác" vì đã có nhiều thuyết cho rằng tác phẩm này không phải do Lão tử, hay do một mình Lão tử, trước tác. Tư Mã Thiên là người đầu tiên nói là Lão tử đã trước tác *Đạo Đức Kinh* (*Sử Ký*, sách 5, quyển 63). Ngay từ thời Tư Mã Thiên đã có nhiều cuộc tranh luận về vấn đề này, từ La Căn Trạch (257 - 281) với *Chư tử Khảo tố*, và sôi nổi nhất là vào hai đời Tống (960 - 1206) và Thanh (1640 - 1912).

(6) Thí dụ Robert G. Henricks đã đặt tên tác phẩm mang bản dịch Anh ngữ sách

Lão tử của ông là *Lao Tzu Te Tao Ching: A New Translation Based on the Recently Discovered Ma-wang-tui Texts*, Ballantine Books, New York, 1989).

(7) William G. Boltz cho rằng con trai Lợi Thương chết khoảng năm 200 TCN (William G. Boltz, "Textual Criticism and the Ma-wang-tui Lao Tzu," *Harvard Journal of Asiatic Studies*, tập 44, số 1, tháng 6-1984, trang 185), còn Đỗ Duy Minh cho đó là năm 168 TCN (Tu Wei-ming, "The 'Thought of Huang Lao': A Reflection on the Lao Tzu and Huang Ti Texts in the Silk Manuscripts of 'Ma-wang-tui'", *Journal of Asiatic Studies*, tập 39, số 1, tháng 11-1979, trang 96) và Robert G. Henricks nói rõ hơn, cho biết đó là ngày 4 tháng 4 năm 168 TCN (Robert G. Henricks, sđd, trang xii).

(8) Sách ghi chép các đồ chôn cất trong mộ.

(9) Gọi là bạch thư (bạch: lụa; thư: sách).

(10) Xin xem thêm Dương Khoan, "Mã vương đôi Bạch thư Chiến quốc Sách đích Sử liệu Giá trị", *Văn Vật*, số 2, 1975, trang 26-34, và "Chiến quốc Sách trung ký đích Hợp tung Liên hoành Chiến tranh hòa Chính trị Lộ tuyến Đấu tranh", *Văn Vật*, số 3, 1975, trang 1-8.

(11) Xem Jan Yunhua (Nhiễm Vân-hoa), "The Silk Manuscripts on Taoism", *T'oung Pao*, tập 63, số 1, 1978, trang 65-84, và "Short Bibliography of the Silk Manuscripts", *Society for the Study of Chinese Religions Newsletter*, số 1, 1976, trang 4-7.

(12) Tức là Hoàng đế (2697 - 2597 TCN) và Lão tử (? - ?).

(13) Xem Đường Lan, "Mã vương đôi Xuất thổ Lão tử Ất bản Quyển Tiền Cổ Dật thư đích Nghiên cứu kiêm Luận kỳ dữ Hán sơ Nho Pháp Đấu tranh chi Quan hệ", *Khảo Cổ Học Báo*, số 1, 1975, trang 7-38. Long Hội đã phê bình thuyết của Đường Lan trong bài "Mã vương đôi Xuất thổ Lão tử Ất bản Cổ Dật thư Tham nguyên", *Khảo Cổ Học Báo*, số 2, 1975, trang 23-32.

(14) Michael A.N. Lowe, "Manuscripts Found Recently in Chian", *T'oung Pao*, tập 63, số 2 & 3, 1978, trang 117.

(15) Lowe, sđd, trang 119. (16) Tu, sđd, trang 96, cước chú 5. Xem thêm Bàng Phác, "Mã vương đôi Bạch thư Giải khai liễu Tư Mạnh Ngũ hành Thuyết chi Mê", *Văn Vật*, số 10, 1977, trang 63-69.

(17) Không rõ sách Hàn Phi tử biên soạn năm nào, chỉ biết là Hàn Phi tử, người được coi là tác giả, sinh khoảng năm 280 TCN và chết năm 233 TCN.

(18) Sách Hàn Phi tử gồm 55 chương.

(19) Thường được coi là sống vào đời Hán Văn đế (179 - 157 TCN), nhưng cũng có một số người cho là ông ta sống khoảng thế kỷ III hay IV SCN.

(20) Tu, sđd, trang 96.

(21) nt.

(22) Tuy lối chữ lệ cũng được dùng trong đời Tần như chữ tiểu triện, sau có vài năm, nhưng phải từ nhà Hán trở đi mới thịnh hành.

(23) Thí dụ xem Thu Giang Nguyễn Duy Cần, *Lão tử Đạo Đức Kinh*, Xuân Thu tái bản tại Houston, Texas, không năm xuất bản, tập I, trang 17; Chu Bỉnh-nghĩa (Chu Pingyi) dịch sách *Lão tử Chương Cú Tân Biên* của Nghiêm Linh Phong sang Anh ngữ, *A Re-constructed Lao Tzu with English Translation*, Thành Văn, Đài bắc, 1976, trang 69; Henry Wei (chúng tôi không rõ tên Trung hoa của tác giả), *The Guiding Light of Lao Tzu*, Theosophical Publishing House, Wheaton, Illinois, 1982, trang 170; D.T. Suzuki & Paul Carus, *The Canon of Reason and Virtue*, Open Court, La Salle, Illinois, 1074, trang 96; Ariane Rump, *Commentary on the Lao Tzu by Wang Pi*, University of Hawaii Press, Honolulu, in lần thứ ba, 1987, trang 100; RB Blakney, *The Way of Life: Lao Tzu*, Mentor, New York, 1955, trang 86.

(24) Thu Giang, sđd, trang 17.

(25) *Sử Ký*, sách 5, quyển 63.

(26) Năm 1975, nhà xuất bản Văn Vật ở Bắc kinh đã phát hành một bộ sách gồm 8 tập mang nhan đề là *Mã vương đôi Hán mộ Bạch thư*. Tập 1 chụp lại thủ cảo hai bản Mã vương đôi.

(27) Vì lý do này Robert G. Henricks đã đặt tên sách phiên dịch Anh ngữ sách Lão tử dựa vào hai bản Mã vương đôi là *Te Tao Ching (Đức Đạo Kinh)*. Tuy nhiên nhiều người khác vẫn giữ nguyên nhan đề thông dụng là *Tao Te Ching (Đạo Đức Kinh)*, ví dụ Victor H. Nair, Ellen M. Chen, v.v...

(28) Cao Hanh, Trì Hi Triều, "Thí đàm Mã vương đôi trung đích Bạch thư Lão tử", Văn Vật, số 11, 1974, trang 2.

(29) nt.

(30) Chen, sđd, trang 44.

(31) Về hiện tượng này, xin xem thêm Holmes Welch & Anna Seidel, *Facets of Taoism: Essays in Chinese Religion*, Yale University Press, New Haven & London, 1979, trang 19-81.

(32) Tu, sđd, trang 101.

(33) Xem thêm Nghiêm Linh Phong, *Mã vương đôi Bạch thư Lão tử Thí đàm*, Hà lạc Đồ thư, Đài bắc, 1976, trang 8-13. (34) Xem thêm Robert G. Henricks, "On the Chapter Divisions in the Lao Tzu", *Bulletin of the School of Oriental and African Studies*, tập 45, số 3, 1982, trang 501-524.

(35) Henricks, *Te Tao Ching*, sđd, trang xvii-xviii.

(36) Chen, sđd, trang 45.

(37) Henricks, *Te Tao Ching*, sđd, trang xvii.

TỪ MAI

bài thơ tả tâm trạng "yên giặc, về quê" nổi danh nhất trong văn học trung hoa

*

聞官軍收河南河北

劍外忽傳收薊北
初聞涕淚滿衣裳
却看妻子愁何在
漫捲詩書喜欲狂
白日放歌須縱酒
青春作伴好還鄉
即從巴峽穿巫峽
便下襄陽向洛陽

杜甫

VĂN QUAN QUÂN THU HÀ NAM, HÀ BẮC

Kiếm ngoại hốt truyền thu Kế bắc
Sơ văn thế lệ mãn y thường
Khước khan thê tử sầu hà tại?
Mạn quyển thi thư hỉ dục cuồng.
Bạch nhật phóng ca tu túng tửu,
Thanh xuân tác bạn hảo hoàn hương.
Tức tòng Ba giáp xuyên Vu giáp,
Tiện há Tương dương hướng Lạc dương.

- Đỗ Phủ

Dịch nghĩa:

NGHE TIN QUÂN TRIỀU ĐÌNH LẤY LẠI HÀ NAM, HÀ BẮC

Ở ngoài núi và ải Kiếm các bỗng có tin lấy lại được miền bắc châu Kế

Vừa nghe nước mắt đã đầm đìa vạt áo.

Quay lại nhìn vợ con, nét buồn biến đâu hết?

Lật đật cuốn gói thơ và sách lại, mừng muốn phát điên.

Suốt ngày ca hát, nên uống rượu cho thỏa (không kiêng giữ nữa).

Thấy trẻ và khỏe trở lại (tuổi xanh làm bạn), đúng dịp tốt để về quê.

Hãy theo ngay kẽm Ba xuyên qua kẽm Vu,

Thuận nẻo xuống Tương dương đi thẳng về Lạc dương.

Hai nhà dịch thơ lớp trước, Đỗ Bằng Đoàn (Sàigòn, 1958) và Trần Trọng San (Sàigòn, 1970), thích nghĩa câu 3 là: "*Từ đây ta lại được thấy vợ con, còn buồn gì nữa?*" Đây là một ngộ nhận nhỏ, cũng nên được đính chính. Khi Đỗ Phủ làm bài này, vợ con ông không bị đứt liên lạc ở quê nhà mà đang sống cùng ông tại Tứ xuyên.

Từ sau cuộc biến loạn An Lộc Sơn xảy ra (755), Đỗ Phủ chỉ bị xa vợ con có hơn một năm từ 756 đến mùa thu năm 757 khi ông đưa gia quyến đến Phu châu để đi tìm triều đình Túc tông mới được thành lập ở huyện Linh vũ (người con gái út của thi sĩ bị chết vì đói trong giai đoạn này). Sau tám tháng bị giặc bắt và ít tháng phục vụ trong triều đình lưu vong của Túc tông, Đỗ Phủ đón gia quyến về đoàn tụ tại Tràng an sau khi thành này được khôi phục vào cuối năm 757. Từ đó, ngay cả khi bị biếm ra làm Tham

quân ở Hoa châu hay khi chịu đói khổ ở Tần châu và Đồng cốc (Cam túc), ông đều có gia quyến đi cùng.

Các tài liệu về Đỗ Phủ đều ghi: ông rời Đồng cốc đi Tứ xuyên cuối năm 759 cùng với gia đình. Nhà nghiên cứu Trần Trọng San cũng cho biết: trong thời gian ở Thành đô (thủ phủ Tứ xuyên), Đỗ Phủ "đánh cờ cùng vợ, câu cá cùng con". Hầu hết các công trình nghiên cứu về cuộc đời Đỗ Phủ xuất bản tại Hoa lục cũng như tại Đài loan gần đây đều ghi: khi Thành đô bị rối loạn cuối thu năm 762, Đỗ Phủ "đưa gia quyến tới Tử châu" (nơi ông sáng tác bài này, cũng thuộc Tứ xuyên). Vậy mấy tiếng "*khước khan thê tử*" trong câu 3 có nghĩa là "quay lại nhìn vợ con" chứ không phải "sắp được thấy vợ con".

Nhà cựu học Đỗ Bằng Đoàn thích nghĩa câu 4 là: "*Sách vở (ở quê nhà) hãy còn nguyên vẹn*". Thiết nghĩ đây cũng là một ngộ nhận vì tiếng "mạn" 漫 (tương tự trong "mạn bình, mạn đàm") không có nghĩa như thế. Thêm vào đó, khi viết bài này Đỗ Phủ chỉ mới nghe tin quân triều đình thắng trận ("*hốt truyền thu Kế bắc*"). Không thấy dấu hiệu chứng tỏ ông đã nhận được thư của thân tộc từ quê (rất xa và vô cùng cách trở với phương tiện giao thông thời đó) để có thể biết sách vở tại quê nhà có còn nguyên vẹn hay không).

Trường hợp sáng tác:

Đỗ Phủ làm bài thơ này trong mùa Xuân năm 763, năm Quảng đức thứ hai đời Đường Đại tông (con của Túc tông và cháu nội Huyền tông Minh hoàng). Khi đó ông 51 tuổi, đang cùng vợ và hai con trai (Đỗ Tông Văn, Đỗ Tông Vũ) lưu lạc ở Tử châu, một thị trấn của Tứ xuyên, cách Thành đô khoảng 150 cây số về phía đông bắc.

Sau mấy năm long đong từ khi cuộc biến loạn An Lộc Sơn xảy ra (*Tam niên cơ tẩu hoang sơn đạo*), Đỗ Phủ tới Thành đô vào cuối năm 759. Nhờ sự giúp đỡ của một số bạn cũ, nhất là Tiết độ sứ Nghiêm Vũ, Trấn thủ Tứ xuyên, ông đã được hưởng mấy năm yên ổn. Nhưng Thành đô trải qua một cuộc nội biến vào mùa thu năm 762 sau khi Nghiêm Vũ được triệu về triều nên Đỗ Phủ lại phải đưa gia quyến tới Tử châu.

Cuối năm 762, quân đội nhà Đường khôi phục Đông đô Lạc dương. Đầu năm 763, cả vùng đất phía đông và bắc Lạc dương (vẫn ở trong tay

loạn quân từ 755) cũng được lấy lại. Lãnh tụ cuối cùng của phe giặc là Sử Triều Nghĩa tự sát và cuộc biến loạn coi như sắp yên hẳn.

(Các lãnh tụ khác của loạn quân đã tàn sát lẫn nhau từ mấy năm trước đó: An Lộc Sơn bị con là Khánh Tự giết để đoạt ngôi; Khánh Tự bị tướng là Sử Tư Minh giết để tranh quyền; chính Sử Tư Minh cũng bị con là Triều Nghĩa giết. Sau khi Triều Nghĩa chết, phe giặc không còn lãnh tụ nào đáng kể nữa). Sau tám năm lưu lạc, Đỗ Phủ tha thiết muốn được về quê ở gần Lạc dương.

Chú thích:

Quan quân: Quân đội của triều đình, đây chỉ đạo quân khôi phục đất nước của nhà Đường.

Hà nam, Hà bắc: Hai địa danh này có nghĩa rộng hơn lãnh vực hai tỉnh Hà nam, Hà bắc của Trung hoa hiện nay. *Hà nam* gồm tỉnh Hà nam hiện thời cùng các phần đất phía nam Hoàng hà của tỉnh Sơn đông. *Hà bắc* gồm tỉnh Hà bắc hiện nay (kể cả Bắc kinh và các vùng phụ cận) cùng tất cả các vùng đất phía bắc Hoàng hà của tỉnh Sơn đông. Đông đô Lạc dương và quê hương Đỗ Phủ (huyện Củng) đều thuộc Hà nam.

Kiếm ngoại: "Ở phía ngoài núi và ải Kiếm các", dãy núi ngăn Tứ xuyên với khu vực Tràng an. Nghĩa hẹp để chỉ vùng đất phía nam núi Kiếm các (cũng gọi là Kiếm nam); nghĩa rộng để chỉ toàn cõi Tứ xuyên vì Tứ xuyên ở phía nam Kiếm các, bị núi và ải ngăn với kinh đô Tràng an.

Kế bắc: Phía bắc châu Kế, tức phía bắc của Hà bắc. Thị trấn Phạm dương ở tây nam Bắc kinh, nơi An Lộc Sơn bắt đầu dấy loạn và là sào huyệt chính của loạn quân, nằm trong khu vực này. Kế bắc được khôi phục có nghĩa căn cứ chính của loạn quân đã bị phá.

Thế lệ: Theo nghĩa đen, *thế* là nước chảy từ mũi khi khóc, *lệ* là nước mắt. Việt ngữ thường dịch chung là nước mắt.

Khước khan: Lùi lại để nhìn, quay lại nhìn.

Mạn quyển: Cuốn lại một cách lật đật trong niềm xúc động mạnh mẽ. Bên cạnh ý tưởng xúc động, từ ngữ này còn thích hợp với cảnh ngộ Đỗ Phủ vì khi đó ông đã bị tật run cánh tay phải.

Tùng tửu Uống rượu thỏa thích (trước đó do sức khỏe suy kém, Đỗ Phủ đã phải kiêng rượu).

Ba giáp, Vu giáp: Hai hẻm núi danh tiếng sông Dương tử chảy qua. Vu giáp thuộc lãnh vực huyện Vu sơn, tỉnh Tứ xuyên. Nhiều nhà dịch thơ dựa theo một số hợp tuyển thơ Đường (sưu tập các đời sau) và ghi chú: "*Ba giáp thuộc huyện Ba đông, tỉnh Hồ bắc*". Nhưng Ba giáp đó ở khoảng hơn 100 cây số *phía đông của Vu giáp*, trong khi hành trình từ Ba giáp tới Vu giáp trong lộ trình Tứ xuyên – Tương dương Đỗ Phủ muốn thực hiện (*tòng Ba giáp xuyên Vu giáp*) phải là một hành trình *từ tây sang đông*. Theo David Hawkes, nhà nghiên cứu văn học Trung hoa của Đại học Oxford, trong từ ngữ "Ba giáp" ở đây, có thể Đỗ Phủ muốn nói tới quãng sông Dương tử có vách đá rất cao ở gần Trùng khánh (cũng thuộc Tứ xuyên và ở phía tây của Vu giáp). Trong các thời Hán – Đường, vùng này được gọi là Ba quận. Nếu giả thuyết này đúng, câu 7 của bài thơ và lộ trình Đỗ Phủ dự tính rất hợp lý. (Khi thật sự theo đường thủy về đông năm 768, Đỗ Phủ quả xuống thuyền gần thành Bạch đế, tức là gần Trùng khánh). Một số tuyển tập thơ Đường của Trung hoa gần đây, chẳng hạn cuốn *Giang nam, Giang bắc* do Trương Mộng Cơ tuyển chú và Trường kiều xuất bản xã ấn hành tại Đài bắc năm 1982, cũng ghi Ba giáp là: "Trùng khánh phủ cận đích giáp cốc" (kẽm núi ở gần phủ Trùng khách).

Tương dương: Trị trấn lớn thuộc tỉnh Hồ bắc.

Lạc dương: Thuộc tỉnh Hà nam, kinh đô của Trung hoa trong các đời Đông Châu, Đông Hán và Tây Tấn. Nhà Đường định đô ở Tràng an nhưng vẫn coi Lạc dương là Đông đô. Quê Đỗ Phủ ở gần Lạc dương và các em ông cũng sống tại đó.

Nhận xét:

Được sáng tác từ trên 1.200 năm nay, bài thơ này vẫn được dân Trung hoa truyền tụng và lấy làm tiêu biểu cho loại thơ diễn tả tâm trạng "yên giặc, về quê". Trong cảnh tha hương, khi nghe tin giặc yên để có thể thấy lại quê nhà, một ông già trên 50 tuổi bật trào nước mắt. Những cảnh "lật đật cuốn gói thơ và sách", "mừng muốn phát điên", "hát vang suốt ngày", "thấy trẻ và khỏe trở lại", v.v... từ một người nhiều bệnh và yếu như Đỗ Phủ khiến người đọc cảm động. Âm thanh rộn rã, tiết điệu dồn dập của bài cùng những từ ngữ linh hoạt như *hốt truyền, mạn quyển*..., lối diễn ý tự nhiên trong "sầu hà tại", "hỉ dục cuồng", "thanh xuân tác bạn"..., và những

điệp ngữ *Ba giáp, Vu giáp, Tương dương, Lạc dương* gây cho toàn bài một vẻ nao nức, sống động. Trong những năm lưu lạc, Đỗ Phủ luôn luôn tha thiết nhớ quê nhà (*Cô chu nhất hệ cố viên tâm*), nhưng nếu không có một bài đầy hứng khởi như bài này, tứ thơ đối-với quê của ông vẫn chưa thật đầy đủ.

Trên thực tế, mãi năm năm sau, tới năm 768 Đỗ Phủ mới thực hiện được cuộc hành trình về quê. Loạn An Sử vừa chấm dứt thì Thổ phồn xua quân xâm lăng Trung hoa. Nhiều đám giặc nhỏ khác cũng làm khu vực Lạc dương mãi không được yên. Thêm vào đó, một lộ trình vừa thủy vừa bộ cho cả gia đình từ Tứ xuyên về Lạc dương thời đó cũng không dễ dàng gì, nhất là trong cảnh nghèo túng của Đỗ Phủ.

Và nhà thơ cũng không được thấy lại Lạc đương. Chịu quá nhiều gian khổ (kể cả đói và lạnh) ông lâm trọng bệnh mất giữa đường năm 770 khi thuyền đang lênh đênh trong khu vực Hán dương (Hồ bắc), sống với thế gian được 58 tuổi. Tuy nhiên, những tình cảm với quê hương Đỗ Phủ bộc lộ trong bài này là tình cảm rất chân thật. Đó là một trong những lý do khiến bài thơ được dân tộc Trung hoa trân trọng gìn giữ, không những suốt 12 thế kỷ nay mà chắc còn mãi mãi về sau.

Dịch thơ:

NGHE TIN QUAN QUÂN
LẤY LẠI HÀ NAM, HÀ BẮC

Ngoài ải chợt vang tin Kế bắc
Thoáng nghe dẫm áo lệ trào tuôn.
Nhìn con ngắm vợ buồn đâu biến?
Cuộn sách tung thơ hứng muốn cuồng!
Ngày trắng ca vang thôi giới rượu,
Xuân xanh trở lại gấp hồi hương.
Theo liền Ba giáp xuyên Vu giáp,
Xuống thẳng Tương dương nhắm Lạc dương.

TRẦN VĂN TÍCH

tu từ học... y khoa

*

Anacéphaléose, diérèse, hystérologie... ba chữ đó chắc khiến bạn liên tưởng đến những ngày ở bệnh viện Nhi đồng, bệnh viện Bình dân, bệnh viện Từ dũ; đến các cháu bé sơ sinh bất hạnh không có đại não, đến niệu lượng hằng ngày, đến tử cung... Tuy nhiên, đó lại là những từ thuộc lĩnh vực văn học, chẳng dính chút nào đến y khoa.

Trái lại, có những chữ cả hai lĩnh vực y học và văn học đều cùng dùng, với nghĩa có khi khá gần gụi, có khi xa lơ xa lắc. Phần lớn chúng thuộc phạm vi tu từ, thi pháp, vận luật, cú pháp. Sau đây là một số những từ đó, được ghi bằng tiếng Pháp.

Chiasme

Anh em sinh đôi của *chiasma*. Đó là một biện pháp tu từ dựa vào sự xếp chéo các từ. Từ thứ tự song hành phổ biến A B Á B́ *chiasme* sắp lại thành A B B́ Á. Ví dụ:

Song hành: une cruauté malicieuse, une raillerie inhumane

Giao thoa: une cruauté malicieuse, une inhumane raillerie.

(Nom) (Adj.) (Adj.) (Nom)

Giao thoa là nơi thử thách tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn. Giao thoa linh hoạt là một sự khám phá, thu hút sự chú ý của người đọc,

khiến văn phong thay đổi, giảm tính đơn điệu, tạo âm hưởng hài hòa. Trong câu trên, giao thoa tránh được hai vần *i* đứng kế tiếp.

Climax

Thủ pháp tu từ nhằm liệt kê các thành tố theo một thứ tự tiệm tiến. Có nhiều dạng thức:

– Số học:

Nous partîmes cinq cents; mais par un prompt renfort
Nous nous vîmes trois mille en arrivant au port.

Le Cid (Corneille).

– Âm tiết:

Une de ces impressions qui sont peut être... des seules... musicales (3 âm tiết), *inentendues* (4 âm tiết), *entièrement originales* (8 âm tiết), *irréductibles à tout autre ordre d'impressions* (12 âm tiết).

Proust.

– Mỹ lệ: Đi từ ý tình nhạt màu nhất đến ý tình biểu cảm nhất:

Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá.

Xa cách (Xuân Diệu).

Say đi em! Say đi em!
Say cho lời lả ánh đèn,
Cho cung bậc ngả nghiêng, điên rồ xác thịt;
Rượu, rượu nữa và quên, quên hết!

Mời say (Vũ Hoàng Chương).

Défaillance

Câu thơ đột ngột bị thi sĩ rút ngắn lại, tạo nên một cảm giác hụt hẫng, như quả tim suy (défaillance cardiaque!) đập lạc nhịp. Thi nhân cố ý bỏ lửng một số từ, một số đoạn trong câu để người đọc từ văn cảnh, từ ngữ đoạn, tự suy nghĩ đoán ra. Nhà thơ thấy không tiện nói, vì cần kín đáo, vì tránh thô tục, nhưng cũng có khi vì không nói được do xúc động, nghẹn ngào, uất ức, giận dữ... Phương thức tu từ này có giá trị nghệ thuật cao khi gợi được cho người đọc sự tưởng tượng phong phú, khi gây được một cảm giác bất ngờ, khi tạo nên một xúc động đột ngột, v.v... Thể thơ *yết hậu* chỉ có một hai tiếng ở câu cuối; những bài thơ *tiệt hạ* đăng sau bỏ lửng chính là những thi loại *défaillants*, ví dụ hai bài sau đây của Chiêu Lỳ Phạm Thái:

Kẻ đánh bạc

Ác lặn xăm xăm tới,
Gà kêu lẻn lẻn về.
Quan ngắn hết, quan dài hết,
Ghê!

Anh nghiện rượu

Sống ở dương gian đánh chén nhè,
Thác về âm phủ cặp kè kè
Diêm vương phán hỏi mang gì đó,
Be!

Nhưng *défaillance* cũng có thể chi phối nhịp điệu, tiết tấu câu thơ, thay vì chỉ ảnh hưởng đến độ dài ngắn, đến số chữ. Lấy ví dụ khổ *lục bát*. Trong thể thơ dân tộc này, âm bằng và âm trắc chen nhau; nhưng chỉ các âm chẵn mới theo qui luật bằng trắc, còn các âm lẻ thì tự do: *nhất, tam, ngũ, thất bất luận* là vậy. Khi bình thơ hay khi ngâm nga, trọng âm rơi vào âm chịu luật, tức là các âm chẵn. Cho nên câu thơ lục bát thường được ngắt nhịp từng hai chữ một:

Trăm năm / trong cõi / người ta,
Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.

Nhưng có khi câu thơ được ngắt sau ba chữ hay bốn chữ, thường là do nhu cầu *tiểu đối*, ví dụ:

Mai cốt cách / tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ / mười phân vẹn mười.

Đó là âm trình phổ thông của câu thơ sáu tám. Nhưng có khi nhạc điệu đòi hỏi một cách thế buông bắt khác:

Đĩa dầu vơi / nước mắt đầy năm canh.

Thay vì chia đôi như thường lệ, câu thơ tám chữ ngắt thành nhịp ba / năm (thuật ngữ chuyên môn gọi là *thi thiết, césure*). Sự mất cân đối cố ý của câu *bát* nói thêm cho ý thơ nhiều lắm: *chỉ có ba chữ để mô tả tình trạng đĩa dầu cạn khô, lưng vợi, hao mòn, kiệt quệ; đối với những năm chữ* nhằm diễn đạt tình hình dòng nước mắt dào dạt, chan hòa, tràn trề, bất tận...

Một bức tranh người đẹp lả chả lệ rơi khác cũng sử dụng cùng thủ pháp tu từ học, gợi nên nỗi ai hoài man mác của những buổi chiều mỹ nhân ngồi khóc:

... Où tu pleurais / sur la terrasse (4/4)
Où tu pleurais / devant ton miroir (4/5)
Où tu pleurais / seule et lasse... (4/3)
Tel qu'en songe (Henri de Régnier).

Nguyễn Du thêm chữ (5 chữ: *nước mắt đầy năm canh*); Régnier dùng défaillance mineure de 3 (*seule et lasse*); hai tác giả, một phương pháp.

Hãy trở lại với câu thơ dân tộc. Ngũ ngôn thường ngắt theo nhịp 2/3 hoặc 1/4:

Lép nhép / vài hàng tôi, (2/3)
Lơ thơ / mấy bụi khương. (2/3)
Vẻ chi / tèo teo cảnh, (2/3)
Thế mà / cũng tang thương. (2/3)
Cảnh vườn rau (Ôn Như Hầu).

Còn thất ngôn thì hoặc 4/3 hoặc 2/5:

Bước tới đèo Ngang / bóng xế tà, (4/3)
Cỏ cây chen lá / đá chen hoa. (4/3)
Lom khom dưới núi / tiều vài chú, (4/3)
Lác đác bên sông / chợ mấy nhà. (4/3)
Qua đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan).

Thơ mới có thể dùng *thi thiết* linh hoạt hơn, hùng biện hơn, biểu cảm hơn chứ không chịu để bị câu thúc theo nhịp 2/3, 4/3. Khi ý tình sôi nổi mãnh liệt thì nhịp điệu các câu thơ bị phá vỡ, tiết tấu không còn theo khuôn phép ước định nào nữa cả; nhằm tạo cảm xúc rộn ràng, náo động, sùng sục:

Ta sống mãi / trong tình thương nỗi nhớ, (3/5)
Thuở tung hoành / hống hách những ngày xưa. (3/5)
Nhớ cảnh sơn lâm / bóng cả / cây già, (4/2/2)
Với tiếng gió gào ngàn / với giọng nguồn hét núi. (5/5)
Với khi thét / khúc trường ca dữ dội (3/5)
Ta bước chân lên / dõng dạc / đường hoàng. (4/2/2)
Lượn tấm thân / như sóng cuộn / nhịp nhàng, (3/3/2)
Với những đám âm thầm / lá gai / cỏ sắc... (5/2/2)
Hổ nhớ rừng (Thế Lữ).

Densité

Không đo bằng tỷ trọng kế, bằng aéromètre mà "đo" bằng những phép ẩn ngữ, ám chỉ, lược văn, lược từ, v.v... Phương pháp mỹ từ này dùng đơn giản để chỉ phức tạp, có khi lợi dụng chiến thuật hiểu ngầm, cung cách ẩn ý; nó tối kỵ thừa lời, trùng ý, nói quanh co; *périphrase* là kẻ thù của nó. Có thể viết rất dài dòng về mỹ từ pháp này khi mang nó ứng dụng vào văn học phương Đông. Sau đây chỉ nêu lên vài ý nghĩ.

Dense là đặc tính cơ hữu của câu văn chữ Hán. Và câu thơ chữ Hán lại còn có ý nghĩa cô đọng, lại còn có ngữ khí đậm đặc hơn câu văn nữa; cô đọng, đậm đặc đến độ khó hiểu, và khó hiểu lại hóa hay! Hãy đọc bài *Xuân hiểu* (Buổi sáng mùa Xuân) của Mạnh Hạo Nhiên:

Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề điểu.
Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu.

Dịch sát từng chữ một:

Xuân ngủ không biết sáng,
Nơi nơi nghe hót chim.
Đêm qua gió mưa tiếng,
Hoa rơi biết nhiều ít.

Vậy là nghĩa lý gì? Thì tùy bạn đấy, bạn muốn hiểu sao thì hiểu. Tùy bạn trước hết ở điểm bạn có thể thêm những chữ, những ý ẩn tàng để cho thành một mạch văn, một dòng nghĩ, chẳng hạn (chẳng hạn thôi đấy nhé, vì có thể có cách diễn giải khác, không ai cấm):

Giấc ngủ đêm Xuân chẳng biết rằng trời đã sáng,
Nơi nơi đều nghe chim hót vang.
Đêm qua sầm sập tiếng gió tiếng mưa,
Chẳng hay có bao nhiêu hoa đã rụng.

Densité đã giảm thiểu rồi đó. Ý bài thơ đã có thể lĩnh hội được. Nhưng tứ thì chưa. Thi sĩ đâu phải chỉ muốn bạn cưỡi ngựa xem hoa như thế! Nhà thơ mời bạn bước vào giấc ngủ của con người và của cả mùa Xuân. Một giấc ngủ của nhân thân và vũ trụ vừa chấm dứt. Nhưng đại não chưa hoàn toàn hưng phấn, và tự nhiên cũng chưa hẳn bước sang Xuân. Bạn thấy đấy chứ: ba câu thơ sau mô tả ba lớp tâm thức của người ngủ mới tỉnh thức

nhưng còn mơ màng, trong đó pha trộn hiện tại (tiếng chim hót chào đón ánh Xuân), dĩ vãng (đêm qua mưa gió đầy trời) và tương lai (dự kiến xuống vườn hoa xem rơi nhiều hay ít)...

Vì *densité* gần như là một bản chất thứ hai của cú pháp, từ pháp Hán văn nên, như bạn có lẽ đã biết, các đầu đề truyện Nôm của cha ông chúng ta đều bằng chữ Hán. Rõ ràng là chuyện oái oăm. Khổ công sáng tác cả mấy ngàn câu thơ – *Thiên Nam ngữ lục* chẳng hạn dài đến 8.136 câu lục bát – bằng chữ Nôm để rồi đặt tên, đặt tựa, đặt đầu đề bằng... chữ Hán. Chắc bạn nghĩ ngay đến tuyệt phẩm của Nguyễn Du. Bạn đã nghĩ rất đúng. Nhưng đâu chỉ có một mình Tố Như: *Hoa Tiên, Bích Câu kỳ ngộ, Nhị độ mai, Sơ kính tân trang, Song tinh bất dạ, Trinh thử, Lưu nữ tướng, Lâm Tuyền kỳ ngộ, Nữ tú tài, Phù dung tân truyện, Lục súc tranh công, Hải cầu tân truyện, Kim Thạch kỳ duyên, Bất phong lưu truyện*, v.v... bên cạnh những truyện Nôm có đầu đề là tên nhân vật, tất nhiên cũng lại bằng chữ Hán: *Lục Vân Tiên, Lý Công, Hoàng Trừu, Thoại Khanh Châu Tuấn, Tống Trân Cúc Hoa, Lưu Bình Dương Lễ, Phạm Tải Ngọc Hoa, Phương Hoa, Từ Thức, Quan Âm Thị Kính, Ngọc Kiều Lê, Phan Trần*, v.v... Tôi cố gắng hết sức cũng chỉ tìm được có hai truyện Nôm có đầu đề cũng nôm na: *Trê Cóc* và *Sải Vải*. Tại sao vậy? Tại vì kỹ thuật đặt đầu đề đòi hỏi phải cô đọng, phải gói ghém đầy đủ ý vị, tâm tình trong một cấu trúc ngôn ngữ gọn gàng, uẩn súc. Chữ Hán – phải thành thật nhận như vậy – có vẻ có ưu thế hơn tiếng nước ta trong chức năng này. Giả dụ Nguyễn Du muốn khai sinh cho đứa con tinh thần theo kiểu Lê thị Mít, Nguyễn văn Xoài thì tiên sinh chắc không mấy thỏa lòng với một đầu đề đại loại *Tiếng mới đứt ruột*. Vì nghe nó cụt ngủn, nó thiếu thiếu thế nào ấy. Ít ra thì cũng phải *Tiếng kêu mới đứt ruột*. Và như vậy là thành ra năm chữ mất rồi... Và như vậy là đâu còn có thể vận dụng mỹ từ pháp *densité* được nữa... Dẫu rằng không ai dám nghi ngờ bản lĩnh điều khiển tiếng mẹ ru của tác giả *Truyện Kiều*, mà tên gọi phổ biến hiện nay chỉ là do hậu thế đặt giùm người cưu mang nó.

Vẫn ở trong lĩnh vực đầu đề tác phẩm, có thể bạn đã không để ý đến tình huống nghịch thường sau đây. Thi bá họ Phan, nữ sĩ họ Đoàn đã mang tất cả tâm huyết để hoàn thành hai dịch phẩm trường thiên kiệt tác từ chữ Hán sang chữ Việt. Nhị vị đã vừa dịch thơ vừa làm thơ, đã vừa chuyển nghĩa vừa sáng tạo, đã vừa cố gắng trung thành với nguyên tác vừa hết sức

cung cấp cho dịch phẩm tính điển nhã của nền văn chương nước nhà, đã vừa tôn trọng bố cục bản văn ngoại ngữ vừa uyển chuyển lựa thể thơ thích hợp cho công trình bản ngữ. Vậy mà đầu đề cả hai tác phẩm đều không được dịch! Chúng cùng nhập tịch Việt ngữ nhưng vẫn mang tính danh chữ Hán. Sau này rồi cũng vẫn thế. Tản Đà dịch *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị, Nhượng Tống dịch *Ly tao* của Khuất Nguyên, vẫn để nguyên đầu đề. Tôi kể với bạn bốn dịch phẩm trường thiên mà tôi chủquan đánh giá là rất thành công để chứng minh rằng đầu đề chữ Hán không những đã được sử dụng khi cha ông chúng ta sáng tác bằng chữ Nôm mà còn được giữ nguyên khi cha ông chúng ta chuyển dịch. Tôi tìm được một số lý do để giải thích, nhưng chung qui cũng chỉ vì yếu tố *densité*. Cả bốn đầu đề đều vừa mô tả hình thức lại vừa chứa tải nội dung: bài *hành* về đàn *tỳ bà*; khúc *ngâm* của người *vợ lính*; bài *ca* về mối *hận dài*; khúc *tao* về *ly* biệt. *Hành* là một bài thơ dài, thường theo thể ngũ ngôn hoặc thất ngôn, không tuân thủ chặt chẽ niêm luật bằng trắc của thơ luật Đường mà theo cổ thể, phóng túng, tự do. Có người dịch là *ballad* (R. Alley), *ballade* (F. Cheng) hay *chanson* (G. Jaeger); chỉ toàn là dịch tương đối. *Ngâm* là một thể thơ dân tộc (bên kia rặng Ngũ lĩnh không có *ngâm*), thường là theo thi loại song thất lục bát, hầu như luôn luôn là một trường thiên, với nội dung mô tả các tình cảm sầu buồn, đau thương. Nếu chữ *ca* không có gì phải bàn thêm thì *Ly tao* lại gây nhiều tranh luận về ý nghĩa, do đó, trở nên rất khó dịch. Tư Mã Thiên cho rằng *Ly tao* là *lo buồn trong chia ly*, theo Ban Cố thì là *gặp phải điều lo âu*, Du Quốc Ân hiểu là *buồn bực*, F. Tökei dịch là *élégie de la séparation*, D. Hawkes chuyển thành *on encountering trouble*, V. Tieghem không dịch. Riêng chữ *tao* là chỉ thể loại vận văn rộng lớn cả về chương lẫn cú, với câu dài ngắn không nhất định, với tiết tấu êm ái. Tóm lại*densité* của từ pháp tiếng Hán đã là yếu tố quyết định khiến tiền nhân phải giữ nguyên diện mạo của bốn đầu đề bởi không thể nào chuyển dịch chúng mà chỉ có thể giải nghĩa chúng. Độ đậm đặc của các đầu đề hầu như biến chúng thành những *danh từ riêng*: bạn biết đấy, khi chuyển *Werther* của Goethe sang tiếng Pháp, có người từng "dịch" là *Les souffrances du jeune Werther*.

Con đường *densité* đi thế tất phải dẫn đến *điển*. Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* thấy rất rõ điều này: "*Dùng điển, lấy chữ khéo làm cho câu văn gọn gàng, ít chữ mà nhiều ý*". Dụng điển đích đáng,

tự nhiên là một quá trình hóa học đưa nồng độ câu văn đến điểm bảo hòa; và nếu ngôn ngữ là than đá thì một điển cố đắt là một ánh kim cương, là tiếng nói kết tinh rặt ròng. Và lắm khi bạn còn gặp được chuyện đậm đà lý thú lúc nghe điển thủ thỉ.

"Giá có một cặp ngoặc kép": nhiều lúc tôi đã tự nhủ như vậy khi đọc nhẩm lại câu thơ Lý Bạch:

Hốt văn ngạn thượng đạp ca thanh.

Nhưng để bạn biết tôi muốn nói gì thì chúng ta phải bắt đầu từ đầu. Nguyên Lý Bạch có một bài thất ngôn tứ tuyệt tặng người bạn tên là Uông Luân.

Lý Bạch thừa chu tương dục hành,
Hốt văn ngạn thượng đạp ca thanh.
Đào Hoa đàm thủy thâm thiên xích,
Bất cập Uông Luân tống ngã tình.

Bài thơ được quyển *Thơ Đường*, nhà xuất bản Văn Học, bản in lần thứ hai năm 1987, dịch ý và dịch nghĩa như sau:

Lý Bạch cưỡi thuyền sắp sửa đi,
Bỗng nghe trên bờ tiếng vừa giậm chân vừa hát.
Nước đầm Đào Hoa sâu hàng ngàn thước,
Không bằng tình Uông Luân tiễn biệt ta.

Trong chữ Hán, *đạp* nghĩa là giẫm chân lên, giày xéo lên. Đó là chữ *đạp* của câu *Kiều:*

Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là Đạp thanh.

Lý Bạch vốn là người nổi tiếng cuồng phóng, không chịu các câu thúc, trói buộc, gò bó. Vậy nên nếu họ Lý có giao du với những người khoáng đạt, cởi mở, khoan đại thì cũng là chuyện thường tình. Nhưng nếu vì thế mà lại chơi thân với một người khi tiễn bạn vừa hát vừa giậm chân thì dẫu sao cũng có phần kỳ cục, ngộ nghĩnh. Phải vậy không bạn? Chia tay nhau, người ta bẻ liễu tặng nhau, người ta nâng chén quan hà, người ta làm thơ tiễn biệt, người ta cất giọng ca ngâm nhưng không ai giậm chân mà hát bài *Auld lang syne*. Rewi Alley, tác giả*Li Pai, 200 Selected Poems*, dịch bài thơ tặng Uông Luân sang tiếng Anh thành:

My boat about to leave
when all at once I heard
footsteps and singing;
the waters of Peach Blossom
Lake are deep, but not so deep
as my love for Wang Lun.

Bên cạnh chuyện hiểu câu thơ cuối theo cách thế riêng (tình Uông Luân tiễn ta dịch thành tình ta đối với Uông Luân), còn có chuyện động tác giẫm chân nghịch thường bỗng biến mất dạng, chỉ còn lại những bước chân. Nhưng chẳng phải vì thế mà chuyện khó hiểu không còn: chân bạn đi trên bờ làm gì mà mạnh đến nỗi kẻ ngồi dưới thuyền cũng nghe được? Đi tiễn bạn chứ đâu phải tham dự diễn binh ngày Quân Lực?

Để dịch bài thơ trên sang quốc âm, hai dịch giả Việt Nam đã tìm cách né tránh hai chữ *đạp ca* quái ác bằng cách bỏ, không dịch. Bản dịch của Trần Trọng San:

Thuyền ta đi sắp đi rồi,
Trên bờ chợt vẳng tiếng người hát ca.
Nghìn trùng đầm nước Đào Hoa,
Sao bằng tình bạn tiễn ta lúc này.

Bản dịch của Chi Điền:

Thuyền ta sắp sửa rời xa bến,
Bỗng vút trên bờ tiếng hát ai.
Đầm nước Đào Hoa sâu vạn thước,
Sao bằng tình bạn tiễn ta đây.

Cả hai câu câu thơ dịch thành ra đều mất tính trung thực đối với nguyên tác, không giữ được yếu tố *tín* của nghệ thuật chuyển thơ. Bản dịch của Tản Đà "can đảm" hơn:

Sắp đi, Lý Bạch rời thuyền,
Trên bờ chân giậm, nghe liền tiếng ca.
Nước đầm nghìn thước Đào Hoa,
Uông Luân tình bác tiễn ta sâu nhiều.

Chung qui cũng chỉ vì bản chất *dense* cố hữu. Lý Bạch có lẽ, theo suy luận của tôi, đã dùng một "điển cố" qua hai chữ *đạp ca*, Tôi tình cờ phát hiện điều này trong quá trình mò mẫm tìm học về *từ*. Trong những điệu *từ*

mà tôi ghi nhận được, có điệu *Đạp ca từ*. Nhà bác học họ Lê đã dạy cho tôi điều đó trong *Kiến văn tiểu lục*, chương *Thể lệ thượng*, khi đề cập đến nghi thức tiếp sứ của triều Trần nơi điện Tập Hiền qua *Sứ Giao châu tập* của Trần Cương Trung: "*Bài hát có những khúc Trang Chu mộng điệp, Bạch Lạc Thiên, Mẫu biệt tử, Vi sinh, Ngọc tiêu, Đạp ca và Thanh ca*". Vậy cho nên, lẽ ra, Lý Bạch đã phải đóng ngoặc kép hai chữ *đạp ca*, đồng thời viết hoa chữ *đạp*: *Hốt văn ngạn thượng "Đạp ca" thanh*, để cho chúng ta ngày nay có quyền hiểu thành:

Bỗng nghe trên bờ tiếng hát bài "Đạp ca".

Trong tập hồ sơ dầy cộm liên quan đến công việc *tiêu điểm cổ thư* (chấm câu sách cổ), tôi mong rằng đã bắt đúng mạch thơ của vị thi tiên. Phải chăng vì dùng một điển lạ có tên riêng mà không biết viết hoa, nên Lý Bạch đã vô hình trung khiến người dịch không nhận được nghĩa và cứ tìm tòi hay lĩnh hội như là một danh từ chung nên tìm sai phương hướng (trường hợp Rewi Alley), hiểu sai mất nghĩa (trường hợp Tản Đà và nhóm biên soạn *Thơ Đường*) hay dành bấm bụng gạt bỏ (trường hợp Trần Trọng San và Chi Điền); thay vì thâm nhập được vào thế giới riêng tư, độc đáo, cụ thể, sử học, lịch đại của từ ngữ nguyên tác Hán văn? Bởi lẽ thực ra thì thoạt tiên tên của mỗi điệu *từ* – và trong trường hợp chúng ta đang bàn thảo là *Đạp ca từ* – vốn là đầu đề của một bài thơ, mà đã là đầu đề thì, như từng đề cập đến ở trên, phải phản ảnh được nội dung, ý nghĩa thi phẩm. Ví dụ *Lãng đào sa* vịnh cát, *Dương liễu chi* vịnh liễu, v.v... *Đạp ca từ* nguyên thủy là một bài thơ tả cảnh vừa đánh nhịp vừa ca. Cho nên chúng ta có thể hiểu câu thơ Lý Bạch theo một cách khác nữa:

Bỗng nghe trên bờ tiếng vừa ca vừa đánh nhịp.

Như Rewi Alley hiểu câu thơ chót bài tứ tuyệt khác với các địch giả đồng hương Việt Nam. Tuy nhiên trường hợp này lại tùy thuộc vào cung cách phân giải ngữ loại. Những người Việt dịch câu cuối đã hiểu nhóm từ *Uông Luân tống ngã* là hình dung từ của *tình*, cho nên đã dịch là "tình Uông Luân tiễn ta". Phần Alley lại khác: ông ngắt câu sớm hơn một chữ, tách *Uông Luân tống* riêng rẽ với *ngã tình*; cho nên ý nghĩa câu thơ đảo ngược hẳn: tình ta (*ngã tình*) tiễn Uông Luân (*Uông Luân tống*)! Câu chuyện Hán văn, Hán tự là vậy. Bộ *Tư trị thông giám* (Tấm gương chung để trị nước), công trình sử học đáng kể của Tư Mã Quang (1017 - 1086) đời Tống có

đánhdấu câu chỉ xuất hiện lần đầu tiên năm 1956; sau đó cứ mỗi lần in đi in lại là mỗi lần sửa chữa hiệu đính dấu câu!

Hiatus

Chắc bạn nhớ đến những ngày giờ tụng Rouvière, Testut Latarjet? *Hiatus* trong thi pháp là sự tao ngộ của hai nguyên âm trong cùng một chữ (*hiatus interne*, ví dụ Noémi) hoặc thuộc hai chữ liền nhau (*hiatus transitoire*, ví dụ un cri étrange). *Hiatus* tạo rất nhiều cảm giác dị biệt: gãy đổ, đứt đoạn, tàn ác, hung bạo; cảm giác về màu sắc, về ánh sáng, v.v... *Hiatus* khác với *diphtongue*. Trong tiếng nước ta, các *nguyên âm đôi* khá phổ biến: *chiêm chiếp, chuênh choáng, loanh quanh...*

Thử nêu làm ví dụ về *hiatus* câu thơ của Lamartine trong *Jocelyn*:

*A l'entr**ée**, **ébloui** par ce front de lumière,*
Sur mes genoux tremblants je tombai sur la pierre.

Tính từ *ébloui* cũng lại tỏ ra rất đắc thế dưới ngòi bút Paul Fort:

Hélène, cependent, tu ne fais que sourire,
*Lorsqu'à tes pieds divins **Troie**, éb**louie**, s'étend.*
Idylles antiques.

Với quốc văn, khi mỹ từ pháp phối hợp *nguyên âm đôi* với vần *lưng* trong câu thơ cổ hay câu thơ mới thì tác dụng mỹ học d8ược khuếch đại:

*Đứng **trẻo** trông **theo** cảnh hắt **heo**,*
*Đường đi xiên **xẹo** quán **cheo leo**.*
Quán Khánh (Hồ Xuân Hương).

Sắc thái gợi cảm của những *nguyên âm đôi* "eo, ẹo, éo" cộng thêm âm điệu *vần lưng* như những nét thi họa vẽ ra con đường rắn lượn trong một toàn cảnh tiêu tao, hiu hắt. Với thơ mới thì *vần lưng* và *nguyên âm đôi* lại gây không khí man mác buồn:

*Buồn **gieo theo** gió **veo** hồ,*
Đèo cao quán chật bến đò lau thưa.
Chiều xưa (Huy Cận).

Dặm liễu đìu hiu đường chịu tang,
*Tóc buồn **buông xuống** lệ ngàn hàng.*
Đây mùa thu tới (Xuân Diệu).

Trong câu thơ cũ của Pháp, một câu thơ có hai ba lần âm vận hiệp nhau như hai câu thơ Hồ Xuân Hương trên kia thì được gọi là *vers léonins*.

Cũng lại là một từ quen thuộc của giới áo trắng. Còn trong tiếng La tinh, *vers léonins* là những câu thơ mà hai nửa câu (*hémistiches*) hợp vận với nhau:

Praecedant ipsas / illi te consule virgas.

Métabole

Là một từ tổng hợp chỉ mọi thủ pháp thay đổi, hoặc thay đổi trong câu, hoặc thay đổi trong chữ. Nó bà con gần biết mấy với chữ *métabole* trong sinh lý học. *Đảo ngữ, chuyển vị, hoán trạng,* v.v... đều là những *métabole*. Ví dụ trong ca dao:

***Trắng da** vì bởi phấn dồi,*
***Đen da** vì bởi em ngồi chợ trưa.*

hoặc:

*Bấy lâu sao chẳng **nói năng,***
*Bây giờ **năng nói** thì trăng xế chiều.*

hay:

*Đứng bên **ni đồng**, ngó bên **tê đồng mông mênh bát ngát,***
*Đứng bên **tê đồng**, ngó bên **ni đồng bát ngát mênh mông.***

Những dạng *métabole* vừa kể thường thuộc phạm vi cú pháp và nhằm tăng cường sắc thái biểu cảm và biểu tượng. Tuy nhiên vị trí các thành phần trong câu bị chuyển đảo không được làm thay đổi nội dung cơ bản của câu, vì chức năng diễn đạt của các thành phần đó không thay đổi theo với vị trí biến dịch. *Nó đánh tôi*, nếu đảo lại thì thành *Tôi đánh nó*; nghĩa của câu khác hẳn, nên không phải là *đảo ngữ*. Nhưng khi Hồ Xuân Hương hạ bút:

***Xanh om** cổ thụ tròn giương tán,*
***Trắng xóa** trường giang phẳng lặng tờ.*

hoặc khi Nguyễn Du pha màu:

***Rừng phong** thu đã nhuốm màu quan san.*

thì kết cấu đặc biệt của các câu thơ có tác dụng khúc xạ ánh sáng, khiến nổi bật màu sắc hoặc đối tượng mang màu sắc mà thi sĩ muốn đưa vào bức thi họa của mình trên khung vẽ.

Métastase

Trong phép biện chứng, đây là hình tượng văn học có mục tiêu đấy cho

người khác chịu trách nhiệm về những lỗi lầm, sai trái, vi phạm của mình. Cứ liệu nào hùng hồn hơn câu chuyện tội tổ tông. Xin đọc lại *Kinh Thánh*:

*Đức Chúa Trời phán hỏi: Ai đã chỉ cho ngươi biết rằng mình lõa lồ?.. A-đam thưa rằng: **Người nữ** mà Chúa đã để gần bên tôi cho tôi trái cây đó và tôi đã ăn rồi. Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán hỏi người nữ rằng: Ngươi có làm điều chi vậy? Người nữ thưa rằng: **Con rắn** dỗ dành tôi và tôi đã ăn rồi.*

Sáng thế ký, 3, 12 13.

Hoặc khi Hoạn Thư tự biện hộ:

Rằng "tôi chút phận đàn bà,
Ghen tương thì cũng người ta thường tình".

là đã trổ cả tài năng *nói điều ràng buộc*, bằng cách mang cả tập thể nữ giới – trong đó có luôn kẻ đang xử mình – ra để bắt cùng chung vai gánh trách nhiệm.

Kể ra thì còn nhiều từ khác nữa mà cả thi nhân lẫn y sĩ đều cùng sử dụng: *constante, débit, kôlon, pathétique, période,* – trong tiếng Đức, *Periode* là kinh nguyệt – *rebondissement, réjection, rythme, scalène, surjet, syncope, synesthésie, télescopage, tonique...*

Tìm hiểu chúng, nhất là qua các ví dụ văn chương được J. Morier tuyển lựa trong cuốn từ điển rất công phu và bề thế *Dictionnaire de Poétique et le Rhétorique*, nhà xuất bản PUF, là một điều thú vị. Nó mang lại thư thái cho tâm hồn sau những giờ vật lộn với syncope, với ictus; nó gia cho những ngày hai tai cứ phải nghe kể lể về *Periode*chút ý vị phong tao; nó như một người bạn tâm tình khi mình đứng một mình, nơi một xó bệnh viện, nhìn *bốn phương mây trắng một màu...* □

Tìm Đọc

GIỌT NƯỚC MẮT THỦY TINH

Truyện Dài Lê Thao Chuyên

Tạp chí Yêu xuất bản

KHOA HỬU

mấy dòng thơ gửi thi sĩ

*

1.
Đốt thơ đi, giết ngày tháng ấy
bút ta mài sắc tuốt như gươm
đôi mắt giận còn run như sậy
cắn trên môi vết máu hoang đường.

2.
Ta tưởng cả quê hương vừa chết
vẫn tin rực rỡ dưới mặt trời
trang giấy thức đêm qua vừa viết
trên mặt bàn dòng máu còn tươi.

Ta tưởng cả non sông bị bắt
ngục thất nào tra vấn linh hồn
nỗi đau ấy những đêm mở mắt
vết chàm nào bôi nhọ lương tâm?

Ta tưởng nghìn lời chưa nói hết
dù trong lòng, ta vẫn còn nghe
sự thách thức lớn như trái đất
như tối ba mươi đặc bốn bề.

Ta tưởng ôi ngàn lần ta tưởng
cánh tay còn với chạm bình minh
trái tim giận vỡ tung lồng ngực
giấy bút đâu viết hết bất bình?

Ta cách bạn hai đầu đất nước
nỗi đau gần, biền biệt như xa
còn nghe tiếng trở mình u uất
giữa đêm về vọng tiếng xích khua...

3.
Ta tưởng lịch sử này biết khóc
nước mắt xoi núi lở đá mòn
thơ ta viết rền vang lời hịch
gửi đến người một chữ sắt son...

TRƯƠNG VŨ

những đêm dài trên quê hương

*

Ngày 30 tháng Tư 1975, cuộc chiến tranh kéo dài gần ba mươi năm tại Việt Nam chấm dứt. Một ngày nào đó, những người viết sử Việt Nam sẽ phải viết thật đầy đủ về cuộc chiến này. Viết về những gì đã thực sự xảy ra trên quê hương vẫn còn ảnh hưởng đến đời sống của người Việt trong nhiều thế hệ kế tiếp. Những trang sử sẽ phải dài lắm. Cũng sẽ có nhiều khác biệt trong những mô tả hay nhận định, trong lời khen, tiếng chê, hay cả trong tiếng thở dài. Có thể, một trăm, hai trăm năm sau cũng sẽ vẫn còn nhiều tranh cãi về những vấn đề liên quan đến cuộc chiến. Với mơ ước bình thường, với lạc quan vừa phải, nhiều người Việt hôm nay nghĩ đến những tranh cãi đó như những sinh hoạt trí thức có khả năng tạo sinh khí cho đời sống đa dạng của một dân tộc. Không mấy ai mong nó tiếp tục trở thành những nguyên cớ khiến con người thù nhau, hận nhau, giết nhau.

Chỉ một năm sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt, hầu hết các tù binh được trở về lại với gia đình. Chỉ năm năm sau, liên hệ chính trị và con người giữa hai dân tộc thù nghịch như Pháp, Đức cho thấy những trận đánh kinh hồn trước đó đã đi vào lịch sử. Chỉ một năm sau khi Chiến Tranh Lạnh chấm dứt, liên hệ mới về chính trị và con người giữa hai dân tộc Nga, Mỹ đã làm cho những câu chuyện chung quanh bức màn sắt trở thành đề tài của những tác phẩm cổ điển. Riêng tại Việt Nam, *và hình như*

chỉ có ở Việt Nam, cuộc chiến chấm dứt gần mười bảy năm rồi mà quá khứ xa cũng vẫn chỉ như quá khứ gần. Nó không tiêu tán được vào lịch sử. Cái không khí lành mạnh trong những tranh cãi về lịch sử vẫn chưa làm sao có được. Có quá nhiều người Việt Nam đang ôm chặt lấy quá khứ như sợ nếu mất nó sẽ mất cả chính mình. Ôm chặt đến độ quên cả hiện tại và đui mù trước tương lai.

Mọi người Việt Nam có quyền nhìn về cuộc chiến đó dựa trên sự hiểu biết của chính mình và quan điểm riêng của mình về chính trị, về xã hội, về giá trị của đời sống. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn nên giữ một thái độ công bình và nhân bản hơn là *dành sự kính trọng cho những đồng bào đã ngã xuống vì tin tưởng rằng mình đã hy sinh cho Tổ quốc*. Bất kể vào lúc ngã xuống, họ mặc màu áo nào hay cầm lá cờ nào. Phần kế tiếp, và quan trọng nhất, là nỗ lực không ngừng mở một con đường đi sáng sủa nhất cho tương lai của Tổ quốc. Bởi vì, ít nhiều, chính những người đã ngã gục xuống cũng chỉ mong cầu những điều tốt đẹp cho con cháu họ hay cho những thế hệ đi sau. Thực tế lại không được như vậy. Trong suốt mười bảy năm qua, bao nhiêu người Việt chỉ đi đi lại lại trên những lối mòn quen thuộc, với những ảo giác quen thuộc, lẩm nhẩm những khẩu hiệu quen thuộc. Để rồi, những thù hận của hơn mười bảy năm xưa vẫn còn sờ sờ ra đó.

*

Hãy để cuộc chiến Việt Nam đi vào lịch sử. Để con người có thể nhìn lại giai đoạn đen tối của quá khứ lạnh lùng hơn. Để rút tỉa được nhiều bài học lợi ích cho tương lai hơn và để giảm thiểu những tranh cãi chỉ đem lại bế tắc.

Tháng Chín 1939, nước Ba Lan bị tách làm đôi. Nửa phía tây bị Đức chiếm đóng. Nửa phía đông bị Liên Sô chiếm đóng. Có nhiều người Ba Lan vì thù ghét Do Thái đã hoan nghênh sự hiện diện của quân đội Đức. Cũng như, có nhiều người Ba Lan theo Cộng sản đã hoan nghênh sự hiện diện của Hồng quân Liên Sô. Nhưng cho dù những lãnh tụ Ba Lan của hai nhóm khác nhau này đã nêu những khẩu hiệu nào vào lúc đó thì ngày nay lịch sử cũng chỉ cho thấy một cách rõ ràng là sự phân chia Ba Lan vào 1939 chỉ là một sự chia phần rất phản đạo đức giữa Hitler và Stalin. Một trò chơi quyền lực khác giữa các cường quốc trong Đệ nhị Thế Chiến.

Trở lại trường hợp Việt Nam. Cuộc tranh đấu chống Pháp để giành

độc lập quả thật là do chủ động của nhân dân Việt Nam. Sự tham dự của người dân Việt vào cuộc tranh đấu chỉ hoàn toàn được khích động bởi lòng yêu nước. Nhưng, *khi bóng dáng của Stalin và Mao Trạch đông bắt đầu xuất hiện, và khi nhiều người yêu nước bắt đầu ớn lạnh trước bóng dáng Stalin, cuộc chiến cũng bắt đầu biến thái.* Đến khi đất nước bị chia đôi, nó hoàn toàn trở thành một bộ phận không thể tách rời của Chiến Tranh Lạnh. Trong toàn bộ Chiến Tranh Lạnh, có ba quốc gia bị chia đôi khá đồng đều là Việt Nam, Triều Tiên, Đức và một quốc gia chia đôi không đồng đều là Trung quốc. Trong Chiến Tranh Lạnh, thế giới có khuynh hướng chia làm hai phe rõ rệt: Tự do và Cộng sản. Mỗi phe có những cách chơi khác nhau và các nước nhỏ thuộc mọi phe chịu những ràng buộc về quyền lực, và số phận theo những cách khác nhau. Phe tự do có đa đảng. Phe Cộng sản có độc đảng. Ở phe Tự do, người ta thấy bóng dáng của những đội quân ngoại quốc mang danh nghĩa quân Đồng Minh. Ở phe Cộng sản, các đội quân ngoại quốc chỉ hiện diện ở Đông Âu, Afghanistan, Angola còn ở mọi nơi thì có dựng tượng, dựng hình mấy ông Mác, Lênin, Stalin, hay Mao Trạch Đông, bên cạnh tượng, hình của mấy ông lãnh tụ địa phương. Phe Tự do có ám sát và đảo chánh. Phe Cộng sản có xét lại và thanh trừng. Và, thê thảm nhất là ngoại trừ ở các nước lớn và văn minh, còn thì ở đâu cũng có cảnh con người bị tàn sát.

*

Trong Chiến Tranh Lạnh cũng như trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, tội ác hiện hữu rõ rệt. Tuy nhiên, có những tội ác có tính đơn lẻ, sản phẩm chính của chiến tranh và sản phẩm phụ của nghèo đói hay thiếu giáo dục. Một khi chiến tranh chấm dứt thì lập tức số tội ác này giảm đi. Bây giờ nếu chúng ta lại đem hết hơi sức tranh cãi nhau là trong thời chiến số tội ác loại này ở phe nào nhiều hơn thì quả là một việc làm vô nghĩa và khó hiểu.

Xã hội nào, thời đại nào cũng đều có người tốt lẫn kẻ xấu. Xã hội có hệ thống giáo dục tốt, truyền thống gia đình tốt thì số người làm chuyện tốt nhiều hơn. Chiến tranh, ngược lại, là môi trường thuận lợi cho thú tính của những cá nhân xấu sống dậy và tung hoành. Trong một cuộc chiến tranh lâu dài như chiến tranh Việt Nam, số quân lính tử thương cứ ngày càng tăng, để rồi, mỗi bên vơ đại vào quân lực mình bất cứ người tốt hoặc kẻ xấu. Miễn là khỏe mạnh. Càng ham chém giết càng tốt.

Tôi không thấy ở bất cứ một quân trường nào của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa người ta khuyến khích một quân nhân ở binh chủng này vô lễ với một quân nhân mang cấp bậc cao hơn thuộc binh chủng khác. Tôi lại được nghe rất nhiều lời giảng về trách nhiệm của một quân nhân phải giúp đỡ và bảo vệ thường dân khi di tản. Nhưng tôi biết chắc chắn là trong thực tế đã có nhiều chuyện xảy ra hoàn toàn trái với bất cứ một luật lệ hay nguyên tắc nào của quân đội. Tôi biết chắc chắn đã có những quân nhân không những chỉ vô lễ mà còn bắn vào đầu những sĩ quan cao cấp hơn mình nhưng thuộc binh chủng khác ở cửa Thuận An vào tháng Ba 1975 (1). Tôi cũng biết trên những con tàu chở người di tản từ miền Trung vào Nam đã có những quân nhân đã không bảo vệ, giúp đỡ đồng bào, mà lại còn giết người, cướp của, và hãm hiếp họ. Thật ra đây chỉ là những con thú và chiến tranh đã cho phép những con thú này được khoác bộ quân phục. Trong một số trường hợp, các con thú bị tóm cổ và bị xử bắn ngay sau khi tàu cặp bến bởi những quân nhân thật sự, mang cùng một thứ chiến y (2). Những con thú này có thể hiện diện ở bất cứ nơi đâu. Ở miền Nam hay ở miền Bắc. Ở bất cứ quân đội nào trên thế giới. Không có một quốc gia, một quân lực nào được hưởng luật miễn trừ. Nhất là trong chiến tranh.

Cái thảm kịch cho chúng ta, những người Việt của ngày hôm nay, là chúng ta không muốn phân biệt con thú với cái áo nó đang mặc. *Chúng ta thích gán ép hay tranh cãi nhau trên cái áo mà quên đi tội ác*. Cuộc tranh cãi không thoát khỏi bế tắc chỉ bởi vì con thú có thể mặc bất cứ thứ áo nào. Và do đó, bất cứ sự gán ép nào cũng đều có thể đúng và cũng đều có thể sai.

Vấn đề đáng phải làm là ngăn chặn để loại tội ác đó không tung hoành được khi cơ hội đến với nó, như chiến tranh hay một tình trạng xã hội hỗn loạn. Và như vậy, nên dồn thêm nhiều nỗ lực để kiện toàn một hệ thống giáo dục nhân bản và giảm thiểu sự nghèo đói. Hiện nay, trên quê hương Việt Nam, những nỗ lực này thật ra còn rất khiêm nhường.

Một vấn đề khác, quan trọng hàng đầu của ngày hôm nay, là làm sao loại trừ cho được *loại tội ác ở mức độ vĩ mô, ở mức độ hệ thống*. Loại tội ác này liên hệ mật thiết với cấu trúc chính quyền và triết lý chính trị chỉ đạo đời sống xã hội. Ở những xã hội độc tài và chuyên chính, số tội ác này dễ xảy ra hơn ở các xã hội tự do và dân chủ. *Nếu độc tài chuyên chính được trang bị thêm một thứ triết lý chủ xướng phân biệt bạn, thù thì tội ác không*

lường được. Nếu nước Đức không có độc tài Hitler cộng với chủ nghĩa Quốc xã và cái lý thuyết phân biệt chủng tộc cao, thấp thì chắc là người dân Đức không đủ can đảm lùa một lúc sáu triệu người Do Thái vào lò sát sinh. Nếu không có độc tài cùng với chủ nghĩa khuyến khích nhân danh vô sản phân chia quyết liệt "nhân dân" và "kẻ thù của nhân dân" thì những cuộc thanh trừng hàng triệu người ở Liên Sô, Trung quốc, và những mồ chôn người tập thể ở Huế, ở Kampuchea, ở Katyn đã không có. Những con thú đơn lẻ chỉ có khả năng giết một chục, một trăm người. Để giết tập thể hàng ngàn người trở lên, kẻ sát nhân cần được sự hỗ trợ của một hệ thống cầm quyền chặt chẽ, chuyên chính và một triết lý chính trị khuyến khích sự tàn sát, đồng thời gây được một ảo giác an toàn tâm lý. *Nếu một bài học nào của quá khứ cần được rút tỉa trước tiên để ngăn chặn tội ác tái diễn thì chắc chắn đó phải là bài học này.*

Thêm vào đó, nhìn vào cái thực tế của một đất nước Việt Nam đang phá sản với đầy dẫy tội ác, khó ai có thể làm ngơ đi được. Trong suốt mười bảy năm qua, đất nước đã thống nhất và chiến tranh chẳng hề có trên quê hương. Những người chống Cộng cực đoan hay không cực đoan thì hoặc vào trại cải tạo để khi trở ra với thân tàn ma dại, hoặc thoát được ra ngoài nước, hoặc nằm sâu dưới đại dương, còn những người khác ở lại cùng với gia đình hay bà con, họ chẳng có mấy ai được tham dự vào đời sống chính trị của đất nước. Những phản đối ở bên ngoài thì cho dù có to tiếng hay nhỏ tiếng, có đầy thù hận hay đầy thông cảm và tinh thần hòa giải, có vang vọng được đến đất nước hay không thì cho đến nay cũng chưa lay chuyển được chút nào chính sách, nhân sự, hay cách quản lý đất nước. Trong khi đó, những người Đại Hàn, Thái Lan, Đài Loan, Phi Luật Tân, Nhật Bổn, Tân Gia Ba v.v... được đón mời thật vồn vã, không bằng những *tiếng kèn đồng*, nhưng bằng tiếng nổ của champagne và những nụ cười cầu tài. Cây rừng lớn nhỏ bị đốn ngã không thương tiếc. Đĩ điếm tràn lan. Tội ác tràn lan. *Trong hoàn cảnh thế này mà cứ tiếp tục ngồi tranh cãi là ở mười bảy năm trước, "ai giỏi hơn ai, ai sướng hơn ai" thì quả thật là một việc làm bất bình thường*. Đúng ra, mỗi người nên tự hỏi mình xem, *chính vào lúc này đây*, có đủ can đảm nhận diện và đủ khả năng loại trừ thủ phạm chính, thủ phạm thực sự của những tội ác đó hay không. Quan trọng hơn nữa là đi tìm sự đồng thuận giữa những con người cùng nêu danh một thủ phạm. Và, đi

tìm sự đồng thuận chỉ có nghĩa đi tìm cái giống nhau ở mục tiêu, không phải giống nhau ở điểm khởi hành.

*

Mới đây, nhà văn Dương Thu Hương có đưa ra một hình ảnh thật cảm động mà tôi xin được ghi lại nơi đây:

... vào cùng một thời khắc, có hai đứa bé chào đời. Một đứa ở Hà Nội, đứa kia ở Sài Gòn. Mười tám năm sau, đứa bé ở miền Bắc đi theo lời kêu gọi "Chống Mỹ cứu nước", "Vì Tổ Quốc xã hội chủ nghĩa".

Đứa bé ở miền Nam bị lôi cuốn bởi "Lý tưởng Quốc gia, bởi "Chiến dịch chận đứng làn sóng đỏ", bởi những câu thơ kiểu như "Thành ngăn sóng đỏ mây sừng sững"... và hai đứa bé hăm hở ra đi, rắp ranh lập công với Quốc gia Cộng hòa hay Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Rồi chúng bắn giết. Rồi chúng trúng thương, cùng tàn phế, cùng chết chui chết lủi trong rừng, cùng rữa nát giữa bùn chiến địa. Dù cậu thiếu niên phía Nam được ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn vì tựa lưng vào một "mẫu quốc" giàu có hùng cường hơn, thì khi thối rữa, da thịt chúng cũng đều bốc lên một thứ mùi khủng khiếp như nhau.

Hai đứa bé ấy liệu có tội gì trong trò chơi oan nghiệt của số phận? Liệu còn có ai muốn tiếp tục khơi gợi oán thù để hai hồn ma trong trắng ấy tiếp tục bắn giết nhau ở thế giới bên kia?

Với tôi, hai chàng thiếu niên ấy đều là con tôi cả. Máu chúng chảy ra là máu của tôi. Và trong bàn thờ tâm linh mình, tôi thắp hai nén nhang như nhau mà vọng tưởng (3).

Mặc dầu thoạt đầu tôi không hiểu được là làm sao cái chuyện ai từng "ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn" ai lại được lồng trong câu chuyện, tôi vẫn thấy được nỗi cay đắng, sự tha thiết, và tình yêu bao la của một người mẹ ở đây. Nhưng dù sao, hai thiếu niên đã nằm yên trong lòng đất trước khi chiến tranh chấm dứt. Ngày nay, da thịt họ đã trở về với cát bụi. Những lầm lỗ mà loài người đã gây ra cho họ hay do chính họ gây ra cũng đã thuộc về một quá khứ lâu rồi. Tôi chỉ muốn nhân câu chuyện nói về một vấn đề khác. *Một vấn đề khác, nhưng của ngày hôm nay.*

Hãy giả sử hai thiếu niên mười tám tuổi khi ngã xuống đã để lại trần gian hai đứa con chưa lọt lòng mẹ. Ngày chiến tranh chấm dứt, cả hai đang bập bẹ học nói những tiếng đầu lòng. Những tiếng đầu lòng rất thân

thương và cũng rất bình thường, như má, mẹ, nội, ngoại, cô, chú v.v... Giờ này, hai đứa bé đang trở thành hai thiếu niên mười tám tuổi, bằng tuổi của cha chúng xưa kia khi họ nằm xuống. Ngoại trừ những kẻ thiếu cân bằng tâm lý, những kẻ bệnh hoạn tâm thần, tôi nghĩ, bất kỳ một người đàn bà nào, một người đàn ông nào trên thế gian cũng sẽ chìa hai bàn tay nồng ấm như nhau để nắm hai tay của hai đứa trẻ. Khổ nỗi, thực tế trên quê hương không bình thường như vậy. Hai đứa trẻ thường nhận được hai bàn tay chìa ra hai cách khác nhau. Và *tiếp tục có hai số phận khác nhau, được định đoạt cả từ trước khi chúng cất tiếng chào đời.*

Hình ảnh một người mẹ vòng tay ôm cả hai con vào lòng chưa đủ tỏ hết tình thương của mẹ với hai con. Người mẹ phải hiểu đứa này như đứa kia. Người mẹ phải hiểu có gì khác biệt ở cái cách mà cuộc đời sẽ đối xử với mỗi đứa. Người mẹ phải biết khi bước chân vào đời, đứa nào sẽ được dành cho mọi ưu đãi và đứa nào sẽ bắt đầu với thua thiệt. Được hưởng ưu đãi hay chịu đựng thua thiệt không tùy thuộc cái khả năng mà đứa trẻ có thể đóng góp cho cuộc đời mà chỉ tùy thuộc vào cái tờ giấy lý lịch mà cuộc đời đã ghi sẵn về cha nó. Cho nên dù mơ ước có giống nhau, dù khả năng có giống nhau, chỗ đến của đứa này có thể là một giảng đường đại học trong khi chỗ đến của đứa kia là chiến trường Kampuchea anh em, hay một chỗ nào đó dành cho thứ công dân hạng nhì. Và, nếu phản ứng của hai đứa trẻ đều như nhau trước cái thối tha của hệ thống quyền lực, thì một đứa có thể chịu nhiều lắm là một tát tai còn đứa kia thì vào vòng tù tội.

Thảm kịch của chúng ta ngày hôm nay là ở đó. Ở sự hiện hữu của một lằn ranh ác nghiệt giữa hai đứa bé vô tội trên quê hương. Chính cái lằn ranh đó đã khiến cho bảy mươi triệu người Việt Nam khác, trong hay ngoài nước, tự động dựa trên cái liên hệ quá khứ với mỗi đứa trẻ để tự chọn cho mình một phía của lằn ranh. Số người dám đứng ngay trên lằn ranh ít lắm.

Xóa lằn ranh không dễ cũng không khó. Chỉ tùy ở con người có sợ hãi sự khác biệt hay không. Bà mẹ trong câu chuyện trên đây chịu nhiều ám ảnh về khác biệt. Nhiều chế độ chính trị, như chế độ hiện hữu trên quê hương, luôn dồn mọi nỗ lực để đạt được sự đồng nhất, hay nhất trí, và do đó có khuynh hướng vạch những lằn ranh để loại trừ mọi khác biệt, cho dù chỉ là khác biệt trong quá khứ. Mà, trong đời sống thật, sự đồng nhất làm sao có được cho mọi con người, cho dù với anh em song sinh. Hơn nữa, tại

sao lại phải đồng nhất? Bao nhiêu dân tộc văn minh được, tiến bộ được chỉ vì họ biết tôn trọng và ngưỡng mộ sự khác biệt. Người mẹ trong câu chuyện, vì quen sống trong một xã hội luôn nói đến "nhất trí", lại thêm nỗi xót thương đứa con từng cực khổ, nên khi hai con nằm xuống, cái đau đớn vẫn không đủ đánh bạt một thoáng nghĩ về "ăn ngon, mặc đẹp", một nét khác biệt của đứa con kia. Có biết đâu rằng mỗi đứa con đều đã chịu những đau đớn khác nhau, và chuyện "ăn ngon, mặc đẹp" thật ra chẳng có nghĩa lý gì cả so với những đau đớn này. Chính nỗi ám ảnh đó hay một suy nghĩ phiến diện nào khác, đã tạo một điểm đen sâu thẳm trong tiềm thức để chính người mẹ, chớ không phải ai khác, đã vạch một đường nhỏ giữa hai cái xác của hai đứa con mình. Hàng triệu người mẹ như vậy, với hàng triệu vạch nhỏ như vậy, *đã tạo nên một lằn ranh bất tận*. Mười tám năm sau, khi hai xác con đã tan vào lòng đất, *lằn ranh vẫn còn đó*. Vạch giữa hai cháu mình.

Hãy xóa bỏ ngay lằn ranh ác nghiệt đó trên quê hương. Hãy loại bỏ không thương tiếc các chế độ chuyên vạch các lằn ranh. Không còn cách nào khác.

*

Tôi có xem một phim vidéo gửi từ Việt Nam sang. Trong đó, một hình ảnh làm tôi bàng hoàng và lạnh người. Trong một quán càfé, có hơn ba mươi thanh thiếu niên ngồi đó. Hút thuốc, im lặng, và nhìn mông lung. Hình như họ chờ đợi. Tôi không đoán nổi họ chờ đợi cái gì và tôi cũng không dám tưởng tượng ra cái họ chờ đợi. Trông họ giống như những học trò của tôi còn ở lại trên quê hương. Nếu là thanh thiếu niên Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung Gia Lợi, hay Đại Hàn, Đài Loan... Có lẽ giờ này các em đang ngồi chăm chú trong một giảng đường hay đang hăng say làm việc trong một nhà máy. Trong quán càfé Việt Nam, các em chờ đợi. Chờ đợi. thời gian cứ đứng yên đó. Tuổi hoa niên trong một đời người ngắn ngủi mà sao một ngày của các em tôi dài đến như vậy?

*

Thế giới đang ở vào một giai đoạn chuyển tiếp. Sự chuyển tiếp nào cũng gây những xáo trộn, nhưng mọi dân tộc trên hoàn cầu đang rộn ràng với một tranh đua mới. Có dân tộc lợi thế hơn đã thoát đi được khá xa. Có

dân tộc thiếu may mắn còn đang vật vã với những khó khăn của chuyển tiếp. Và tất cả đều vật lộn với thời gian. Vì dù muốn hay không, cuộc tranh đua cũng đã bắt đầu và chẳng có dân tộc nào có thể đứng ngoài được.

Với cuộc tranh đua mới này, ai cũng biết, dân tộc chúng ta chưa chuẩn bị gì cả. Để tiến từ một thế giới lưỡng cực sang đa cực, cuộc đua mới *loại trừ ý niệm cổ hủ về một xã hội chỉ dành tương lai cho những người có cùng một quá khứ*. Người Việt Nam nào cũng biết điều đó. Và người Việt nào cũng biết rằng, ở ngày nay, *chớ không phải ngày xưa*, Việt Nam đang ở vào những hàng đầu trong bảng xếp hạng những quốc gia chậm tiến và nghèo đói. Nhưng cái nỗi sợ hãi về sự lẫn lộn những con người có quá khứ, hiện tại, hay có thói quen, suy tưởng khác nhau ở trong cùng một guồng máy xã hội *đã lớn đến cái độ khiến cho rất nhiều người trở nên ù lì vào lúc mà lý trí bảo họ phải hành động*. Vấn nạn của chúng ta hôm nay không phải là vì cái chế độ hiện hữu có đủ khả năng hay lý do tồn tại mà chỉ vì *có quá nhiều người cùng có chung một quá khứ đã nhân danh quá khứ để giúp cho chế độ tồn tại*. Chính sự đồng lõa này đã buộc cả dân tộc cứ ngồi thừ ra đó, bên dòng tiến của nhân loại.

Những người thực sự yêu nước không còn con đường nào khác là đi tìm sức đẩy chung từ những ai cùng nhìn về một điểm hẹn ở tương lai. *Một sức đẩy thuận với xu thế nhân bản của thời đại.*

*

Cách đây đúng nửa thế kỷ, nhà văn Pháp Antoine de Saint Exupery viết "*Thư cho Một Con Tin*" gửi đến những đồng bào ông ở trong nước. Lúc đó, quê hương ông bị chiếm đóng và đồng bào ông chịu đựng những ngày, đêm dài lê thê. Tôi xin ghi lại một vài đoạn ngắn trong thư, để thay kết luận cho bài này:

... Khi anh đảng viên Quốc xã chỉ tuyệt nhiên tôn trọng kẻ nào suy nghĩ, hành động giống hệt như anh ta, anh ta chẳng trọng ai cả, anh ta chỉ tự tôn mà thôi. Anh ta chối bỏ mọi mâu thuẫn có tính sáng tạo. Anh ta phá hoại mọi hy vọng đi lên. Thay vì thân thể và khuôn mặt một con người thật, anh ta chỉ tạo nên một con người máy, một thứ rô bô của những bộng mối...

Chúng ta sẵn sàng nhận diện là anh em ruột rà cả những kẻ khác biệt với chúng ta. Nhưng đây là một thứ liên hệ bà con thật lạ! Một thứ liên hệ được

xây dắp trên tương lai chứ không phải trên quá khứ. Ở mục tiêu chứ không phải ở gốc người. Chúng ta coi nhau như những kẻ hành hương, tuy rằng vẫn đi trên những đường này ngả nọ khác nhau, nhưng cùng cực nhọc tiến về một điểm hẹn...

Người lữ hành hướng về một vì sao mà vượt núi, nếu cứ mãi vướng víu với chuyện leo trèo, có thể quên mất không nhớ ngôi sao nào đã hướng dẫn mình... Nhân danh con đường tôi đã chọn mà đi, tôi có thể chống đối con đường của người khác. Nhưng trên bình diện tinh thần, tôi phải tôn trọng con người này, con người đang cắn răng cực nhọc nhắm về hướng một vì sao...(4)□

Tháng 3-1992

Chú Thích

(1) Về những thảm kịch xảy ra ở cửa Thuận An vào năm 1975, xin đọc *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân Huy (Nhà xuất bản Văn Khoa, California, 1985).

(2) Hồi ký *Ngày N+...* của Hoàng Khởi Phong (Nhà xuất bản văn Nghệ, california, 1989) có ghi lại khá đầy đủ các chi tiết này.

(3) *Tự Bạch về Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương, đăng trên tạp chí Diễn Đàn, Paris, tháng Ba, 1992.

(4) *Thư Cho Một Con Tin* (Lettre à Un Otage), Saint Exupery viết ở New York vào 1942. Võ Đình Mai trích dịch và đăng trên tạp chí Văn Học số 58, tháng Mười Hai 1990.

Đón Đọc

Người Đi Trên Mây tập 2

BỤI VÀ RÁC

Nguyễn Xuân Hoàng

An Tiêm xuất bản 1992

TRẦN HỒNG CHÂU

em vẫn ngồi đây vầng trăng khuyết

(Để tưởng nhớ Nguyễn Du và Long Thành cầm giả)

*

Từ biên cương ruổi ngựa về bắc khuyết
Ta tìm em đâu phải mộng vương hầu
Ta tìm em lạc phách Tây Hồ xưa
Những vương tôn ngõ liễu màu hồng phấn
Cung đàn say đàn trải mộng thanh xuân

Gió bụi kinh thành đường vạn dặm
Vàng son cửa võng ngói lưu ly
Em vẫn ngồi đây vầng trăng cũ
Nửa mùa ly loạn nét đan thanh?
Hoa cỏ ngàn năm cỏ hoa xưa
Mây trắng rưng rưng bước lữ hành
Mây trắng về đâu hồn bỏ ngỏ
Nhớ nhung Đất hứa có về chăng
Sông vẫn đò đưa mái chèo cũ
Núi vẫn giăng màn bóng mi xưa?

Em vẫn ngồi đây vầng trăng khuyết
Nửa mùa ly loạn nét điêu tàn
Phấn son lợt lạt buồn năm tháng
Thành quách đau lòng lớp phế hưng
Đá cũng phôi pha màu sương gió
Nhung lụa còn dâu dáng ngọc kiều
Đàn kêu như khóc lệ Tầm dương
Nhỏ máu năm dây khúc đoạn trường
Bốn mắt vơi đầy như xa cách
Người đi người ở mấy phương trời

Ngày mai đây xuất phát lại hoàng hoa
Bóng thời gian bạc ố những phím đàn
Đường Yên kinh vó ngựa chợp chờn say
Ai khóc ta như ta đã khóc người
Thôi bút nghiên đàn phách cũng đều sai!

NGUYỄN MẠNH TRINH

phỏng vấn nhà văn nguyễn xuân hoàng

đừng tưởng cứ gán cho văn chương nhiều trách nhiệm thì nó sẽ cao quý

*

Nguyễn Xuân Hoàng 1989
dưới mắt Phạm Công Thiện

Lời tòa soạn: *Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng sinh năm 1940 tại Nha Trang. Giáo sư triết, Pétrus Trương Vĩnh Ký, Sàigòn. Trước 1975, ông được xem là một trong những người cầm bút thuộc trường phái tân tiểu thuyết ở Việt Nam. Tác phẩm thử nghiệm cho lối viết này của ông là quyển* Khu rừng hực

lửa, *một truyện vừa thuộc loại tiểu thuyết chống tiểu thuyết, văn chương phi văn chương. Nhưng đã hơn 20 năm từ những năm cuối của thập niên kỷ 60 đến giờ, từ* Kẻ tà đạo *đến* Bụi và rác, *từ* Khu rừng hực lửa *đến* Sa mạc, *văn chương Nguyễn Xuân Hoàng đã có gì biến đổi sau những biến dâu của đất nước và thời gian? Mời bạn đọc theo dõi bài phỏng vấn dưới đây do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện để nghe những lời tâm tình, những phút nói thật của nhà văn thường được bằng hữu thân mật gọi là "Người đi trên mây".*

NGUYỄN MẠNH TRINH: *Nhân vật trong tiểu thuyết của ông rất gần với đời sống, tôi muốn hỏi ông đó là những con người thực hay chỉ là hư cấu?*

NGUYỄN XUÂN HOÀNG: Ông muốn nói đến những nhân vật nào?

NMT: *Tôi muốn nói một số nhân vật trong các sáng tác của ông.*

NXH: Chẳng hạn...

NMT: *Chẳng hạn như Trần Lâm Thăng trong* Người Đi Trên Mây, *chẳng hạn như Đặng Hồng Kha trong* Sa Mạc, *chẳng hạn như Tôi trong* Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự...

NXH: Theo ông, những nhân vật ấy giống ai ở ngoài đời?

NMT: *Là một độc giả, tôi nhìn thấy những nhân vật ấy là phân thân của ông. Ông có xác nhận điều ấy không?*

NXH: Tôi không nghĩ những nhân vật ấy là tôi. Tôi nhớ có lần tôi nói về nhân vật *Tôi* trong cuốn *Người Đi Trên Mây* rằng "Tôi là một người khác". Dù sao, tôi nghĩ người viết tiểu thuyết nào cũng để một phần đời trong những nhân vật của mình...

NMT: *Dù đó là những nhân vật phản diện?*

NXH: Thường là những nhân vật chính diện, nhưng không loại trừ những nhân vật phản diện.

NMT: *Còn trường hợp những nhân vật không có "một phần đời của tác giả" như ông nói, những nhân vật không giống ông, không giống con người và đời sống của người sáng tác thì sao?*

NXH: Ông có thể nói cụ thể chăng?

NMT: *Chẳng hạn như nhân vật ông Phan trong* Người Đi Trên Mây, *cả cô Quỳnh, cô Uyên nữa. Chẳng hạn cô Kim trong* Sa Mạc, *"người anh đi lính*

Không quân" trong Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự, *"người đàn ông bị vợ bỏ" trong* Chuyện Kể Trên Đồi Cam...

NXH: Đó là những con người mà tôi có gần gũi, quen biết. Cũng có khi chỉ là những người mà tôi chỉ biết qua tiếp xúc, hoặc trò chuyện đôi ba bận. Cũng có khi họ chỉ là mẫu người mà tôi nghe qua lời kể của một người khác. Trí tưởng tượng của tôi làm việc nhiều hơn. Chuyện này nó cũng giống như cái bàn cái ghế, chiếc xe đạp, món đồ chơi... mua ở tiệm về, bày ra trước mắt rồi một ngày rảnh rỗi ngồi xuống sắp xếp lại...

NMT: *Lắp ráp như vậy có trật không?*

NXH: Cái bàn, cái ghế, chiếc xe đạp hay đồ chơi... cũng có khi trật, nhưng nhờ có lời chỉ dẫn đính kèm, nên rồi cũng dúng thôi. Nhưng nhân vật, cá tính, hành động, ngôn ngữ... chắc chắn là có trật nếu muốn nhân vật ấy cứ y như ông A, bà B, chị C, anh X. ngoài đời. Thật ra nhà văn đâu phải là thợ chụp ảnh phải không?

NMT: *Theo ông, dạy học và viết văn trước đây ở Sàigòn và làm báo viết văn bây giờ ở hải ngoại, những công việc ấy có đối chọi nhau không?*

NXH: Tôi không dám nói đến những người hoàn toàn sống bằng nghề văn. Đối với tôi, dạy học hay làm báo, làm thợ mộc hay thợ tiện, bán bảo hiểm hay lái tắc xi... đều là những nghề có thể nuôi sống mình và đều là những nghề lương thiện đáng trân trọng cả. Rất hiếm những người chỉ sống bằng ngòi bút. Và tôi không nghĩ rằng những nghề nghiệp này chọi với nghề văn. Tuy vậy, vì dạy học – văn chương hay triết lý – và làm báo là những nghề hằng ngày phải tiếp cận với chữ nghĩa, nên nó có phần gần với chuyện văn chương hơn những ngành khác. Nhưng mà, nghĩ xa hơn, nhiều khi thấy hai nghề ấy cũng có chỗ trở ngại. Người viết văn không bị ràng buộc bởi những điều mà một người dạy học phải tuân thủ. Người làm báo không cần một số phong cách trong bút pháp mà người viết văn không thể không có. Theo tôi, làm công việc giảng văn trong nhà trường hoặc làm tin, viết bài cho một tờ báo – nghĩ cho cùng cũng giống như làm món ăn ở một tiệm *fast-food*, trong khi viết văn, hoàn thành một tác phẩm cũng giống như người đầu bếp trong một nhà hàng ăn, ở đó không có loại thực khách ngồi trên xe đặt món ăn, trả tiền ở cái cửa tò vò và lái xe chạy tiếp. Khách trong một nhà hàng ăn có thể ngồi nhâm nhi thưởng thức tài nghệ (ngon/dở) của tay đầu bếp. Một cái cần no, còn một cái cần ngon...

NMT: *Sao ông không nói đến những người không dạy học, cũng không làm báo mà viết văn?*

NXH: Tôi không có kinh nghiệm, nhưng tôi biết nhiều bác sĩ viết văn làm thơ và viết rất giỏi, như Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Quang, Vũ Đình Minh, Huỳnh Hữu Cửu, Nguyễn Đức An, Trang Châu... Tchekov ở Nga, Sommerset Maugham ở Anh... Tôi cũng biết có những người lính viết văn làm thơ tuyệt vời trong văn học nghệ thuật của chúng ta như Nguyễn Bắc Sơn, Thảo Trường, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Phan Nhật Nam, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy... ở Pháp cái ông nhà văn phi công Saint-Ex chẳng phải là một tác giả lớn sao? Còn nữa, có những người trước đó chưa bao giờ cầm bút, ấy vậy mà sau một thảm kịch, hoặc sau những năm tháng tù đầy cũng đã sáng tác và tác phẩm của ông ta không kém bất cứ một tác phẩm thời danh nào.

NMT: *Tôi muốn ông trở lại chuyện viết văn làm báo. Có người nói ông A. là nhà văn, vậy ông ta không thể làm báo. Ngược lại có người nói tay B. là một nhà báo thành ra văn chương tay này nặng mùi tin tức. Ông nghĩ sao?*

NXH: Tôi không dám nghĩ như vậy. Mặc dù thực tế cũng đôi khi nó có chỗ là như vậy. Tuy nhiên chúng ta sẽ nghĩ sao khi một trong những nhà văn lớn nhất của thế giới hiện nay, ông Gabriel García Márquez là một nhà báo. Ông này khi trả lời cho câu hỏi có phải bao giờ ông cũng viết văn làm báo không, đã nói rằng việc làm báo luôn luôn là nguồn thông tin cho việc viết văn của ông. Việc làm báo cho phép ông duy trì sự tiếp xúc thường xuyên với thực tế cuộc sống. Việc làm báo có thể phục vụ và giúp đỡ cho bất kỳ nhà văn nào. Ông kết luận: việc làm báo rất có ích.

NMT: *Còn ông? Việc làm báo giúp ích gì?*

NXH: Việc làm báo mỗi ngày dạy cho tôi nhiều điều mà tôi không biết. Cứ mỗi ngày, tôi học thêm một số điều mới mẻ. Tuy vậy công việc ở tòa báo hiện nay thu hút hết giờ giấc của tôi. Tích lũy thì có, sáng tác thì chưa.

NMT: *Nhưng mấy năm qua ông có in được bốn cuốn mà.*

NXH: Ba cuốn thôi: *Người Đi Trên Mây, Sa Mạc, Căn Nhà Ngói Đỏ.* Cuốn thứ tư *Bụi Và Rác* sẽ do nhà xuất bản An Tiêm in trong năm nay.

NMT: *Tôi vẫn muốn hỏi ông trở lại một câu: Có bao nhiêu phần trăm sự thật trong các nhân vật của ông?*

NXH: Theo ông nhận thấy thì có bao nhiêu?

NMT: *Tôi nghĩ nếu một tác phẩm chứa đựng một trăm phần trăm sự thật từ nhân vật đến nội dung thì là hồi ký, bút ký còn gì?*

NXH: Cám ơn ông. Tôi cũng nghĩ như vậy.

NMT: *Hình như các nhà nghiên cứu văn học trước đây vẫn gán cho ông là một trong những người chủ trương tân tiểu thuyết ở Việt Nam. Có phải vậy không?*

NXH: Tôi không nghĩ như vậy. Sàigòn những năm 70, nhà văn Huỳnh Phan Anh là người khởi xướng chuyện này trong văn chương. Thật ra cái gọi là tân tiểu thuyết Việt Nam chẳng qua cũng chỉ là đi theo trào lưu tiểu thuyết chống tiểu thuyết, loại văn chương phi-văn-chương của Pháp với Alain Robbe-Grillet, Nathalie Sarraute, Claude Simon, Michel Butor... Trước đó, đầu thập niên 60, hồi còn là sinh viên ở Đại học Đà lạt, một bạn đồng môn của tôi là anh Hoàng Ngọc Biên, người vừa mới đến Hoa kỳ theo chương trình ODP, đã là người đầu tiên trình bày một cách khá hệ thống về trường phái này trong văn học Pháp.

Tôi không "mặn" chuyện này lắm. Mãi về sau khi ra trường và làm việc ở Sàigòn tôi mới hay la cà với các bạn cùng lứa như Nguyễn Đình Toàn, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Nhật Duật, Nguyễn Quốc Trụ, Đặng Phùng Quân... Chúng tôi bị xếp vào một nhóm. Và người ta gọi nhóm này là những cây viết muốn làm mới tiểu thuyết Việt Nam, cũng như trước đó hơn 15 năm nhóm *Sáng Tạo* với Mai Thảo, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh... đoạn tuyệt với *Tự Lực Văn Đoàn* vậy. Theo tôi, trong nhóm bạn chúng tôi chỉ có Huỳnh Phan Anh là người "mặn" chuyện tân tiểu thuyết nhất. Anh ấy là người lý luận phê bình văn học, đồng thời là người sáng tác. Cuốn *Văn Chương và Kinh Nghiệm Hư Vô* của anh ấy được xem như là một thứ tuyên ngôn của nhóm, và cuốn truyện vừa *Khu Rừng Hực Lửa* của tôi như là một thứ minh họa. Truyện này khởi đầu đăng từng kỳ trên tạp chí *Văn*. Sau đó được nhà xuất bản Đêm Trắng do Huỳnh Phan Anh lập ra in cuốn này. Theo tôi, cuốn tiểu thuyết *antiroman* này là một thử nghiệm thất bại.

NMT: *Thế còn nhà văn Nguyễn Đình Toàn? Ông ấy không phải là người chủ trương tân tiểu thuyết sao?*

NXH: Trong nhóm chúng tôi, Nguyễn Đình Toàn là người lớn tuổi hơn cả và là người đã có tác phẩm. Tôi rất thích Nguyễn Đình Toàn. Tôi đọc *Chị Em Hải* của Toàn khi tôi chưa viết một câu ra hồn. Quyển *Con Đường* của anh ấy rất được nhiều người ngưỡng mộ. Chữ nghĩa Nguyễn Đình Toàn tuyệt vời. Thơ và truyện của anh ấy rất gần với suy nghĩ của chúng ta trong việc thưởng ngoạn tiểu thuyết từ trước đến nay.

NMT: *Các biến cố chính trị trong nước và trên thế giới, sự vùi dập của chiến tranh, sự tan vỡ trong đời sống hôn nhân của bản thân ông... có ảnh hưởng gì đến văn chương ông?*

NXH: Tôi không phải là người có cuộc sống "cùng trời cuối đất", tôi cũng không phải là loại người đọc được "thiên kinh vạn quyển". Khả năng sáng tác của tôi không mạnh mẽ. Đời sống của tôi bình thường, sức tưởng tượng của tôi không lấy gì giàu có, sự vùi dập của thời thế vào chính bản thân của tôi không vĩ đại và bi thảm... Do đó, tác phẩm tôi đã không có được cái chiều dầy của thời đại đầy biến động. Những điều tôi viết ra chẳng qua cũng chỉ là cách thế bày tỏ của một con người bình thường giữa một cảnh đời sôi động.

NMT: *Có những người có cuộc sống cùng trời cuối đất mà vẫn không có tác phẩm thì sao?*

NXH: Đúng vậy. Nhưng tôi muốn nói đời sống bên ngoài đôi khi còn phong phú hơn trí tưởng tượng nhiều. Nhà văn đâu có sáng tác từ chỗ hư vô, phải không?

NMT: *Ông nghĩ gì về văn chương trong nước?*

NXH: Bản thân tôi mấy lúc sau này tôi thực lòng yêu thích văn chương Lưu Quang Vũ, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài... Chính là qua tác phẩm của họ, người đọc thấy rõ tài năng chữ nghĩa của họ.

NMT: *Ông có thể nói gì về Dương Thu Hương?*

NXH: Đặt qua một bên lập trường quan điểm chính trị, tôi chỉ muốn nói một Dương Thu Hương – nhà văn trong *Những Thiên Đường Mù*. Tôi thất vọng một Dương Thu Hương – nhà văn trong *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Với *Những Thiên Đường Mù*, Dương Thu Hương đã bước ra khỏi dòng văn chương "phải đạo" dưới chế độ Cộng sản mà nhà lý luận phê bình văn học

Hoàng Ngọc Hiến có lần đã nói. Cảm giác tôi khi đọc *Những Thiên Đường Mù* là mình vừa tiếp cận với một tâm hồn cuồng nhiệt, nhậy bén với những gì đang xảy ra trong đời sống chính trị thời sự. Quyển sách có sức hấp dẫn của nó đến nỗi phải đọc đôi ba lần mới nhận ra được sự cuống quýt của tác giả.

NMT: *Ông nghĩ gì về những người cầm bút hải ngoại?*

NXH: Tôi luôn luôn yêu thích nhà văn Võ Phiến, tôi xem ông ấy là người đã mở cánh cửa cho một người viết tên Nguyễn Xuân Hoàng. Hiện giờ tôi đặc biệt yêu thích Nguyễn Hưng Quốc, Trần Vũ, Vũ Huy Quang, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Mộng Giác, Trần Sa, Nguyễn Hoàng Nam...

NMT: *Ông có thể nói tại sao?*

NXH: Tôi xin được nói một cách vắn tắt: đó là những người viết nắm bắt được chữ nghĩa của mình. Với Nguyễn Hoàng Nam, tôi chỉ muốn nói một điều là anh ấy có vẻ như chưa yêu lắm những dòng chữ của ảnh.

NMT: *Theo ông thế nào là một tác phẩm giá trị?*

NXH: Ông hỏi khó. Nhưng tôi nghĩ một tác phẩm giá trị không nhất thiết phải là một tác phẩm dày, nhiều trang, nhiều chữ. Càng không phải vì đó là một cuốn sách bán chạy. Một tác phẩm giá trị trước hết phải là một tác phẩm đụng đến kiếp nhân sinh, và sau hết nó phải vượt qua được những trận bão tố tàn nhẫn của thời gian. Nếu tôi nhớ không lầm, nhà lý luận phê bình văn học Nga, ông Mikhail B. Krapchenko có nói một điều đại ý như vầy: Thời gian là người phán xét nghiêm minh và sáng suốt một tác phẩm nghệ thuật. Thời gian chỉ giữ lại những ký ức tốt đẹp đối với những ai mà tư tưởng và tác phẩm đã ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển xã hội, đã làm giàu có nền văn hóa nhân loại bằng những thành tựu khoa học hay nghệ thuật của mình. Thời gian phân biệt những giá trị chân chính với những gì nhất thời và nhỏ nhặt, chân lý với ảo tưởng và lầm lẫn. Bởi vì trong văn học nghệ thuật không hiếm những trường hợp có những tác phẩm lúc đầu gây được tiếng vang ầm ĩ, nhưng sau đó mau chóng mờ nhạt. Và cũng có những quá trình hoàn toàn ngược lại. Nghĩa là qua thời gian ảnh hưởng của tác phẩm nghệ thuật ấy không những không giảm sút mà còn được tăng lên mạnh mẽ. Đó là trường hợp tác phẩm của những nhà văn bậc thầy. Tôi luôn luôn nghĩ tới *Sử Ký* của Tư Mã Thiên, *Thạch Hào Lại* của Đỗ Phủ, *Thục Đạo Nan* của Lý Bạch... Còn *Kiều* của Nguyễn Du,

chà... nói gì nữa, đệ nhất thi ca thiên hạ rồi. Và ông không mê Dostoievsky với *Anh Em Nhà Karamazov*, Sommerset Maugham với *Mưa*, Prosper Merimée với *Colomba*... sao?

NMT: *Tôi có đọc Kẻ Tà Đạo* của ông hồi trước và *Căn Nhà Ngói Đỏ* bây giờ. Nếu tôi không lầm chữ nghĩa của ông đã thay đổi?

NXII: Chữ nghĩa của xã hội luôn luôn thay đổi, nói gì chữ nghĩa của một cá nhân. Hồi còn đi học, một ông thầy của tôi có nói nếu đời người có sinh, lão, bệnh, tử thì chữ nghĩa cũng trải qua những chặng đường tương tự. Có những chữ cùng lúc mang nhiều nghĩa, và đồng thời cũng có những chữ thay đổi nghĩa qua thời gian. Những chữ "phàm là", "song le", "bèn"... có những biển dâu của nó.

NMT: *Đó là nói chung, còn trong văn chương của ông, chữ nào bị bệnh, chữ nào đã lìa đời?*

NXII: Tôi không có dịp làm công việc lục lọi trở lại những trang sách của mình. Nhưng tôi có chú ý đến một vài chữ trong cách viết của tôi. Ví dụ chữ "chàng" và "nàng". Mấy lúc sau này tôi thường suy nghĩ về việc dùng hai chữ này một cách nghiêm chỉnh trong các sáng tác của tôi. Tôi đã mai táng nó trong nghĩa trang của những chữ "phàm là", "song le", "bèn"...

NMT: *"Chàng" và "nàng" theo tôi là những chữ đẹp. Văn chương ở một nghĩa nào đó không thể bỏ qua khía cạnh thẩm mỹ của ngôn từ. Tại sao ông an táng nó?*

NXII: "Chàng" và "nàng" theo tôi là những chữ đã mòn, nó giống như cái răng cưa đã hết cái độ bén, phải thay thôi. "Chàng" và "nàng", những chữ ấy có đẹp nhưng không thực, nó xa đời sống. Nếu có thể ví von, những chữ ấy ở trên mây. Nó thiếu sức mạnh của trần gian.

NMT: *Vậy có nghĩa là từ nay trở đi ông sẽ không bao giờ dùng tới "chàng" và "nàng" trong truyện của ông?*

NXII: Tất nhiên là như vậy. Trừ phi muốn tặng cho người đọc một nụ cười thì tôi mới dựng nó dậy. Thực ra tôi muốn quên nó, như người ta quên những chữ "Hoàng Thượng", "Ái Khanh", "Trẫm", "quả nhân", "đại ca", "tiểu đệ"... Tôi vốn đã không ưa cái đẹp (trai) của Alain Delon. Tôi thích Steve McQueen hơn. Hoặc nói cho gần bây giờ thì tôi thích Kevin Costner

trong *No Way Out* hơn là Tom Cruise trong *Top Gun*. Thời đại của nền văn chương tĩnh từ và ông ả đã qua rồi.

NMT: *Tại sao ông đặt tên tác phẩm của ông là* Người Đi Trên Mây? *Ông có bao giờ nghĩ rằng người đọc nói đó là một cuốn truyện trong đó có một nhân vật chính là người đi mây về gió, một người của ả phù dung không?*

NXH: Tôi đã có dịp nghe một lần. Một nhạc sĩ nổi tiếng khi cầm cuốn sách của tôi lên chưa đọc đã phán một điều tương tự. Tôi mong ông không phải là người thứ hai mà tôi biết...

NMT: *Ông giải thích thế nào về tựa đề đó?*

NXH: Tôi muốn vẽ lại hành trình của một con người không biết hội nhập và hòa nhập vào cuộc sống. Một người sống như một kẻ thụy du. Một loại *outsider, étranger, dreamer, misfit*, lạc lõng, cô đơn... trong một thế giới chằng chịt và biến động... Tôi không biết chữ nào có thể thay thế người đi trên mây trong tiếng Việt Nam, nhưng tôi chắc rằng tôi không hề có một ý định "đi mây về gió" khi viết cuốn sách trên.

NMT: *Ông nghĩ gì khi có người lên án cuốn sách ấy cho rằng ông là nhà văn đã không gia nhập vào những biến cố của thời đại, đã sáng tạo ra một nhân vật đứng bên lề một cuộc chiến, một nhân vật nhởn nhơ trong một khung cảnh an bình giả tạo trong khi ngoài kia, những trái hỏa châu, những bích kích pháo, những hầm hố và xác người...*

NXH: Người ta nào? Tôi không bao giờ nghĩ rằng cuốn sách ấy viết trong một căn hầm trú ẩn có gắn máy lạnh. Sàigòn trong cuốn *Người Đi Trên Mây* và những người Sàigòn trong tác phẩm này không hề đứng bên ngoài cuộc chiến. Mặt trận ở Sàigòn không có cảnh máu xương và tiếng nổ, nhưng những nhân vật ông Phan, ông Lý, người thí sinh tên Phước, người bạn tên Vinh bác sĩ quân y Liên đoàn 81 Biệt cách Dù, ông anh Biệt Động quân... chính là chiến tranh. Tôi biết nhân vật tôi trong *Người Đi Trên Mây* là nhân vật bị nhiều người trách cứ. Những nhà đạo đức (?), những tay kêu gào văn chương phải có máu và lửa, những nhà lý luận phê bình văn học kiểu hiện thực xã hội chủ nghĩa... chắc chắn sẽ lên án tác phẩm đã đưa ra một mẫu người không điển hình và tiêu cực. Người ta thường đồng hóa nhân vật với tác giả. Lên án nhân vật ở một khía cạnh nào đó cũng có nghĩa là lên án chính người sáng tạo ra nó. Tôi nghĩ khi một người nhận ra mình là một kẻ đi trên mây, ắt hẳn ông ta không phải là người ấy?

NMT: *Ngoài những tác giả Việt Nam, mà ông vừa kể, tác giả nước ngoài nào được ông ưa thích nhất?*

NXH: Tôi thích Pautovsky, Pasternak, Prosper Merimé... và nhiều nữa. Bất cứ một tác giả nào mà tôi bỏ công ra đọc cẩn thận tác phẩm của họ, tôi đều thu lượm rất nhiều kinh nghiệm. Đừng nói chi xa, một sáng tác của bất kỳ một tác giả nào dù là Việt Nam hay Trung hoa, Pháp hay Nga cũng đều mở cho tôi cánh cửa của sự hiểu biết. Tôi luôn luôn biết ơn những người suốt đời tận tụy với văn chương chữ nghĩa.

NMT: *Hiện giờ ông đọc ai?*

NXH: Tôi đọc *Thư Hoa Thịnh Đốn* của Bùi Bảo Trúc.

NMT: *Chỉ một người này thôi?*

NXH: Còn chớ. Tất cả những bài viết về kinh tế của ông Vương Hữu Bột.

NMT: *Nghĩa là ông chỉ say mê hai ông bạn của ông thôi. Ông không sợ trả lời như vậy người ta sẽ nói là ông bè phái sao?*

NXH: Tôi nghĩ rằng không. Bởi vì tôi đâu phải là người duy nhất yêu thích hai ông này. Phải không?

NMT: *Hiện ông thích ai?*

NXH: Các con tôi.

NMT: *Tôi muốn hỏi ông đang thích tác giả nào?*

NXH: Tôi đang đọc lại Gerald Gordon. Tác giả này lạ phải không? Sau 75 tôi kẹt lại Sàigòn. Khoảng năm 79-80 tôi "nằm ấp" ở U Minh. Mùa mưa. Tù cải tạo và tù vượt biên nằm ở hai trại khác nhau nhưng thông nhau. Nhiều tối, tôi la cà trò chuyện với những người bạn tù đã ở lâu năm, uống trà, nghe mưa, nói chuyện đời... Một người bạn tù, anh B.V.T, trung úy cảnh sát dạy tôi cách đọc truyện Rừng Mắm của Bình Nguyên Lộc, và anh L., Trần Văn L., cấp bậc đại úy thiết giáp, cho tôi mượn cuốn *Hãy Để Ngày Ấy Lụi Tàn* của Gerald Gordon. Tôi đọc cuốn này nhiều lần và cứ lần lữa chưa chịu trả. Bất ngờ tôi ra trại và mang theo cuốn sách này. Thật ra, tôi đã qua mặt ban an ninh trại, mang tên một người cùng trại đã trốn trước đó mấy ngày nên không kịp trả sách lại cho anh L.. Cuốn sách ấy tôi mang theo tới bây giờ. Ông biết giải Nobel văn chương 1991 vừa qua được trao cho nhà văn Nam Phi, bà Nadine Gordimer, khi tình hình Nam Phi đang

có những thay đổi lớn lao về mặt chính trị. Cuốn *Hãy Để Ngày Ấy Lụi Tàn* là tác phẩm gây xúc động trong tôi nhiều nhất.

NMT: *Ông có thể nói gì về nhà văn này?*

NXH: Cuốn *Let The Day Perish* là một tác phẩm đấu tranh chống chánh sách chủng tộc rất sâu sắc. Ông Gerald Gordon là một luật sư người Anh sống ở Nam Phi. Ông bị lôi cuốn vào cuộc đấu tranh vì độc lập và bình đẳng xã hội của dân bản xứ. *Hãy Để Ngày Ấy Lụi Tàn* là tác phẩm đầu tay của ông. Sách được xuất bản lần đầu ở Luân đôn năm 1952.

NMT: *Quỳnh Giao trong một bài viết về cuốn Căn Nhà Ngói Đỏ* của ông có đưa ra nhận xét rất đáng chú ý, khi bà nói "Nỗi băn khoăn lớn của tác giả là sự hồi sinh của đất nước sau những năm dài chiến tranh và bị dày xéo dưới chế độ Cộng sản". Ông nghĩ sao?

NXH: Tôi rất thích những bài viết của Quỳnh Giao. Đúng, tôi muốn nói trên lớp tro than nguội lạnh và điêu tàn của cuộc chiến tranh Việt Nam, những lộc non đã nhú mầm.

NMT: *Qua các đề sách của ông, tôi nhận ra một điều gì tiêu cực, những Người Đi Trên Mây, Sa Mạc, Căn Nhà Ngói Đỏ*, rồi bây giờ *Bụi Và Rác* dễ khiến những người thích loại văn chương tranh đấu cho rằng ông xa rời thực tế, chạy trốn hiện tại.

NXH: Tôi là người yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống. Tôi luôn luôn biết ơn thiên nhiên, đức hy sinh, lòng quả cảm. Nhân vật của tôi là những người đang sống, đang thở chung với chúng ta một bầu không khí. Tôi không thích văn chương đồng phục. Tôi tôn trọng những nhận xét ồn ào đầy tính chất phán quan ở trên. Nhưng tôi không có can đảm chạy theo ngón tay trỏ của một người cận thị trí thức. Tôi thích một nhận xét của nhà văn Hoàng Khởi Phong khi ông nói rằng "Không nhất thiết phải viết về súng đạn mới là làm văn chương thời chiến". Mỗi thời đại sẽ được phản ánh theo cách riêng của mỗi nhà văn. Cuốn *Bác sĩ Zhivago* của Pasternak là một tác phẩm điển hình theo cách đó.

NMT: *Khuynh hướng chung của các nhà văn Việt Nam là hay quay lui lại dĩ vãng và ít nhắm tới tương lai. Còn ông khuynh hướng của ông là gì?*

NXH: Hiện tại. Có khi tôi nhìn về quá khứ. Có lúc tôi ngó tới tương lai.

Phần lớn là hiện tại. Nhưng ông có tin là ba cái ấy tách rời nhau được không?

NMT: *Có người cho rằng sống với kỷ niệm là một hành động quanh quẩn, đè cái riêng tư của mình ra đào xới, nó chỉ thích hợp với thể tùy bút. Ông nhìn vấn đề này như thế nào?*

NXH: Theo ông, tùy bút là một thể loại mà người viết chỉ dựa hoàn toàn vào kỷ niệm sao? Và như vậy hồi ký, bút ký, tiểu thuyết, thơ, kịch, điêu khắc, điện ảnh... dựa vào *Thì* nào? Dĩ vãng? Hiện tại? hay Tương lai?

NMT: *Ông có thể nói một vài kỷ niệm về đời làm báo ở Việt Nam và bây giờ ở hải ngoại?*

NXH: Hồi làm báo *Văn* ở Sàigòn tôi mới vừa qua tuổi 30, tuy có nhậy bén nhưng thiếu óc tổ chức và không phải là người lịch lãm. Bây giờ thì cũng vậy thôi. Có lần báo bị kiểm duyệt, phải in lại cả chục ngàn quyển (một tờ xếp 16 trang), vì một bài của Vũ Hạnh. Ngày ra báo trễ, cần phải làm cho xong để kịp giao cho nhà phát hành. Muốn vậy phải năn nỉ thợ xếp chữ và thợ nhà in. Nhưng các vị này – hầu hết là người nhà binh, dân ở Tổng Tham Mưu – nói với tôi rằng, "Nếu ông muốn báo ngày mai xong, phải uống với tôi một chén rượu". Ông nên biết tòa soạn báo *Văn* nhỏ không bằng một phần mười tòa soạn báo *Người Việt* này. Phòng xếp chữ, không phải sạch sẽ gọn gàng như những chiếc máy điện toán tối tân này đâu. Ở trên gác xép, mùa nóng tất cả thợ đều đánh trần. Rượu đổ đầy một cái thau lớn. Trái cóc, trái ổi và muối ớt trong một rổ. Và một cái chén ăn cơm. Thế rồi cứ xoay vòng, mỗi người một chén rượu. Tôi không phải là tay lưu linh. Nhưng mà không uống không xong. Thế là tối hôm đó, tôi bò lê bò càng. Sau cùng lăn quay không biết trời trăng mây nước gì. Sáng hôm sau tỉnh dậy thợ đã về nhà, nhưng tờ báo đã in xong, chờ đóng gáy...

NMT: *Ông nghĩ gì về ông Nguyễn Đình Vượng người chủ nhiệm tạp chí* Văn?

NXH: Tôi đặc biệt kính phục ông Nguyễn Đình Vượng. Tôi luôn luôn biết ơn ông và yêu mến ông. Tôi xem ông như người bố thứ hai của tôi. Tôi đã chảy nước mắt khi ông qua đời.

NMT: *Ông nghĩ gì về đặc điểm văn xuôi hiện nay?*

NXH: Những người cầm bút Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại

ngày càng trở nên tinh nhạy hơn trong việc tiếp nhận những biến động của đời sống. Chữ nghĩa của họ ngày càng trở nên mới mẻ.

NMT: *Ông có công nhận những kinh nghiệm của nghệ thuật trừu tượng trong văn chương thế giới không?*

NXH: Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ sai lầm nếu làm ra vẻ không công nhận những kinh nghiệm của nghệ thuật trừu tượng. Tôi nhớ truyện *Người Đàn Bà Trên Cát* của nhà văn Nhật Bản Kobo Abe – truyện này đã được nhà văn nữ Trùng Dương dịch và đã in ở Sàigòn trước 75 – trong đó có mô tả những suy nghĩ của một người đã chết, vậy mà đọc vẫn thấy không có chi là phản luận lý...

NMT: *Ông nghĩ gì về các nhà phê bình văn học?*

NXH: Tôi cho rằng những công trình phê bình nghiêm chỉnh là một điều cần thiết. Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc, Quỳnh Giao... hiện nay là những cây bút rất cần trong sinh hoạt nghệ thuật của chúng ta.

NMT: *Ông làm việc như thế nào?*

NXH: Tôi luôn luôn là một người tập viết. Khởi đầu mỗi một cuốn sách tôi lại tập một cách viết khác. Lúc nào cũng thấy mình viết chưa được.

NMT: *Ông có chú tâm đến lịch sử trong khi viết bộ ba cuốn Người Đi Trên Mây* không?

NXH: Tôi để nhân vật tôi đi theo dòng lịch sử của Sàigòn – Việt Nam trong thập niên 70-80, và Cali – Hoa kỳ trong thập niên 90. Nhưng ông cũng rõ "người viết tiểu thuyết không phải là nhà sử học, càng không phải là nhà tiên tri" – Có phải Milan Kundera đã trả lời như thế không – tôi có cách nhìn lịch sử riêng của tôi trong khi sáng tác.

NMT: *Nhân vật chính của ông trong cuốn Bụi Và Rác* là ai?

NXH: Vẫn là Trần Lâm Thăng, nhân vật trong *Người Đi Trên Mây* I. Nhưng là một Trần Lâm Thăng bị lăn lóc bên lề cuộc sống mới dưới một chế độ mới.

NMT: *Theo ông thì đâu là nỗi bất hạnh của người cầm bút?*

NXH: Cái bất hạnh của nhà văn là bị người ta chồng chất lên vai nó quá nhiều trách nhiệm. Những người cầm bút nào tự nghiêng vai gánh vác điều đó – tưởng rằng như thế sẽ làm cho văn chương cao quí hơn – sẽ trở

nên tầm thường. Ý này không phải của tôi đâu. Tôi đã đọc ở đâu đó và tôi thích lắm.

NMT: *Ông viết chậm hay nhanh?*

NXH: Ông trời cắc cớ sanh con thỏ rồi sanh cả con rùa. Tôi là con rùa.

NMT: *Sách ông có được nhiều người đọc không?*

NXH: Tôi không tin sách tôi được nhiều người đọc. Nhưng tôi hi vọng ít nhất có được một người đọc cũng là hạnh phúc rồi.

NMT: *Hình như ông chưa kể một vài kỷ niệm khi làm báo Người Việt và Thế Kỷ 21.*

NXH: Mới mẻ quá chưa đủ để trở thành kỷ niệm. Dù sao tôi có thể nói với ông rằng đây là thời kỳ đáng nhớ nhất trong những ngày còn lại của đời tôi. Tờ *Người Việt* dạy tôi nhiều bài học thực tế. Tờ *Thế Kỷ 21* cho phép tôi có một số kinh nghiệm mới mẻ khác mà hồi làm tạp chí *Văn* ở Sàigòn tôi không có. Tôi yêu mến tất cả bạn bè của tôi trong *Người Việt*, Lê Đình Điểu tổ chức giỏi, Đỗ Ngọc Yến uyên bác và... tôi cũng yêu mến những bạn văn viết cho *Thế Kỷ 21*, tôi vô cùng biết ơn bạn bè và bạn đọc đã gắn bó với tờ tạp chí này. Nếu không có các bạn ấy tờ *Thế Kỷ 21* chắc chắn không thể tồn tại đến ngày hôm nay. Mới đây trong buổi ra mắt tập tùy bút *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* của nhà văn Trần Hồng Châu, tức giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu khoa trưởng Đại học Văn Khoa Sàigòn, nhà văn Mai Thảo có nhắc đến số phận giống nhau của hai tạp chí *Thế Kỷ Hai Mươi* của giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch và *Sáng Tạo* bộ mới của Mai Thảo; đó là với một tập trung của những người viết lẫy lừng nhất của Sàigòn hồi đó, mà hai tờ tạp chí lớn này không sống nổi qua con số thứ sáu.

NMT: *Còn bây giờ?*

NXH: Chúng tôi đã làm đến số 36. Nghĩa là *Thế Kỷ 21* đã bước qua năm thứ tư.

NMT: *Ông có làm thơ không?*

NXH: Nếu tôi nhớ không lầm trên tạp chí *Hiện Đại* số 2 tháng Năm, 1960 tại Sàigòn nhà thơ Nguyên Sa đã giới thiệu bài thơ đầu tiên của tôi cùng với hai bài thơ khác của Viên Linh và Trần Thy Nhã Ca, mà ông gọi đó là ba nhánh sông của một dòng thi ca.

NMT: *Ông có nhớ nguyên vẹn bài thơ đó không?*

NXH: Tôi đã quên hết rồi. Ông Bùi Bảo Trúc, ông ấy nhớ đấy!

NMT: Còn bài *Nha Trang, Hang Động của Tuổi Thơ*, không phải là thơ sao?

NXH: Ông nghĩ đó là một bài thơ sao?

NMT: *Ông có nghĩ rằng nhà văn dù đã có tác phẩm rồi vẫn phải luôn luôn cố gắng và kiên nhẫn nhiều hay không?*

NXH: Tôi luôn luôn nghĩ như vậy. Tôi không bao giờ bằng lòng về những gì tôi đã viết, đã in. Tôi luôn luôn nói với mình lần tới phải viết khác. Tôi thấy mình còn nhiều khiếm khuyết, vội vã. Đó là lý do tôi yêu mến sự uyên bác sâu sắc của Nguyễn Hưng Quốc, yêu mến sự làm việc cần cù của Nguyễn Mộng Giác, yêu mến những dòng chữ mạnh mẽ của Nguyễn Huy Thiệp, sự nồng nàn của Dương Thu Hương, yêu mến sự nhạy bén của Bùi Bảo Trúc và cả sự mềm mại, thâm thúy, bay cao của Trần Sa...

NMT: *Với tư cách là Tổng thư ký tạp chí Thế Kỷ 21*, ông có thể cho biết đã chọn bài như thế nào?

NXH: Ông hỏi tôi một câu tương tự câu mà nhà văn Duyên Anh trong tờ *Tuổi Ngọc* ở Sàigòn trước năm 1975 đã đặt cho tôi khi tôi làm thư ký tòa soạn tạp chí *Văn*. Duyên Anh nói rằng nhiều anh em văn nghệ tỉnh nhỏ phàn nàn về cách chọn bài của những người có trách nhiệm trong các tạp chí lớn ở Sàigòn, và anh hỏi tôi đã chọn bài như thế nào. Tôi nghĩ rằng sự phàn nàn của các bạn gửi bài là đúng. Nhưng ông biết số lượng bài vở gửi đến tòa soạn thời kỳ báo *Văn* ở Sàigòn quá nhiều mà trang báo luôn luôn có hạn. Lúc đó tờ *Văn* lại thỉnh thoảng thực hiện theo chủ đề nên ngoài sáng tác của các tác giả đã có chỗ đứng trong sinh hoạt văn học nghệ thuật *Văn* chỉ đăng những bài nào đập ngay vào mắt người phụ trách do tính chất nổi bật của nó. Trường hợp thơ Nguyễn Tất Nhiên là một dẫn chứng cho điều này.

NMT: *Anh nghĩ gì về Nguyễn Huy Thiệp?*

NXH: Với Nguyễn Huy Thiệp, truyện ngắn Việt Nam đã bắt kịp một trong những phương pháp nghệ thuật hiện đại nhất. Tôi vô cùng quí mến tài năng ấy. Truyện ông không dài nhưng chi tiết xum xuê rậm rạp khiến người đọc choáng váng ngất ngư.

NMT: *Tại sao phần lớn truyện của ông đều được viết từ ngôi thứ nhất?*

NXII: Nhà văn người Anh, ông Sommerset Maugham có lần nói rằng, "Thủ pháp văn học trong các sáng tác viết từ ngôi thứ nhất là thủ pháp cổ xưa như thế giới. Nhưng mục đích của thủ pháp này là nhằm giúp cho chúng ta có thể đạt tới sự thật một cách đầy đặn nhất. Ưu thế của thủ pháp này là cho phép tác giả chỉ kể về những gì anh ta biết và bỏ qua những gì không biết, hoặc do điều kiện nào đó, không thể biết được. Sử dụng bút pháp này nếu nhà văn có làm cho nhân vật xưng tôi trong truyện giàu trí tưởng tượng hơn, điềm tĩnh hơn, thẳng thắn hơn, sắc sảo thông minh hơn, so với chính con người nhà văn vốn có – thì người đọc cũng nên rộng lượng thông cảm với anh ta". Tôi muốn mượn lời nhà văn Sommerset Maugham gửi đến bạn đọc một lời xin lỗi như vậy. □

TÌM ĐỌC

HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN:
VÉN MÀN BÍ MẬT
CUỘC CHIẾN ĐÔNG DƯƠNG
LẦN THỨ BA

CỦA NAYAN CHANDA
PHẠM QUỐC BẢO DỊCH

Sách dày gần 300 trang, bìa 7 màu rực rỡ
Kỹ thuật xuất sắc, nội dung độc đáo
Giá $15.00, liên lạc về: Nhà xuất bản Thế Giới
3023 Centerwood Way, San Jose, CA 95148

Tel: (408) 274-5171

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

người quen

*

Tôi trở về Sàigòn ngay buổi sáng hôm sau. Long đã hỏi dò và cho biết chắc chắn mẹ con Quỳnh đã đi trót chuyến vượt biên đêm trước. *Trót* có nghĩa là không bị công an biên phòng bắt, còn có *lọt* đến được một nước nào khác không thì quá sớm. Phải đợi ít nhất một tháng hoặc có khi nhiều tháng sau mới có thể có tin tức dội về, nếu...

Tôi không muốn nghĩ gì hết sau chữ *nếu*. Tôi nhớ con tôi, tôi nhớ Quỳnh. Cái nôi nhỏ vẫn còn tấm màn vắt lên. Chiếc bàn ăn sát bên cửa sổ ngó ra sàn nước. Cầu thang bằng gỗ tạp đã gãy vài đoạn dẫn lên căn gác thấp long mái tôn chứa đồ lặt vặt và là chỗ phơi quần áo. Căn bếp thông qua con hẻm bên rạp Quốc Thanh nguội lạnh như mùa đông.

Làm gì?

Tôi đi lang thang các khu chợ sách chợ trời. Hình như đồ đạc trong tất cả các gia đình của thành phố đều được tuôn xuống dưới đường. Sách vở không thiếu thứ gì. Những tạp chí cũ mà trước Bảy Lăm tôi ao ước được có một bộ trong tủ sách gia đình, nhưng giá quá đắt không cách nào mua được thì nay đang nằm chồng chơ trên một cái sạp làm bằng miếng ván chồng lên bốn chiếc ghế đẩu. Một người bạn cũ trước làm ở đài phát thanh nay là chủ một hàng sách nói với tôi: "Cứ ngồi đây với tao. Vượt biên thì không đủ tiền. Nhưng sống qua ngày thì được". Nhưng tôi không cách nào ngồi lâu được ở một chỗ.

Tôi lại lang thang qua các khu chợ trời quần áo, chợ trời máy ảnh, đồng hồ, chợ trời tivi, cát sét, băng nhạc.

Tôi thong dong, dạo qua khắp phố phường như một người không chủ đích. Mà tôi còn có chủ đích gì. Chiếc đồng hồ đeo tay của tôi đã bị giật trên đường Hồng Thập Tự sau chuyến ở Phan Thiết về. Đó là món quà đắt

giá duy nhất tôi có trên người do bác Ngô đã tặng khi tôi đi tìm mẹ con Quỳnh. Chìa khóa nhà tôi là vật còn lại tương đối nặng trong túi. Người tôi nhẹ tênh như mây.

Tôi lại ra các quán cà phê vỉa hè. Tôi uống cái thứ nước đen nhạt nhẽo làm bằng bắp rang, vỏ măng cụt ấy với số tiền bán những cuốn sách cuối cùng, những bàn ghế, quần áo cuối cùng... trong nhà tôi.

Tâm khô-khốc-thiền-sư đã có việc làm, một thứ công nhân chạy việc cho một hợp tác xã tiêu thụ.

Đình bị bắt vì có tên nội tuyến trong chuyến tổ chức vượt biên tố. Cả đám ngồi trên xe đò đi nửa đường đã bị công an chận lại gọi từng tên một xuống trói thúc ké, chở về Chí Hòa.

Đó là thời gian tôi quen với một số bạn mới. Những người đầu đường xó chợ. Những người từ ngoài Bắc vào thuộc loại không sống nổi ngoài đời. Những người vừa ở cải tạo ra. Những người đàn bà không biết ngày mai. Những đứa con gái phung phí đời mình trong cái xã hội tuyệt vọng. Những người nuôi một mối căm thù muốn lật đổ chế độ. Những lý thuyết gia của một chủ nghĩa hoàn toàn không Cộng sản mà cũng chẳng Tư bản. Tôi nghe đến một thứ tên gọi là chủ nghĩa Bình sản.

Nhưng thế nào là bình sản? Chỉ nghe vậy thôi, còn cụ thể thì không rõ. Người ta nói đến Đài Loan như một quốc gia muốn vươn tới chế độ Bình sản. Điện khí hóa tới tận nông thôn. Không có người giàu quá. Không có người nghèo quá. Tiện nghi công cộng được chăm sóc tối đa. Đời sống tinh thần lành mạnh. Y tế hoàn toàn miễn phí. Giáo dục hậu trung học là cưỡng bách. Trẻ em và ngk già được nhà nước quan tâm đặc biệt. Những tên sát nhân đều bị xử tử. Trại trừng giới dành cho những người phạm pháp là xưởng thợ sản xuất nhu yếu phẩm. Phạm nhân được thả khi xét hạnh kiểm đã tốt. Mỗi người dân đều có sẵn giấy thông hành trong tay, có thể đi đến bất cứ nước nào, miễn là phải thông qua tòa đại sứ của nước ấy.

Cũng có người nói đó chỉ là một chủ nghĩa không tưởng. Điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị của mỗi xứ, mỗi quốc gia trên toàn cầu không giống nhau nhưng nó phải đồng bộ. Một chế độ như kiểu Bình sản trước hết cần phải có một chủ thuyết, và muốn có một chủ thuyết trước hết phải có một con người, cha đẻ của chủ thuyết ấy.

Tôi cứ như thế quanh quẩn trong các khu phố. Có lần tôi gặp Nguyễn Giang. Đôi kính cận màu nâu trên khuôn mặt xương nhỏ, mái tóc dài thưa hơi gợn sóng. Nguyễn Giang vẫn gầy, có phần còn gầy hơn xưa. Giang viết một số ca khúc mới, làm nhạc cho phim, hát một vài nơi công cộng. Âm điệu trong nhạc anh không gì mới. Lời hát nếu có đôi bài ca ngợi cuộc sống mới thì cũng có những bài nói lên cái tạm bợ của cuộc sống. Thấp thoáng qua những lạc quan là bóng dáng của tuyệt vọng. Suốt buổi Giang uống nhiều, cái thứ rượu Bình Đông làm ở Chợ Lớn pha trộn đủ thứ chất hóa học làm xé ruột xé gan. Cái cảnh Giang cúi xuống thùng đàn so giây, chiếc kính to mặt, gọng nâu, tụt trên sống mũi, và những ngón tay anh run lên vì thiếu rượu vẫn ám ảnh tôi.

Có vẻ như Giang ngày càng xa lánh bạn bè cũ. Cùng với một người viết văn và một nhạc sĩ tập kết trở về, Giang tạo thành một bộ ba lúc nào cũng xuất hiện bên nhau ở những chốn công cộng.

Tâm khô-khốc-thiền-sư thì lúc nào cũng nồng nặc mùi rượu. Từ khi hay tin vợ con chết mất xác trên biển Đông, Tâm vốn còm cõi càng còm cõi hơn. Chúng tôi gặp nhau ở các quán cà phê vỉa hè. Phùng đã vượt biên đường bộ qua đất Miên vào Thái, mang theo một bé gái, vợ nằm nhà chờ xem tình hình ra sao, lỡ có gì còn bới cơm thăm nuôi chồng con.

Lộc học tập cải tạo về đã vượt biên đến được Canada. Nghĩa biệt tăm. Ký sau ngày được trả tự do, gầy ốm hẳn, bẳn tính và chua chát. Sau cùng đã nằm chết trên bãi chỗ ghe vượt biên đã đón vợ con anh đi.

Tôi bây giờ đâu khác gì Ký.

Tôi không có gì để sống. Tôi đi lăng quăng. Nhiều khi tôi thấy mình như một con thú, có lẽ như một con chó hoang thì đúng hơn. Hai vợ chồng bác Ngô thỉnh thoảng dúi cho tôi ít tiền. Nhưng tiền không bao giờ nằm lâu trong túi tôi. Tôi bệ rạc, xơ xác. Nhiều bữa tôi nằm vùi trong nhà, mệt mỏi, như một con cá khô. Tôi ngó xung quanh thấy sao lạnh lẽo, đầy hồn ma bóng quế.

Tôi đã chết chưa? Tôi chưa chết. Nhưng tôi thấy mình đã không còn sống. Cái xác sống. Tôi chỉ là cái xác sống.

Nhiều đêm tôi nghe có tiếng gõ cửa nhưng tôi không buồn ngồi dậy. Kệ nó. Chẳng phải là công an đâu. Nếu công an nó đâu để mình yên. Có lẽ một

đón chào kẻ đến, và hững hờ với kẻ đi. Thành phố là nhân chứng những năm tuổi trẻ của nàng. Thành phố đã khinh bạc nhìn nàng thay đổi. Người thiếu nữ tỵ nạn hôm nào rón rén băng rừng đã biến thành người thiếu phụ tân tiến, tự ti. Người con gái đến từ tỉnh nhỏ biến thành người đàn bà của thành phố lớn. Người đàn bà đứng hát trong ban đại hợp xướng thành phố, âm thanh Haydn no đầy trên đôi môi hé tròn, âm thanh vỡ ra, xa lạ từ lồng ngực ngân dài, không còn cô đọng trong ngôn ngữ lách cách, ríu rít như chim, như gạch vỡ *monosyllable* của tiếng mẹ đẻ. Người đàn bà miệt mài giữa những chồng hồ sơ giết chết tuổi trẻ, vì tuổi trẻ phải miệt mài trong tham vọng, vì thành phố là thành phố của tham vọng. Người đàn bà mặc áo triều đại Thái Lan vay mượn, đứng tiếp tân cho tòa đại sứ Thái trong viện Smithsonian, bởi vì chính bản thân nàng không còn tòa đại sứ. Và người đàn bà ôm cổ Clark Gable, rạng rỡ cười trong ảo ảnh mình có tình yêu. Ảo ảnh tình yêu và ảo ảnh có quê hương. Vâng, thành phố là nhân chứng. Nhân chứng của sự trống rỗng này.

*

Nàng ngước mắt nhìn những lùm cây phong vàng ối và những mái nhà ngói đỏ tươi. Mỗi lần nhìn thấy cây phong đổi màu trên đầu mái ngói đỏ, nàng vẫn mường tượng đến âm thanh reo vui của Wolfgang Amadeus. Nhưng lần này âm thanh Wolfgang không vang vọng trong trí tưởng, mà trái lại nàng nghe thấy tiếng réo rắt, nức nở, thê lương của người ca sĩ gầy ốm, đói ăn, tóc đen, da vàng:

Nước non ngàn dặm ra đi
Nước non ngàn dặm ra đi
Dù đường thiên lý xa vời
Dù tình cô lý chơi vơi
Cũng không dài
Bằng lòng thương nhớ người... (4)

Một trận gió thoảng qua. Má nàng ướt đẫm, tay nàng thêm lạnh cóng. Lá bay lả tả trong không khí. Nàng khom người, nhặt một cọng lá đã vỡ vụn dưới gót chân của những người thành phố vô danh. Những mảnh lá vụn như cửa vào hồn nàng. Từ niên thiếu, nàng đã biết lắng nghe tiếng động bi thương của lá...

*

"Chà, sướng gì đâu!" Phước vừa nói vừa ngó những dòng chữ trên điếu thuốc. "Anh có phải đi tù không anh Thăng?"

Tôi kéo ghế ngồi đối diện với Phước. Tôi cũng châm một điếu thuốc.

"Cũng có chút chút. Mỗi nơi vài ba tháng. Tội vượt biên".

"Anh ở tù nào?"

"Rạch Giá. Nha Trang. Mỹ Tho..."

"Tôi ở ngoài Bắc".

Bỗng nhiên Phước rùng mình. Tôi thấy hai tay anh vòng trước ngực.

"Nhà gì lạnh quá chừng!" Phước vừa hút thuốc, nhả khói vừa ngó quanh nhà.

"Mà chị đâu anh?"

"Nhà tôi và con tôi đã vượt biên!" Tôi nghe chính giọng nói của tôi như thể là giọng nói của một người nào khác.

"Vượt biên? Còn anh tại sao anh không đi?"

"Tôi không đi vì lúc đó tôi còn ở tù dưới Rạch Giá".

Phước đứng dậy, dập điếu thuốc hút dở xuống cái dĩa làm gạt tàn. Anh cho tay vào túi quần, đi qua đi lại căn phòng chật, chỉ bước ba bước, Phước đã đụng vách. Dừng lại trước mặt tôi, anh hỏi:

"Bây giờ anh Thăng làm gì?"

"Tôi chưa làm gì. Tôi không biết làm gì?"

"Vậy anh sống cách sao?"

Tôi sống cách sao? Tôi đi qua đi lại. Tôi đi rong trên phố. Tôi đứng ở chợ trời. Tôi uống cà phê của bạn bè. Tôi ăn cơm chực của bác Ngô. Tôi nhớ Quỳnh, nhớ con. Tôi như một thứ cây mà nhựa sống đã bị hút hết, đứng khô héo dưới một thời tiết hạn hán. Tôi mong tin Quỳnh biết là chừng nào. Hai mẹ con đã đến đâu? Palawan? Poulo Bidong? Sungei Beisi? Songkla? Hay...? Tôi không bao giờ dám nghĩ đến điều đó. "Hay"... không nên có cái chữ "Hay" đó. Mà tôi cũng chả biết mình có sống không, làm sao tôi biết tôi sống cách nào. Nếu sống chỉ giản dị là ăn, là thở, là đi đứng, là cười nói... Có lẽ tôi đang sống.

Đột nhiên, Phước dừng lại, ngồi xuống ghế:

"Tôi hiểu rồi! Anh Thăng. Thật tình là tôi đến gặp để mượn anh chị

một lượng vàng. Tuần tới tôi có chuyến đi. Nhưng mà... tôi hiểu rồi! Anh ăn gì chưa?"

"Ăn rồi! Tôi đã ăn từ hồi chiều".

Nhìn quanh căn buồng trống trơn, Phước hỏi:

"Bán hết rồi hả?"

"Hết. Chẳng còn gì để bán". Tôi cắn đầu điếu thuốc, đổi đề tài "Sao bây giờ mới tính chuyện đi?"

Phước xua tay, châm lửa đốt thêm một điếu khác. Im lặng, một lúc Phước nói:

"Hồi giữa tháng Tư tôi phân vân lắm không biết đi hay ở. Tôi còn nhớ rõ tờ Tiền Tuyến ngày 27 tháng Tư có đi một cái tít dài tám cột "Việt Nam Cộng Hòa sẽ không bao giờ đầu hàng Cộng sản, chừng nào quân đội vẫn còn đó và vẫn còn sự ủng hộ của nhân dân". Và tướng Kỳ đã tuyên bố trong một cuộc mít tinh lớn rằng các lực lượng của Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn mạnh và sẽ mang lại hòa bình trong danh dự cho xứ sở. Tôi đi làm sao được. Tôi quyết định ở lại. Mặt khác hồi đó tôi không muốn khi mình tới trại tỵ nạn sẽ bị người Mỹ xịt thuốc DDT như xịt vào một con vật hôi tanh, như thể mình có chí, có rận hoặc có mùi nặng. Tôi nghĩ rằng chắc mình sẽ có một cái mùi mà người Mỹ sẽ không bao giờ chịu được là mùi bại trận của họ..." Ngưng một lát, Phước tiếp "vả lại, muốn làm người tỵ nạn thì phải rất trẻ hoặc phải rất giàu. Trẻ thì tôi không còn trẻ và giàu thì tôi cũng chưa bao giờ giàu..."

"Vậy sao bây giờ tính chuyện đi?"

"Tôi không thể sống nổi ở đây. Giữa hai cái xấu tôi chọn cái ít xấu hơn... Nhưng bây giờ gặp anh, để tôi tính lại. Có thể tôi sẽ hoãn chuyến đi của tôi".

"Mà tôi làm gì để anh đổi ý?"

"Anh chẳng làm gì. Tôi đổi ý vì tôi đang nghĩ khác. Đi chậm không có nghĩa là sẽ không đi. Thôi bữa khác gặp anh".

Phước đứng dậy, chìa tay cho tôi bắt.

Phước đi rồi tôi không ngủ được. Tôi nhớ Quỳnh nhớ con. Tôi thấy lại khuôn mặt của Uyên, hai con mắt đen, tóc chải cao, cái trán bướng, áo hở cổ rộng, da trắng. Tôi thoảng nghe tiếng khóc của con, những ngón tay

gầy, đôi mắt to trên khuôn mặt thiếu chất dinh dưỡng. Đứa bé ra đời trong một Sàigòn tan nát. Nó không chỉ đánh dấu tình yêu của hai con người, nó còn đánh dấu những tháng năm khổ nhục của cha mẹ và cả một dân tộc.

Tôi tưởng tượng lúc này Quỳnh đang dắt con đi trên bờ biển của một hòn đảo đầy những thuyền nhân tỵ nạn. Quỳnh đang xếp hàng chờ lãnh phần ăn. Quỳnh đang giặt quần áo trên tảng đá của một con suối. Quỳnh đang ôm sách đến một lớp học Anh ngữ. Quỳnh đang bị bao vây giữa những người đàn ông. Quỳnh xông pha giữa bầy cá mập. Quỳnh và con nằm bất động trên một chiếc ghe đầy những xác chết la liệt. Ghe đang trôi lềnh bềnh giữa đại dương. Quỳnh bị đưa lên một tàu đánh cá của bọn hải tặc. Quỳnh bị đánh đập, bị hãm hiếp, bị làm đồ chơi cho bọn thú vật Thái. Quỳnh giẫy giụa. Quỳnh chống chọi, vùng vẫy. Quỳnh ôm chặt con vào lòng. Quỳnh cắn lưỡi. Quỳnh và con nhảy xuống biển. Quỳnh được một tàu buôn cứu. Quỳnh đã đổi khác. Hai con mắt căm hờn, chiếc miệng có cái răng khểnh đã khép lại vĩnh viễn nụ cười đã từng làm chết lòng tôi. Quỳnh đi đứng lo cho con như một hồn ma trên dương thế. Trong trái tim Quỳnh, tôi đã biến mất như một làn khói mỏng đã tan trong không gian. Quỳnh không bao giờ còn nhớ tôi. Cô không muốn nhớ tôi. Tự nhiên tôi có cái ý nghĩ ấy. Đùng một cái, cả một đất nước sụm xuống. Đùng một cái, cả một dân tộc tan nát. Đùng một cái, tôi đánh mất tất cả. Tình yêu của tôi, con cái tôi, gia đình tôi biến đi như những bóng mây. Và tôi, thứ rong rêu bèo bọt, một sinh vật bình thường bất ngờ bị tước đoạt tất cả, trần truồng trước cõi đời. Nhưng mà có đúng là "đùng một cái" không? Có đúng là đùng một cái gạo trong kho sạch trơn không còn một hột không? Có đúng là bừng con mắt dậy thấy mình tay không hay không? Có đúng là tự nhiên một hôm thấy mình mất sạch sành sanh, tay chân bị trói bỏ rọ không? Hôm ở nhà tù Rạch Giá, cha Long nói với tôi rằng chính những người cầm vận mệnh dân tộc trong tay đã đẩy đất nước này đến chỗ suy sụp cùng tận. Càng có nhiều quyền lực chừng nào họ càng có trách nhiệm lớn chừng nấy trong vụ làm mất nước. Máu của cả một dân tộc đổ xuống, xương của nhiều thế hệ xếp lại để cho cái bọn mua bán quyền lực đưa đẩy đến ngày Ba Mươi tháng Tư Bảy Lăm. Chính cái tham vọng chính trị của bọn quyền lực, của bọn cầm đầu Bắc Bộ Phủ hợp với cái tham vọng địa vị và tiền bạc của bọn trong Phủ Đầu Rồng đã làm nên cuộc chiến thắng vĩ đại cho bên kia, cái thất bại

nhục nhã cho bên này. Chính cái thứ người như anh, sống lửng lơ bên lề xã hội, sống như cơm nguội và nước lạnh với cuộc đời đã góp phần vào sự tan nát này! Đâu phải một ngày mà sự thể nó trở thành thế kia. Lâu lắm rồi, một khi "triều đình" không biết nỗi khổ của dân đen, thì cái thế tất yếu của thất bại đương nhiên là phải đến.

Tôi chắp hai tay lót dưới ót, ngó lên trần nhà thấy tối om. Cây đèn hột vịt hết dầu đã tắt ngúm. Căn nhà tràn ngập một thứ bóng tối buồn bã. Tôi nhớ đến Uyên, đến ông Phan, bà Phan. Uyên nồng nàn. Bà Phan kiểu cách. Ông Phan đầy tham vọng, những ngón tay tròn và mập, lòng bàn tay ướt rịn mồ hôi. Cái tiểu thư viện, nơi lần đầu tiên tôi gặp ông. Bức tự họa của Van Gogh trên tường. Những thứ ấy cùng lúc bỗng hiện ra trong trí tưởng tôi. Rồi ông Mười Tân, con người theo đuổi một lý tưởng mà ông tự cho là cao đẹp, tự mãn về sự chiến thắng của một chủ nghĩa như đã tìm được đáp số cho một bài toán mà dân tộc đã đặt ra cho mình. Đáp sgiải ấy, buồn thay, tôi nhìn kỹ, nó chẳng qua chỉ là cái âm bản của một tấm phim mà phần dương bản là cái ông đã cùng các đồng chí ông đem chính máu xương của mình và đồng đội mình ra để tiêu diệt thôi.

Đâu có gì khác khi người ta lật đổ một chế độ để xây dựng một chế độ giống như cái chế độ mà mình từ khước, phủ nhận. Cái câu nói của bà Phan vậy mà hay, câu "trốn nhà tù này để chui vào một nhà tù khác chứ có gì khác đâu". Tôi nhìn ngó xung quanh. Nhà trống trải. Đường xá bẩn thỉu, đầy ổ gà. Những con người lạ lẫm. Cảnh vật tiêu điều buồn bã. Những nụ cười gượng. Cái công viên trước dinh Độc Lập trước kia đẹp đẽ trang nghiêm bây giờ khi bóng tối xuống đã đầy những gái ăn sương. Đâu phải dân chuyên nghiệp gì. Con gái của một ông giáo. Bà vợ của một sĩ quan học tập cải tạo. Những con người thất cơ lỡ vận. Cánh cửa của xã hội đóng lại trước mũi những con người cũ. Ở trên mỗi khuôn mặt của người Sàigòn luôn luôn có một chữ vô hình nhưng rõ nét: "Ngụy! Ngụy! Ngụy!" Chỗ nào cũng Ngụy. Có học đã là Ngụy. Đĩ điếm cũng là Ngụy. Người ta có biết đâu từ khi miền Bắc tràn xuống miền Nam con số đĩ điếm đã gia tăng gần bằng con số trong thời gian quân đội Mỹ và Đồng Minh tới Sàigòn...

Tôi còn nhớ cái gì nữa? Đăng và Mai hiện đã theo mẹ chúng đến Pháp. Cái thư hai đứa viết cho tôi đề tại Paris. Đã đi học lại. Má đã lấy chồng, bắt tụi con kêu ông này là ba. Không được, con chỉ có một người ba thôi.

Nhưng mà đâu có sao? Mỗi buổi tối má giành mười lăm phút để chửi ba. Đàn ông bội bạc. Đàn ông tồi. Đàn ông là rác rưởi. Đàn ông làm mẹ tởm. Và má lấy chồng. Người chồng mới của má tuy bề ngoài có hơi thấp lùn một chút và không được bảnh trai lắm, nhưng bù lại tánh tình dễ chịu, cần kiệm, tiện tặn, tiêu một đồng một cắc cũng suy đi tính lại. "Một cái giẻ rách trong nhà cũng lưu luyến, khó mà bỏ nó được". Ông chồng mới của má ở Âu châu lâu năm, học hành đỗ đạt, việc làm tốt, lương cao, bổng hậu. Nhưng dè sẻn tiện tặn chẳng qua là vì có truyền thống gia đình thôi. Thế là quá tốt. Khi má chửi đàn ông có lẽ má chửi ba, chứ không phải chửi bất cứ người đàn ông nào. Má nói sao ba không ở tù chết rục luôn trong mấy cái trại cải tạo của Cộng sản đi. Đăng viết trong thư nói nó muốn bảo lãnh cho tôi đi Pháp, mà tuổi nó còn nhỏ không thể làm giấy tờ được. Chú nhỏ nói có gặp một cô bạn gái hồi ở Sàigòn của tôi, "cô ấy là ma-rem của con, cô đứng tên với con, ký giấy tờ với con chở con đi ch này chỗ nọ, làm các thủ tục để lo cho ba". Thư đi kèm mấy cái "xẹt ti fi ca" bảo đảm nơi ăn chỗ ở cho tôi của Brigitte Huỳnh. Brigitte Huỳnh? Tôi không nhớ. Có lẽ hồi ở Sàigòn cô có tên khác. Dù sao Brigitte không biên cho tôi một chữ nào để nhắc kỷ niệm cũ. Có thể cô là bạn của Uyên không chừng. Nhưng không sao. Tôi hi vọng tờ giấy của Brigitte và Đăng có hiệu lực. Tôi vẫn giữ cái thư và tờ giấy bảo lãnh trong túi, nhưng chưa nộp. Tôi cứ hẹn lần hẹn lữa. Mai đi! Mai đi! Tờ giấy đã hơi nhầu. Cái gì giữ chân tôi lại khi cầm tờ giấy này đi xuống công an quận. Có thể nó sẽ không nhận. Dù sao? Còn ông Mười Tân? Chẳng lẽ ông ta không biết rằng tôi ở tù ra? Chính ông đã vào trong tù gặp tôi. Chính ông chẳng đã từng nói một người dân Ngụy nào đó vượt biên mà bị bắt thì tùy địa phương xử lý vài ba tháng đến vài ba năm, chứ thằng Thăng thì cứ cầm chắc trong tay bốn chục năm. Bốn chục năm rất khác với bốn tháng hay bốn năm! Ông gằn từng tiếng như vậy. Tôi không rõ ông yêu cái chế độ mà ông góp công xây dựng và cái chủ nghĩa mà ông theo đuổi hay ông yêu cái chỗ đứng của ông trong cái chế độ này. Ông có lạc quan quá đáng chăng khi mà cái thành phố Sàigòn đẹp đẽ này và cả một đất nước thân yêu này mà ngày một lún sâu xuống cái bãi lầy của sự nghèo khốn, xót xa, đau đớn, khổ nhục. Cách mạng là đoàn tụ cho người này chia ly cho người nọ, là sự hãnh tiến cho cái đám lau nhau này, là sự cúi đầu nghiến răng của đám kia.

Cách mạng có phải là giật ngôi nhà của người này, đuổi họ ra đường để cho một tay tự xưng là từng đổ máu xương cho chủ nghĩa dọn vào. Cách mạng có phải là làm trống trải những căn nhà - kể cả những căn nhà không còn có gì để làm trống trải thêm nữa - để làm đầy những căn nhà khác. Cách mạng có phải là hạ thấp mức sống của một xã hội đang cao xuống cho bằng một xã hội mà cuộc sống đã bị ngưng đọng suốt hai mươi năm?

Tôi không hiểu chính trị là gì. Tôi là một tên dốt nát về nhiều mặt. Cả cái lũ bạn tôi, từ Tâm khô-khốc-thiền-sư, Đình cay-chua-độc-mồm-độc-miệng, đến Nhật can đảm một cách ka-mi-ka-de... hoặc như "Lộc Sorbonne", "Ký thi-sĩ", "Nghĩa kinh-tế"... thằng nào cũng lãng mạn về chính trị, ai đã nói với tôi như vậy? Tôi không nhớ. Nhưng mà có lẽ ai đó đúng. Tôi khinh bỉ cái thứ chính trị xu thời, xa lông, cái thứ chính trị bằng mồm, cái thứ chính trị được làm vua thua làmg iặc. Trời ơi, tưởng tượng một quốc gia tràn ngập công an và nhà tù thì nó sẽ ra sao? Mà đâu cần tưởng tượng. Tôi chỉ cần mở cánh cửa bước ra đường là tôi có thể thấy ngay rồi. Đầu hẻm, cuối hẻm có công an. Khu vực, có công an. Ngôi biệt thự cửa đóng im ỉm, có cổng sắt của một gia đình Ngụy nào đó có thể là một nhà giam. Run sợ: đó là cái cảm giác thường trực trong tôi. Và để trấn an nó, tôi thường nói không sao, không sao, tôi có làm gì, tôi đâu có nợ máu với bất cứ ai. Tôi không ăn cắp, không nói dối, không giết người. Tôi sống lương thiện. Tôi không ân hận hối tiếc về những ngày tháng tôi đã sl qua. Tôi yêu người, yêu đời. Không sống được với người đàn bà kia tôi đã thẳng thắn chia tay. Tôi thương yêu các con tôi. Tôi yêu Quỳnh và tôi sống với Quỳnh. Nếu cô không yêu lại tôi và nếu cô không sống với tôi, chắc chắn là tôi sẽ đau khổ. Nhưng tôi đã được người phụ nữ mà tôi ao ước. Tôi đã có với Quỳnh một đứa con thay vào chỗ những đứa con tôi đã ra đi. Nhưng sau cùng tôi cũng đã mất. Cái có đã trở thành cái không. Cái tự do đã trở thành tù ngục. Tôi hoang mang về cái lẽ tử sinh. Cái bóng tối của đêm Sàigòn sao mà đen sệt như thế này.

Và sau cùng tôi nghĩ đến người thanh niên tên Phước. Anh ấy đã vực tôi dậy. Có lẽ mình phải làm cái gì chớ. Mình đâu phải là cỏ cây. Mà tôi làm cái gì bây giờ? □

(Trích **Bụi Và Rác**)

CHÂN PHƯƠNG

độc tấu cho bốn bàn tay ngập cát

*

I. composition inachevée
mùa xuân đi qua như sáo ngữ

mấy nốt giáng thăng
rỉ nhau trèo khỏi cửa sổ
bỏ trốn cây đàn kỷ niệm

căn phòng rên siết lẻ loi

hiện tại là chiếc lá xanh
gói gọn mọi miếng da khô của nỗi niềm

nắng pha loãng tiếng chim
thấm loang nền tĩnh vật

II. sau cơn mê
ống nghe với máy điện thoại
không thể hóa làm đôi ngực hoặc vai trần

trong căn phòng sa mạc
cơn say cõng lê tôi
đi tìm cái giường ảo giác

ngọn gió lạc loài vờn đuổi
hai mảnh vải bịt mắt màu đen
bên lề trí nhớ lạnh tanh

lá úa kiếp người
bắt đầu rơi
giữa mùa hè xanh ngắt

III. đoản khúc không tặng ai
vài thân cây co ro
quanh buổi sáng thanh vắng

nắng rạn
khắp không gian mùa thu
niềm câm lặng giữa hai con người

thoáng gió sớm dìu
mấy chiếc lá còn ngái ngủ
vào nỗi chết nhỏ nhoi

cái đầu quả đất trái tim

chậm rãi quay theo

vòng tròn
quạnh
hiu
của
chữ

IV. largo cho cà phê nguội

mùa đông vỗ cánh từ thương
lông trắng rơi lả tả

xếp quanh tách cà phê nguội
những nốt nhạc đóng băng
tôi hình dung mình
là khúc độc tấu hững hờ

không còn đường dây điện thoại nào
nối với trái tim

rời bỏ
hiện tại lạnh tanh

đàn chim ký ức

lần lượt
đáp
xuống

các nhánh xương
của lời cô quạnh

đoạn kết

tắt đèn

mở toang
các cánh cửa

cho bóng tối
tràn ngập hơi mưa

cho căn phòng bệnh
bồng trên nỗi buồn xưa

hụt hẫng
với cơn say đầy lá úa

rời dần
mấy xoáy lốc tâm tưởng
đìu
hiu
như chiếc ghe
giạt xa
mọi bãi bờ

lênh đênh
trôi khỏi những cuộc tình chết

kéo theo mình
chuỗi ngày
trĩu nặng da thịt nặc danh

bỏ lại phía sau
vô số thân tàu chiêm bao rệu rã
giữa lũ dư âm trần gian vô nghĩa

lướt qua
mở rác rưởi thiên thu
cùng dãy đá ngầm nuối tiếc
... mất tăm
như chiếc bóng mờ

chỉ còn
vệt sóng loang
trên chăn nệm dư thừa

bật đèn

đóng khóa
từng cánh cửa

trở về
sa mạc nhỏ
của trái tim

tiếp tục gặm
cho đỡ khát

nhánh xương rồng không trí nhớ

PHẠM VIỆT CƯỜNG

trả lời bằng câu hỏi

*

chẳng lẽ anh phải nói với em
những lời tỏ tình dịu dàng
như cách đây hai mươi năm
anh từng run rẩy nói
lần đầu
nơi một sân nhà đầy gió
có hoa mận và trăng rơi trắng
xuống một mùi hương lạ nao nao?

chẳng lẽ anh phải viết cho em
những bức thư dài sầu nhớ
như cách đây hai mươi năm
anh từng say đắm viết
lần đầu
trong giảng đường vắng ngắt
khi mùa thu đang bứt những chiếc lá ném đi
cùng với hồn anh
trong nắng vàng nhức buốt?

chẳng lẽ anh phải giải thích cùng em
rằng nếu có bề gì
thì đây cũng sẽ là sự lỡ làm sau cuối

rằng thời gian không còn đứng về phía chúng ta nữa
mà đang lầm lũi bỏ đi như kẻ trộm
và em đã biết rằng đứa con đầu tiên trong đời
phải được sinh ra trước tuổi bốn mươi?

chẳng lẽ chúng ta cố gắng yêu thương tất cả mọi người
mà lại không thể yêu nhau... ???

THẬP LANG

món quà cho người vợ trẻ trong đêm giáng sinh

*

Tôi còn nhớ, hôm ấy là buổi sáng tháng Chạp, năm 1971. Đó là ngày áp lễ Giáng sinh, nên chẳng có ai đến sở làm. Hai bên đã bắt đầu hưu chiến từ nửa đêm hôm qua. Tuy nhiên, bài học phản trắc của phía bên kia, trong dịp tết Mậu Thân (1968) còn đó, nên những người bên này còn nơm nớp lo sợ và đề phòng. Đó cũng là lý do, thay vì ở nhà đi chợ, chuẩn bị Giáng sinh, tôi lại đến Tổng cục Chiến tranh Chính trị.

Vừa đến nơi, đã ngửi được mùi căng thẳng của nhà binh, nơi anh hạ sĩ gác cổng ra vào. Chủ nhiệm nhật báo Tiền Tuyến, lúc đó, vớ được tôi, như cọp đói vớ được mồi. Hắn nói:

– Tình hình trở nên nghiêm trọng, một trận đánh ác liệt đêm qua tại chiến trường Quảng Trị. Trên một trăm xác Việt cộng bỏ lại chiến trường. Cậu phải tháp tùng báo chí đi vùng Một, làm cái phóng sự cho số báo ngày mai.

Tôi hỏi:

– Chúng vi phạm hưu chiến?

– Trận đánh kết thúc nửa giờ, khi lệnh hưu chiến có hiệu lực.

– Chúng căn me giỏi thiệt. Như vậy thì có gì gọi là trầm trọng. Trận chiến này, khởi sự ác liệt cả chục năm nay rồi.

– Lệnh, anh biết không?!!

– Yes, sir...

...

Hai giờ bay từ Sàigòn Đà Nẵng, với chiếc máy bay hai thân của nhà binh. Nhiều giờ nghe thuyết trình từ Quân đoàn tới Trung đoàn. Cuối cùng, chúng tôi đến được mảnh đất ác chiến tối hôm qua, cỏ cây nơi đây còn quyện mùi thuốc súng.

Chiến trường là một bìa rừng bỏ hoang. Dân chết hết, hay bỏ làng ra đi, chỉ còn lại những đống gạch vụn, những bức tường đổ nát, điêu tàn. Ngày xưa chắc nơi đây cũng có những ngọn gió chiều, có những thiếu nữ gánh nước trên con đường làng quanh co. Có con trâu gặm cỏ trên cánh đồng nắng cháy. Bây giờ còn lại những gì, một bìa làng, cỏ gai và rau dại.

Tại sao lại đưa đến chốn này để giết nhau. Tranh nhau được những gì ở nơi đây? Bờ tre còn đó, đống gạch vụn còn nguyên, đường giao thông hào còn đó. Kẻ thua, đã thua những gì nơi đây? Kẻ chiến thắng, đã được những gì nơi đây?

Quả có trên một trăm xác chết, nằm ngổn ngang trên mặt đất. Phía bên ta dù được mô tả là nhẹ, cũng phải có năm mươi kiếp người ra đi. Chẳng viên đạn nào, mang theo tờ giấy chính nghĩa, khi ra khỏi nòng súng. Hai trăm xác chết, hai trăm kiếp người đang bước vào tuổi xuân xanh, chưa được thấy một ngày hòa bình phù du, chập chờn trước mặt, đã vĩnh viễn ra đi. Quả là một cuộc chiến tranh quá phi lý, với những con người Việt Nam.

Tôi bước qua những xác chết, dửng dưng như bước qua những hòn đất dưới chân tôi. Tự nhiên, tôi để ý đến một tử thi, hắn còn trẻ lắm, hắn chết như người đang say ngủ. Tôi quan sát khắp nơi, vẫn không thấy một vết đạn nào trên tử thi. Càng nhìn lâu, càng thấy sự bình thản trên nét mặt kẻ chết, lại còn mang theo một chút trầm mặc, như một kẻ đứng trên bờ đại dương nhìn sóng biển nhấp nhô.

Tôi lần bên trong túi áo của tử thi, bắt gặp một lá thư của đương sự gửi người mẹ tại miền Bắc, viết rồi nhưng chưa kịp gửi đi. Một gói nhỏ, bên trong đựng một cây Thánh giá, làm bằng mảnh sắt vụn của vỏ máy bay Mỹ.

Trong thư hắn viết: *"Mẹ ạ, hôm nay đúng ba tháng con đặt chân lên chiến trường B (đi Nam). Ở đây không có ngày và cũng chẳng có đêm. Bom*

dạn nhiều như lá cây rừng, mồ hôi, nước mắt, nhiều như nước trên nguồn chảy xuôi. Cỗ tràng hạt mẹ đưa cho con, lúc ra đi, con đã đánh mất khi vượt Trường Sơn. Con đã làm một cây Thánh giá thay vào đó. Mẹ bảo con đọc kinh sớm tối, nhưng ở đây không có ngày, có đêm, nên làm sao có buổi chiều hay buổi sáng. Chỉ mỗi khi mặt trời xuống núi, con lấy Thánh giá đưa ra trước mặt, hướng về miền Bắc, như chấp hành lời mẹ dặn dò lúc ra đi.

Có nhiều hôm, từ trên rừng nhìn xuống những làng mạc xa xa, những tháp chuông nhà thờ cao vời vợi, như tháp chuông nhà thờ làng ta. Có những kẻ đang cầu nguyện dưới tháp chuông nhà thờ đó. Họ là ai hở mẹ. Có phải họ là kẻ thù của nhân dân?!!"

Trên máy bay trở lại Sàigòn, tôi nhớ đến khuôn mặt của anh cán binh Bắc Việt, một xác chết mà tôi thấy như đang nằm ngủ, trong đó có giấc mơ.

Anh ta là kẻ thù của tôi? Kẻ thù của tôi sao trẻ như thế, anh ta đã gây tội ác từ lúc nào, để phải nhận bản án tử hình của đồng loại nơi đây. Kẻ thù của tôi đã có lúc, ngắm chung với tôi một tháp chuông nhà thờ, nhìn chung với tôi một cây Thập giá, để chia xẻ một niềm tin!!!

Trên một triệu thanh niên trẻ miền Bắc, cầm súng vượt Trường Sơn đi Nam, bao nhiêu kẻ thù của tôi, có khuôn mặt lúc chết, như tử thi anh cán binh tôi bắt gặp bên bìa làng Quảng Trị hôm nay?!!

Tại sao hắn lại chết trước nửa đêm hưu chiến? Tại sao hắn không sống thêm một ngày nữa, để thấy được một ngày hòa bình phù du. Tại sao hắn không sống thêm một ngày nữa, để gửi lá thư về cho người mẹ miền Bắc. Một lá thư đem đến cả một đời hy vọng, cho một người đàn bà, không bao giờ biết ý nghĩa của chữ Cộng sản là gì?

Từ khi Cộng sản lan tràn trên đất nước Việt Nam, có ai tránh khỏi là nạn nhân của chủ nghĩa này không? Từ một em bé thả diều trên đường làng, một bà già co ro trong quán nước, một thiếu nữ chấp nhận cảnh khó hèn, sống ven sông như con chim bói cá, giấc mơ chỉ là bát cơm đầy không độn sắn, độn khoai. Một thiếu niên trên ghế nhà trường. Con chim nhỏ trong rừng sâu. Ngay cả một cán bộ trung kiên của Đảng. Tất cả mấy ai thoát khỏi nạn nhân của chủ nghĩa Lenine.

Cộng sản là môn võ tà ma, luyện vào thì chính mình là nạn nhân. Chủ

nghĩa Cộng sản là con rắn độc, nuôi bằng chất nha phiến. Chủ nhà là nạn nhân đầu tiên của con rắn độc nuôi trong nhà.

Tôi ra khỏi tòa soạn thì trời đã khuya. Trên đường Sàigòn đêm nay ánh đèn giăng mắc, những đoàn người ngược ngược, xuôi xuôi, mừng đêm Chúa đến. Tôi biết lúc 8 giờ tối, bản tin đưa đi, có những xác chết ngổn ngang trên màn ảnh truyền hình, của chiến trường Quảng Trị. Nhưng những kẻ trên đường phố này, chẳng có ai để ý. Đó là chuyện của chính quyền, chuyện của ai, không phải chuyện của họ. Một cuộc chiến tranh quá lâu, hình ảnh đó dửng dưng với mọi người dân. Họ chưa chết hôm nay, chưa chết lúc này. Tội gì phải băn khoăn cho kẻ khác. Cuộc chiến quá lâu, quá thê thảm, đã đưa một dân tộc giàu tình cảm, như dân tộc Việt Nam, trở thành những thế hệ co rút trong vỏ ích kỷ.

Ánh đèn ở đây chói chang quá, lộng lẫy quá. Nhưng làm sao đủ sáng để chiếu đến bìa làng, nơi mà các tử thi của kẻ thù đang nằm trên bãi chiến trường chiều nay. Đêm nay Chúa đến, thêm bao nhiêu mẹ già, thêm bao nhiêu quả phụ trẻ quấn khăn tang lên đầu?!! Belem chốn ấy, Nazareth năm xưa, có cô đơn và lạnh lẽo, tối tăm hơn bìa làng Quảng Trị, trên miền đất thương khó Việt Nam nơi đây lúc này không?

*

Tôi về đến nhà, vợ tôi còn chong đèn chờ đợi, bên cạnh đứa con gái đầu lòng mới lên hai tuổi, đang ngủ thiu thiu. Tôi ngắm đứa con, nó nằm ở cái thế chênh vênh. Con gái tôi có tật, trước khi ngủ, hai tay xoắn tít lấy những lọn tóc trên đầu, thật cực khổ, nên lúc ngủ, bao giờ cũng nằm ở thế chông chênh, không thoải mái. Vợ tôi thường nói: Đó cũng là một cách tự ru nó đi vào giấc ngủ. Nó sẽ là đứa trẻ rất tự lập trên đường đời. Tôi thì bi quan hơn, cho rằng, nó lớn lên sẽ cơ cực như vợ tôi, người thiếu phụ nhiều năm chờ chồng ngoài mặt trận.

Vợ tôi thấy tôi về, không trách móc, nhưng đôi mắt thăm thẳm làm sao! Buổi sáng lúc ra đi, tôi bảo chừng một giờ sau sẽ trở về, đưa mẹ con đi mua quà Giáng sinh. Từ ngày cưới nhau, tôi chưa có cơ hội làm điều đó. Năm nay là lần đầu tiên tôi ở nhà mừng lễ Giáng sinh với vợ, với con. Nhưng bây giờ đã gần nửa đêm, m2ới đẩy cửa bước vào nhà. Chiến tranh bất trắc như cuộc đời lính tráng của tôi. Trách móc nhau cũng chẳng làm khác đi được.

Chịu đựng là thói quen của những thiếu phụ có chồng trong chiến tranh.

Tôi lần túi áo, lấy cây Thánh giá làm bằng mảnh sắt vụn vỏ máy bay Mỹ, mà tôi nhặt trên tử thi anh cán binh Bắc Việt tại bìa làng chiều nay, đưa cho vợ tôi và bảo: "Đây là món quà Giáng sinh của em, hãy nhận lấy. Ngày hôm nay anh đã vượt trên một ngàn cây số, để mang món quà này về cho em, hãy nhận lấy. Mỗi người chúng ta có mỗi cây Thánh giá riêng, nhưng Thánh giá vẫn là Thánh giá.

Chúa vác Thánh giá lên núi Sọ, Chúa hiểu tại sao. Chúng ta vác Thánh giá trên trần gian, chúng ta chẳng hiểu tại sao chúng ta phải vác. Đó là điều khác nhau trên đường lên núi Sọ của Thượng Đế và loài người".

Vợ tôi không hiểu gì cả, hiểu làm sao được, khi có một người chồng hay nói chuyện quanh co. Nhưng nàng vẫn cầm lấy món quà của tôi. Cầm lấy có nghĩa là chấp nhận. Chấp nhận một thói quen của những người thiếu phụ có chồng, sống trong một cuộc chiến tranh lâu năm thê thảm. □

Giáng Sinh 90

Đón Đọc:

Thơ KHOA HỮU

Tiếng hót của một con chim bị nhốt trong lồng, vặt lông, bẻ cánh.

Tiếng hót vẫn hay dù công an văn hóa gọi lên trình diện hằng tuần.

Những vần thơ của một người sống trong nước, nhưng tình cảm, yêu thương, suy tư phải nhờ đến hải ngoại mới thốt được nên lời.

HỒ ÔNG

*

nghiệp chướng

bỗng nghe văng vẳng
tiếng chuông
ta trăm mảnh nhỏ
bốn phương cùng về
còn phần
nghiệp chướng
u mê
không tìm ra được
chốn quê niết bàn
quay cuồng
giữa cuộc trần gian
không sao
thoát khỏi
bức màn vô minh

thoáng chốc

*

nỗi buồn
trơn trợt khó qua
cắn môi
ta nhấm máu ta
giải sầu
điên điên

bứt tóc trên đầu
sợi đen
thoáng chốc đổi màu
trên tay

vô thường

*

vật vờ
giữa chốn bể dâu
trùng trùng
tám hướng thành sầu
bủa vây
buồn buồn
ngó lại chỉ tay
hóa ra tâm đạo
đổi thay
vô thường

PHAN NI TẤN (N.D.)

thấm

*

Vài năm
chẳng thấm
quê người
mười hai năm
lẻ
giọng cười nhỏ đi

bốn mươi lăm tuổi
được gì
thúng sầu
một gánh
nặng
trì
vai anh

giải thích

*

Để râu cho mặt bớt xanh
ra đường gió thổi
ngọn ngành phất phơ
mặt râu
dẫu có mệt phờ
cũng che được
cái bơ ngơ
vậy mà.

HOÀNG XUÂN SƠN

mùa đông chim trống mái

*

Mùa tuyết lũ cuốn đi xa
bay đi những chân dặm dài
thể tình em những năm gắn bó
những năm có bên nhau chim-trống-mái
chim trống cùng dường kiệt sức
chim mái ủ rũ
như một cội phong buồn

Mùa đông bầu bạn bỏ đi hết
bạn trốn tuyết ở một phương
nói-cười-thâu-đêm
mùa đông chim trống mái nhìn nhau
lặng lẽ
ở sau cùng đêm thánh lễ bùi ngùi
đêm mất thật sâu

CAO XUÂN TỬ

ngày ta yêu nhau

*

ngày ta yêu nhau
đỏ hàng dâm bụt
dôi bướm đong đưa
gió mời cánh nửa
ngày ta yêu nhau
lửa đêm hồng cháy
lưng vết còn đau
lở bồi thân thể
trong đêm yên áng
ngỡ lọt tiếng kêu
tiếng ghét tiếng yêu
rối bờ tóc dại
vừa trong cái hôn
đã ngoài hơi thở
ngày ta còn nhau
đời xô đập cửa
ngày ta xa nhau
lạ lùng đôi bướm
chiều đỗ lệch vai
vỡ mùa yêu cuối
lá đụng xước cành
chim xù cánh ngợ
ngày ta quên nhau
buồn ta bụi bám
mưa bạc tờ thư
hững hờ giấy xám

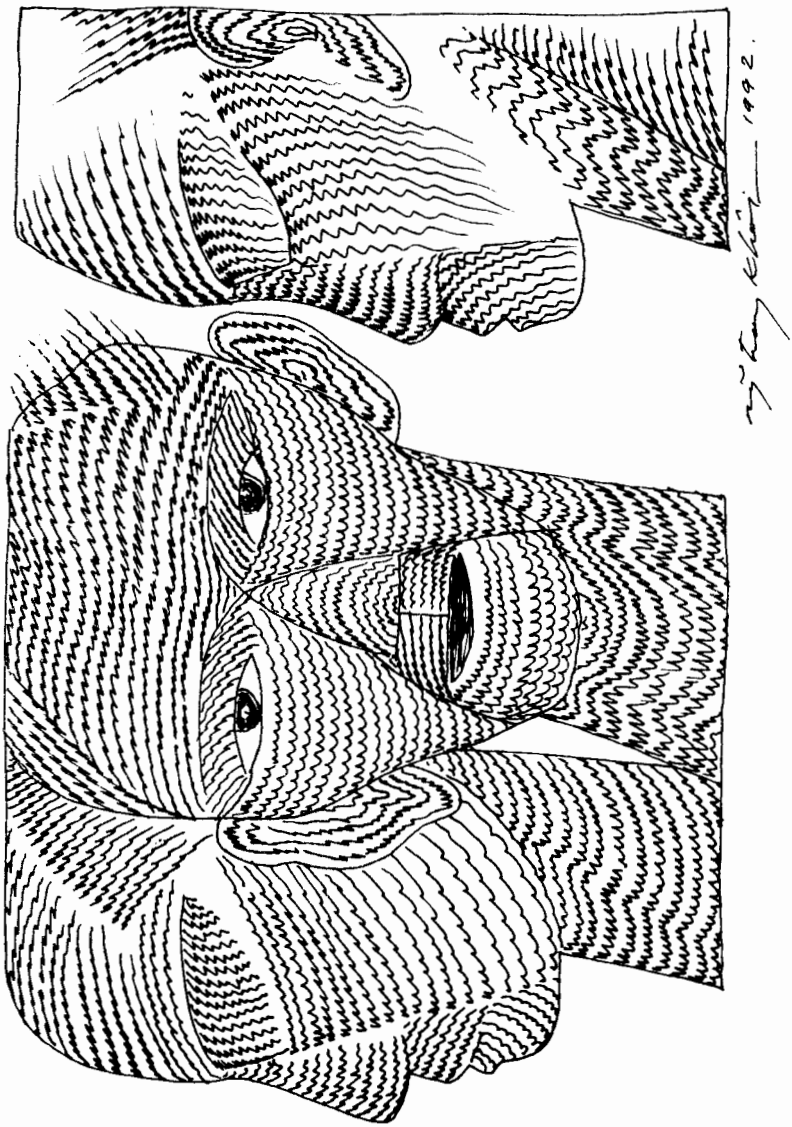

Phụ bản Nguyễn Trọng Khôi

NGUYỄN VĂN SÂM

buổi sáng buồn ở tiểu sàigòn

*

Ngày cuối tuần nào cũng như ngày hội, đường phố đông khách lạ lùng. Thiên hạ ở các vùng gần gần chung quanh đổ xô ra đường thi đua cùng với du khách từ những tiểu bang khác về viếng thủ đô của người Việt tỵ nạn. Nam thanh nữ tú thướt tha. Áo quần màu mè đủ vẻ đủ dáng. Những tiếng cười dòn tan yêu đời khắp chốn. Quán ăn được mọi người chiếu cố tận tình. Những buổi làm ban đầu tiếng ồn ào trong tiệm tạo nên một âm thanh nhức tai điếc óc Chuyên. Nàng nhiều khi vừa bưng thức ăn ra tiếp đãi khách vừa tự hỏi không biết mình có thể tiếp tục công việc hay không. Không nặng nề cực nhọc, tiền típ khá, nhưng sao như có gì đè nặng tâm tư. Lắm lúc nhìn những cử chỉ của thực khách càng thêm chán ngán: ăn uống vung vãi, tung tóe, tăm xỉa răng và thức ăn vụn vất đầy trên bàn, giấy lau tay bung thùa, đổ tháo. Lại còn ơi ới kêu gọi mỗi khi thấy bóng dáng nàng bưng thức ăn lên cho bàn khác. Như là những kẻ có quyền, như là những ông chủ bự. Nhiều anh còn cố gắng giương cổ lên kêu to như sợ thực khách chung quanh không nhận ra tiếng mình trong đám đông ồn ào.

Thôi thế mới đúng là đời! Ru rú trong nhà làm sao hiểu được chuyện xảy ra trong xã hội lắm chuyện lạ lùng này. Muốn ai cũng mềm mỏng nhu mì như mình thì cái thế giới này hóa ra chỉ là thế giới của một loại người hay sao? Chuyên tự an ủi để khỏi nghĩ bi quan vẩn vơ và nhất là để cho

công việc của mình có vẻ dễ chịu hơn. Làm *thân phận* người bồi bàn mà khó chịu vì cử chỉ phàm phu của thực khách có mà tịch sớm, — Tao từng có kinh nghiệm bồi bàn trong hai năm tao thấm thía cái *nhọc nhằn* của nghề, lượm mấy đồng tiền thiên hạ bỏ lại trên bàn cho mình cũng cười ra nước mắt lắm — Câu nói của Trang tuy tếu một chút nhưng hàm chứa một chân lý: kệ chuyện thiên hạ và bất cầu sự hoàn toàn ở người khác. Hãy chấp nhận thế giới này như vậy đó, đừng đòi hỏi nó phải như thế nọ, thế kia theo ý mình.

Bây giờ giữa trưa quán lại ồn ào hơn. Những bàn lớn đã bị chiếm bởi các *ông anh-chú-bác*. Nhớ lại danh từ này Chuyên mỉm cười với mình, cái cười nhẹ thiệt nhẹ nhưng hình như mấy tô phở nàng đang bưng trên khay cũng cười theo, nước trong tô sóng sánh, mấy miếng thịt thái mỏng nằm yên trên nhau được dịp nhấp nhô. Cái con nhỏ Trang coi vậy mà ác ghê, mấy cha già đáng tuổi chú bác vô đây cứ anh anh em em với các cô *waitress* bị nó đặt tên là các ông anh-chú-bác, các chú bác không nên gỡ gạc giờ chót cuộc đời bằng một vài danh từ để tự đánh lừa mình. Họ đương ba hoa chích chòe về chuyện chính trị kim cổ đông tây, về những thành tích ngày xưa được phóng đại theo thời gian:

– Hồi đó có lần tụi Việt cộng tung ra gần hai tiểu đoàn bao vây tụi tôi. Tụi nó tiền pháo hậu xung mấy chục lần trong hơn cả tháng. Tụi tôi nằm dưới hầm dưỡng sức chờ cho tụi nó mệt chui lên phản công lại, tóm gọn, diệt trọn. Trận đó báo chí lúc đó đăng quá trời.

– Hồi lúc tôi nắm ty Thuế vụ quận Năm, một bữa kia đi về nhà thấy hai hộp bánh *biscuit* đầy nhóc vàng lá hỏi ra mới biết mấy thằng Ba Tàu đem tới. Tôi la người nhà quá cỡ. Biểu ngày mai tụi nó tới thì trả lại. Ăn của tụi nó thì phải làm theo tụi nó, đâu còn thể thống gì nữa. Dẹp.

Chuyên nghe câu được câu mất, vâng, quý chú bác có những công lao và thành tích ngày xưa. Chuyên và những người không may còn lại ở Việt Nam chỉ mong quý chú quý bác lập được những thành tích tương tợ trong hoàn cảnh mới. Mỗi thời có những khó khăn riêng của nó, ước gì quý chú quý bác bỏ cái gói hành trang thành tích quá khứ quá nặng nề trên vai xuống đi mà nhảy ra tranh đấu cho nhân quyền, cho quyền tỵ nạn, cho sự phản đối cưỡng bách hồi hương, cho những ý kiến chống bang giao... Dùng thời giờ đánh bóng lại hằng ngày một thành tích đã mốc meo ngày xưa của

mình các chú các bác không thấy là kỳ cục quá hay sao? Vừa vô ích vừa như con lạc đà chở cục bướu quái dị trên lưng mà lúc nào cũng khen cục bướu mình đẹp.

Một người nắm tay Chuyên — hơi mạnh khiến sắc mặt Chuyên một chút đanh lại — ra vẻ như tình thân:

– Cô Dung nghĩ coi anh nói có phải không: Ngày xưa cái chết treo sợi tóc trên đầu anh, mấy thằng này ngồi ở Sàigòn nếu mà còn ăn hối lộ thì ngày nay đâu xứng đáng được ngồi ăn với anh, phải không? Tụi nó phải sao sao đó mới được ngồi chung bàn với anh chứ!

Chuyên cố gắng điều khiển bắp thịt mặt để tạo cái vẻ mỉm cười, ngó xuống chỗ cườm tay bị nắm, cánh tay thô bạo được tự động gỡ ra. Chuyên thường có những cử chỉ như vậy. Nàng dùng mắt để nói, để ra lịnh hơn là dùng lời.

– Tất cả đều là chuyện đã qua. Mấy chú mấy bác đều xứng đáng cả. Xứng đáng nên Trời Phật độ qua được cái ải 75, được đến xứ này an lành. Xin phép mấy chú mấy bác có cần gì nữa cháu mang ra.

Một người nào đó sợ mình bị quên cố nói lớn, tay cầm đũa quơ quơ, thật buồn cười:

– Cô Dung nói đúng và hay quá. Bây giờ không phải là lúc so đo chuyện trong quá khứ. Mà thôi, xin cô Dung cho chúng tôi thêm một lượt bia nữa. Mỗi người một chai. Uống nhe anh em, nói chuyện sang đàng chẳng đâu vào đâu thêm mích lòng nhau. Chỉ tổ cho cô Dung cười chúng mình thôi. Bàn tiệc chớ không phải là chỗ tranh hơn thua chuyện xưa cũ.

Tiếng ai đó rất oai hùng, bất cần:

– Cổ cười càng tốt, có sao đâu? Người đẹp cười mình đỡ hơn là người xấu cười. Cười đi cô Dung. Tôi thích được ngắm cô cười.

Chuyên đếm để khóa lại những lời tán tụng lả lơi có khuynh hướng càng lúc càng bành trướng:

– Năm, sáu, bảy... vậy là thêm bảy chai bia nữa. Nàng lấy lòng khách. Xin các chú các bác đợi cho một chút, cháu sẽ đem ra ngay. Hôm nay khách đông quá! Bốn người mà chạy bàn không xuể.

Vậy đó, tôi không biết tôi đang hành nghề gì đây. Thiên hạ lẫn lộn giữa một cô *waitress* có bổn phận bưng dọn thức ăn cho thực khách và một cô

gái bán *bar* trong các quán rượu ở Việt Nam ngày trước. Vậy đó, những anh hùng về già, quên khuấy khoảng cách mười lăm năm đã trải qua, tưởng chừng đâu như mới hôm qua mình còn ngồi trên trước trong một dinh, hay một phủ nào ở nước Việt Nam ngày cũ. Tôi thông cảm với thái độ quên khuấy thời gian, lẫn lộn không gian của họ. Cha tôi cũng vậy, ông hay nói về chuyện quá khứ của mình. Ông thường lập lại những điều mà bọn trẻ tôi không muốn nghe vì quá xa lạ. Xa lạ về cả sự kiện lẫn thái độ của con người lúc đó. Hai thế hệ, hai hoàn cảnh vô cùng khác biệt, làm sao chúng ta có cùng một kỷ niệm mà quý vị già cứ bắt lớp trẻ chúng tôi nghe về những kỷ niệm của quý vị, những kỷ niệm, nói cùng mà nghe, vừa không thể kiểm chứng vừa có tính cách tự cao tự đại về cá nhân mà ai nghe qua cũng chán.

Chúng tôi không biết chuyện các ông Thủ tướng, các ông Tổng thống, các ông Tổng trưởng cũ, chúng tôi cũng không biết tên các ông Tướng, ông Tá cũ, thế mà cha tôi cứ mỗi lần ăn cơm hễ có dịp là nhắc tới những tên tuổi xa lạ này. Với một ánh mắt sáng ngời đáng tội nghiệp và một giọng nói bỗng nhiên cao hẳn lên. Chúng tôi, những người lớn lên sau khi cuộc chiến đã chấm dứt. Những điều chúng tôi phải đối đầu khác xa một trời một vực với những điều các chú các bác phải đối đầu ngày trước. Ngày trước lạnh lùng giết nhau trong cái dửng dưng *không hận thù*, ngày nay người ta lạnh lùng làm khổ nhau đến chết trong bầu không khí *tràn đầy hận thù*. Các chú các bác mau chân nhanh tay chạy mau qua đây đâu có thấy chúng tôi đã bị hành hạ dủ điều đâu...

Chuyên mở *freezer* lấy mấy chai bia ra. Đằng kia ông chủ tiệm đang cằn nhằn một thằng Mễ vì nó rửa rau quá lâu, quá kỹ, kỳ cọ từng gốc rau, từng bẹ lá, tốn thì giờ và tốn nước. Nàng nói khi bước ra ngoài, đụng mặt ông chủ:

– Ông Tâm ơi, hết bia rồi đó nha, gọi điện thoại kêu tụi nó đem lại là vừa đó.

Ông chủ đương bừng bừng sát khí, mặt tươi rói ngay, giọng vừa ngọt vừa ỡm ờ:

– Cám ơn cô Chuyên, à quên nữa, cô Dung, cô biết việc ghê. Sẵn bữa nay vợ tôi đi vắng cô lên làm bà chủ ngày nay đi nhe. Tập dần dần là vừa.

Đó cha thấy không, cha còn đẩy con vào hoàn cảnh đi làm nữa thôi?

Cha chỉ lo ôm cái tiệm của cha, chỉ lo sao cho êm ấm gia đình mới của cha mà thôi. Cha quên tụi con rồi. Cha quên mình còn có hai đứa con mới qua, đang cần mọi thứ từ tình thương tới những giúp đỡ cần thiết để bước vào đời. Giống như cha bòn mót từ chút thời gian để lo cho cái tiệm của riêng cha, thiên hạ ăn gian từ lời nói đối với con gái của cha cha có biết không? Nếu con không làm công cho họ đời thuở nào họ dám nói ỡm ờ kiểu đó. Mập béo gì mà cứ phải gài nhau một vài chữ mới thỏa lòng? Người ta chỉ nghĩ đến cái sướng khoái của riêng mình mà quên nỗi chán chường và bẽ bàng của người khác.

– Ông Tâm nói gì cơ ạ! Giọng Chuyên hơi nặng, giọng không vừa ý của một cô gái đẹp làm nghiêm.

Ông chủ tiệm phở đỏ mặt:

– Tôi muốn nhờ cô bữa nay quán xuyến giùm luôn cả chuyện *order* hàng và coi chừng tổng quát cửa tiệm vậy mà. Thấy cô có vẻ biết chú ý tới những chuyện mà tiệm của mình cần phải làm.

– Ông Tâm chọn lầm người rồi, tôi mới vô làm chưa quen hết chuyện chạy bàn đâu có rành mấy chuyện khác. Ông Tâm chỉ định người khác đi.

Ông chủ cố vớt vát:

– Thấy em có khả năng tôi mới chỉ định, sao bao nhiêu người khác tôi không nhắc đến? Có nhiệm vụ mới có thêm tiền.

– Cám ơn ông Tâm, tôi chưa quen với mấy chuyện đó. Vừa dợm bước đi Chuyên vừa nói thêm với một nụ cười để không khí không quá nặng nề, nhưng hình như ông Tâm quên giao ước ban đầu của hai bên rồi đó nhe!

Người chủ trở mặt tức thì, đôi mắt lạnh tanh, trở về địa vị của người có tiền, có quyền:

– Thôi mấy cái chuyện nhỏ mọn đó mình nói sau, bây giờ cô làm ơn ra hai cái bàn quen kia xem họ có cần gì không. Nãy giờ tôi thấy hình như họ giơ tay lên ngoắc nhiều lần rồi đấy. Bữa nay đông khách quá mà bà xã tôi lại bỏ đi làm tóc. Bực thiệt.

Chuyên chán nản quay ra. Bực thì bực. Nhưng đâu có nghĩa là nhân dịp vợ đi vắng dở trò thả dê dò ý trước. Nếu tôi không phản đối ngay bây giờ thì ông sẽ tấn công hòa bình thêm. Tôi biết chắc chắn như vậy. Từ anh-em người lớn kẻ nhỏ tới *anh-em bồ bịch* đâu có bao nhiêu xa.

Bên ngoài vẫn là không khí ồn ào muôn thuở. Vẫn là nguyên nhân để Chuyên thấy rằng mình không thuộc về thế giới này. Thế giới của những bon chen, vụ lợi đủ cách. Tiếc rằng tôi giống tính mẹ, giống cung cách ở đời của mẹ nên không cảm thấy thoải mái khi lọt vào đây, và tôi cũng không thể dửng dưng bỏ qua coi như không có trước những điều trái ý. Sao tôi không học được cách sống của con nhỏ Trang kia chứ? Coi đời như pha. Coi lời nói như gió thoảng. Coi một cái nắm tay như bụi cát tấp vào. Có ai trách gió tạt vào mặt mình đâu? Mấy ai càm ràm về việc cát bụi lỡ bay lên tấp vào tay chân ta đâu? Tại tôi mang cái nề nếp Đông phương trật thời khi xưa mẹ tôi đã nhồi nhét vào đầu óc lúc con bà còn non nớt ở bậc tiểu học mà bao nhiêu năm trời khó khăn trong cuộc sống ở bên kia vẫn không làm mờ phai hay méo mó đi được? Tại tôi không biết điều chỉnh nhãn quan để phù hợp với cuộc đời mới bon chen bên này? Mà xét cho cùng cuộc đời này chỗ nào lại chẳng bon chen? Bon chen từ lời nói, cái va chạm, đến một chút tự hào, đó là chưa kể cái bon chen lớn nhất, tiền bạc...

Vẫn những giọng thân tình mặc dù Chuyên chỉ biết mặt mà không biết tên người đối thoại:

– Dung cho anh ly cà phê đen.

– Dung cho anh xin cái muỗng, ớt trái...

– Dung, lại đây anh *order*!

Dung! Dung! và Dung! Những khuôn mặt mang nụ cười nham nhở. Những hàm răng cấu bợn thức ăn. Những hơi thở nồng hơi bia xú với thực phẩm chưa kịp tiêu hóa thành mùi cám heo để lâu chuyển mùi. Chuyên muốn đẩy tung những cái bàn trước mặt. Chuyên muốn gạt phắt những chúng sinh lô nhô chung quanh sang một bên để chạy mau về phòng mình nằm soãi tay thở những hơi dài trút hết những ưu sầu, những chán chường ra khỏi tâm tư. Bỏ hết. Quên hết.

Tiếng ồn ào mỗi lúc một tăng. Chuyên quay cuồng.

*

Khoa đứng dậy khi Chuyên xách bóp bước ra khỏi quầy. Buổi tối tuy khách đã thưa thớt nhưng quán vẫn còn một hai bàn dở dang tiệc rượu. Những thực khách thanh niên, những người trai trẻ nhiều thì giờ trước mặt nhưng không có quá khứ sau lưng.

Gió lạnh và sương đêm khiến Chuyên rùng mình, nàng nói với Khoa:

– Em đi về một mình được rồi, đêm lạnh lẽo thật nhưng anh mất thì giờ quá nhiều chờ đợi rồi thì giờ đâu học hành?

Khoa đi sát vào người yêu hơn:

– Lạnh, mất thì giờ không thành vấn đề. Cái điều lo âu nhất ở anh là bản mặt nọng lợn của thằng chủ em. Nó ngó em theo cái điều ta đây là chủ toàn thể em. Anh không chịu được cái nhìn đó.

– Thôi đi ông mãnh. Ngó hay nói hay đụng thì đã mất đi chút nào kia chứ. Em biết giữ thân. Nếu có gì thì đã có gì ngay từ ở Việt Nam, hay lúc rảnh rỗi nằm bên Phi kìa. Còn bây giờ thì anh khỏi lo.

Khoa cười, anh hích hích vai mình vào vai bạn:

– Một trăm cô cô nào cũng thế, nói thì hay lắm, nhưng rồi từng bước từng bước một... tới một lúc nào đó xa người yêu vạn dặm.

Chuyên ngó lên bầu trời. Ít khi có dịp ngó trời về đêm. Ánh sáng đô thị chói mờ tinh đẩu sao cũng lặn vào mây, bữa nay sao lại có vài ngôi sao lấp lánh. Đẹp thật, bầu trời đen điểm một vài ngôi sao le lói. Nhưng mà sao tôi như những vì sao đơn lẻ kia? Càng lúc như càng mờ đi. Càng lúc càng thấy chung quanh mình không có ai tha thiết. Khoa, Khoa, Khoa là người yêu của tôi thật sao? Chưa bao giờ tôi thấy lòng mình rung động tuyệt cùng khi có Khoa bên cạnh. Cũng chưa bao giờ tôi thấy hé lên chút niềm yêu thương Khoa mà không có hình ảnh đáng thương của Hùng hiện lên cùng một lúc. Tôi chỉ thương hại anh mà thôi. Tôi chỉ cần anh để có người rước đèn mà thôi. Tôi còn chưa biết nếu cha tôi bắt gả chồng tôi sẽ phản ứng như thế nào đây. Sao mà tôi khổ quá làm vậy?

– Anh khinh thường Chuyên thì được, anh khinh thường đàn bà coi chừng hội Phụ Nữ đả đảo anh bây giờ. Đời mấy ai dám nói mình giữ mãi lời hứa. Hoàn cảnh khắc nghiệt lắm, anh qua đây lâu anh không tưởng tượng được đâu.

Khoa mở cho Chuyên một viên kẹo chocolat bọc rượu:

– Anh thì anh tin tưởng lòng mình. Không yêu thì thôi. Nhưng yêu thì sống chết cho người yêu.

– Nhưng anh không tin tưởng người anh yêu?

– ...Em muốn nói người yêu của anh? Vâng, tin em thì tin nhưng nhìn

cái thằng cha Tâm anh muốn ứa gan. Mà em nên nghỉ làm nghề này đi thì vừa. Mấy thằng cha già ngồi cái bàn trong góc đó ước sức muốn đục cho mỗi thằng một đục vô mặt.

– Họ chỉ ba hoa lỗ miệng thôi nhằm nhò gì!

– Hồi nãy thấy thằng cha đó nắm tay em anh đứng dậy đó. Sau thấy nó buông ra anh mới ngồi xuống.

Chuyên thúc cánh chõ vào hông bạn như một cách thưởng nhưng không nói gì. Hai người sóng đôi bên nhau thêm vài bước nữa. Khoa nuốt nước bọt vài cái mới nói:

– Mà cái thằng nhóc kêu em bằng Chuyên này Chuyên nọ là ai mà coi bộ em thân mật với nó quá vậy?

Chuyên choàng tay qua hông Khoa:

– Nó là con bà Tư bán tạp hóa ở ngoài đầu ngõ hồi ở bên Việt Nam. Mới theo gia đình sang đây tháng trước. Chị nó bảo lãnh cho cha mẹ, nó cùng ở chung một hộ nên được đi. Gặp em ở đây nó mừng quá nhìn bà con chòm xóm vậy mà. Cái ông này hỏi quá kỹ. Bộ sợ mất hả.

Khoa kéo Chuyên đứng lại, đưa tay kéo cằm nàng lên:

– Không phải sợ em mà sợ tụi nó ăn cắp em. Đừng có thân mật với nó quá nhe. Như hồi nãy là coi không được đó. Nó cỡ tuổi của em.

Tôi không ưa thái độ đó của Khoa. Anh tưởng nói như vậy là tôi cảm động vì anh quá yêu hay sao? Yêu không phải vậy. Tôi cũng là người. Tôi có những cách xử thế tiếp vật của tôi. Anh đứng ngoài nhìn bằng cặp mắt của chủ nhân sợ bị mất cắp món đồ vật mình sở hữu làm cho tôi khó chịu quá anh biết không? Ngày sau nếu chẳng may mà thành vợ chồng anh ghen hơn nữa thì ai mà chịu nổi. Anh sang đây lâu rồi mà sao cổ hủ quá. Phải tin tưởng người mình yêu chứ.

Chuyên giựt mạnh cằm mình ra, đi mau về phía chỗ đậu xe. Gió thổi bung mái tóc nàng, nhiều sợi lòa xòa xuống trán nàng cũng không buồn vén lên. Bực mình. Càng ngày càng thêm chuyện bực mình. Thằng cha chủ. Mấy thằng bồi và nấu ăn làm chung. Khách khứa. Bây giờ lại thêm Khoa. Tôi có phải là con người hay không chứ? Trong tất cả những người đó có ai coi tôi là con người hay không, hay đối với họ tôi chỉ là một viên ngọc quý? Quý cách mấy tôi cũng không muốn làm viên ngọc. Tôi chỉ muốn làm

con người mà thôi, một con người thật sự, có đầy đủ tự do. Tự do trong suy nghĩ và trong hành động.

Cho hai tay vào túi Khoa lủi thủi đi theo sau. Hình như lúc này Chuyên dễ giận hờn. Có điều gì thay đổi trong tâm tư một cô gái, tạo nên hai thái độ khác biệt, khi còn ở trong nhà với khi nàng bước, dầu chỉ một bước thôi, vào đời. Bây giờ Chuyên không còn nụ cười tươi như trước, giọng nói lại chua chát. Sóng đời đã cuốn tâm tình nàng xa dần tôi rồi hay sao?

Những vì sao trên trời đã tắt. Chuyên mở bóp tìm xâu chìa khóa, không nói một lời. Khoa đứng bên nàng theo dõi từng cử chỉ. Xót xa. □

Đã phát hành:

NHỨT BIẾT NHÌ QUEN

chuyện dài

Nguyễn Đức Lập

giá 12 mỹ kim

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy

P.O. Box 3192

Tustin, CA 92680 USA

BOBBIE ANN MASON
NGUYỄN KHANH dịch

tình

*

Trước đây vì bận bịu gia đình, tôi chẳng bao giờ chú ý đến những vấn đề thời sự, những trở ngại làm điên đầu mọi người mà ai ai cũng nói tới. Bây giờ con cái đứa nào cũng lớn ra ở riêng cả rồi, tôi mới có thì giờ để ý và suy nghĩ những chuyện xảy ra chung quanh mình. Chẳng hạn như chuyện tại sao cô con gái của tôi ăn ở với thằng bồ, hai đứa sắp có con nhưng nó vẫn nhất định không chịu làm đám cưới? Tại sao thằng con trai tôi có thể sống đơn độc một mình trong căn nhà gỗ xây cạnh bờ sông mấy tháng trời không thèm gặp gỡ, tiếp xúc ai? Đó chỉ là một hai câu hỏi nhỏ nhặt, mang tính cách cá nhân, ngoài ra còn nhiều chuyện lớn lao khác mà tôi quan tâm đến. Nghe có vẻ như tôi là người có mặt trên trái đất đã lâu, nhưng bây giờ mới bắt đầu để ý đến vai trò, vị trí của mình ở vũ trụ này. Nói như vậy không có nghĩa là tôi đã già nhưng tôi có thể mường tượng đến chuyện những người già thường hay nghĩ làm thế nào để sống cho đáng sống trước khi mọi chuyện trở thành quá trễ.

Những ý tưởng nói trên đến với tôi khi tôi tham dự các buổi gặp gỡ hằng tuần với một số bạn bè hàng xóm. Nhóm nhỏ của chúng tôi lúc đầu gặp nhau vì mục đích tập thể thao cho xuống cân, sau đó vẫn tiếp tục hẹn hò cho dù mọi người trong nhóm ai nấy đã thon gầy như ý mình muốn. Hiện nay vào mỗi ngày thứ sáu, chúng tôi tụ họp tuần này ở nhà người này tuần sau ở nhà người khác, nói những chuyện liên quan đến đời sống chung quanh mình, y hệt như những chương trình nói chuyện tầm phào trên truyền hình. Buổi gặp gỡ nào chúng tôi cũng cười nói thật nhiều để giết thì

giờ. Riêng tôi, những cuộc gặp gỡ này giúp cho tôi có cơ hội để suy nghĩ về cuộc đời.

Tôi thấy sống hòa nhã với tất cả mọi người khó quá. Hòa nhã là một phương cách sống mà chúng ta ai nấy đều phải học. Tôi lúc nào cũng muốn thân thiện, vui vẻ với những người khác, nhưng muốn là một chuyện, thực hành lại là chuyện khác vì quá khó? Ở tuổi nào đó, chúng ta đều có cảm tưởng mình đã sống tốt với người khác mà chẳng được tích sự gì, đồng thời lại có ý nghĩ tội vạ gì mà cứ phải tốt với thiên hạ. Hai ý tưởng trái ngược này đang đụng độ nhau trong đầu tôi hiện nay. Mọi người ai cũng bảo khi bắt đầu bước vào tuổi già, con người trở lại trạng thái của thời mới lớn: ích kỷ, khó tánh, bất cần đời. Giữa giai đoạn tuổi thơ và tuổi già, chúng ta cứ bị lấn cấn vì mấy chuyện này, đủ để làm mọi người phải điên lên.

Sau buổi gặp gỡ với bạn bè trong nhóm hôm thứ sáu tuần trước, tôi ghé qua thành phố Paducah bên cạnh hy vọng tìm được một ông bạn tôi quen. Tên ông là Peter, nhưng ông muốn mọi người gọi mình là Jazz vì không ưa cái tên cúng cơm lúc còn nhỏ cứ bị bạn bè lôi ra chọc ghẹo. Về phương diện ngôn ngữ và tên tuổi, Peter là một cái tên nghe rất hiền lành dành cho con trai, nhưng đồng thời lại có một ý nghĩa tục tĩu khác là của quí của đàn ông. Hồi trẻ, bạn bè gặp Peter hay hỏi đùa, "Sao, cái *peter* của mày đâu?" Hoặc có khi còn tinh nghịch tới mức "Nhìn mày chẳng giống cái *peter* gì cả", v.v... Lũ bạn tôi ngày xưa nhiều khi còn chọc nhau về chuyện... *trứng to, trứng nhỏ* trong lúc con bé ngây thơ chẳng hiểu bè bạn nói gì. Cho mãi tới năm tôi học lớp tư, có lần con bạn tên Donna Lee Washam dẫn tôi đi thám hiểm ở trong rừng, đến lúc vào lớp nó còn mang theo hai hột hồ đào to tướng bỏ trong túi quần để thỉnh thoảng lại thọc tay vào túi nghịch. Ngồi cách tôi hai bàn là thằng Jerry Ray Baxter thỉnh thoảng lại mang "đồ nghề" của mình ra nghịch ngợm – theo lối con nít đó mà – tôi chợt nhìn thấy và mới hiểu chuyện... *trứng to, trứng nhỏ*. Thằng Jerry này tôi còn nhớ lúc đó bị ngọng, ngồi học chung với nhau chỉ hết năm đó thì nó nghỉ ở nhà không đến trường nữa.

Tôi tìm thấy Jazz ở quán Top Line, nơi ông ta hay ngồi. Lúc tôi bước vào, Jazz vừa uống la-de vừa bắn mấy con ruồi. Nhìn thấy tôi, Jazz chậm rãi thò tay vào túi quần lôi ra một cặp xúc chiêng, thản nhiên phe phẩy trên

dĩa đựng dưa leo và mấy cái chân giò muối chua ở trên bàn. Anh chàng pha rượu của quán lắc đầu: "Tối ngày cứ làm trò khỉ ấy mãi, chắc lại vớ được của mụ nào chứ gì."

"Đùa hoài cha," Jazz trả lời. "Nghề của tôi mà."

Tôi đưa tay cầm lấy món quà bỏ vào ví. "Cám ơn ông." Tôi nói, "Tôi đoán chắc ông cũng biết lúc này vú tôi xệ quá."

Jazz sinh trưởng ở Obion thuộc tiểu bang Tennessee, lớn lên ở vùng hồ Reelfoot với nghề bắn vịt trời. Bây giờ thỉnh thoảng sang Pháp, mỗi lần về va-li chứa đầy đồ phụ tùng cho phụ nữ. Ông ta bán những món hàng này cho mấy tiệm quần áo dành cho các bà hoặc bán cho bạn bè quen biết. Mấy món hàng này toàn là thứ chiến cả. Vợ cũ của Jazz cư ngụ ở Paris, mua được loại hàng này với giá bán sỉ ở ngay công ty bà ta làm việc. Mỗi năm một vài lần, Jazz qua bên đó thăm con. Jazz hiện làm nghề thầu khoán xây cất, chắt chiu được đủ tiền là nghỉ việc bỏ sang Pháp chơi. Tôi có một tủ đầy toàn thứ phụ tùng đắt tiền này do Jazz tặng, đủ các loại, các kiểu xú chiêng bằng sa teng hoặc bằng loại vải dệt thật mỏng.

"Cái này đặc biệt lắm tôi mới cho bà," Jazz vừa nói vừa kéo ghế xích lại gần tôi hơn. "Sa teng màu hồng còn chạy viền chung quanh nữa, hai cái núm này bảo đảm hết xảy. Hôm nào bà thử mặc vào cho tôi kiểm soát xem có vừa không." Tôi nhăn mặt. "Thôi đi ông nỡm. Tối nay tự nhiên tôi muốn uống cho say cái đã."

"Vài tháng nữa là bà thành bà ngoại rồi," Jazz nói đùa với tôi. "Này, có phải mấy bà ngoại già thường hay khó tính lắm phải không?"

"Khỉ gió đâu ấy." Tôi đáp. "Người ta đang yêu đời đây mà ông cứ nói toàn những chuyện chẳng có đầu có đuôi gì cả."

"Té ra bà đang yêu đời, sẽ có ngày tôi làm cho bà yêu tôi cho mà xem."

Tôi gọi một ly rượu mạnh, nghĩ thầm loại người như Jazz cần phải có một người đàn bà có tâm hồn, thông cảm được với nhau. Có điều là ông này chẳng bao giờ thèm để tâm đến những người phụ nữ thích mình, thản nhiên nhìn hết cô này tới bà khác lần lượt rơi vào tay người khác.

Ngước mắt nhìn lên chiếc TV xem phần tin ngắn đang nói về chuyện nước bị ô nhiễm ở trong vùng, tôi bảo Jazz: "Nghe nói sò ốc ở dưới mấy cái hồ chết hết cả. Nguy hiểm quá."

"Hình như vì chuyện năm ngoái bị thiếu nước sao đó mà. Cũng bình thường thôi." Jazz trả lời, "Có gì đâu mà phải quan tâm."

"Tại sao không. Tôi ngồi đây chờ đợi ăn mừng ngày đứa cháu ngoại sửa soạn chào đời để làm gì? Nước dưới hồ bị ô nhiễm, không khí chẳng đủ trong lành cho con người thở, bộ tôi có thì giờ để ngồi đợi mấy chuyện này sao?"

Jazz đưa tay đặt trên vai tôi để an ủi. "Thế giới đầy dẫy mọi khó khăn. Đời là bể khổ mà, có gì đâu."

Tôi bật cười vì câu nói của Jazz. "Đúng là cái giọng điệu của ông. Người làm sao của chiêm bao làm vậy."

"Bà làm như bà biết tôi quá rõ vậy đó." Jazz nói.

"Tôi biết tõng ông là cái chắc. Ít nhất cũng đủ để tôi thấy tội nghiệp cho ông vì lúc nào tôi cũng đối xử với ông chẳng ra gì."

Anh chàng pha rượu đặt ly rượu tôi gọi trên mặt bàn. Tôi vơ lấy một cách vội vã, miệng bảo: "Tại sao chẳng bao giờ ông giận tôi vậy?"

Jazz đưa nắm tay đấm nhẹ vào vai tôi theo lối bè bạn thân tình. "Chẳng tội vạ gì tôi phải giận hờn ai cả. Giận với hờn, nhỡ tí nữa trên đường về nhà một trong hai người gặp tai nạn chết rồi lại ân hận cả đời là đã lỡ giận với hờn chứ có béo bổ gì."

Quán rượu mỗi lúc một đông khách hơn, toàn là những khuôn mặt quen thuộc thường xuyên ghé đến đây, những ông khách lớn tuổi chăm chỉ làm việc ở nhà máy trong vùng từ bao nhiêu năm qua, những anh thanh niên tụ tập với nhau mỗi tối thứ sáu trong lúc vợ con bận rộn đi chợ mua sắm. Trong số những người khách tối đó, tôi chú ý đến một người đàn ông cao lớn từ khi ông ta bước vào quán với dáng điệu một người có tiền của. Ông ta mặc chiếc áo màu xanh bóng cắt may thật đúng kiểu trông rất bắt mắt, chiếc quần cao bồi cũng kiểu cọ ra trò, trên người lại còn khoác thêm chiếc áo da loại đắt tiền nữa. Jazz nhìn tôi nói y như người đọc được mọi ý tưởng trong đầu tôi: "Anh chàng đó là Buck Joiner làm ở đài phát thanh."

À, thì ra anh chàng Buck Joiner đây. Tôi nghe chương trình phát thanh mỗi sáng của anh chàng biết bao nhiêu lần rồi mà nay mới gặp. Chương trình của anh ta là một chương trình khá tạp lục, đủ mọi chuyện đem ra bàn cãi xen lẫn giữa chuyện diễu với chuyện đứng đắn được mọi

người chú ý một phần cũng nhờ vào lối quảng cáo tặng quà cho ai gọi vào đài. Có lần trong chương trình này, anh ta nhấc điện thoại gọi cho ông tổng thống kiêm trùm khủng bố Qaddafi ở tận Libya, chẳng hiểu sao lại liên lạc tới tận dinh của ông này và nói chuyện với một nhân viên nào đó trả lời điện thoại bằng tiếng Anh với giọng đặc sệt Trung Đông.

Tôi ngồi uống cho tới khi thấy mình không thể uống được nữa mới đứng dậy bước đến bàn Buck Joiner đang ngồi. Sửa lại gọng kiếng, tôi tự giới thiệu:

"Tôi là một thính giả trung thành với chương trình của ông." Tôi nói, "Tôi có cả số điện thoại của đài ghi trong sổ nữa."

Anh ta nhìn tôi với vẻ dửng dưng, khiến tôi có cảm tưởng mình đang nói chuyện với một nhân vật quan trọng và hợm mình nào đó. Dù vậy, tôi vẫn tiếp tục cuộc đối thoại:

"Có lần tôi gọi đến đài vì ông tặng vé đi xem ca nhạc cho ai may mắn là người gọi thứ 25. Tiếc là tôi không được trúng giải."

"Uổng quá vậy." Anh ta trả lời tôi với giọng nhát gừng. Ngồi cùng bàn với anh ta có một vài người đàn ông khác mặc đồ lớn đàng hoàng. Hết chuyện.

"Có lẽ lần sau gọi điện thoại cho ông tôi phải tính kỹ hơn để trúng giải mới được." Tôi cố tìm cách vớt vát. "Nhân tiện, tôi muốn mời ông phỏng vấn nhóm của tôi."

"Nhóm gì vậy?" Anh ta hỏi.

"Chúng tôi là một nhóm phụ nữ gặp nhau mỗi ngày thứ sáu để nói chuyện đời."

"Chuyện đời là chuyện gì?" Anh ta vừa hỏi vừa nở một nụ cười giả dối trông thấy rõ.

"Chuyện xảy ra mỗi ngày trong đời sống con người. Đủ mọi thứ chuyện." Tôi trả lời và bỗng dưng khựng lại. Tôi biết đáng lý ra tôi phải giải thích rõ ràng hơn như vậy. Tôi muốn nhóm của tôi được phỏng vấn qua làn sóng điện, nhưng tự nhiên tôi không tìm được cách trình bày vấn đề. Tôi biết nhóm của tôi là một nhóm sinh hoạt gồm những người thông minh, hiểu biết vấn đề cặn kẽ chứ không phải đùa. Bà Rita có sáng kiến về việc làm sao kiện toàn được chương trình giữ trẻ, bà Dorothy là người sẵn

sàng bàn cãi tới nơi tới chốn về chuyện phá thai, bà Phyllis là người tôi tin tưởng có thể đưa ra được bằng chứng cho thấy giới bác sĩ chữa bệnh tâm thần là bọn phù thủy không hơn không kém. Tôi chẳng hạn, không tài cán gì nhiều nhưng làm điệu bộ giống cô đào Bette Davis chắc không ai bằng.

"Địa chỉ của tôi đây." Tôi móc bóp lấy tấm danh thiếp đưa cho anh ta. Mấy tấm danh thiếp này tôi đặt in cách đây hơn tháng giờ mới có dịp xài tới.

"Cám ơn bà. Tôi lúc nào cũng hãnh diện khi gặp thính giả ái mộ mình." Vừa nói anh ta vừa nở một nụ cười, vẫn thuộc loại giả dối.

"Ông nên đối xử với thính giả đàng hoàng hơn một chút." Tôi nói với vẻ bực dọc. "Không có những người ái mộ ông như tôi, còn khuya ông mới có dịp ăn mặc đẹp đẽ ngồi đây tán gẫu."

Tôi trở về lại chỗ ngồi với Jazz, nãy giờ vẫn chăm chú nhìn tôi. Tôi nói: "Thằng cha xướng ngôn viên này phải gặp một con mẹ chằng nào đó dần cho một trận mới được."

Dĩ nhiên, phải thú nhận lúc đó tôi ngượng đến chín cả người. Trở ngại là tôi đang ở trong trạng thái lưng chừng, nửa muốn đối xử hòa nhã, nửa muốn tàn ác. Tôi không hiểu tại sao mình lại khó chịu với cái thằng cha xướng ngôn viên đài phát thanh này, có lẽ chỉ vì thằng chả cầm đầu chương trình phát thanh buổi sáng mà tôi ái mộ giờ đây chạm mặt mới biết thằng chả là đồ chẳng ra gì. Kể từ nay mỗi lần mở máy nghe chương trình này có lẽ tôi sẽ nghĩ ngay tới khuôn mặt cà chớn của hắn trước máy vi âm. Ngồi bên cạnh, Jazz vẫn cầm tay tôi thỉnh thoảng cười mím chi, âu yếm gọi cho tôi ly rượu khác. Tôi nhủ thầm, anh chàng này tự nhiên sao trông có vẻ kiên nhẫn lạ.

*

Đối với bạn bè trong nhóm, thỉnh thoảng tôi lật lại trang sử đời mình trong những dịp hàn huyên với họ. Người chồng đầu tiên của tôi tên là Jim Ed, hai đứa yêu nhau từ hồi học trung học và làm đám cưới lúc đang theo học lớp mười hai. Năm đó, nhà trường không cho tôi tốt nghiệp vì tôi đang có bầu cháu đầu lòng. Tôi vẫn thường lên giọng ra vẻ không hiểu nổi tại sao có bầu lại không được ra trường, nhưng sự thật từ đáy lòng tôi biết là mình gian dối. Lúc nào tôi cũng làm ra vẻ ngây thơ để tìm cách tự giải

thích những lỗi lầm mà chính mình là thủ phạm. Giờ đây ngồi nghĩ lại chuyện cũ, tôi thấy rõ lý do tại sao tôi phải bám cứng vào Jim Ed lúc đó chỉ vì sợ sẽ không có cơ hội gặp được người khác khá hơn Jim. Đó cũng là lối sống của tôi. Lối sống chụp giựt, vội vàng vồ ngay lấy cơ hội trước mặt. Kể cả chuyện ăn uống cũng thế, tôi ăn lấy ăn để như sợ ngày mai sẽ không có cái bỏ vào bụng. "Sống như vậy là sống *nhà quê*." George, người chồng thứ nhì của tôi thường hay nói với tôi như thế. George là một người rất lý thuyết, bất kỳ chuyện gì làm cũng phải có lý do chính đáng. Có lần nói về vấn đề khủng hoảng tâm lý của các thế hệ trước, anh đưa ra nhiều lý do nghe rùng mình. George quả là người có học, đã từng ghi tên theo học ở đại học trong khi tôi vẫn chưa tốt nghiệp trung học – tôi đang dự định sẽ trở lại trường học cho xong – thành thử anh không đồng ý với lối sống được lúc nào hay lúc đó của tôi. Chẳng hạn như lần tôi nướng thịt, George đưa ra ngay một số lý do tại sao con người lại ăn thịt nướng bằng cách ngược dòng lịch sử dẫn tôi về thời hoang dã lúc món này mới chào đời. Anh bảo tôi vợ chồng mình đang sinh hoạt giống như những người thời còn ở trong hang động. Tôi chẳng cần biết từ thời đó cho tới ngày nay loài người có thay đổi gì to lớn không, nhưng tôi có thể quả quyết là ở thời tiền sử chắc chắn cũng có những người đàn ông làm ra vẻ ta đây biết hết mọi chuyện, giải quyết được mọi vấn đề để phe phụ nữ chúng tôi ngượng ngùng vì mình ngu dốt.

Lúc đầu, tôi chẳng bao giờ quan tâm tới những điều George nói cho tới khi con gái tôi chết một cách đột ngột vì chứng viêm màng óc. Cả tháng trời sau, tôi vẫn không thể nào quên được sự mất mát to tát này, trong lúc George lúc nào cũng lải nhải bên tai tôi về những lý thuyết nói về sự đau khổ của con người, phải thế này mới đúng, làm như thế nọ là sai. Tôi điên tiết lên, đuổi anh ta ra khỏi nhà. Trên nguyên tắc, đáng lẽ ra George phải chia sẻ sự đau buồn này với tôi chứ đừng lên mặt thày đời. Tôi biết sách vở nào cũng hướng dẫn những điều căn bản nhỏ nhặt như thế, đàng này anh ta lại lên mặt thông thái, dạy dỗ tôi phải đau khổ thế nào cho đúng cách. Tôi nói thẳng với George là tôi đang đau khổ, không khiến ai dạy dỗ cả. Vả lại, cháu Kathy mới chết không phải là con ruột của anh nên anh không biết được sự đau đớn của những người làm cha mẹ khi mất đứa con thương yêu của mình.

Câu chuyện nói trên xảy ra đã lâu, bây giờ chỉ còn là dĩ vãng. George giờ vẫn ở gần đâu đây, tôi nghe nói anh đã lập gia đình và hiện đang sống bằng nghề nuôi thỏ ở một nông trại gần thành phố Bardwell – điều mà tôi không hề tưởng tượng ra nổi. Điều lạ lùng là ở một khu vực nhỏ bé như thế này mà tôi chẳng bao giờ gặp lại anh ta. Hay George giờ đây đã thay đổi khác hẳn George ngày xưa, thay đổi tới mức có gặp lại tôi cũng không nhận ra chăng.

*

"Tại sao ông lại có sẵn cặp xú chiêng này ở trong túi, móc ra đưa cho tôi vậy?" Tôi tò mò hỏi Jazz nhưng anh ta nhất định không trả lời. Tôi tự nhiên nghĩ tới cảnh mấy ông đàn ông đi đâu cũng mang kè kè theo cái... bọc cao su để lúc nào thuận tiện có sẵn đồ dùng. Tôi bước vào phòng vệ sinh thay cặp xú chiêng Jazz mới tặng, vừa khít. Cặp xú chiêng cũ đã rách rồi tôi vứt bỏ vào thùng rác. Thế nào cũng có người tò mò không hiểu tại sao lại có xú chiêng vứt bỏ ở đây. Kệ xác mấy đứa ưa tò mò chuyện người khác.

Trở lại chuyện cũ, lúc đầu tôi nghĩ cháu Kathy chỉ bị cảm xoàng. Cháu bị sốt, có than với tôi đầu con đau với giọng nói chẳng khác gì lúc cháu than mẹ ơi tay con dơ vậy thôi. Lúc đó vào mùa hè, trẻ con ít đứa bị cảm cúm lắm. Tôi bèn đưa tất cả các con về nhà bà ngoại ở ngoại ô để thay đổi không khí, bụng nghĩ không khí trong lành như vầy giúp cháu Kathy mau lành bệnh hơn. Trong lúc hai thằng anh cháu chạy nhảy khắp nơi, cháu vẫn nằm yên một chỗ, cuộn tròn mình trong chiếc chăn của bà ngoại. Sau này tôi nghĩ lúc đó chắc cháu biết cháu sắp chết nhưng cố giấu không cho người khác biết. Không ai có thể biết được những đứa trẻ ở tuổi cháu nghĩ gì, muốn gì, sợ hãi như thế nào cả. Năm đó cháu 12 tuổi, mới dậy thì được vài ba tháng. Tôi đoán chắc chuyện con gái mới lớn có kinh nguyệt khiến cháu bị ốm. Tôi có đem chuyện này ra hỏi một ông bác sĩ và ông ta cười thẳng vào mặt tôi, khiến tôi đâm ra bực dọc. Về sau tôi nghe nói ông bác sĩ này bị bệnh tim nằm liệt giường, gia đình phải gửi vào viện dưỡng lão nhờ chăm sóc hộ. tôi kể chuyện cha bác sĩ cho Jazz nghe, anh bảo tôi chuyện xưa lắm rồi nhắc lại làm gì nữa.

George, người chồng thứ nhì của tôi đổ lỗi cho tôi về chuyện đem cháu Kathy về bà ngoại chơi. Lúc chuyện xảy ra, George đang làm kỹ sư ở

Carbide được cử đi họp mãi tận Nashville. Theo lời George nói, bệnh viêm màng óc là một bệnh không nguy hiểm cho lắm, con nít bị bệnh này nếu được săn sóc kỹ lưỡng sẽ lành ngay. Vừa nói anh ta vừa phe phẩy quyển sách nói về chứng bệnh này ngay trước mặt tôi – quyển sách này tôi chẳng bao giờ thèm đọc. Trời ơi, có thật con tôi chết vì lỗi của mẹ nó không? Tôi không biết, và không muốn đọc quyển sách George đưa để tìm câu trả lời. Tôi đoán George không phải là người tàn nhẫn, nhưng lối cư xử của anh tôi không chịu đựng nổi. Tôi nghĩ có lẽ ai ai trong chúng ta cũng đều có một lối cư xử nào đó và chẳng hề để ý đến mức độ đón nhận của người khác. Tôi cũng thấy George hình như hối hận về chuyện lúc cháu đau anh không có nhà, tương tự như tôi ở nhà và hối hận đã không chú ý thật kỹ đến bệnh tình của con mình. Trước lúc chết, cháu Kathy gia nhập tổ chức thiếu nhi nông thôn 4-H và được giao công tác thực hiện chương trình triển lãm ở hội chợ trong tỉnh. Tôi nhớ rõ cảnh cháu ngồi may quần áo để mặc trong hội chợ, làm một con chó nhồi bông bằng những mảnh vải thừa và cắm một bình hoa đem triển lãm. Tất cả những món này bây giờ tôi vẫn cất giữ làm kỷ niệm, để trong cái thùng đựng máy hát ở nhà kho. Đáng lý ra tôi phải vứt chúng đi vì cháu Kathy nếu còn sống cũng đã qua đi thời bé bỏng này, nhưng tôi quyết định giữ lại vì đây là những gì còn sót lại của đứa con đã mất.

Don và Phil, hai cậu con trai của tôi, bỏ nhà sau khi mỗi đứa sắm được cho mình một cái xe. Tôi đặt tên hai cháu dựa theo tên hai anh em ca sĩ Everly nhưng chẳng bao giờ cho con mình biết tại sao cả. Cha của các cháu, Jim Ed người chồng đầu tiên của tôi, có cuốn băng nhạc hai anh em Everly lúc nào lên xe cũng nghe riết rồi thành thói quen. Jim Ed là một người sống vô tư lự, chẳng bao giờ cần nhắn tôi về cái chết của cháu Kathy như George đã làm. Tôi thấy nếu có cơ hội, có lẽ tôi và Jim Ed hiểu nhau và yêu nhau nhiều hơn. Tiếc là lúc tôi cần chẳng bao giờ có anh bên cạnh cả. Jim bỏ đi sang Cairo làm việc trên một chiếc tàu và sống rất thoải mái ở đó. Hai đứa con trai về sau cũng đi sống với bố.

Vợ thằng cháu Don bỏ nhà theo một thằng tài công trên tàu, cháu sống một mình ở căn nhà gỗ xây cạnh dòng sông, hai mẹ con ít khi gặp nhau. Hôm lễ Các Bà Mẹ, cháu mang tặng tôi một con cá bông lau thật lớn – loại cá này càng lớn ăn càng không ngon. Tôi đoán có lẽ cháu chẳng bao

giờ lập gia đình thêm lần nữa, suốt ngày sống ở vùng hoang dã, thả câu kiếm ăn.

Trong đám con tôi, thằng cháu Phil là đứa khá nhất: có vợ, có con đàng hoàng. Nhưng chưa hẳn là tôi đã hài lòng về con vợ của nó, cái con mặt chuột kẹp chẳng biết ăn mặc, con cái thì chiều chuộng quá sức, trong phòng khách chưng bày toàn mấy con cá đem đi khắc và những con vịt bằng đồng, trông dị hợm không thể tả được. Mỗi lần đến nhà vợ chồng nó tôi khó chịu vô cùng, lấy con vợ như vậy mà cũng lấy.

Tuần trước tôi nhận được thư của con Laura, đứa con gái út, gửi thư cho mẹ báo tin cháu đang có bầu. Cháu vừa mới ly dị thằng chồng cũ làm giám đốc một viện bảo tàng cháu yêu từ thời còn đi học. Thằng rể này làm khá tiền lắm nhưng con vợ nó vẫn không hài lòng, kể lể là chồng tối ngày chỉ lo dán hàn mấy cái lọ vỡ, chẳng chú ý gì đến vợ con. Bây giờ cháu sống với thằng chồng mới tên Nick, làm việc ngày đực ngày cái trong lúc con vợ có bầu sắp sanh. Hai đứa bỏ sang sống ở một thành phố nằm ở vùng sa mạc của tiểu bang Arizona. Tôi không rõ ở vùng đó làm sao mà sinh sống cho được.

Chủ nhật trước đó cháu Laura có gọi điện thoại cho tôi. Cháu bảo: "Con nói thật với mẹ là con không thèm lấy chồng nữa. Con hết tin nổi bọn đàn ông rồi. Con cũng chẳng dại gì mà lấy chồng cho cực vào thân. Nhưng con nói cho mẹ nghe con tin anh Nick lắm mẹ ạ."

"Nếu vậy sao con không bảo nó làm giấ thú đi?" Tôi hỏi, "Nhỡ có chuyện gì con còn giấy tờ bảo đảm chứ. Nếu nó bỏ con thì sao? Mẹ không phải nói nhiều chắc con cũng rõ."

"Anh ấy còn khuya mới bỏ con. Có giết ảnh ảnh cũng chẳng bỏ con đâu. Mẹ không biết chứ ảnh mê con lắm."

"Bởi vậy tao mới lo." Tôi trả lời.

"Thôi mẹ ơi, mẹ cứ nghĩ xa xôi làm gì cho mệt. Bây giờ mẹ cứ tính chuyện sắp làm bà ngoại rồi. Lúc con sanh mẹ có qua ở với con không? Mấy bà già bao giờ cũng đến ở với con gái lúc con mình sanh phải không mẹ?"

Cháu Laura mới năm tuổi lúc con chị nó mất, cả gia đình quyết định không cho cháu đi dự đám tang. Chúng tôi nói cho cháu nghe là Kathy

được gửi lên New York ở. Thật tình, nếu không phải nói dối với con cái thì tôi đã không làm. Tôi không ngờ là sau này khi đủ khôn ngoan cháu biết chuyện và đau khổ hơn nhiều. Tôi cũng nhớ lại lúc tim mình như ngừng đập khi gặp lại người chồng cũ ở đám tang. Hai đứa tôi chỉ gặp riêng nhau một vài phút đồng hồ ở hành lang trước khi tang lễ chính thức cử hành. Jim Ed khóc và tôi muốn hai đứa ôm chầm lấy nhau. Tiếc là cả hai bất chợt nhìn thấy người chồng thứ hai của tôi đứng bên cạnh những vòng hoa phúng điếu cạnh quan tài nhìn ra với vẻ mặt sao xa lạ quá.

*

"Bà biết không," Jazz nói với tôi, "Tôi không hiểu sao cứ đến tối là tôi thấy sợ hãi, có cảm tưởng như tất cả những gì bí mật đều bị phơi bày ra trong lúc lại tự đánh lừa bằng cách cứ nhủ thầm bí mật của mình được bảo vệ bằng bóng tối. Cứ ngồi với nhau bên lò sưởi, dưới mấy ngọn nến đặt ở bàn ăn cho có vẻ tình tứ là chuyện chó gì cũng khui ra hết. Bà có đồng ý như vậy không?"

"Cái đó tôi đã nói từ lâu rồi," Tôi trả lời với giọng hơi kẻ cả. Thảng hoặc, Jazz thường hay quanh co tìm cách đặt vấn đề cho ra vẻ quan trọng rồi sau đó kết thúc một cách lãng xẹt nhưng rất hợp lý.

Theo đề nghị của Jazz, hai đứa tôi rời quán rượu lên xe đi thăm thằng cháu Don. Jazz khi đưa đề nghị này còn bảo anh tự dưng muốn lái xe đi vòng vòng để thay đổi không khí vì cứ ngồi mãi ở đây. Nói là làm, anh nhất định bắt tôi phải bỏ dở ly rượu đang uống để ra xe đi với anh ngay tức khắc.

Tôi gặp Jazz lần đầu tiên khoảng một năm trước đây ở tại tòa vi cảnh. Cả hai đứa đều phải ra tòa về tội đụng xe, đụng trên cùng một con đường, thiệt hại y như nhau chỉ có giờ giấc xảy ra tai nạn là khác nhau. Lỗi của tôi và Jazz là không chịu nhường xe khác theo đúng luật. Tôi còn nhớ Jazz bảo tôi: "Tôi mong bà không nghĩ tôi là anh đàn ông ưa lấn ất kẻ khác, thông thường tôi là người biết nhường nhịn lắm." Hôm ở tòa, Jazz mặc chiếc áo loại nỉ dày sặc sỡ, quần *jean* ống bó trùm lên đôi giày cao cổ loại mũi nhọn có in chữ ký của ca sĩ Elvis Presley. Đôi giày của Jazz đã tạo chú ý cho tôi, sau này anh cho hay mua ở bên Pháp. Cũng hôm đó, tôi nhận lời mời đi ăn tối với Jazz và anh tặng tôi mấy chiếc quần lót màu dào làm kỷ niệm cho buổi đầu gặp gỡ. Chúng tôi thân nhau từ đó và chưa bao giờ tiến xa hơn tình bạn. Tôi nghĩ có lẽ vì Jazz vẫn ngại ngần.

Cũng giống như xe của những người đàn ông khác tôi đã có dịp đi, xe của Jazz quả là dơ bẩn và hôi mùi dầu mỡ. Tôi quay cửa kính xuống để đón luồng gió nhẹ từ ngoài sông thổi vào. Jazz vừa lái xe vừa nói liên hồi cho tới khi xe quẹo vào con đường dẫn thẳng vào rừng mới chịu thôi. Con đường này đưa chúng tôi qua những vùng đầm lầy và những nơi có mùi hương từ những cây tùng tỏa ra thơm ngát. Không có một căn nhà, không có ánh đèn nào trên đường dẫn vào nhà con tôi cả. Đến đầu đường, tôi bảo Jazz chạy thẳng theo đường tắt thay vì tiếp tục đi theo con đường trải nhựa. Chẳng bao lâu chúng tôi đi qua ngôi nhà thờ sụp đổ vì hỏa hoạn từ thời 50, gần đấy là một chiếc xe hơi bỏ phế. Khi con đường trở nên gập ghềnh hơn, tôi bắt đầu đếm các ngã rẽ, tìm lối rẽ thứ tư. Jazz đổi số, dạp ga cho chiếc xe chạy nhanh hơn trên ngọn đồi nhỏ đến nhà thằng cháu Don.

"Chẳng hiểu sao thằng này lại chịu ở cái khu kỳ cục thế này." Jazz cằn nhằn trong lúc tắt máy xe. Trong nhà không có ánh đèn, chiếc xe thường đậu ngay đàng trước cũng không còn. Jazz bỏ tôi đứng đó đi vào bụi cây gần đấy một lúc sau mới trở ra. Đêm nay có trăng, ánh sáng tỏa không nhiều nhưng cũng đủ để tôi nhìn thấy những vật chung quanh và bóng của chính mình. Tôi mường tượng thấy hình như Don đang đứng ở trong nhà nhìn ra nhưng không phải.

Với tay qua cửa xe, Jazz bấm còi. Tôi nghe thấy tiếng cú rúc đêm trả lời cho tiếng còi xe. Hồi còn bé, mỗi lần nghe tiếng cú rúc tôi nghĩ ngay tới ngày tận thế, lúc con người bị Thượng đế phán xét. Tôi còn nhớ ông mục sư của nhà thờ khi nói tới đề tài ngày tận thế bao giờ cũng gằn giọng: "Ai? Ai là người sẽ bị Thượng đế phán xét?" Dù vậy, ngày tận thế này theo ý nghĩ của tôi thời thuở nhỏ là một ngày có đàn ca, hát xướng tựa như mấy chương trình ca nhạc trên sân khấu, có lẽ một phần vì tôi không đặt vấn đề tôn giáo một cách quan trọng đúng mức. Tôi đến nay vẫn tự hào về chuyện không hề buộc con cái phải tin tưởng ở bất kỳ tôn giáo nào. Điều đó tốt, nhưng biết đâu cũng gây nhiều tai hại.

Tôi và Jazz đứng yên trước hàng hiên bằng gỗ phơi bầy lưới đánh cá và một đống thùng toàn vỏ chai bia, nước ngọt. Ánh sáng từ chiếc xe rọi vào phản chiếu hình ảnh của tôi và Jazz trên khung cửa sổ. Tôi tìm cách mở cửa đi lần vào nhà bếp.

"Don, con có nhà không?" Tôi lên tiếng gọi.

Tôi mò thấy được chiếc đèn điện ở bếp. Gọi là đèn chứ thật sự chỉ là một sợi dây điện cắm ở đầu này, bóng đèn ở đầu kia. Sợi dây đèn còn mới tinh làm tôi liên tưởng tới những ngày đầu tiên chính thức cuộc đời làm vợ. Mỗi buổi sáng thức dậy, việc trước hết tôi làm là chạy thật nhanh vào cầu tiêu bật đèn ụa mửa vì đang có bầu cháu thứ nhất.

Chiếc bàn ăn ở nhà bếp được xếp đặt gọn ghẽ cho một người ăn, chiếc đĩa ăn và ly uống nước để trên mặt bàn, một chiếc ly khác để ở giữa đựng muống nĩa. Một chiếc khay nhỏ đựng mứt ăn bánh mì, đường và cà phê bột, bên cạnh có cái tách uống cà phê.

Căn nhà gỗ của cháu Don chỉ có một phòng ngủ, chiếc giường được trải ngay ngắn trên phủ tấm chăn cũ do tôi may. Tôi đặt mình ngồi trên chiếc giường, tự nhiên cảm thấy xa lạ cho dù đã nhiều lần trong cuộc đời tôi ghé qua căn nhà này rồi. Tôi đưa tay sờ cái chăn cũ quen thuộc tôi may bằng những mảnh vải thừa lúc cắt quần áo cho các con. Cháu Kathy lúc đó cũng từng giúp tôi may chiếc chăn này, bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ chỗ nào tôi may, chỗ nào có bàn tay của đứa con gái bất hạnh đóng góp.

"Kỳ cục thật." Jazz cất tiếng nói. Anh đang chú ý xem những mảnh xương thú vật bày trên chiếc bàn dài ở gần cửa sổ. "Bà thử đoán xem thằng con trai cưng của bà làm gì với mấy cái xương quái quỉ này?"

Tôi đứng dậy bảo: "Từ bé cháu nó đã thích môn vạn vật rồi." Vừa nói tôi vừa đưa tay phủi chiếc chăn cho thật ngay ngắn, như sợ làm hư sự ngăn nắp của con.

Tôi đến bên cạnh Jazz xem xét những món đồ để lộn xộn trên bàn. Đủ mọi thứ: xương động vật, kìm, búa, ly uống cà phê đựng đầy tàn thuốc bên cạnh cái vỏ rùa cũng đầy tàn thuốc cùng một miếng giẻ rách toàn dầu mỡ. Jazz liếc mắt nhìn trong lúc tay lật thật nhanh những bức tranh con tôi vẽ. Đề tài chỉ là xương cá và răng nanh các loài hải cẩu.

"Chắc cháu nó ghi tên học lại ở trường đại học gần đây." Tôi nói với Jazz với giọng ngạc nhiên và xúc động. "Hôm nọ cháu nó nói với tôi là định đi học lại, tôi cứ ngỡ nó nói đùa."

"Bà xem mấy bức tranh này chưa?" Jazz hỏi. "Đẹp lắm chứ chẳng phải đùa. Sao thằng nhỏ này vẽ hay quá vậy?"

Chúng tôi xem từng bức tranh một, chăm chú hơn. Qua những đường

nét để lại trên mặt vải, tôi chợt nhớ lại hình ảnh của con tôi thời thơ ấu với những bức hình cháu vẽ bằng bút chì màu dán đầy nhà bếp. Nhìn thấy con tôi đã trưởng thành trong nét vẽ tương tự như nhìn thấy một người trông quen thuộc mà mình không biết rõ đã gặp từ lúc nào. Hầu hết các bức tranh tôi và Jazz xem đều lấy xương cá làm chủ đề, xen lẫn vào đó có vài bức vẽ cá và chim. Tôi thích những bức loại này hơn vì vẻ sống động của nó. Tôi cũng tìm thấy hơn hai mươi tấm vẽ với chủ đề cá bông lau, những con cá được cháu vẽ với dạng dài và ốm trông tựa như những chiếc chiến hạm cũng thật sống động.

Tôi xé tờ giấy trắng trên bàn vẽ viết vội vài chữ cho con:

Con, mẹ đi với một người bạn ghé thăm con lúc 10 giờ 30 tối thứ sáu nhưng con không có nhà. Mọi việc bình thường, mẹ có một số chuyện vui muốn nói cho con nghe. Rảnh ghé qua thăm mẹ nghe. Con có gì lạ không? Mẹ.

Tôi đưa cho Jazz đọc lá thư, "Ông thấy thế nào, tôi viết như vậy được chứ?"

"Tốt rồi." Jazz trả lời.

"Tôi thấy viết thư lối này nó kỳ kỳ làm sao ấy. Có vẻ giống như gọi điện thoại cho ai không có nhà, phải nói chuyện với máy vậy đó. Kỳ cục lắm."

Jazz ôm lấy tôi an ủi có lẽ vì sợ nhìn thấy tôi khóc. Anh ôm chặt đôi bờ vai tôi cho tới khi anh biết rõ cơn xúc động của tôi đã đi qua. Chúng tôi đi ra xe. Tôi không hiểu tại sao mình không bật khóc, có lẽ vì những gì tôi đang có đều là những chuyện đáng mừng, không có gì đau đớn đến độ phải rơi nước mắt. Con gái có bầu sắp sanh, con trai cầm cọ vẽ những bức tranh xương cá tuyệt vời.

"Tôi chẳng hiểu sao lại rủ bà đến đây làm gì." Jazz nói với giọng đầy hối tiếc.

"Có gì đâu," Tôi trả lời. "Lần khác ghé chắc nó có nhà, ông đừng lo."

Trên đường về, Jazz bảo tôi: "Bà biết không, cảnh rừng núi như vậy lại khiến cho tôi muốn giang hồ. Tôi đề nghị thế này, bà xem có được không nhé. Sáng mai tôi với bà khăn gói lên đường đi núi chơi, thăm hang động, biết đâu chừng lại gặp cả gấu nữa."

Tôi cười lớn: "Ông cứ làm như tôi với ông là vợ chồng nhà thám hiểm Daniel Boone vậy đó."

Jazz đáp: "Tôi tưởng chỉ có anh chồng đi thám hiểm thôi còn chị vợ ở nhà chứ. Bà sẽ đóng vai một cô mọi da đỏ nào đó mà anh chồng Daniel Boone gặp ở giữa đường."

"Có thật là anh chồng làm chuyện đó không?" Tôi hỏi, ra vẻ chờ đợi câu trả lời nhiều chi tiết thuộc loại thâm cung bí sử về anh chồng này.

"Chắc là có, anh này là vua thám hiểm thì gặp chuyện lạ là phải... thám hiểm ngay." Jazz nói lớn trong khi bật đèn pha chú mắt nhìn xem có hươu nai nào chạy băng qua đường không.

Tôi có thể đoán được tâm trạng của Jazz lúc này. Anh đang cố gắng tìm đủ mọi cách làm cho tôi vui, trong khi tôi tràn ngập những niềm vui và không có ý định cho anh biết. Dù sao, anh cũng nhìn rất "bắt mắt" lúc anh tìm cách làm tôi vui lòng.

*

Lúc trời đã về khuya, chúng tôi mới về đến phòng của Jazz, căn phòng dài và hẹp với hệ thống máy hát được Jazz câu dây đặt khắp mọi nơi. Con chó của Jazz vẫy đuôi mừng ngay trước cửa. Trong lúc Jazz đưa con chó đi ra ngoài đường, tôi có thì giờ xem xét kỹ chỗ ở của anh hơn. Tôi mở tủ lạnh lấy lon bia, vụng về đến độ làm bia đổ đầy bàn ăn. Lúc Jazz trở lại, tôi cười trêu anh về số quần áo lót, xú chiêng của phụ nữ anh có.

"Ông mặc thử mấy thứ này vô cho tôi coi được không?" Tôi nói với Jazz.

"Đùa bà, bộ bà điên hay sao vậy?"

"Tôi không có điên. Ông mặc thử cho tôi coi. Tôi không nói với ai đâu. Ông đừng lo."

Tôi tiếp tục đùa nghịch với Jazz kiểu đó cho tới khi anh xiêu lòng. Chúng tôi tìm mãi, không có cái nào vừa với thân hình của Jazz cả, cuối cùng phải lấy hai cái xú chiêng móc lại làm một. Với chiếc quần lót màu xanh vỏ chanh của anh, Jazz nhìn tuyệt vời, trông chẳng khác gì mấy người đàn ông chụp hình khỏa thân đăng ở báo dành cho phụ nữ.

Tôi đứng dậy mở dàn máy đắt tiền của Jazz, tìm một cuốn băng mình ưa thích. Tôi tưởng Jazz thế nào cũng có cuốn băng do anh em nhà Everly

hát mà tôi thích nhưng anh không có. Cuối cùng tôi chọn dĩa nhạc của George Winston. Rõ chán cái anh Jazz này không biết thưởng thức nhạc, mua toàn những loại gì đâu không. Tôi nghĩ, nhưng không nói với Jazz.

Theo dòng nhạc tôi đi từ phòng này qua phòng khác, nghĩ tới chuyện sẽ phải gặp ông chồng đầu tiên Jim Ed để nói chuyện về con cái. Tôi sẽ kể về chuyện cháu Don đi học lại, ngồi vẽ và tiếp xúc với thế giới bên ngoài, không sống cô lập như trước nữa. Tôi muốn nhìn thấy những hình ảnh phảng phất của con mình trên mặt bố nó. Tôi muốn đi cùng với Jim Ed qua Arizona thăm Laura lúc cháu sanh, chụp bức hình kỷ niệm gồm ông bà, mẹ và đứa cháu ngoại mới chào đời. Thằng chồng của nó còn lâu tôi mới cho chụp ảnh chung với gia đình.

Tôi hiểu phải mất nhiều thì giờ lắm mới có thể biết được tính tình của một người. Đó là lý do tại sao trong cuộc đời chúng ta gặp rất nhiều người nhưng không thấy hạp, tựa hồ như thử đủ loại quần áo mà chẳng thấy vừa. Có rất nhiều người để cho tôi lựa chọn, nhưng tôi nhất định lấy Jim Ed một cách vội vã, nhìn thấy ưa là lấy ngay, tin tưởng điều mình làm là đúng. Tôi nghĩ người chồng đầu tiên này chẳng làm gì lỗi cả trong lúc tôi không đối xử với ông ta một cách đàng hoàng. Lúc đó có lẽ vì còn quá trẻ tôi chưa biết vai trò của một người vợ phải như thế nào, nên tôi khó chịu với anh chồng nhà quê không biết ăn mặc này: ăn thì chống cả hai tay lên bàn, khăn không dùng cứ tối ngày đưa cả cánh tay lên chùi miệng. Tôi giận anh ta vì những thói quen không văn minh như vậy, đã thế lại còn thản nhiên làm những điều không văn minh này trước mặt người khác khiến tôi phát ngượng. Bây giờ tôi mới hiểu không ai có thể làm cho người khác thay đổi được nên cho dù ở bất kỳ trường hợp nào đi chăng nữa, Jim Ed vẫn là Jim Ed. Đó là lý do tại sao tôi vẫn yêu anh ta, trong lúc mắt không ngừng nhìn hình ảnh của Jazz phản chiếu qua tấm gương với chiếc quần lót màu xanh vỏ chanh nổi bật với làn da xạm nắng.

Jazz theo tôi vào phòng ngủ, cùng thu dọn đống quần áo lót đàn bà anh mang từ Pháp về vứt bừa bãi trên giường. Tôi mơ màng nghe tiếng Jazz nói chuyện với mình, giọng đều đều cho dù chắc anh cũng rõ tôi không chú ý tới câu chuyện cho lắm. Anh bảo: "Bên Pháp, người ta gọi *rue* là đường, Rue de Bre là con đường này nè. Lần cuối cùng qua bên đó, tôi chia tay bà vợ cũ và hai đứa nhỏ ở trên con đường này. Đông nghẹt, toàn là tiệm bán

hàng. Dân Pháp nhỏ con hơn mình, mắt thì thật đen còn tóc không đen lắm, da họ cũng vậy. Lúc chia tay nhau tôi mới vẫy chào là họ mất hút, biến vào đám đông. Họ sống bên đó được, tôi thì chịu. Có lẽ không khí bên đó không hợp với tôi."

"Sao ông không mời tôi qua Pháp chơi với ông, có phải lý thú hơn không?"

"Nếu bà muốn thì sáng mai đi." Jazz vừa nói vừa quay người trở lại đối diện với tôi, đưa đôi tay đặt nhẹ lên vai tôi.

"Tôi yêu bà, bà biết không?" Jazz nhỏ nhẹ bảo.

Sáng hôm sau khi thức dậy tôi thấy Jazz vẫn còn ôm tôi, vòng tay anh quấn chặt lấy thân hình tôi tựa như vòng tay người mẹ bảo vệ cho đứa con. Tiếng nhạc từ chiếc máy hát quên tắt tối trước vẫn trổi đều, bất tận. □

ĐỖ KH.

bài thơ cô gái

*

Cô gái trong hang
Cô gái nhảy ra
Cô gái ngồi đó
(Ui chà...
Ái dà...)
Cô gái nhẩy đi.

NGUYỄN LÝ

trà xuân

*

Đêm trăng xanh như ngọc
Ai bạch lạp dáng ngồi
Khói trà vờn ánh núi
Rừng hồng mộc vào Xuân.

một thuở

Nói gì về một thuở yêu
Con mắt ngó hoài đêm tối
Trở trăn như đám lá vàng
Xoay vặn không nhằm cơn gió.

vẫn một mình ta

Giờn với ta ư này trăm giấc mộng
Những chim bay mãi với ngàn không
Và trăm đôi mắt nhìn mộng tưởng
Vẫn một mình ta giữa phố đông.

TRẦN MỘNG TÚ

nơi không có định mệnh

*

Mẹ tôi nói:

– Con không thể ở lại được, con phải đi với mẹ, con là giọt máu duy nhất, mẹ không thể bỏ con để đi một mình.

Tôi cãi lại:

– Con cũng không thể bỏ thằng Tý được, nó là giọt máu duy nhất của con và Mẫn.

Mẹ tôi lạnh lùng đến tàn nhẫn:

– Nhưng giọt máu đó không chính thức.

Tôi lồng lên như con hổ đã bị thương còn bị đâm thêm một nhát vào đúng vết thương đó:

– Thế nào là chính thức? Khi mẹ nhỏ hai giọt máu lên một tờ giấy, nó đều có hình dạng giống nhau, màu sắc như nhau, chẳng ai đem nhãn hiệu dán lên một giọt máu.

Mẹ tôi vẫn tàn nhẫn:

– Người ta không dán nhãn hiệu lên giọt máu, nhưng đó là đạo luật bất thành văn của xã hội, mình phải sống với nó, không thể làm khác được, đúng hay sai lại là một sự kiện khác. Khi đứa trẻ ra đời mà chưa được chuẩn bị trước cho một sự chấp thuận thì người ta gọi nó là giọt máu không chính thức.

– Con không cần cái xã hội có cả ngàn đạo luật bất thành văn của mẹ.

Xã hội của con chỉ có sự thành thật. Con và Mẫn thành thật yêu nhau, thằng Tý làgiọt máu của thành thật, nếu được dán nhãn hiệu thì thằng Tý sẽ được đặt tên là Thành Thật.

Mẹ tôi im lặng, không trả lời tôi nữa, bà đăm đăm nhìn dãy núi chạy ngang nhà, con đường đất đỏ, mùa nắng khô và đầy bụi, bụi rắc như bột đỏ vào những cành cây khẳng khiu hai bên đường, cả chân núi cũng được viền lên một màu đỏ quạch. Mẹ nhìn núi, tôi nhìn mẹ, thấy mẹ cũng khô và già như núi, mẹ chưa đến 50 mà mẹ đã xác xơ, cằn cỗi quá. Mái tóc đen mướt, xanh bóng của những năm tháng cũ – mái tóc bố đã không bao giờ cho cắt – chỉ còn lại một nắm nhỏ, búi lại như một quả chanh héo quắt sau gáy. Đôi mắt thất thần lúc nào cũng đầy ắp sợ sệt, lo lắng, đang ứa ra những giọt lệ, lăn dài trên cặp má hóp, xanh tái. Tôi nghe giọng mình bỗng chùng hẳn xuống nhưng vẫn cay đắng:

– Con xin lỗi mẹ, đáng nhẽ con không nên nói những lời như thế. Nhưng con thật sự ghê tởm cho cái đạo luật bất thành văn của cái xã hội chúng ta đang sống lắm rồi. Mẹ có nhớ bác Tâm ở cạnh nhà mình hồi đó không? Chị Lan, con gái bác bằng tuổi con, lúc này đang làm việc ở bệnh viện Từ Dũ. Hôm trước gặp lại con chị nói là bây giờ gia đình chị khá lắm. Mỗi ngày chị đem về một xô đầy nhau bà đẻ, nuôi heo cho hợp tác xã. Chị còn kể thêm ở trong xô nhau đó có lẫn lộn cả xác thai nhi của các bà mẹ trẻ. Ngày nào cũng có người đến phá thai, không cần lấy hẹn, không cần bác sĩ, mấy bà mụ làm được rồi, vào phá xong, có tiền được nằm lại một ngày, còn không thì đi về ngay. Đi phá thai mà như đi chợ vậy. Có đạo luật nào cho phép nhân viên Xưởng Đẻ làm cái công viện vừa vô nhân đạo vừa hủy diệt một truyền thống thiêng liêng là "chôn nhau, cắt rốn" đó? Con nghĩ là không, nó chỉ tuân theo một cái đạo miệng, truyền từ miệng người này đến miệng người khác, những cái miệng đầy xác chết của thai nhi ngọ nguậy bên trong. Cũng may mà nhà mình lưu lạc đến vùng kinh tế mới này nên con mới giữ được thằng Tý ở trong bụng cho đến khi mẹ vứt nó đi.

Mẹ tôi vẫn đứng im như núi, tôi không còn cãi mẹ, còn nói thêm được một điều gì. Tôi biết tôi sẽ mất tất cả. Đứa con tôi mới sinh được mấy tháng không có tên trong giấy bảo lãnh của cô tôi. Đứa con tôi chưa hề nhìn thấy mặt nó, chưa hề được nghe nó khóc, chưa được ôm nó vào lòng, mẹ tôi đã đem nó đi cho một người trong họ. Người này tôi không biết ở đâu và chưa

gặp lần nào. Đứa bé được bế đi ngay khi tôi còn mê man thiếp giấc trên bàn sinh. Mẹ chỉ cho tôi biết đó là một thằng bé con trai, khoẻ mạnh, khóc to, mẹ gọi nó là thằng Tý. Đã có người làm giấy khai sinh và đặt tên cho nó theo họ của người ta, sau khi được mẹ tôi hứa hẹn là sẽ tháng tháng gửi cấp dưỡng về.

Giọt máu của tôi và Mẫn không bị vứt vào cái xô để làm thực phẩm nuôi heo cho hợp tác xã thì cũng bị vứt vào cái xọt rác khổng lồ là xã hội này. Tôi đâu có hơn gì những phụ nữ mang thai đi phá. Rồi đây tôi sẽ sống ra sao ở cái chốn xa xôi đó khi biết rõ con mình sẽ lớn lên trong những bất trắc như thế nào. Tôi cũng sẽ không bao giờ được nhìn lại Mẫn với những khốn khổ chàng. Làm thế nào để tôi có thể tìm lại được cảm giác ngậm ngùi rung động những lần chạm ngón tay mình trên thân thể xương xẩu của chàng, cũng chẳng còn được hôn nồng nàn trên nụ cười mệt mỏi đó, chẳng còn được úp mặt hít hà trên lưng áo ẩm ướt mồ hôi kia. Không còn cách nào chia nhau một miếng ăn giấu kỹ trong áo khi tìm đến nhau, để uống những giọt lệ ở đuôi mắt nhau những lúc ra về. Tôi sẽ đi đến chỗ không một người nào từ chối, những giọt nước mắt tôi khóc ngày hôm nay có thành thật chảy ra từ trái tim tôi không? Tôi có đủ can đảm để ở lại với Mẫn cùng với khốn khổ chàng? Tôi nhớ lại khi tôi nói:

– Em sẽ đi học lại, em sẽ đi làm, em sẽ có phương tiện giúp anh. Gương mặt Mẫn đanh lại, chàng gằn từng tiếng, tôi chưa bao giờ nghe giọng nói chàng lạ lẫm như thế:

– Tôi cấm em không được gửi bất cứ cái gì về, kể cả những bức thư. Em cứ yên ổn với đời sống mới của em và quên đi một đoạn đời rất cũ kỹ nào đó chúng ta đã có với nhau. Em hãy cắt cho thật ngọt những kỷ niệm, những liên hệ giữa chúng ta, như mẹ em đã cắt ngọt cái liên hệ máu huyết của cha con tôi. Em cứ quên đi, càng quên nhiều em càng hạnh phúc, tôi muốn em được hạnh phúc, hãy để cái nhớ cho riêng tôi. Mẹ em không thể nào giật hết đi được tất cả vốn liếng đời sống tôi đâu. Con tôi còn ở trên mảnh đất khốn khổ này thì tôi sẽ tìm ra nó. Bố con tôi sẽ cùng chia nhau sự khốn khổ.

Và tôi đã im lặng. Như thế có phải tôi đã có chọn lựa giữa Mẫn và tương lai của riêng tôi hay không? Tôi có thực sự yêu Mẫn như tôi vẫn tưởng? Tôi hoang mang quá đỗi. Từ đó cho đến ngày đi, tôi không gặp lại

Mẫn nữa, tôi tìm đến thì chàng lẩn tránh. Cánh cửa xộc xệch vẫn mở, trong nhà vẫn tiêu điều, dãy núi vẫn hiu quạnh, tôi đứng cô đơn nhìn núi nhìn bóng mình hắt lẻ loi trên con đường đất đỏ, tôi nhớ Mẫn, tôi bưng mặt bằng hai bàn tay bé nhỏ của mình, tôi bỗng nghĩ đến thằng Tý, tôi chưa thấy mặt nó bao giờ, tôi chưa được ngửi mùi sữa trên da thịt nó. Tôi khóc lặng lẽ, thương nó, thương Mẫn, thương tôi, tôi nhớ lại những khổ cực, những ngọt bùi chúng tôi cùng chia sẻ với nhau từ nhỏ.

Cha Mẫn chết ngay đầu tháng tư oan nghiệt đó, mẹ Mẫn đi tìm chồng rồi biệt tăm luôn, có người bảo mẹ chàng bị đạn lạc ở quốc lộ số 1 hôm 30 cùng tháng. Mẫn lúc đó mới 15 tuổi, chàng sống với bà nội, hai bà cháu chàng lang thang đủ mọi nghề để kiếm sống, chàng làm đủ các công việc để vừa đi học vừa nuôi bà, nuôi mình. Bà cháu chàng trôi giạt đến căn liều dựng sát vách nhà mẹ con tôi. Chúng tôi cũng chẳng hơn gì chàng. Cha tôi đi cải tạo 10 ngày thì bị gửi thẳng ra Bắc, mẹ tôi không quen với lam lũ khổ cực đã bán hết sạch cả tư trang của cải trong nhà, lúc căn nhà trống rỗng thì cũng là lúc nhà bị tịch thu và người bị đuổi lên vùng kinh tế mới.

Mẫn cũng đem bà nội lên vùng kinh tế mới với mẹ con tôi, năm đó tôi lên mười, kém Mẫn năm tuổi. Tưởng rằng phá rừng làm nhà, cày đá để trồng khoai đậu, ngờ đâu chàng cày đá lên chôn bà nội, mẹ tôi thì chỉ còn là một cái xác ve với hai bàn tay mười ngón bật máu. Giữa cảnh đói khổ đó, Mẫn đã nhường cho mẹ con tôi củ khoai ngon nhất, to nhất, còn chàng ăn miếng nhỏ, miếng hà. Cái liều Mẫn dựng cho mình đã nhỏ hơn liều của mẹ con tôi mà bức vách lại là những miếng cây cong thừa. Chúng tôi trưởng thành bên nhau trong túng quẫn, đói rét. Cứ lau nước mắt, mồ hôi trên mặt nhau mỗi ngày thì làm sao tránh được chẳng yêu nhau!

Một buổi sáng thức dậy tôi thấy mình đã đo gần hết chiều dài cái giường nằm (cái giường này khi Mẫn đóng cho tôi, gót chân tôi khi nằm mới chạm đến nửa giường), chiếc áo tôi đang mặc trên người hơi chật, khi tôi ngủ bật tung ra những chiếc nút ở ngực. Tôi nhìn xuống ngực mình, biết là mình đã lớn. Tôi đứng dậy cài lại áo, bất giác kêu lên thành tiếng, "Anh Mẫn! Anh Mẫn!" biết là mình đang yêu.

Một buổi tối mẹ tôi gọi tôi ra bảo:

– Con không nên yêu Mẫn, con yêu Mẫn là bế tắc hết, dì Thảo đang làm giấy bảo lãnh cho mẹ con mình.

Mẹ chỉ nói có thế, tuần sau mẹ con tôi dọn đến một chỗ ở khác, cũng nghèo nàn, chật chội nhưng xa Mẫn cả hai cây số. Mẹ muốn tránh cho chúng tôi gặp nhau hằng ngày. Nhưng chúng tôi vẫn gặp nhau gần như mỗi ngày, vẫn lau nước mắt và mồ hôi trên mặt nhau. Mẹ càng cấm chúng tôi càng yêu nhau. Tôi vẫn đến tìm Mẫn trong căn lều của chàng, đợi Mẫn trở về sau một ngày khuân vác ở bến xe, ở chợ, mồ hôi chàng ướt đẫm trên lưng, nụ cười mệt mỏi, nhưng hai con mắt chàng rực sáng khi thấy tôi đang loay hoay thu dọn chỗ ở của chàng. Chàng cởi chiếc áo nhơ nhớp đầy bụi đỏ ra cho tôi giặt. Tôi chạm những ngón tay mình trên bộ ngực xương xẩu của chàng, chúng tôi ôm nhau, ngồi im lặng, nhìn núi, những dãy núi chạy dài bao bọc những túp lều, những căn nhà đang dựa lưng vào nó. Ở đây cây cỏ xác xơ, khô cằn, sống dở chết dở như những người dân lam lũ, nhưng núi thì vô cùng chắc chắn, đỉnh núi nhọn hoắt, xanh thẫm. Chàng hay xoa đầu tôi đọc một đoạn thơ ngắn:

Hãy yêu chàng như núi
Núi nào có biết gì
Núi nằm đó yên ngủ
Đã hàng muôn năm qua (1)

Chàng bảo đó là mấy câu thơ anh nghe ngày còn nhỏ bố anh hay đọc cho mẹ anh. Hồi đó anh chẳng hiểu tại sao lại – *Yêu chàng như núi* – bây giờ lớn lên mới hiểu. Em có thấy không? Từ lúc chúng mình nhỏ dại, rồi trưởng thành, yêu nhau, bao nhiêu là chuyện thay đổi, bao nhiêu điều bị hủy diệt, bao nhiêu cái bị chiếm đoạt, dời chỗ. Con sông cũng có lúc bị khô cạn, có lúc bị ngập lụt, bông hoa thì bị dẫm dưới chân, chim chóc biến mất trong thành phố, ngay cả đến mồ mả cũng bị đào lên. Cha mẹ con cái thất lạc nhau. Mọi người đều khánh tận đến đáy, mất hết, mất hết. Chỉ còn những dãy núi là vẫn đứng đó, chẳng có cách mạng, giải phóng nào rời núi đến một chỗ khác được. Em hãy yêu anh như vậy.

Tôi đã không yêu chàng như núi, tôi bỏ chàng, bỏ con, tôi đi. Tôi đi xa lắm, chúng tôi chẳng còn bao giờ được lau nước mắt và mồ hôi trên mặt nhau nữa. Câu thơ đó bây giờ đọc lại tôi nghe như một nỗi mỉa mai.

*

Không còn gì cả, núi trước mặt, núi sau lưng, bụi đỏ tung mù con đường hẹp, thành phố xơ xác và tôi xơ xác. Ban ngày tôi đi lang thang dưới

ánh nắng gay gắt, mồ hôi nhớp nháp, bụi bám đầy mặt, tôi giơ tay lên vuốt xuống được cả bẩn thỉu lẫn khốn cùng. Tôi đứng trân trân nhìn vách núi dựng thẳng trước mặt, tôi cất tiếng gọi tên nàng, tiếng kêu dội lại như những cái tát tới tấp làm tối tăm mặt mũi. Không còn gì cả, nàng đã đi rất xa, mẹ nàng đã đem nàng đến một nơi mà tôi không có cách nào tìm đến được. Bà giật nàng đi, cắt ngọt chúng tôi ra làm hai mảnh, máu tung tóe trong tim chúng tôi bà đâu nhìn thấy. Bà lôi nàng đi, nước mắt nàng chảy từ con đường đất đỏ ở quê nhà đến một con đường vô định khác. Hình như tôi nghe thấy tiếng nàng gọi, "Anh! Anh!" Tiếng kêu tắc nghẹn trong cổ họng, có bàn tay ai đang bịt chặt lấy miệng nàng. Có thật nàng gọi tôi hay chỉ là ảo tưởng?

Bây giờ thì chúng tôi thật sự mất nhau, đêm đêm tôi đi qua những con đường đất đỏ đến dựa lưng vào một vách núi nhìn lên đỉnh núi trước mặt. Trăng rằm hay trăng khuyết cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa, bóng tôi trơ trọi một mình. Tôi vốn đã không có gì gọi là tài sản, tôi thường ví von như tiểu thuyết với nàng rằng:

– Tình yêu của em là chỉ vàng duy nhất anh có trong tay.

Nàng thường nũng nịu nói:

– Sao không cho em bằng cả một lạng vàng mà chỉ có một chỉ thôi!

Tôi nói:

– Một lạng nhiều quá với một người nghèo như anh, mà nhiều quá thì nó bớt quí đi. Bây giờ cái chỉ vàng duy nhất đó cũng bị tước đoạt ra khỏi tay tôi, bị ném đi thật xa, qua đỉnh núi này và rơi xuống một nơi chỉ có người bên kia núi mới nhặt được. Đứa con tôi cũng tội nghiệp như tôi, nó bị giật ra khỏi lòng nàng, tình yêu nàng, đứa bé bị bỏ lại, mẹ nó được chải tóc xuông xẻ, được mặc áo đẹp, được đánh phấn, đeo hoa đi về một phương trời mà mọi người mơ ước.

Tôi yêu nàng nhưng tôi không thốt một lời nào để giữ nàng lại, nàng có quyền đi tìm tương lai của nàng. Ở lại với tôi và một đứa con, tôi đã nhìn được cảnh sống bần cùng của cả ba người.

"Em cứ đi, em đừng khóc nữa, hãy để dành những giọt nước mắt lại cho anh. Cho anh tất cả thống khổ của ngày tháng đã qua để anh cất giữ. Anh không trách em, em đâu có lỗi gì, anh chỉ trách định mệnh, mà định mệnh

thì quyền tung, quyền tác lắm, mình đâu có thể làm gì được, chỉ biết khuất phục mà thôi, phải không em?

Thôi em đừng khóc nữa! Nếu anh đã nhìn mẹ em bằng cặp mắt oán hờn khi biết bà đã cho đi đứa con của chúng ta thì không phải anh oán hận riêng bà mà chỉ vì lòng anh quá đỗi xót xa cho tất cả chúng ta. Mẹ em, anh, em, và con của chúng ta đều là những sinh vật đáng thương. Chúng ta sống trong một xã hội nghiệt ngã đến nỗi nó giết đi cái liên hệ máu huyết của bà cháu, giết đi cái tình yêu chân thật đầu đời của chúng mình. Sự thiếu ăn thiếu mặc như một con thú khổng lồ nuốt chửng cả mọi nhân phẩm, mọi tư cách của con người thì xá gì một chút tình phù du mà nó không nuốt nốt.

Ôi! Nếu chúng ta được trưởng thành, được yêu nhau trên một đất nước thanh bình no cơm ấm áo thì tình yêu của chúng ta sẽ thế nào? Em sẽ không còn phải giặt cái áo nhớp nháp mồ hôi của anh, anh đâu còn phải bòn nhặt từng đồng để mua cho em miếng ngon cuối ngày, để được hưởng cái hạnh phúc nhìn em cắn một miếng nhỏ rồi nhường cả cho anh. Làm gì có giọt lệ ở cuối mắt mỗi khi chúng mình hôn nhau từ giã. Anh sẽ mua cho em cái áo thật đẹp, cái xe thật sang. Chúng mình sẽ chẳng khóc khi hôn nhau. Anh cũng sẽ không chỉ núi mà dặn em, "Hãy yêu chàng như núi", vì quanh chúng tachắc chẳng có ai yêu nhau như núi cả. Họ yêu nhau như yêu cái xe đẹp, cái nhà đẹp.

Thôi em đừng khóc nữa. Em hãy đi, hãy sống hạnh phúc và quên đi một quãng đời rất cũ kỹ là chúng ta đã có nhau..."

Tôi đứng sau lưng những người đưa tiễn mẹ con nàng, tôi nhìn thấy rõ cả hai người nhưng họ không nhìn thấy tôi, họ còn đang bịn rịn, giã từ, còn đang nhận những lời nhắn gửi. Nàng mặc áo tươm tất hơn mọi ngày, nét mặt nàng không mấy vui, nụ cười nàng gượng gạo, tôi nhìn rõ được cả giọt lệ ứa ra ở đuôi mắt nàng (giọt lệ đó trông cũng giống giọt lệ vẫn ứa ra khi chúng tôi hôn nhau). Nàng ngơ ngác nhìn vào đám đông tìm kiếm, có phải nàng đang mong mỏi tìm thấy tôi? Tôi đứng lùi lại một chút đứng khuất sau chiếc xe ca vừa đi tới. Tôi cắn răng để ngăn sự đau đớn trong lòng, nước mắt ứa ra ở đuôi mắt rồi, tôi chạy nhanh về phía cổng phi trường, tôi không can đảm đứng lâu hơn nữa, tôi nghe tiếng nàng gọi, không, tiếng nàng gào lên, "Anh Mẫn! Anh Mẫn!" Có bàn tay ai đang bịt lấy miệng nàng. Có nhiều tiếng nói cùng lao xao lên một lúc:

– Kéo cô ấy lên máy bay!

– Bịt mắt cô ấy lại!

– Máy bay sắp cất cánh rồi.

– Ôi, sang đến bên đó là quên ngay ấy mà.

Tôi vẫn chạy, lao đi như một mũi tên nhưng hồn tôi chùng xuống như sợi dây ná vừa buông thõng.

Tôi đã vĩnh viễn mất nàng.

*

New York, ngày... tháng... năm...

Cậu Mẫn thân mến.

Khi mẹ con tôi dặt bước chân đầu tiên lên máy bay rời Việt Nam, tôi đã quay đầu lại chào cậu một lần chót, nói với cậu một lời xin lỗi. Cái chào đó cậu không nhìn thấy vì cậu đã chạy vụt ra khỏi phi trường, câu xin lỗi đó cậu không nghe dù cậu có đứng thật gần chăng nữa vì tôi chỉ nói ở trong lòng, tiếng nói đó vang dội, phá tung trong lồng ngực tôi nhưng không thoát ra ngoài miệng, nó như một viên đạn được bắn ra từ một nòng súng hãm thanh, không gây tiếng nổ nhưng sức tàn phá lại mạnh gấp mười lần.

Mẹ con tôi được cô em bảo lãnh thuê cho một căn nhà dưới hầm ngay trung tâm thành phố, nơi có rất nhiều người Mỹ đen cư ngụ. Đằng sau lưng chúng tôi là nhà thờ Công giáo, trước mặt chúng tôi là công viên Central Park nơi nổi tiếng những vụ thanh toán, bắn giết giữa Mỹ đen và Mỹ trắng, giữa những người buôn bán ma túy, những vụ đổi chác thân xác. Nói chung đó là một công viên của tội lỗi và án mạng.

Cô em tôi bảo:

– Ở đây, chị đi nhà thờ, đi chợ gần, cháu Dung đi học tiện đường xe bus, không phải nhờ vả vào ai.

Tôi thấy cô nói đúng. Chúng tôi cũng đã đi khám sức khỏe bằng những tấm thẻ miễn phí cho người tị nạn, người đến trước đã khuyên chúng tôi nên đi bác sĩ ngay để chữa chạy tất cả những bệnh tật trước khi hết quyền lợi tị nạn, chúng tôi được phát rất nhiều thuốc.

Khi đi khám mắt, tôi mở to đồng tử nhìn vào hai vệt sáng nhỏ, di động trong căn phòng tối om, tôi bỗng buồn bã vô cùng. Hai điểm sáng nhỏ nhoi đó tự nhiên trở thành cặp mắt của cậu đang dội ngược nhìn vào mắt tôi. Cặp

mắt có hai giọt lệ ứa ra như hai giọt máu của oán hận và tủi nhục hôm tôi cho cậu biết là đã gửi thằng Tý cho người khác nuôi. Hai giọt lệ oán hận đó đã đêm đêm tra vào mắt tôi những giọt xót xa vô tận.

Khi đưa cánh tay khẳng khiu của mình ra để lấy máu phân bệnh, người y tá sau khi di di miếng bông trên mũi kim đâm, đã vứt miếng bông và cả cái kim vào thùng rác, tôi nhìn theo thấy máu mình dính trên miếng bông mà lòng quặn thắt. Tôi nhớ đến giọt máu của con gái tôi bỏ lại ở quê nhà, đứa cháu ngoại đầu tiên của tôi, nó mang một phần nào máu huyết của tôi và rất nhiều máu huyết của cậu.

Cậu Mẫn, xin cậu hãy tha lỗi cho tôi, tôi không biết tôi đã làm đúng hay sai, nhưng cậu hiểu là tôi không thể làm khác được. Chúng ta đã sống trong một hoàn cảnh mà chúng ta chẳng có quyền suy xét phải trái, không có đắn đo lương tâm. Chúng ta hèn yếu sống theo cái nhu cầu vật vã của cả tinh thần lẫn vật chất đòi hỏi (trong đó vật chất đã chiếm một chỗ rất rộng). Chúng ta gọi đó là Định Mệnh. Cả tôi, cậu, con gái tôi, cháu ngoại tôi đều phải chấp nhận mà sống với cái định mệnh của riêng mình.

Định mệnh đã đưa đẩy tôi đến cái trạng huống khi nhận được tin chồng chết ở trại cải tạo ngoài Bắc, tôi đã thở ra một hơi dài như vừa được tha một trọng tội. Đã ba năm liền tôi không đi thăm nuôi được người chồng tôi yêu kính. Mồ hôi đã chảy đến giọt cuối, cái áo duy nhất đã rách nát ngày mặc đêm phơi thì làm sao đắp điếm thăm nuôi được một người ở xa hàng ngàn cây số! Cái định mệnhđó đã biến tôi thành người mẹ lạnh lùng, tàn nhẫn, tham ăn, tham mặc, đã quất những ngọn roi vô hình lên mối tình đầu đời của con gái.

Tôi biết Tình Yêu đôi khi là một cứu vớt cho nỗi tuyệt vọng, nhất là cái tuyệt vọng của áo cơm, nó giống như viên thuốc bổ bọc đường người ta uống vào để lấy lại sức và đáng lẽ phải được bồi bổ bằng miếng cơm, miếng thịt. Cậu và con gái tôi đã chia nhau viên thuốc bổ đó. Nhưng là một người mẹ, khi tìm được cơ hội đặt vào miệng con gái mình một viên thuốc bổ chính hiệu, miếng thịt cắt ra từ con thú, bát cơm lấy từ hạt gạo thì tôi có bổn phận gạt sang bên những viên thuốc, những miếng ăn trừu tượng, mơ hồ mà con tôi đang uống. Xin cậu thông cảm và tha lỗi cho tôi.

Nhưng tôi đã lầm, con gái tôi không dễ dàng quên cái viên thuốc mơ hồ đó như tôi tưởng. Từ khi sang đây Dung đi ra đi vào như một cái bóng, chỉ

nói với mẹ những câu cần thiết, có khi đứng hàng giờ đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ (cái cửa sổ của căn nhà hầm chỉ nhô lên trên mặt đất không đầy một thước). Có lần không chịu được sự im lặng quá lâu của con tôi hỏi: "Con nhìn gì ở bên ngoài đó?" "Con tìm núi, ở đây chỉ có cao ốc, không có núi, con nhớ núi quá!" Đó là lần duy nhất trong sáu tháng ở New York tôi nghe con tâm sự.

Tôi biết Dung vẫn viết thư cho cậu, vẫn mòn mỏi đợi thư trả lời của cậu, cho đến hôm qua thư cậu vẫn chưa tới!

Hôm qua, con gái tôi đã chết. Dung đi học về, từ xe bus băng qua đường, bị một viên đạn bắn lạc xuyên từ cổ ra phía sau gáy. Viên đạn do hai người Mỹ da đen rượt bắn nhau ở công viên Central Park. Dung được chở ngay vào bệnh viện, sau năm tiếng đồng hồ vật lộn giữa sống và chết, giữa y học và định mệnh, con người đã thua.

Tôi cầm tay con tôi lúc hấp hối, Dung mở mắt nhìn vào mắt mẹ, đôi mắt nâu vẫn trong suốt, tôi đợi nghe con nói tiếng "Mẹ ơi!" cuối cùng, nhưng không. Dung không gọi mẹ, Dung cất tiếng gọi cậu, "Anh Mẫn! Em yêu anh như núi."

Hai giọt nước mắt ứa ra ở đuôi mắt Dung trông giống như hai giọt nước mắt đã ứa ra ở phi trường hôm đi. Rồi Dung khép mắt lại, buông tay tôi.

Cậu Mẫn, khi tôi viết những dòng chữ này tôi không khóc, đêm qua tôi cũng không khóc, nước mắt đã hết và thật sự cũng không cần thiết nữa. Chốc nữa đây, sau khi đi gửi lá thư này cho cậu tôi sẽ đến gặp con gái tôi, mẹ con tôi lại dắt nhau đi.

Lần này chúng tôi sẽ đến một nơi mà định mệnh không thể nào can thiệp được, nơi không có Định Mệnh!

Thân mến chào cậu.

Tái bút:

Tôi xin gửi theo đây một số tiền tôi dành dụm được từ tiền trợ cấp trong sáu tháng trời nay để cậu tiêu dùng và để đi chuộc thằng Tý về nuôi dậy nó, tôi chắc người giữ nó cũng chẳng làm khó dễ gì cậu khi biết thằng Tý chẳng còn ai thân thích ở Mỹ cấp dưỡng cho nó nữa. Chúc cha con cậu mọi điều may mắn.

*

Người đàn bà cẩn thận dán hai con tem *Air Mail* lên bì thư. Bà viết nắn nót tên và địa chỉ người nhận, chỗ người gửi thì bà để trống.

Bà vào buồng tắm, mở tủ thuốc nhỏ, lấy ra hết những thứ thuốc từ lúc sang bà được phát miễn phí. Từ lọ thuốc an thần 40 viên, thuốc trụ sinh 30 viên, thuốc nhức mỏi 30 viên, thuốc đau bao tử, thuốc yếu gan... Bà đổ hết vào lòng bàn tay, rót cho mình một ly nước đầy. Bà kéo ghế ngồi xuống, bình thản uống từng vốc thuốc, chiêu từng ngụm nước.

Bà mang lá thư ra tận thùng thư ở đầu phố, cẩn thận bỏ vào, bà chậm rãi ngẫm nghĩa cái trạm xe bus trước công viên Central Park nơi con gái bà vẫn lên xuống. Bà trở về nhà, đóng kín tất cả các cánh cửa lớn nhỏ, vặn lò ga lên đến độ cao nhất, sau khi dập tắt cái mồi lửa, bà không cần hơi nóng, bà chỉ cần hơi ngạt. Bà lên giường, đắp chăn, đi ngủ.

Bên ngoài, mặt trời đang nhẩy múa trên những cao ốc. □

---

(1) Thơ Đỗ Quí Toàn

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

NGÀY QUANH QUẨN
của **Trần Long Hồ**

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng. Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

NHƯ CHI

những khúc rời ở san diego

*

Đêm San Diego
Tháng giêng
Qua cửa sổ
đèn lấm tấm những nóc nhà đen
đèn qua lại trên con đường đen
âm thanh mơ hồ.
Cho tôi cây bút tập giấy
ghi nỗi buồn không biết tên
không thể nói ra hay viết ra
diệu cồn cào của gan ruột
khắc khoải của quả tim
sương khói trên đôi mắt.

Hành lang vắng
những cánh cửa đóng im
những con số lặng lẽ.
Tôi là ai
cần chăng một đôi mắt cho tôi soi bóng
để tự tưởng ra mình
và tự khoác một danh xưng.
Phải làm sao
nếu một ngày trần gian chối bỏ
như từng
chối bỏ trần gian
niềm yêu thương
hay là khát vọng
muốn cô đơn
hay muốn được quá nhiều.

Mỗi ngày tôi đeo kính tô son
Trên đường phố đầy đèn xanh đỏ
Có đôi khi khói xe làm cay mắt
Thèm một nụ cười chỉ để riêng tôi.

Những ngày trống
và những đêm trống
im nghe tiếng gió mơ hồ
ở ngoài kia thời gian tôi mãi mãi
có một mình tôi đứng lại nơi đây
Khúc hát nào
quyện dấu chim bay
đưa mây trắng về nơi vĩnh cửu
Những ngày im lìm
những đêm mơ ngủ
Tôi thấy mình
ủ rũ
hôn mê.
Cõi nào đi và cõi nào về
Tôi đứng đấy
bốn bề đều im lặng.
Màu thảm xanh
bức tường sơn trắng
màu tóc đen đổ xuống bên vai.
Những ngày những đêm
như thể rất dài
tôi vẫn sống dường như hàng thế kỷ
khi mở mắt
vẫn như là mộng mị.
Có một chỗ nào chưa hết những cơn mơ
hơi thở ai
mờ tấm kính lòng tôi
rồi đọng lại trên mi vài giọt ấm?

VŨ QUỲNH N.H.

bức tranh cũ

*

Người con gái rời người khỏi hắn. Nàng kéo vạt áo xuống thở dài. Cái thở dài tiếc nuối hay vì tiếng ngáy khò khò từ cổ họng hắn phát ra làm nàng thấy khó chịu. Mùi sơn phảng phất đâu đó, vẫn còn nồng nàn như chưa kịp khô trên khung vải trắng. Người con gái hình như chưa ngủ được. Nhổm dậy mồi điếu thuốc, ánh diêm xoẹt lên làm nàng nhíu mắt rồi từ từ lu mờ như ngọn đèn yếu ớt ngoài đầu đường. Giờ cũng gần sáng, tí nữa đây ánh bình minh đánh thức dậy, cả hai không biết phải nói gì với nhau, ngoài cái nhìn ngượng nghịu.

*

Hắn ngồi thừ người từ nãy đến giờ vẫn không vẽ được một nét nào. Hết vò đầu bứt tóc rồi lại gãi tai nhìn thiên hạ qua lại. Mấy cô đầm dạo ngang đủ cỡ, to nhỏ, béo gầy, cao thấp, hắn đo lên khung vải vẫn chưa được một ai ưng ý. Duy thở dài chán nản. Hắn lang thang làm cái nghề vẽ tranh lấy lất trong ba tháng hè cũng đủ sống. Dù sao hắn chưa phải bận bịu với một ai. Chỗ nào cũng có thể là nhà nhất là ở khu Montmartre này. Place du Tertre hắn quen hết mọi người và đôi khi biết cả luôn tâm sự riêng của một vài cá nhân. Duy như một loại vô gia cư, không nhà, chỉ có mỗi một cái bàn chải đánh răng là hành lý mà hắn không bao giờ để rời khỏi người.

Montmartre của bốn trăm năm lịch sử, ngoằn ngoèo, uốn khúc và đầy ngõ cụt. Nơi ra đời phong trào Modern Art của Picasso, Braque, Renoir và Van Gogh. Dân họa sĩ mang sơn cọ ra ngồi vẽ. Có tên thất tình vẽ, có tên buồn tình vẽ, có tên yêu đời vẽ, có tên chán đời vẽ, có cả những tên cần tiền vẽ, và có tên vẽ để mà vẽ. Như hắn chẳng hạn.

Hai cô Nhật từ xa cầm giá vẽ đi lại. Một nàng cao, một nàng thấp nhưng cả hai đều nhỏ người, tóc cắt ngang tai uốn cong vào. Cô cao cúi xuống nhét vào túi áo Duy ít tiền giấy, cô thấp ghé vào tai hắn nhắn nhủ.

– Chiều nay mày về sớm, đừng quên mua vài ổ *baguettes*. Nhớ nhe!

Cô nàng không quên lập lại thêm một lần nữa, vốn dĩ biết tánh hắn hay quên.

Duy gật gù móc túi áo ra đếm lại số tiền. Hắn tự nhủ, nếu bán được một bức tranh như ngày hôm qua, cộng với số tiền hắn đang có, chiều nay về hắn có thể mua thêm và ba gram *pâté de fois gras* hay vài loại *charcuterie* bậy bạ đâu đó, nhất là ở nhà còn chai rượu đỏ chưa đụng đến, chắc hai con nhỏ sẽ thích. Nghĩ đến đấy hắn nuốt nước bọt.

Dạo nọ Paris trời mưa tầm tã, mùa hè lại lạnh làm mặt mày hắn ủ rũ trông tội nghiệp. Hai cô Nhật thấy thế thương hại, có lẽ cùng một màu da nên rủ hắn về nhà ở. Cái *mansarde* nhỏ tí xíu, leo đến rụng cả hai bàn chân chỉ vỏn vẹn đúng một vái giường, hắn chẳng cần để ý.

– Mày lên đây nằm chung với tụi tao. Yoko vẫy tay ra dấu.

Duy gật gù cởi quần áo không ngần ngại, chẳng gì bộ quần áo ba hôm chưa thay đã bắt đầu có mùi. Ngày mai hắn giặt vội gì. Ít ra ở đây có phòng tắm, vào lấy cục xà bông *paco rabanne* chà chà vô nách cũng đủ thơm tho. Thì Tây vẫn đứng đầu thế giới về nước hoa mà.

Ngoài hiên mưa róc rách của mùa hè ẩm thấp làm người Duy nhớp nhúp mồ hôi đọng. Hai cô Nhật cũng ăn mặc như hắn, có điều hai cô thuộc thành phần đồng tính luyến ái, nên hắn nằm gần mà không bị trằn trọc thiếu ngủ. Hắn chỉ thở dài tiếc cho thân gái đẹp vậy bị mắc phải cái bệnh gì kỳ cục, để lũ đàn ông con trai như Duy bị thiệt thòi. Con Yoko người như que tăm xỉa răng, vú mông đều lép xẹp như tờ giấy lật qua lật lại chẳng biết bên nào phải với trái. Nhưng cô nàng được nụ cười duyên nhờ hai má lúm đồng tiền. Shoko có lẽ siêng uống sữa nên tương đối được chút da thịt, nhất là cái xương chậu chồng chềnh dễ sinh đẻ.

– *Amusez vous bien!*

Mấy câu dành cho giới du khách lần đầu tới Paris, thành phố thơ mộng của những quả tim có nứt rạn cũng được hàn gắn, trai gái mới gặp gỡ cũng đã yêu nhau. Và những tên có vợ khi buồn cũng tìm được lại bạn gái cũ để

tâm sự. Trên cái *mansarde* bé tí teo, Duy phải ép sát người vào trong tường, nhường khoảng cách để hai cô Nhật có đủ chỗ làm tình với nhau.

Thân phận dù sao là khách ở trọ, vậy mà hắn cũng nằm mãi hết tháng này sang tháng nọ.

Đời Duy nếu cứ trải đều như vậy cũng sướng, khổ nỗi nước mất, đến dân du học như hắn cũng bị vạ lây. Việt Nam tỵ nạn lũ lượt sang, nào bà con họ hàng và người quen. Trai gặp gái, gái quen trai, bỗng dưng một lúc hắn không còn sự tự do trên cái *mansarde* nho nhỏ nữa. Đâu như khi xưa qua Đức du học. Con gái Việt Nam đếm chưa hết đầu ngón tay. Cứ nghe đến *fraulein* Việt là mấy anh sáng mắt. Dạo nọ có người cho biết có một cô sắp từ Việt Nam qua du học. Chẳng nói chẳng hẹn, khi cô nàng đặt chân xuống phi trường Frankfurt thì mấy anh không cần điểm danh, đều có mặt chẳng thiếu một người nào. Cả nhóm đứng bu trực đón mừng như vừa đi đoàn tụ gia đình sau bao nhiêu năm xa cách. Có anh đến vì sự tò mò, có anh vì sự trống vắng, có anh vì "ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn". Cũng có lần tin tức cho biết trong xóm đĩ có một cô hình như là Việt Nam hành nghề, làm cả bọn nhốn nháo, hồi hộp như cô dâu mới bước chân về nhà chồng lần đầu. Chỉ cần đêm sau, thiên hạ gặp nhau cải chính rằng tin đồn thất thiệt, cô ta không phải người Việt mà là người Thái. Dù sao tốn tiền để biết nguồn gốc nàng mấy anh cũng chẳng lấy chi làm tiếc rẻ.

Giờ bổn phận làm chồng khiến Duy ném đống sơn cọ vào một góc. Cất đi, chẳng còn tháng ngày lang thang ôm túi ngủ nằm lang bạ trên vỉa hè, *wake-up call* bằng xe rửa đường buổi sáng sớm. Đến như dáng dấp hắn cũng thay đổi. Dẫn vợ vào Place du Tertre bị nhóm họa sĩ đói bu quanh xin vẽ.

– Ông bà, làm ơn! Hai mươi lăm quan, tốn chỉ năm phút.

Hai mươi lăm *francs*, dạo nọ cũng đủ mua chai rượu trong *super marché* nhấm nháp cho ấm bụng. Tiệm *brasserie* bầy món *gâteau champenois* làm bằng một loại bột *biscuit* hồng gì đó hắn không biết, có nho và nhiều loại trái cây khô được ướp trong rượu mạnh *marc*, mà hắn vẫn thường dí mắt vào cửa kính nhìn cho đỡ đói, vẫn còn nằm trong góc đường Saint Vincent đằng sau Sacré Coeur.

Duy bỗng rùng mình nghĩ đến lối sống buông thả khi xưa. Hai cô Nhật cũng đã bỏ đi xa, giờ có người khác đến chiếm chỗ. Hắn tần ngần đứng

nhìn một tên đang ngồi cắt giấy theo hình thù khuôn mặt người mẫu. Duy nhủ thầm.

– Chỗ đó, khi xưa tao đứng đó. Khi xưa cũng lâu rồi. Khi tụi Nhật chưa đổ bộ vào Paris, chưa leo lên Sacré Coeur nhìn xuống toàn diện cả thành phố vào những ngày đẹp trời. Giờ chẳng một ai nhận ra hắn, bất quá là tên du khách Nhật dẫn vợ qua Paris hưởng tuần trăng mật. Quả nhiên đời Duy đã hoàn toàn đổi mới.

Soi gương ngắm, Duy thấy tướng mình bảnh hơn. Có da có thịt, bụng chẳng còn kêu ọt ẹt mỗi khi lên cơn đói. Xưa quần áo xốc xếch, cái rách cái sờn. Lâu lâu lười quên giặt, hắn mượn tạm Yoko hay Shoko đại cái áo, chẳng ai thèm để ý. Họa sĩ chỉ được có cái đó. Ăn mặc bê bối bao nhiêu, tranh hắn càng bán chạy. Bây giờ muốn vẽ cũng khó, như người bị bệnh táo bón, rặn mãi chẳng được nét nào vào khung. Beaux Arts và Nouvelle Cuisine, hình như cầm dũa thay thế cọ làm bản chất nghệ sĩ của Duy ngày một phai lạt, chán như cuộc đời tên kỹ sư ngồi bàn giấy.

Cứ thế thao thao, cánh vô tri âm giả? (Đời thì mênh mông, mà tìm chẳng thấy tri âm?) Giờ hắn tìm được người hắn yêu và người đó lại đẹp. Vợ đẹp, hắn hãnh diện sung sướng, chứ đàn bà đối với hắn ai cũng đẹp. Không đẹp trên phương diện thể xác thì cũng đẹp trên phương diện nghệ thuật. Con người hay bị cái bệnh đứng núi này trông núi nọ nhưng Duy biết thân nên khi nhìn thấy một cô con nhà đài các ngày ngày phải đứng xếp hàng xin cơm giữa cơn nắng gắt buổi trưa trong trại tỵ nạn, thì hắn thương. Dù sao hai người cũng là bạn học hồi còn ở Việt Nam. Như là anh tiền tuyến em hậu phương, bây giờ em tỵ nạn anh du học gặp được nhau trong cảnh ngộ mất quê hương xa lìa tổ quốc thì hắn phải có bổn phận che chở cho người mình thương.

Đám cưới Duy ngoài gia đình bên vợ cũng chỉ thêm vài đứa bạn du học cùng năm với hắn. Cô dâu may lấy áo cưới, không chưng diện ba bốn bộ như chương trình biểu diễn thời trang bây giờ, kiểu sáng khăn đống áo dài, chiều áo cưới trắng, cắt bánh áo khác, dạ vũ áo khác, cô dâu và phù dâu cứ độ vài tiếng lại vào thay y phục. Hắn cũng không phải lo chạy đi mượn bộ *tuxedo* hay lo đặt nhà hàng Tàu, Duy chỉ siêng năng đi làm mỗi ngày như mẫu một người chồng có trách nhiệm.

Vợ hắn hồi chưa mất nước cũng thuộc thứ con ông cháu cha, dòng

giống quan lại gì đó. Cứ ngồi nghe bên vợ kể lể về gia tộc thuở huy hoàng khi xưa để bây giờ bỏ nước chẳng mang theo được một cái gì ngoài dĩ vãng, hắn đề nghị:

– Em cứ việc ở nhà, có anh lo.

Ở Việt Nam vợ hắn ở nhà. Hồi xưa con gái nhà giàu ai đi làm. Ngày ngày ra hồ tắm Cercle đánh vũ cầu hay học bơi lội. Giờ cũng thế, rảnh rỗi vợ hắn đi học vũ *ballet* hay cắm hoa, nữ công gia chánh cho giết thì giờ mỗi khi hắn đi làm.

Ngày ngày hắn đưa đón, trời mưa hắn cầm dù, trời lạnh hắn khoác áo riết thành thói quen. Đó là không kể những chuyến đi nghỉ hè mỗi năm. Thì vợ hắn học trường Tây của dạo nào. Cả hai chả xí xa xí xọn tiếng Tây để bây giờ qua đó chơi là chuyện thường. Dẫu sao cái văn hóa Tây vẫn gần gũi với người Việt Nam hơn. Bên Đức buồn và người Việt sống rải rác. Không có quận 13 để cuối tuần rủ nhau đi ăn phở. Đến như cái tiếng nói cũng cứng cỏi khó nghe. Dạo mới qua du học chân ướt chân ráo nói không được một chữ, Duy phải vội vàng tìm ngay một cô bạn Đức sống chung. Vừa là người tình cũng vừa là thầy giáo, nhờ vậy hắn mới ăn nói thông thạo. Cũng may bên này là Đức, chuyện sống chung là chuyện thường tình. Ăn ở với nhau một hồi chán thì chia tay. Anh đi đường anh tôi đường tôi, không phải lo họ hàng nhòm ngó nhỏ to, mà cũng không phải lo chia tiền tài của cải. Một ngày đẹp trời cô bồ của hắn thu dọn hành lý ra đi chỉ để lại vài câu cho trọn tình nghĩa bấy lâu. Hắn lúc đó cũng hơi buồn buồn, dẫu sao về phòng một mình, cảm giác lạc lõng cô đơn như người tối ngủ thiếu gối ôm vậy. Đàn bà Đức sống lối sống buông thả, đúng hơn, đàn bà Âu châu phần đông là vậy, nên cái quan niệm ái tình không bị bó buộc như những người khác. Sự lựa chọn cũng dễ, miễn sao hợp với mình là được. Không tiêu chuẩn anh này phải bằng cấp như thế nào, nhà ở địa điểm nào, chạy xe loại gì, lương một năm mấy chục ngàn v.v...

Tính tình Duy tương đối dễ dãi nhờ hấp thụ lối sống Tây phương, đôi khi làm vợ hắn kỳ kèo:

– Anh gia đình có ăn có học sao toàn chơi với dân gì đâu không.

– Thì chỉ chơi thể thao có sao đâu.

– Có sao chứ! Chơi với họ, họ tưởng mình cũng như họ.

Duy cứng mồm không muốn cãi, vì dù sao vợ hắn có thương mới lấy hắn. Từ đó hắn ít giao du với bạn bè, khổ nỗi người Việt Nam bên Đức hiếm nên tìm mãi mới được vài người mà vợ hắn coi là chơi được. Lúc đầu còn dè dặp, sau quen, đi chơi, ăn uống đều có nhau, thậm chí chẳng giấu nhau điều gì. Tính Duy tốt với bạn, dù một trong những người bạn hắn có lần tâm sự những chuyện không mấy hay ho về vài mối tình vụng trộm với vợ kẻ khác.

– Tao nói thật với mày nghe. Tao thích đàn bà có chồng. Thạch nói như thú tội.

– Mày không nên như vậy. Để gia đình người ta yên. Hắn khuyên bạn.

– Tao có bắt ép ai bao giờ đâu. Nếu vợ chồng họ không có chuyện lộn xộn thì tao có muốn cũng chẳng làm gì được.

– Dĩ nhiên, nhưng cũng không vì vậy mà mình phải nhẩy vào để chia rẽ hạnh phúc người ta.

– Ở đời khó phán đoán được ai tốt hay ai xấu. Khi một cặp vợ chồng không hài lòng nhau trên phương diện chăn gối họ thường đi tìm kẻ khác để thay thế. Tao chỉ là người đáp ứng nhu cầu cần thiết của người đàn bà mà chồng họ không làm họ thỏa mãn được.

– ...

– Đối với tao người đàn bà có chồng là người có nhiều nét khêu gợi nhất. Thạch nói một cách rất thành thật.

Cái quan niệm về đàn bà chỉ có Thạch là rành và Duy cũng chịu thua không tài nào nói được. Duy biết bạn mình, một khi hắn nói là hắn thực hiện. Mà hắn đã có làm nhiều lần khiến Duy phải thắc mắc về sự thành công của bạn. Thắc mắc không phải vì cái bề ngoài đẹp trai của Thạch dễ làm mềm lòng phái nữ, nhất là những bà có chồng đang qua giai đoạn khó chịu về những tật xấu của chồng mình mà trước khi lấy nhau họ nghĩ chẳng có gì đáng quan tâm, mà cái hay của Thạch là những người đàn bà được bạn gái mình cảnh cáo về hắn, rốt cuộc cũng theo con đường của bạn mà lén lút với Thạch sau lưng chồng.

Câu nói của Thạch làm hắn suy nghĩ mãi. Nhiều đêm vắt tay lên trán ngẫm nghĩ xem cuộc sống sinh lý giữa vợ chồng hắn có gì phải bận tâm hay không. Hắn nghĩ mãi chưa thấy yếu điểm của mình. Hắn thấy hắn đáp ứng

đủ nhu cầu cần thiết của vợ. Hắn đã từng trải nhiều, bồ bịch đếm không xuể chưa kể hồi còn bé đã được cô bạn của chị mình phá trinh khiến hắn từ đó bắt đầu thích phái nữ.

Về phương diện làm chồng, Duy là người đàn ông tốt. Vợ hắn tử cung bị cong nên mỗi khi làm tình hay bị đau. Thay vì khó chịu, hắn sẵn sàng chấp nhận đề nghị của vợ, mỗi tháng chỉ làm tình đúng một lần. Và những lần khác hắn chiều vợ theo lối học được của hai cô bạn Nhật mà hắn đã có một thời gian sống chung. Nghĩ vậy hắn thấy người nhẹ nhõm thêm phần nào dù hắn rất tin tưởng ở nơi bạn và vợ mình.

Duy ngồi thừ một đống phì phèo điếu thuốc lá. Lâu lắm rồi hắn mới hút lại, từ ngày lấy vợ đến giờ. Cũng gần được tám năm chẳng phải ít. Nếu vợ hắn nhất định không chịu đẻ để giữ eo thì bây giờ hắn cũng được vài mụn con. Hắn nhìn người đàn bà trước mặt mà hắn vẫn gọi là vợ, một khoảng cách xa lạ. Người hắn từng yêu thương lo lắng từng ly từng tí một bỗng chốc hắn thấy coi thường, và có phần khinh rẻ.

– Cứ tiếp tục kể đi! Hắn nói giọng cộc lốc.

– Tại anh hay bỏ đi hoài thì cũng có những lúc em cảm thấy cô đơn...

– Cô đơn rồi em ngủ với thằng Thạch sao.

– Anh cũng biết một phần không phải vậy. Anh cũng có trách nhiệm trong đó.

– Trách nhiệm? Duy hét lớn làm vợ hắn giật mình. Tôi bận công ăn việc làm cũng bởi vì em. Nếu tôi không đi làm thì ai cung cấp nhà cho em ngủ, cơm ăn áo mặc cho em ấm no. Đã thế tôi tin tưởng em, thấy em ở nhà buồn, tôi nhờ bạn đến chăm sóc, rủ em đi chơi cho khuây khỏa, nào ngờ em lại làm những chuyện tồi bại sau lưng tôi.

– Chúng ta hình như cũng có đề cập về vấn đề này anh không nhớ sao? Vợ hắn nói, hình như muốn trốn tránh những câu kể lể của chồng.

– Chính anh có lần đề nghị em nên tìm một người để thử xem...

– Tôi nói vậy để em hiểu rằng không phải chỉ có tôi mà bất cứ người nào em làm tình với đều mang lại sự đau đớn cho em.

– Bây giờ thì em đã hiểu. Vợ hắn cúi đầu, hai vai nàng rung động như một người lần đầu biết mình phạm tội.

– Tại sao phải là thằng Thạch? Tự ái đàn ông như những vết nhăn trên vầng trán hắn, mệt mỏi.

Sự im lặng đè nén căn phòng. Hắn như người đang ngộp thở. Như cơn lốc, hắn tông cửa bỏ đi và hình như người đàn bà cũng không buồn níu kéo lại.

Cái quán về đêm lèo tèo vài người ngồi. Hình như dân Đức vốn dĩ ít nói, họ chỉ thích uống la de, và đâu đó có tiếng nhạc trổi lên lạc lõng trong không khí tẻ nhạt này. Duy ngồi vẽ nguệch ngoạc trên tờ giấy lót ly những hình ảnh rối loạn, hình như hắn hơi say. Từ hôm vợ hắn kể chuyện đến nay cũng gần được vài tháng. Một tháng đối với con người Duy thường qua nhanh như những cái chớp mắt, nhưng dạo này đối với hắn thì nó kéo dài một cách chậm chạp. Duy cầm tờ giấy trong tay, đã mấy lần hắn quay số, ngần ngừ trước giọng nói quen thuộc rồi lại đặt xuống. Lũ bạn học cũ đã bảo hắn bao nhiêu bận.

– Tại sao mày không cho nó một bài học?

– Những tên như nó không đáng để bẩn tay.

Thật sự hắn nói vậy cho qua chuyện, chứ hắn cũng không biết Thạch bây giờ ở đâu. Trốn tránh đôi khi làm Duy tức hơn là đối diện với Thạch cho biết sự tình. Mấy lần hắn hỏi vợ, vợ hắn đều lắc đầu không biết. Duy mong ước tự dưng hết yêu vợ hoặc yêu một cách mù quáng để hắn dễ đương đầu với sự thật. Như vợ hắn có nói "Đàn bà cần chồng, đàn ông cần độc quyền", bây giờ Duy mới thấy đúng.

Có những tối nằm trên giường in mắt lên trần nhà, Duy tự hỏi không biết tương lai hạnh phúc sẽ như thế nào. Một câu khó trả lời khi chẳng ai là sở hữu của riêng ai, kể cả vợ chồng.

Cái số điện thoại Duy tình cờ lượm được trong ví vợ cũng chỉ là sự ngẫu nhiên như những tờ *bill* hắn nhận được từ ngân hàng gửi về hằng tháng. Vợ hắn đi chơi hắn không cấm cản, như vậy hai người đỡ căng thẳng thần kinh mỗi khi phải đối diện nhau. Sự cô đơn làm Duy ý thức rằng thiếu người đàn bà đời hắn hình như là vô nghĩa. Cũng như lời than thở của Oscar Wilde "Đàn ông không thể sống với đàn bà được; mà không có đàn bà cũng không thể sống được".

Duy không có gì để nói. Trong lòng cảm thấy trống rỗng. Hắn đưa

người đàn bà tấm thẻ tín dụng và ngồi xuống ghế. Hắn uống để mà uống và nghĩ từ sau giờ phút này mọi chuyện sẽ thay đổi. Người đàn bà đưa tay cầm không ngần ngại.

– Em qua Pháp một tuần thăm con bạn.

– Có cần anh đưa đi không? Duy lơ đãng hỏi như đã biết trước được câu trả lời.

– Khỏi mất công anh, em đã nhờ thằng em đưa đi, như vậy anh không phải xin nghỉ việc. Vợ hắn nói.

– Vậy khi nào về anh ra đón.

– Em sẽ gọi trước một hôm.

Tim Duy đập nhẹ. Hình như có một phút giây ngưng đọng. Hắn chờ đợi.

– ...

Người đàn bà là người đầu tiên hắn yêu trong đời.

*

– Khi anh đưa bà ta cái thẻ tín dụng là lúc anh khinh thường bà ta nhất.

– Vì anh biết vợ anh vẫn lén lút gặp hắn sau lưng anh? Người con gái hỏi.

Duy trả lời bằng cái gật đầu.

– Anh đã sẵn sàng tha thứ cho bà ta lúc đầu. Nhưng khi nhìn thấy mặt của người đàn bà đang cầm trong tay tiền của chồng những nét không tình cảm, lạnh lùng và xa xôi thì lúc đó anh mới nhận thức rằng anh không còn gì với bà ta ngoài sự khinh thường.

– Mà thôi kể chuyện này hoài nhàm chết. Hắn nhìn vào mắt người con gái đang ngồi trước mặt. Có một chút tình cảm nào vương vấn như cái chớp nhẹ tận kẽ đuôi mắt.

Buổi tối ở Frankfurt thì cũng giống nơi khác. Hắn chưa tìm lại được cái cảm giác của lần đầu mới bước chân xuống phi trường cách đây mười tám năm về trước. □

PHẠM CHI LAN

trí nhớ, hình ảnh, và đường bay

*

1.

Một người đi tìm trí nhớ
Hỏi trăm chuyện của ngày xưa
Hoa trắng gục đầu bên cửa
Nhắc chi chuyện những ngày mưa

2.

Có gì trong nắng mà nhớ
Có gì trong mưa mà thương
Có gì còn vương ánh mắt
Hình ảnh mờ tựa khói sương

3.

Chợt thức giấc nhìn buổi sáng
Trời xanh. Xanh như thiên thu
Ngậm ngùi nhớ đôi cánh gãy
Đường bay mất dấu mịt mù

TRẦN SA

hôm sau cái chết

*

Sáng hôm sau
Những sợi nắng vàng óng ánh đầu tiên
Vội vàng báo tin

"Một nỗi buồn vừa mới chết
Những mũi tên lạnh sắc bắn xuyên tim"

Sáng hôm sau
Lìa rã dưới chân nàng
Sợi xích đen rỉ sét

Vĩnh biệt chốn chật hẹp
Vách mộ tối tăm niềm ám ảnh
Nàng quay đi
Dịu dàng những chùm hoa trong mắt
"Tự do. Tự do"
Nàng thầm thì
Bước qua cánh cửa mở
Òa gió

Sáng hôm sau
Đầu nguồn cuối lạch
Sông nước chảy miên man
Từ ngàn triệu năm
Loài chim tìm nắng
Vẫn quay về

Sáng hôm sau
Ngoài trời xanh người hồn nhiên
Ngẩng đầu huýt sáo
Bài cổ kim
Vô thủy vô vhung

Buổi sáng
Hôm sau
Có ai đang cười khẽ
Gọi tên nàng.

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

thành phố, mùa thu và tiếng động của lá

*

Nàng quay trở về thành phố ngày vào thu...

Ra khỏi phi trường National, nàng bâng khuâng nhìn thành phố mở lớn trước mặt. Những năm tháng cuộc đời như một cuốn phim cũ quay chậm trước mắt nàng. Sự quen thuộc của khung cảnh làm tim nàng se lại, và cơ thể như chao đi một chút vì nỗi bàng hoàng. Ở đây, đã bao lần nàng đi đi, về về. Gót giày thoăn thoắt và cái xe kéo va li. Những chuyến bay đêm mệt mỏi. Hai bờ biển Đông Tây. Trước cổng phi trường nàng vẫn đứng đón taxi. Tất cả những động tác đó nàng đã thuộc lòng như phản xạ.

Sự biến đổi của 16 năm qua chợt hiện rõ trước mắt nàng. Thời gian: 1975; diễn viên: một cô gái nhỏ tỵ nạn Việt Nam, ngơ ngác, tay cầm cái vé máy bay lạc lõng ở phi trường quốc tế. Thời gian: 1991; diễn viên: một thiếu phụ đã quen cảnh phi trường.

Em ra đi mùa thu
Mùa thu không trở lại... (1)

Nàng hát nhỏ trong đầu khi đứng đợi taxi. Hình như đa số những biến chuyển lớn trong đời nàng từ ngày đặt chân lên Mỹ quốc đều xảy ra vào mùa thu. Và hôm nay, nàng trở về thành phố, nơi mà bao lâu nay nàng gọi là nhà, cũng vào một ngày thu...

Chiếc taxi đưa nàng về cao ốc quen thuộc. Những hàng cây hai bên

đường đã bắt đầu thay lá. Căn phòng rộng thênh thang trên tầng lầu cuối cùng của cao ốc mang vẻ thân yêu, chờ đón. Cái đàn dương cầm im lìm như phủ một lớp bụi mỏng. Tất cả vẫn thế, không thay đổi.

Nàng cởi áo ngả xuống giường. Chăn đệm quen thân, nhưng ba tháng vắng nhà làm nàng hụt hẫng. Đôi tất lưới nàng quên giặt nằm trơ trẽn giữa thảm. Chiếc áo ngủ vắt ngang cái hòm gỗ trầm hương. Tấm hình nàng tươi cười xõa tóc ở Cape Cod vẫn lộng lẫy, mơ màng.

Nàng nhấc ống điện thoại. Giọng người đàn ông ngái ngủ:

– Em ở đâu? Về từ bao giờ? Thôi để mai gặp.

Hình như giờ giấc thất thường của nàng, sự có mặt, vắng mặt của nàng, và cách nàng luôn luôn nói về một chuyến đi sắp đến làm chàng đã quen đi. Ngạc nhiên không còn nữa. Nàng lắng nghe. Hình như mưa sắp rơi. Không, không phải tiếng mưa, mà là tiếng thu. Tiếng động của lá.

Nàng hỏi người đàn ông:

– Ở đằng đó, anh có nghe tiếng động của lá không?

Bên đầu giây kia, chàng im lặng một giây:

– Em vẫn thế, luôn luôn nói những câu *perverte* (chàng bắt chước nàng, chêm tiếng Pháp). Thôi đi ngủ đi cưng.

*

Trong giấc ngủ, mùa thu rón rén đi vào.

Thời gian: 1976; diễn viên: cô gái Việt Nam tỵ nạn đã hơi lớn một chút, thay vì áo dài trắng, mặc quần *jean* rách đi học, tóc dài quấn chung quanh cổ cho đỡ lạnh. Mỗi ngày nàng phải đi bộ ven rừng từ thư viện qua phân khu đại học truyền thông.

Một hôm, nàng ngừng bên mé rừng, trố mắt mở to kinh ngạc...

Mùa thu xứ lạnh hiện ra trước mắt nàng lần đầu, tuyệt vời, mỹ miều như một bức tranh vẽ, hoang vắng như mảnh linh hồn bỏ trống trong mộng mị. Những hàng cây thẳng tắp, im lìm, không một tiếng động, và buổi sáng như ngừng thở. Lớp sương mù như bao trùm cả vòm không gian lại.

Và mặt đất vàng ối. Chao ôi không biết bao nhiêu là lá. Vàng lắm, vàng vô cùng, đỏ lắm, đỏ dìu dịu. Yên lắm, yên như tĩnh mặc. Tất cả đã ngưng đọng. Để thu thành bất diệt.

Cô gái nhỏ Việt Nam nín thở nhìn cái đẹp của miền ôn đới. "Ừ thu thì cũng vàng thu xứ người..." (2). Nàng muốn đứng chôn chân, đứng mãi cho đến khi vạn vật xóa nhòa, khi sự sống và cái chết nhập một, cho nàng biến đi, tan thành hơi thu lạnh.

Nhưng ở bên kia mé rừng, trong phân khoa đại học truyền thông, bọn sinh viên đang sửa soạn tập kịch Shakespeare. Cô gái nhỏ Việt Nam mới nhập quốc sẽ phải đảm nhiệm vai Porsha, người thiếu nữ thông minh chung tình, giả trai ra tòa cứu người yêu, trong vở *Người Lái Buôn Thành Venice.*

Cho nên người con gái nhỏ Việt Nam phải băng rừng. Rón rén nàng dẫm chân trên lá. Trong không gian yên tĩnh cô đọng ấy, nàng nghe rõ mồn một tiếng kêu của lá. Như nhịp đập của trái tim...

Một trận gió thổi qua. Và hàng vạn chiếc lá bật lên khóc thành tiếng. Người con gái nhỏ da vàng ôm vai lắng nghe tiếng lá kêu than. Nàng nhắm nghiền đôi mi cho nước mắt chầm chậm trào ra. Sự xúc cảm không duyên cớ. Cái đẹp quá huyền diệu và vĩ đại sẽ trở thành bi thương. Giữa hạnh phúc và đau khổ trong linh hồn nghệ sĩ sẽ không còn ranh giới.

Và như thế, người con gái nhỏ cắm cúi băng rừng để tiến về sân khấu – một sân khấu đối với nàng hãy còn xa lạ, xa lạ như ngôn ngữ, quốc gia đã mở vòng tay chào đón nàng.

*

Khi mùa xuân trở về, ven rừng lại tưng bừng dấu chân đám sinh viên. Người con gái nhỏ tự hỏi lá đã về đâu? Tan vữa và ngấm vào lòng đất? Lá trở về với đất. Để lại nàng – một tâm hồn ngây thơ, nhưng đã trót biết nghe tiếng động của lá...

*

Nàng mở cánh cửa kính cho nắng sớm mai lùa vào phòng. Nắng vẽ những vệt dài trên chăn nệm trắng. Nàng bâng khuâng nhìn những hạt bụi óng ánh trong không khí.

Nàng xuống nhà tìm va li, và sửa soạn xếp áo quần mang đi. Nàng ngừng tay để gọi điện thoại cho người chuyên viên địa ốc, cho hãng chuyên chở. Rồi đây người ta sẽ đến, phủ những tấm khăn trắng lên đồ đạc trong

nhà. Lên chiếc đàn piano đen huyền, lên những con búp bê bằng sáp, bằng sứ, bằng bông gòn đứng nhoẻn miệng cười với thiếu phụ chủ nhà.

Nàng nhìn đồ đạc trong nhà và bỗng dưng mệt mỏi. Cái mệt thấm vào lồng ngực và hai đỉnh thái dương. Sự mệt mỏi đến lúc tuổi còn ngợp sức ham hố cuộc đời. Nàng bùi ngùi dở nắp đàn ấn lên phím. Âm thanh vỡ trong căn phòng sơn trắng.

*

Nàng đứng tần ngần trước cửa nhà người đàn ông. Hai bên bờ tường có những nụ hoa vàng mỏng manh.

Có lần nàng đã nói:

– Em cũng như cánh hoa vàng trước cửa nhà anh, lúc nào cũng đợi anh về mà chẳng bao giờ là một phần của thế giới đằng sau cánh cửa.

Vâng, nàng chỉ là cánh hoa cỏn con mang sắc vàng của Đông phương tàn úa, lẻ loi ngoài khung cửa. Cánh hoa vàng chỉ biết nhìn vào thế giới bên trong khung cửa, chưa một lần gia nhập. Đem cánh hoa vàng vào thế giới đó, cắm trong lọ pha lê hay để hoa tàn héo trong bóng tối, thì người ta cũng vẫn phải ngắt lìa hoa ra khỏi cội nguồn. Ở trong hay ngoài nguồn cội thì cánh hoa cũng vẫn đau đớn vì mất mát. Cánh hoa sẽ mãi mãi bên ngoài khung cửa, và nếu được đem vào trong khung cửa, thì cành rễ phải đứt lìa...

Người đàn ông không để ý mấy câu nàng nói. Vô tình hay cố ý chàng vẫn hay bỏ quên sự trừu tượng và khúc mắc trong tư tưởng nàng. Sự liên lạc của họ được cột chặt qua hơi ấm vòng tay ôm và những bờ môi hôn rực lửa.

Cánh cửa mở ra, người đàn ông đứng đó, tay áo xắn cao để lộ hai cườm tay khỏe mạnh. Chàng đứng cao và thẳng như cây thông xanh ươm. Bờ vai rắn chắc quen thuộc, đón mời nàng ngả vào như một định mệnh không thể chống trả. Và đằng sau cánh cửa, thế giới không thuộc về nàng vẫn nhuộm đầy vẻ thân yêu.

Hình như những cuốn tạp chí cũ trên mặt bàn đã được thay bằng những số mới. Một tạp chí phụ nữ khỏa thân mang hình bìa một nữ ca sĩ nhạc rock nằm phơi bày. Người đàn ông vẫn thế, chàng như một con báo thích ăn thịt sống không hề giấu giếm bản năng.

Nàng quẳng chiếc ví tay xuống mặt giường. Hình như chàng đã thay

chăn đệm mới. Chiếc khăn trải giường ngày xưa có một lỗ thủng vì tàn thuốc không còn đấy nữa. Nhưng mùi nước hoa đàn ông vẫn lưu luyến trong căn phòng mờ tối. Nàng mở tủ áo, treo chiếc áo khoác mỏng. Cái tủ áo phản ảnh hình dáng người đàn ông. Những chiếc sơ mi trắng tinh, những bộ đồ lớn màu đen, xám, những đôi giày đen bóng. Nàng kêu lên bằng tiếng mẹ đẻ:

– Cái vẻ đàn ông lịch lãm này làm mình rơi vào lưới.

Tiếng chàng vọng vào từ bếp:

– Em lẩm bẩm cái gì đó?

Chàng đang đứng trộn xà lách. Những miếng cải Belgium Endive trắng nõn. Mùi tỏi, dấm, tiêu, và dầu ô liu nồng lên quyến rũ.

Nàng lấy bộ pijama của chàng mặc vào, bộ áo rộng thùng thình quá khổ làm nàng giống con búp bê bằng vải không chân không tay. Nàng đi vào bếp, tay quấn ngang lưng chàng và nép đầu vào lồng ngực, cắn vào mạng sườn làm chàng kêu lên... "Vâng, em muốn cắn anh làm hai, để em chui vào biến thành cái xương sườn của anh... Tại sao đàn ông luôn là kẻ xâm lăng, mà đàn bà là loại bị xâm phạm... Em là *feminist* muốn đổi ngược sự tình. Nhưng ngay cả những người đàn bà *feminist* như em, đôi khi chỉ ao ước được làm cái xương sườn cho những người đàn ông như anh, có phiến ngực và bờ vai mênh mang làm ấm đôi má em, đôi má đã trót mang hơi lạnh của sương thu bên ngoài..."

*

Nàng đứng lần ngần nhìn người đàn ông nằm yên, thở đều say ngủ. Nàng lấy ngón tay vẽ một đường lên sóng mũi chàng, ngón tay nàng chạy lần theo bộ ria mép Clark Gable. Chàng càu nhàu gì đó, cánh tay dang ra phía trước như để kéo nàng vào lòng. Nàng bước lùi, cánh tay người đàn ông rơi xuống nệm. Chàng trở mình, nhưng rồi như một đứa trẻ, chàng nằm sấp, giấu mặt vào gối ngủ tiếp.

Nàng rón rén bước qua phòng làm việc bên cạnh. Những tia nắng đầu ngày yếu ớt len qua song cửa, vẽ những đường thanh tao lên mặt bàn gỗ đỏ. Nàng lật từng trang Rollerdex để tìm số hãng taxi, "Tôi cần taxi ra phi trường trong vòng nửa tiếng..." Nửa tiếng ấy, nàng sẽ không dành làm thì

giờ trang điểm, mà là để ôm cổ người đàn ông, để giấu mặt vào lồng ngực thơm quen thuộc, để sống lại những ngày đầu tiên cuộc tình mới chớm nở...

Nàng nhìn quanh, căn phòng làm việc mang đầy dấu tích của chàng. Những số báo Wall Street Journal nằm la liệt, chồng chất bên cạnh những tạp chí ăn chơi. Những mảnh giấy ghi "message" màu hồng, những tấm danh thiếp nằm vương vãi. Trong kia, người đàn ông thở đều, thân thể duỗi dài thẳng tắp. Hình như nàng yêu người đàn ông này một phần vì người chàng thẳng tắp như một bá tước Tây phương trong phim ảnh. Nàng nhớ lần gặp gỡ đầu tiên ở hí viện Lincohn, chàng mặc bộ *tuxedo*, như Clark Gable bước vào đại sảnh để hôn tay Scarlet O'Hara. Vai chàng rộng, eo hẹp, người thẳng tắp như cây tre, cây trúc xanh mướt của xứ nàng. Kỷ niệm lần đầu gặp gỡ sống lại trong nàng cho đam mê thức giấc.

Nhưng rồi, như sự nghiệt ngã của định mệnh, mắt nàng bắt gặp một mảnh giấy nằm trộn lẫn giữa những tấm danh thiếp. Mảnh giấy mang chữ của chàng viết. Nét chữ to, cứng, rời rạc, và thẳng tắp như dáng người chàng thẳng tắp. Nàng cầm miếng giấy lên, đọc những dòng chữ quen thuộc, và con tim thót lại trước những vết đâm đau đớn...

My sweet Aimy, good morning, darling! It's 8AM I must run to the office. Don't want to wake you. I want to take you to a very nice dinner tonight at Chez Auberge. So be prepared and wear your little black dress. Love you, baby. T.

Má nàng nóng bừng giận dữ. Mắt nàng như nhòa đi. Người con gái tên Aimy nào đó đã tỉnh giấc ở đây, cũng như nàng hôm nay. Nàng tỉnh giấc để lặng lẽ ra đi, trong bóng tối, trong khi chàng say ngủ. Còn Aimy nào đó tỉnh giấc để được chào đón bằng mảnh giấy tình tứ này. Nàng cau có cố nhớ, hình như cả năm qua, người đàn ông chưa hề nói với nàng hai chữ "Yêu em". Đã bao lần nàng tỉnh giấc trong căn phòng quen thuộc này, chưa một lần nhận được mảnh giấy âu yếm do chính tay chàng viết. Chưa một câu hứa "Sẽ đưa em đi ăn tối nay". Với nàng, hình như chỉ là một thông lệ, "Đói bụng, đi ăn không em". Đi ăn vì chàng đói, chứ không phải vì nàng đói. Và nàng đã chấp nhận vì vòng tay ôm khít khao lấp mất nỗi cô đơn, và phiến ngực mênh mang làm nàng cảm thấy được bảo bọc, và vì nàng vốn đến và đi, không hạn định. Chàng thích những thân hình đàn bà thật gầy, thật mảnh, mặc những chiếc áo đen bó sát người, những "*little*

black dress" tô điểm bằng những chuỗi hạt trai, những hạt bích ngọc thanh tao, những gót giày đen nhọn, nối tiếp với màu tất lưới đen huyễn hoặc. Bao tháng ngày trong cuộc tình, nàng luôn luôn mặc áo đen cho chàng vừa ý. Và chàng cũng đã dặn Aimy nào đó mặc áo đen. Nàng không phải là chiếc áo đen độc nhất. Một thực thể mà nàng cố tình không nhìn thấy.

Nàng trở vào phòng ngủ, lặng lẽ nhìn người đàn ông say ngủ. Nàng thôi không muốn nằm xuống bên cạnh ôm cổ chàng, rúc đầu vào ngực, để chàng dang tay ôm nàng vào lòng vỗ về chiếc lưng mảnh mai. Chiếc taxi sắp đến trước cửa, nhưng nàng thôi không muốn hôn chàng giã biệt. Một sự lạnh lẽo ghê gớm xâm chiếm hồn nàng. Lạnh như thể đam mê thân mến đã chết cóng trong mưa tuyết, chưa một lần sống lại.

Nàng đưa bàn tay lên ngắm nhìn... Bàn tay nhỏ nhắn, gầy guộc, với những ngón thuôn dài, sơn đỏ. Nàng muốn đang tay tát mạnh vào khuôn mặt đẹp trai đang say ngủ. Môi nàng mím chặt để khỏi bật lên hai tiếng:

– Phản Bội!

Âm vang hai tiếng *phản bội* bừng bừng trong đầu nàng. Nhưng rồi nàng lặng người, đau đớn. Làm gì có sự phản bội khi không có sự giao ước? Và nàng có quyền đòi hỏi gì khi nàng là kẻ đến, rồi đi? Thế hệ của nàng lớn lên trong đầy dẫy phản bội. Phản bội là lề lối sống: phản bội đồng minh; phản bội dân tộc; phản bội bằng hữu. Lời hứa thiêng liêng trước Thiên Chúa của sự giao kết vợ chồng, ở thế hệ nàng không có nghĩa gì cả khi lòng người thay đổi. Ở thời đại nàng, thay đổi là giá trị sống. Thì làm sao có sự "phản bội" trong những mối tình giữa những người đàn ông lịch lãm, độc lập như chàng, và những người đàn bà lịch lãm, độc lập như nàng của thành phố lớn, của thế kỷ này?

Nàng thở dài quay lưng, rón rén mở tủ áo lấy áo choàng, và len lén đeo ví lên vai. Bản chất Á Đông thùy mị làm nàng vẫn cố gắng tế nhị đừng gây tiếng động đánh thức người đàn ông. Nửa tiếng chưa qua hết, và chiếc taxi chưa đến, nhưng nàng vẫn lách mình ra khỏi cửa. Hơi lạnh của sáng sớm mùa thu lùa vào làm nàng co ro, tay ôm vai. Hình như lòng nàng tê dại.

Ở phía trong, tiếng cửa mở làm người đàn ông thức giấc, bật giậy, kêu lớn:

– Mimi, Mimi, em đừng đi vội, đến đây cho anh hôn giã biệt...

*

Mimi, Mimi, tiếng kêu vang vọng sau lưng nàng. Tiếng kêu của chàng, hay là tiếng kêu của thành phố hoa lệ? Nàng cắm cúi đi nhanh, nhanh hơn nữa. Tiếng kêu vẫn vang vọng trong trời thu, Mimi, Mimi. Mimi. Mỗi lần gọi điện thoại cho chàng, nàng vẫn nói, "Honey, it's just Me". Chàng vẫn nhái đùa, "Hello, Me, Me, Me, just Me, Me, Me..." Từ đó, chàng gọi nàng là Mimi, Mimi, như tên con mèo nhỏ của nàng thuở bé thơ.

*

Nàng cắm cúi băng qua con đường có nhà vị đại sứ Pháp. Cánh cổng to lớn kiểu Âu châu nhạt nhòa trước mắt nàng. Ở đấy, có những tiệc tùng hoa lệ đã làm nàng chóa mắt, đã lôi kéo nàng đến, và thúc đẩy nàng đi... Vì giấc mộng của nàng hình như đã tàn héo.

Nàng tiến về phía đường Connecticut. Tiếng động quen thuộc của thành phố đã bắt đầu gõ nhịp. Tay nàng lạnh cóng. Nàng ngừng ở góc đường để đón taxi, co ro trong chiếc áo choàng mỏng manh không đủ ấm. Nàng đưa tay vuốt mặt, hơi sương hay nước mắt vô tình làm má nàng ướt đẫm. Nàng quay nhìn về phía con đường nhà người đàn ông, cánh cửa quen thuộc, với những đóa hoa vàng... Hai cánh cửa đã đóng im lìm, như một phần đời đã mất.

Và bỗng dưng nàng hiểu tất cả. Hiểu thấm thía. Hiểu tại sao nàng đến, và tại sao nàng đi. Hiểu tại sao nàng đã chọn những chuyến đi dài, để tách rời hẳn cương vị một phụ nữ Á Đông cổ truyền làm vợ, làm mẹ, sống an lành dưới áo chồng, để làm những cuộc phiêu lưu, những cơn lốc trí thức. *Sự ly biệt là phần hồn vô thức của kiếp di dân, những người di dân nhạy cảm. Cho nên trong kiếp lưu đày, chuyến đi nào cũng chỉ là một sự bắt đầu xưa cũ...*

Nàng chợt nhớ đến những câu thơ tiếng mẹ, "Có lần tôi thấy một người đi. Chẳng biết về đâu, nghĩ ngợi gì. Chân bước hững hờ theo bóng lẻ. Một mình làm cả cuộc phân ly..." (3). Nàng đứng đây, khách lạ hay người quen của thành phố? Nàng đứng đây, sẵn sàng để kết thúc một cuộc phân ly nhỏ. Sau một lần phân ly lớn thì những cuộc phân ly nhỏ chỉ là một hình thức bắt đầu xưa cũ.

Nhưng hình như thành phố vẫn thế. Vẫn vô tình. Thành phố luôn luôn

đón chào kẻ đến, và hững hờ với kẻ đi. Thành phố là nhân chứng những năm tuổi trẻ của nàng. Thành phố đã khinh bạc nhìn nàng thay đổi. Người thiếu nữ tỵ nạn hôm nào rón rén băng rừng đã biến thành người thiếu phụ tân tiến, tự tì. Người con gái đến từ tỉnh nhỏ biến thành người đàn bà của thành phố lớn. Người đàn bà đứng hát trong ban đại hợp xướng thành phố, âm thanh Haydn no đầy trên đôi môi hé tròn, âm thanh vỡ ra, xa lạ từ lồng ngực ngân dài, không còn cô đọng trong ngôn ngữ lách cách, ríu rít như chim, như gạch vỡ *monosyllable* của tiếng mẹ đẻ. Người đàn bà miệt mài giữa những chồng hồ sơ giết chết tuổi trẻ, vì tuổi trẻ phải miệt mài trong tham vọng, vì thành phố là thành phố của tham vọng. Người đàn bà mặc áo triều đại Thái Lan vay mượn, đứng tiếp tân cho tòa đại sứ Thái trong viện Smithsonian, bởi vì chính bản thân nàng không còn tòa đại sứ. Và người đàn bà ôm cổ Clark Gable, rạng rỡ cười trong ảo ảnh mình có tình yêu. Ảo ảnh tình yêu và ảo ảnh có quê hương. Vâng, thành phố là nhân chứng. Nhân chứng của sự trống rỗng này.

*

Nàng ngước mắt nhìn những lùm cây phong vàng ối và những mái nhà ngói đỏ tươi. Mỗi lần nhìn thấy cây phong đổi màu trên đầu mái ngói đỏ, nàng vẫn mường tượng đến âm thanh reo vui của Wolfgang Amadeus. Nhưng lần này âm thanh Wolfgang không vang vọng trong trí tưởng, mà trái lại nàng nghe thấy tiếng réo rắt, nức nở, thê lương của người ca sĩ gầy ốm, đói ăn, tóc đen, da vàng:

Nước non ngàn dặm ra đi
Nước non ngàn dặm ra đi
Dù đường thiên lý xa vời
Dù tình cố lý chơi vơi
Cũng không dài
Bằng lòng thương nhớ người... (4)

Một trận gió thoảng qua. Má nàng ướt đẫm, tay nàng thêm lạnh cóng. Lá bay lả tả trong không khí. Nàng khom người, nhặt một cọng lá đã vỡ vụn dưới gót chân của những người thành phố vô danh. Những mảnh lá vụn như cứa vào hồn nàng. Từ niên thiếu, nàng đã biết lắng nghe tiếng động bi thương của lá...

*

Nàng vùng bỏ chạy. Về phía trước mặt, về một khoảng không gian vô tận nào đó. Trước mắt là đường bay phi trường, là một *sự bắt đầu xưa cũ*. Đằng sau lưng người đàn bà là kỷ niệm, là mùa thu, là thành phố, là tiếng động thương tâm của lá vỡ trong thu, là hai cánh cổng nhà người đàn ông đóng im lìm, và âm vang tiếng chàng gọi, vô tình, lạc lõng:

Mimi, Mimi, Mimi. □

---

(1) Nhạc và lời Phạm Trọng.
(2) Thơ Võ Phiến.
(3) Thơ Tế Hanh.
(4) Nhạc và lời Phạm Duy.

Thời Văn

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán
tại các nhà sách.

Thư từ bưu phiếu :
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

LÊ TẤN LỘC

một lần toan tính...

*

"Chỉ có mỗi một vấn đề triết học thực sự nghiêm chỉnh: tự tử..."

– Albert Camus, *Huyền Thoại Về Sisyphe.*

Tôi trút các viên đá trong lon ghi gô lên trên tấm bố màu xanh ô liu lấy từ bao đựng cát làm hầm trú ẩn, ở căn cứ hỏa lực Trảng Lớn cũ và bắt đầu đếm: một, hai, ba, bốn... Sáu mươi bảy viên đá cuội (từ lúc vào trại tù, mỗi ngày tôi bỏ vào lon một viên đá): sáu mươi bảy đêm thức trắng đờ con mắt. Sáu mươi bảy ngày đêm đối thoại – độc thoại, lý luận quanh co biện minh cho mỗi một bận tâm độc chiếm đầu óc: *chết bằng cách nào đây cho thật chắc ăn.*

Tuần lễ đầu trong tù, tôi để ý thấy có rối loạn trong cơ thể tôi. Tôi nhớ trước đây, mỗi lần nhận dạy cho trường nào tôi đều hỏi han kỹ lưỡng về các tiện nghi vệ sinh, bởi tôi có tật rất nhuận trường. Thế mà bảy ngày rồi tôi không bài tiết. Kể từ ngày thứ tám, trong khi anh em bạn tù đi moi mót mọi thứ còn có thể thu nhặt thì tôi đi lượm bao cát tích trữ để mưu toan kết liễu đời mình. Đôi khi tôi phải dùng thuốc lá đổi lấy bao cát bắt đầu khan hiếm vì ai nấy đều lo thu hồi chúng để may quần áo!

Khởi đầu, mỗi sáng tôi tình nguyện nấu nước sôi cho toàn trại trong một cái chảo đựng khổng lồ. Nhờ trước đây có rèn luyện thân thể, công việc tuy khá nặng nhọc nhưng tôi làm nổi: kéo nước từ một cái giếng rất sâu, đổ vào ống sắt đựng đạn 155 ly, rồi vác trên vai mang tới trút vào chảo. Giếng cách bếp khoảng bốn, năm trăm thước. Cứ ba giờ sáng là tôi nhúm bếp. Dưới ánh lửa bập bùng tôi tháo gỡ các sợi dây ni lông từ những bao cát ra để bện dây thừng, nói là để nối sợi dây kéo nước ở giếng. Một tháng sau tôi đã có trong tay một sợi dây lớn bằng ngón tay út, dài hkoảng hai sải tay. Bấy giờ tôi mới di chuyển bếp lửa sát chân một tháp điều chỉnh tầm bắn của pháo binh. Giai đoạn một của toan tính.

Tháng thứ hai, tôi la cà làm quen với một số bác sĩ, dược sĩ, giả vờ có

triệu chứng bị bệnh sốt rét để xin họ thuốc chloroquine nhà binh, loại 500mg. Bình thường lúc rất sung sức, ăn uống đầy đủ chỉ cần năm viên là đủ để "thăng", vô phương cứu chữa. Mà tôi đã dự trữ được mười hai viên. Giai đoạn hai của toan tính.

Sáng nay, như thường lệ tôi nổi lửa và kiểm điểm xem còn quên điều gì khả dĩ cản trở tôi chết không êm xuôi chăng. Dây thừng, chảo nước sôi, mười hai viên chloroquine. Phương tiện tự hủy diệt coi bộ bảo đảm hữu hiệu. Liệu có phương hại đến ai không? Chắc không. Tháng rồi, một anh dược sĩ chui xuống địa đạo phòng thủ, mở lựu đạn nổ banh xác nhưng miểng văng trúng ba anh khác, một lọt tròng mắt, một lòi ruột, một gẫy ống quyển. Cả ba sau đó cũng chết vì không có thuốc men trị liệu. Một anh kỹ sư tự thiêu bằng bao thuốc bồi của pháo binh thẩy trọn vào bếp lửa. Hai anh bạn nấu bếp kế cận bị phỏng nặng, chết từ từ trong đau đớn khủng khiếp. Bảy người bỏ mạng, hai tự chọn cái chết, năm bị chết lây. Tôi chỉ tiếc sao lúc đó mình không lớn vởn gần anh dược sĩ hay anh kỹ sư cho đỡ mất công lo nghĩ, toan tính. Sáu mươi bảy đêm vật lộn với ý thức, sáng suốt đến độ tàn nhẫn với chính mình...

Tôi ôn lại trong đầu diễn tiến các động tác phải làm lát nữa đây: ba giờ sáng, nhúm lửa, bốn giờ, nước sôi sùng sục, bốn giờ mười lăm, uống mười hai viên chloroquine, bốn giờ bốn lăm, leo lên tháp canh, bốn giờ năm mươi, cột một đầu dây vào nóc chòi canh, đầu kia thắt thòng lọng tròng vào cổ, chờ cho thuốc ngấm, năm giờ, nhảy xuống như nhảy dù. Nếu dây đứt bất tử, đã có chảo nước sôi bên dưới hứng đón. Nếu nước sôi không luộc tôi đủ chữ thì đã có mười hai viên chloroquine phụ lực đưa tôi an toàn sang bên kia thế giới. Chu đáo quá! Chắc ăn hơn nữa là giờ này, trừ mấy tên quỷ sứ đỏ gác ngoài vòng rào, chỉ có tôi thức toan tính tự hủy diệt. Nếu lũ quỷ vô thường nghi ngờ tôi âm mưu chuyện gì mờ ám thì chúng sẽ nổ súng vào tôi. Thêm một đảm bảo nữa cho cái mưu toan chấm dứt đời mình, vốn đã quá chắc ăn rồi.

Tại sao tôi thèm chết một cách quá hắc ám đến thế? Tôi điên? Chắc vậy. Mà cái gì làm tôi điên? Từ trước đến nay tôi vẫn tự hào rất vững tinh thần trong mọi cảnh ngộ, chẳng lẽ tôi cam chịu chết chìm ở một lỗ chân trâu sau khi đã đi sông đi biển mà không chết? Tôi không tìm được câu trả lời nào thích đáng. Nhưng điều đó không ngăn cấm tôi *thèm chết*. Trong

đời tôi có hai lần tôi cứu hụt hai người đàn bà tự sát vì tình duyên trắc trở. Người thứ nhất thắt cổ ở một khách sạn. Tôi để ý thấy có mấy tờ báo bị xé vụn thả dầy dưới chân giường. Người thứ hai nhảy xuống sông Tiền Giang Mỹ Tho trầm mình. Tôi cũng để ý thấy cỏ mọc ven sông bị cào cấu nát bấy bỏ thành đống. Họ chắc đã suy nghĩ rất nhiều và tâm can chắc cũng bị cắn xé tan tành như giấy báo và cỏ cây mà họ đã giày vò cấu xé tơi tả...

Tự tử là một hành vi can đảm hay hèn nhát? Ai dám bảo có câu giải đáp dứt khoát? Kẻ lý luận đời mình không ngừng dự phóng thì cho tự tử là một thất bại, bởi vì với cái chết mọi dự phóng đều bị hư vô hóa. Với người cho rằng đời chỉ *đáng sống* khi còn có ý nghĩa thì tự tử là một hành vi hợp lý. Nếu có lý do tôn giáo xen vào thì càng rắc rối thêm: Tự tử là thách thức Thượng đế, tự tử không giải quyết được gì hết vì vòng luân hồi vẫn chưa được giải. Đằng nào người tự tử cũng vẫn phải *đơn độc* lấy quyết định... Quyết định vị kỷ? Chỉ có người đã tự tử mới trả lời được. Và cũng chỉ còn có cỏ cây, giun dế mới nghe câu trả lời được thôi. Bí mật vẫn bao trùm: có người tự tử hụt thì từ đó được miễn nhiễm, nghĩa là tởn tới già. Có người lại tiếp tục tìm cách tự sát nữa, cho tới khi đạt mục tiêu vĩnh viễn ra đi. Ai đúng? Ai sai? Vấn đề không còn là đúng hay sai nữa, mà là *làm hay không làm*. Mà làm hay không cũng chỉ do mình quyết định, bởi thế mới gọi là *tự* tử.

Hôm nay, tôi hết còn nhu cầu quanh co. *Làm*. Nước đã sôi lâu rồi. Tôi đếm lại các viên chloroquine trước khi tống chúng vào miệng. Một ý nghĩ đã dằn vặt tôi bấy lâu nay lại muộn màng chợt thoáng qua đầu tôi: Tội cho vợ con tôi quá! Tôi ngừng tay trong gang tấc...

Cái gì đã giữ tay tôi lại sau sáu mươi bảy ngày đêm ròng rã toan tính không ngưng nghỉ? Ngay bây giờ - giây phút tôi cầm bút viết tới đây - nếu ai hỏi tôi có lẽ tôi sẽ thao thao bất tuyệt giải thích, trong trạng thái *bình tâm*, kiểu như người vừa thoát chết sau một cơn bạo bệnh hay một tai nạn hiểm nghèo bình tĩnh kể lại... Nhưng trong *cơn mê điên* lúc bấy giờ, tôi chỉ thấy mình vừa vụt thoát khỏi vùng u tối ghê rợn. Cùng lúc, từ xa văng vẳng tiếng chuông rộn rã hòa điệu với bản thánh ca: "*Cuộc sống con người chóng qua như cỏ hoa. Một cơn gió thoảng đủ làm nó biến đi. Nơi nó mọc cũng không còn mang vết tích...*"

Hôm nay, lẽ ra từ năm giờ sáng trở đi tôi đã là một sự có mặt vĩnh viễn

bị bôi xóa. Nhưng cả trại tù đã thức giấc, mặt trời cũng đã mọc, tôi vẫn còn ngồi bất động bên cạnh hàng rào kẽm gai, mắt mờ lệ hướng nhìn ngôi giáo đường ẩn hiện lờ mờ trong sương sớm, bên ngoài vòng rào, nghe tâm hồn bình lặng theo tiếng chuông ngân nga. "Còn khóc được là còn hạnh phúc", tôi thầm nghĩ... Ai có niềm tin thì cho rằng đã có một *phép lạ*. Ai không tin hoặc chưa tin thì nghĩ tiếng chuông là một âm thanh *tình cờ đánh thức* tôi, như người đang thiếp ngủ trên tay lái chợt tỉnh đạp thắng kịp khi xe mình sắp lao xuống vực sâu.

Ngày thứ sáu mươi tám, thật lạ lùng: Tôi đột ngột ra khỏi cơn ghiền chết. Nhưng không có nghĩa là tôi ham sống trở lại. Tôi hết còn toan tính tự sát nhưng vẫn còn thích chết. Đúng hơn, tôi thụ động *chờ chết*. Lúc kho đạn cũ của Sư đoàn 18 Bộ Binh ở Xuân Lộc phát nổ, một số đông bạn tù của tôi bỏ mạng. Lúc đó tôi đang nấu bếp. Ai nấy lo tìm chỗ trú ẩn, chỉ có tôi đứng sừng sững như chờ đạn pháo rớt trúng mình cho xong chuyện. Đêm đó, nằm trong mùng tôi ước ao mùng biến thành hòm bó xác tôi luôn cho tiện.

Đến tháng thứ sáu trong tù, nhân vụ khiêng xác một dược sĩ tự tử (lại thêm một dược sĩ đi tìm cái chết), tôi sống lại hoài niệm thương động ngày thứ sáu mươi bảy ở Trảng Lớn. Anh dược sĩ này chắc cũng đã chuẩn bị cái chết của mình rất lâu và rất chu đáo như tôi. Anh nuốt trọn một tuýp Valium 10 trước khi dùng dây kẽm treo cổ trên sà nhà rất thấp. Anh vận nội công nhấc bổng hai chân lên (anh vốn là huyền đai đệ tam đẳng Thái Cực đạo) và chết trong tư thế ngồi xếp bằng, thì thể lủng lẳng là đà mặt đất. Từ đó, tự nhiên tôi bắt đầu chợp mắt được đôi chút và bắt đầu thấy có bổn phận trường tồn. Nếu quả thật "*Vanitas vanitatum etomnia vanitas*" (Phù du trong phù du và tất cả đều phù du) thì tôi chỉ còn có mỗi một việc phải làm trước mắt: *sống*. Bởi chỉ có một thứ còn trong tầm tay tôi: cuộc đời tôi. Từ bụi tro đến thì tôi cũng sẽ trở về tro bụi, nhưng cứ để theo tiến trình tự nhiên. *Thản nhiên sống, thản nhiên chết*. Đừng có bày đặt rắc rối lôi thôi.

Bấy giờ tôi mới vỡ lẽ tại sao mình đã thèm chết đến thế: xảo thuật tẩy não của loài quỷ đỏ thật tinh vi. Chúng không dầy đọa anh liền tức khắc khi anh bước vào vòng kẽm gai. Nhưng chúng chặt đứt mọi liên lạc của anh với thế giới bên ngoài cho anh chới với, để rồi anh thường xuyên sống cảnh *chờ đợi* cây gươm Damoclès rớt xuống đầu anh. Nếu trước dây anh có cuộc

sống náo động thì sự bất động miễn cưỡng giờ đây làm cho anh mau sa sút về mọi mặt, như một chiếc xe hơi đang chạy hết tốc lực đột ngột khựng lại vì bị đứng máy. Độc hại hơn hết là anh chẳng bao giờ có cơ hội ngang nhiên nổi máu anh hùng: không còn ai biết đến anh nữa (anh có cảm tưởng như vậy) và anh sẽ mòn mỏi chết như một con chó hoang ở một xó xỉnh nào đó. Riêng tôi, nhìn lại tiến trình "thèm chết" tôi nghiệm thấy nó như *một nhu cầu chấm dứt sự chờ đợi căng thẳng thường xuyên* đang tàn phá kinh khiếp tim óc mình.

Từ đó, tôi nghĩ trước sau gì cũng chết, tội gì phải gấp gáp. *Hãy sống cái đã!* Mà muốn ham sống, phải có một động lực nào mạnh ngang hoặc hơn bản năng sinh tồn: *Niềm Tin* và *Tình Yêu*. Cảm xúc và đam mê còn là sự sống còn vươn lên được. Trước mắt là *gắn bó* với anh em đồng cảnh ngộ, gắn bó với anh em khác cảnh ngộ nhưng cùng chiến tuyến. Tôi *nhập cuộc trở lại* với anh em bằng cái mà bọn hung thần không thể nào kiểm soát: tâm tưởng. Gặp nhau trong *lời nguyện cầu, niềm hy vọng thầm kín trong đầu*. Ánh mắt diễn đạt đã đủ để chuyển thông điệp. Cộng thêm những nhạc khúc cố tình đánh lạc nhịp nhưng âm điệu vốn đã quen nghe, những bài thơ đọc hoặc viết ngược, v.v... Có một điều bọn quỷ dữ vẫn biết mà không sao ngăn cản được là cứ tối ngày Phật Đản hoặc ngày Giáng Sinh, anh em tù ra sân chơi đứng lặng yên cúi mặt hay ngước nhìn trời cao thay vì cười nói huyên thiên. Và sự tôn kính dành cho quý vị tu sĩ cùng ngồi tù vẫn nguyên vẹn, có phần tăng trưởng.

Riêng tôi, nhờ bọn ác quỷ tôi tìm lại được Tình Yêu tưởng đã chai lì theo ngày tháng, thói quen và Niềm Tin tưởng đã vĩnh viễn mất với cuộc sống đua đòi trước đây.

Tình Yêu thêm sức cho thiện ý nẩy nở vượt bực nơi tôi, khiến tôi chỉ còn muốn thấy và giữ những gì tốt đẹp ở anh em, nhằm tạo một sinh lực mới dư thừa khả năng xô ngã bức tường tù túng của những tị hiềm nhỏ nhoi còn ngăn trở anh em chúng ta nắm tay nhau thực hiện.

Một niềm tin, niềm tin sắt đá:
Sẽ có ngày bao lực tàn hơi (*) □

(*) Thơ Trang Châu, *Nếu tôi là người tù cải tạo.*

ĐÔNG NHÂN

đọc "lộc trại"...

*

Tôi ở Trung quốc dạy học đã mấy năm. Cách đây ít lâu, tôi nhận được tờ tạp chí *Văn Học* số 64, trong đó có bài *Hai mươi âm hưởng từ thơ Lộc Trại của Vương Duy*, tác giả Triệu Châu viết thật thú vị. Nhưng sau khi xem qua các bài dịch Anh ngữ do ông Triệu Châu thu thập được, thú thật tôi hơi thất vọng. Mấy bài dịch này tuy lột được cái hình ảnh *Lộc Trại* của Vương Duy, nhưng không sao lột được cái nhịp nhàng vần điệu của bài thơ. Đọc qua rồi, tôi tính viết một bài đáp ứng để bổ sung, nhưng việc làm bận rộn nên quên bẵng mất. Mới đây nhận được *Văn Học* số 65 có bài của Võ Đình *Nhân đọc Lộc Trại của Vương Duy* đọc hay hay. Từ lâu tôi vẫn thích văn phong Võ Đình. Ông giới thiệu hai bài dịch Anh ngữ khác, cộng thêm hai bài dịch của riêng ông, một Anh ngữ, một Việt ngữ. Quả là một cố gắng. Trần Mộng Tú cũng đưa ra ba bài: ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát. Tôi thích nhất hai câu cuối trong ba bài dịch của Trần Mộng Tú:

Ngũ ngôn:

...
Nắng lẻn vào rừng sâu
Hắt lên tầng rêu dại

Thất ngôn:

...
Sợi nắng băng qua góc rừng thẳm
Hắt xanh màu ngọc lớp rêu dầy.

Lục bát:

...
Rừng sâu bóng đổ xuyên ngang
Hắt xanh vạt nắng bàng hoàng trên rêu.

Tuyệt! Đọc lên nghe rất Việt Nam và lột được cái hình ảnh mà tôi nghĩ Vương Duy muốn tả. Đọc xong hai số *Văn Học* 64 và 65, tôi quyết định viết

một bài ngắn bổ sung nhưng cứ phải lần lữa trì hoãn vì bận bịu với các buổi học và thảo luận ngôn ngữ cho một số nghiên cứu sinh. Cho đến ngày 1 tháng 10 là ngày Quốc khánh của Trung quốc kỷ niệm 42 năm thành lập "Tân Trung quốc", toàn trường nghỉ lễ hưởng nhàn ba ngày. Có cái hẹn với Ái Quân, cô bạn gái yêu kiều dễ thương, đến nhà ăn bữa cơm tối "đoàn viên" với gia đình nàng. Tôi nhẩn nha đón xe buýt xuống phố, hẹn gặp nhau ở trạm cuối. Đến trạm cuối vẫn chưa đến giờ hẹn, tôi lang bang đến các sạp sách báo lề đường. Lễ Quốc khánh nhưng các dân buôn lẻ không nghỉ. Dịp lễ nghỉ thường bán chạy hơn, nhiều khách mua hàng. Lướt qua sạp sách của một cụ già, mắt tôi bỗng chạm một cuốn sách nhỏ *Ấu Học Cổ Thi* của tác giả vô danh tiểu tốt Phùng Ngọc Chí nào đó, chưa nghe danh bao giờ, viết cho các em tiểu học học thơ cổ. Tò mò cầm lên mở ra đọc phần mục lục phần thi tuyển. Khá đấy! Lý Bạch, Vương Chí Hoán, Lạc Tân Vương, Mạnh Hạo Nhiên, Đỗ Phủ, Vương Duy... đủ cả các tay cự phách của làng thơ cổ Trung quốc đời Đường. Mắt tôi chợt thấy bài *Lộc Trại* của Vương Duy. Thôi rồi, đã bao lần tự hẹn viết bài cho *Văn Học* bổ sung bài của Triệu Châu và Võ Đình. Bao nhiêu "người lớn" cố gắng kiến giải bài thơ bằng nhiều bút pháp khác nhau, thì đây ông thầy đồ Phùng Ngọc Chí chỉ viết độc nhất có một câu ngắn gọn giới thiệu bài thơ với các "tiểu bằng hữu" (1): "Giá thủ thi miêu hội xuất Lộc Trại sơn lâm u tịnh đích hoàn cảnh hòa tú lệ đích cảnh sắc." (Bài thơ này vẽ lên cái khung cảnh rừng núi u tịnh và cảnh sắc tú lệ của Lộc Trại). Sách in lem nhem, giấy xấu, giá rẻ, tôi mua một cuốn. Ra bến xe đợi Ái Quân. Nàng đến vừa kịp lúc. Ái Quân mang nét đẹp của con gái Bắc phương, tóc thả dài hai bờ vai.

Đến nhà Ái Quân đang lúc bố mẹ nàng làm cơm. Ông bố là cán bộ về hưu, người hiền lành ít nói, giọng nặng âm Sơn đông. Thấy tôi vào, ông ra tiếp. Nói chuyện qua loa rồi ông xuống bếp phụ làm cơm. Nhà vắng vẻ vì các anh em Ái Quân chưa đến. Tôi bỏ ra sau vườn kéo ghế, lấy cuốn *Ấu Học Cổ Thi* ra nhẩn nha đọc. Tác giả Phùng Ngọc Chí viết phần giảng giải ý nghĩa các bài thơ thật thuyệt vời. Đơn giản, hiền hòa, mộc mạc đủ cho các trẻ em hiểu. Đọc rất ngộ nghĩnh. Tôi đắm chìm vào cuốn sách. Ái Quân ra sau vườn tìm. Gặp tôi đọc sách nàng có vẻ không hài lòng. Nàng muốn nói chuyện mà tôi chỉ muốn yên một mình. Nàng cúi xuống lật sách xem tựa đề. Hứ! Lớn đầu làm giáo sư mà còn đọc sách của con nít. Bĩu môi,

ĐÔNG NHÂN

đọc "lộc trại"...

*

Tôi ở Trung quốc dạy học đã mấy năm. Cách đây ít lâu, tôi nhận được tờ tạp chí *Văn Học* số 64, trong đó có bài *Hai mươi âm hưởng từ thơ Lộc Trại của Vương Duy*, tác giả Triệu Châu viết thật thú vị. Nhưng sau khi xem qua các bài dịch Anh ngữ do ông Triệu Châu thu thập được, thú thật tôi hơi thất vọng. Mấy bài dịch này tuy lột được cái hình ảnh *Lộc Trại* của Vương Duy, nhưng không sao lột được cái nhịp nhàng vần điệu của bài thơ. Đọc qua rồi, tôi tính viết một bài đáp ứng để bổ sung, nhưng việc làm bận rộn nên quên bẵng mất. Mới đây nhận được *Văn Học* số 65 có bài của Võ Đình *Nhân đọc Lộc Trại của Vương Duy* đọc hay hay. Từ lâu tôi vẫn thích văn phong Võ Đình. Ông giới thiệu hai bài dịch Anh ngữ khác, cộng thêm hai bài dịch của riêng ông, một Anh ngữ, một Việt ngữ. Quả là một cố gắng. Trần Mộng Tú cũng đưa ra ba bài: ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát. Tôi thích nhất hai câu cuối trong ba bài dịch của Trần Mộng Tú:

Ngũ ngôn:

...
Nắng lẻn vào rừng sâu
Hắt lên tầng rêu dại

Thất ngôn:

...
Sợi nắng băng qua góc rừng thẳm
Hắt xanh màu ngọc lớp rêu dầy.

Lục bát:

...
Rừng sâu bóng đổ xuyên ngang
Hắt xanh vạt nắng bàng hoàng trên rêu.

Tuyệt! Đọc lên nghe rất Việt Nam và lột được cái hình ảnh mà tôi nghĩ Vương Duy muốn tả. Đọc xong hai số *Văn Học* 64 và 65, tôi quyết định viết

một bài ngắn bổ sung nhưng cứ phải lần lữa trì hoãn vì bận bịu với các buổi học và thảo luận ngôn ngữ cho một số nghiên cứu sinh. Cho đến ngày 1 tháng 10 là ngày Quốc khánh của Trung quốc kỷ niệm 42 năm thành lập "Tân Trung quốc", toàn trường nghỉ lễ hưởng nhàn ba ngày. Có cái hẹn với Ái Quân, cô bạn gái yêu kiều dễ thương, đến nhà ăn bữa cơm tối "đoàn viên" với gia đình nàng. Tôi nhẩn nha đón xe buýt xuống phố, hẹn gặp nhau ở trạm cuối. Đến trạm cuối vẫn chưa đến giờ hẹn, tôi lang bang đến các sạp sách báo lề đường. Lễ Quốc khánh nhưng các dân buôn lẻ không nghỉ. Dịp lễ nghỉ thường bán chạy hơn, nhiều khách mua hàng. Lướt qua sạp sách của một cụ già, mắt tôi bỗng chạm một cuốn sách nhỏ *Ấu Học Cổ Thi* của tác giả vô danh tiểu tốt Phùng Ngọc Chí nào đó, chưa nghe danh bao giờ, viết cho các em tiểu học học thơ cổ. Tò mò cầm lên mở ra đọc phần mục lục phần thi tuyển. Khá đấy! Lý Bạch, Vương Chí Hoán, Lạc Tân Vương, Mạnh Hạo Nhiên, Đỗ Phủ, Vương Duy... đủ cả các tay cự phách của làng thơ cổ Trung quốc đời Đường. Mắt tôi chợt thấy bài *Lộc Trại* của Vương Duy. Thôi rồi, đã bao lần tự hẹn viết bài cho *Văn Học* bổ sung bài của Triệu Châu và Võ Đình. Bao nhiêu "người lớn" cố gắng kiến giải bài thơ bằng nhiều bút pháp khác nhau, thì đây ông thầy đồ Phùng Ngọc Chí chỉ viết độc nhất có một câu ngắn gọn giới thiệu bài thơ với các "tiểu bằng hữu" (1): "Giá thủ thi miêu hội xuất Lộc Trại sơn lâm u tịnh đích hoàn cảnh hòa tú lệ đích cảnh sắc." (Bài thơ này vẽ lên cái khung cảnh rừng núi u tịnh và cảnh sắc tú lệ của Lộc Trại). Sách in lem nhem, giấy xấu, giá rẻ, tôi mua một cuốn. Ra bến xe đợi Ái Quân. Nàng đến vừa kịp lúc. Ái Quân mang nét đẹp của con gái Bắc phương, tóc thả dài hai bờ vai.

Đến nhà Ái Quân đang lúc bố mẹ nàng làm cơm. Ông bố là cán bộ về hưu, người hiền lành ít nói, giọng nặng âm Sơn đông. Thấy tôi vào, ông ra tiếp. Nói chuyện qua loa rồi ông xuống bếp phụ làm cơm. Nhà vắng vẻ vì các anh em Ái Quân chưa đến. Tôi bỏ ra sau vườn kéo ghế, lấy cuốn *Ấu Học Cổ Thi* ra nhẩn nha đọc. Tác giả Phùng Ngọc Chí viết phần giảng giải ý nghĩa các bài thơ thật thuyệt vời. Đơn giản, hiền hòa, mộc mạc đủ cho các trẻ em hiểu. Đọc rất ngộ nghĩnh. Tôi đắm chìm vào cuốn sách. Ái Quân ra sau vườn tìm. Gặp tôi đọc sách nàng có vẻ không hài lòng. Nàng muốn nói chuyện mà tôi chỉ muốn yên một mình. Nàng cúi xuống lật sách xem tựa đề. Hứ! Lớn đầu làm giáo sư mà còn đọc sách của con nít. Bĩu môi,

Ái Quân phụng phịu bỏ vào nhà trong. Nàng giận, suốt buổi cơm không nói chuyện với tôi một câu. Ông bố thích nói chuyện chính trị ở Liên Sô với tôi, thường và thường tôi với ông mang ý kiến bất đồng. Ông chẳng lấy thế làm phiền, chỉ cười nói ý kiến của tôi hay hay. Ông gật gù ngẫm nghĩ. Chỉ thế thôi. Ái Quân nhất định không nói chuyện. Tiễn tôi ra về nàng ngoảnh mặt quay nhìn chỗ khác. Thôi, giận rồi. Kệ! Mai mốt gặp lại xin lỗi vậy.

Như trong phần đầu tôi đề cập các bài dịch Anh ngữ do Triệu Châu sưu tầm, kể cả hai bài do Võ Đình tìm được, tôi đọc thấy có vẻ không tới lắm, nhất là phần vần điệu. Triệu Châu đã giới thiệu khá kỹ phần tiểu sử Vương Duy. Các sách cổ cho Vương Duy là dân Hà-đông (nay tỉnh Sơn-tây), khi về hưu ở ẩn ông về Lộc Trại là một địa danh, ở vùng rừng núi Lam điền – Võng xuyên (nay thuộc tỉnh Thiểm tây, huyện Lam điền). Vùng này ở lưu vực sông Hoàng hà, được coi là cái nôi của văn hóa Trung quốc. Nếu dịch "Lộc Trại" là "Trại Nai" thì cũng chỉ nên xem đó là địa danh. Ở đây, tôi chỉ muốn giới thiệu một bài dịch Anh ngữ mà tôi rất thích vì phần vần điệu cùng miêu tả hợp với nguyên tác *Lộc Trại* của Vương Duy.

Lộc Trại

Không sơn bất kiến nhân,
Đản văn nhân ngữ hưởng.
Phản ảnh nhập thâm lâm,
Phục chiếu thanh đài thượng.

The Deer Enclosure

I see no one in mountains deep,
But hear a voice in the ravine.
Through the dense wood the sunbeams peep,
And are reflect'd on mosses green.

Bài dịch Anh ngữ trên do giáo sư Hứa Uyên Trọng dịch. Hứa Uyên Trọng hiện làm giáo sư văn chương tại Đại học Bắc kinh, nổi tiếng là một tay dịch thơ Đường ra cả Anh lẫn Pháp ngữ mà vẫn giữ được phần lớn vần điệu và ý nghĩa của nguyên tác Hán ngữ. Thích nhất là đọc bằng Anh ngữ mà vẫn có cái "cảm". Đây là biệt tài của giáo sư Hứa. Tôi ở Trung quốc gặp qua nhiều giáo sư ngữ học Mỹ rành Hán ngữ. Họ đều công nhận thơ dịch của Hứa Uyên Trọng là đáng kể nhất, thơ nhất, rất *poetic*.

Như trong bài dịch trên, mỗi câu tiếng Anh mang đúng 8 âm, "deep" vần với "peep"; "ravine" vần với "green". Rất hợp với vần điệu của nguyên văn.

Trong bài viết của Triệu Châu, phần phiên âm Hán-Việt có một lỗi nhỏ. Đó là ở câu thứ ba, ông phiên âm: "*Phản* cảnh *nhập thâm lâm*". Chính ra phải đọc là: "*Phản* ảnh *nhập thâm lâm*". (Ánh nắng chiều phản chiếu). Chữ Hán 景 đọc là "cảnh" tức "phong cảnh", "cảnh sắc". Tuy nhiên, nhiều bài thơ cổ dùng chữ này thay chữ 影 đọc "ảnh" như "điện ảnh"; "phản ảnh" (2). Đây là vấn đề từ nguyên (etymology). Tôi xin được phép đính chính cái lỗi nhỏ này. Thật ra cũng không đáng kể lắm. Đính chính cho vui thôi.

Nhân đây tôi xin được phép giới thiệu một bài thơ khác của Vương Duy, bài *Tương Tư* cũng do giáo sư Hứa Uyên Trọng dịch ra Anh ngữ. Xin để phần phê bình cho bạn đọc.

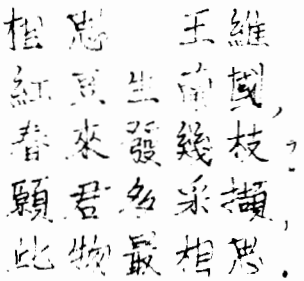

Tương Tư

Hồng đậu sinh nam quốc,
Xuân lai phát kỷ chi?
Nguyện quân đa thái hiệt,
Thử vật tối tương tư.

Bản tiếng Anh của giáo sư Hứa Uyên Trọng:

Love Seeds

Red berries grow in southern land,
In Spring they overload the trees.
Gather them till full in your hand:
They would revive fond memories.

Tôi xin được miễn dịch bài *Tương Tư* ra tiếng Việt. Vì bài viết ngắn này mà Ái Quân giận tôi. Tuy nàng không đọc và hiểu tiếng Việt, tôi cũng xin được đề tặng nàng một câu bằng Hán ngữ ở cuối bài. Hy vọng Ái Quân hiểu vì sao tôi đọc *Ấu Học Cổ Thi.*

贈我心的愛君。

Tặng ngã tâm đích Ái Quân□

Chú Thích

(1) "Tiểu bằng hữu", tiếng gọi chung các trẻ em ở Trung quốc.

(2) Trong nguyên văn *Lộc Trại*, chữ 景 đọc bằng giọng Bắc kinh là "*ying*" (ảnh) như chữ 影 "*ying*" (ảnh), không đọc 景 "*jing*" (cảnh).

NGUYỄN THỊ HOÀNG ÂN

lộc trại

*

Núi không không núi chập chùng
Người xa khuất bóng giọng cười mênh mông
Rừng chiều nắng chảy xuyên thân
Ngọn cây lướt nhẹ lên hồng rêu xanh.

xuôi nam

Tôi bước bước xuống phố này
Những con đường Kansas hừng sao mai
Phố vắng dài dọc những con đường
Đổ cuộn cuộn lặng thinh dòng thác thầm
Tôi ngồi trên con vật thế kỷ
Trôi xuông đổ về nguồn
Mỹ cảm hóa xúc cảm
Trên gạch gạch trang thơ.

QUỲNH GIAO

kỷ niệm của phan thị trọng tuyến *

Sang đến đất Mỹ này, tôi có một niềm vui nhỏ trước đây khó thấy ở trong nước, đó là xem lại những phim cũ trên một số hệ thống truyền hình Mỹ, loại *Bravo*, *American Movie Classics* hay *TBS SuperStation*... Ngày xưa, ở Sàigòn, có lẽ chúng ta thường xem phim Mỹ qua hệ thống phát hành của người Pháp, nên khán giả biết tên phim qua ấn bản của Pháp. Phim *From Here to Eternity* thì ta biết qua tên *Tant qu'il y aura des hommes*, *Dial 'M' for Murder* sang Việt Nam biến thành *Le crime était presque parfait*, hoặc *An Affair to Remember* là chuyện tình chàng và nàng, *Elle et Lui*... Chẳng phải chỉ có tựa phim mới bị Pháp hóa. Tại Việt Nam, chúng ta đã quá quen nghe Elizabeth Taylor hay Gregory Peck, Lee Remick hoặc Paul Newman nói tiếng... Pháp. Các bộ phim ta xem tại Việt Nam đều đã được Pháp chuyển âm từ trước, và khán giả vừa nghe diễn viên Anh Mỹ nói tiếng Pháp, vừa theo dõi đối thoại qua phụ đề Việt ngữ in lên trên hình ảnh.

Giờ đây, trên đất Mỹ, xem lại những phim cũ từ nguyên bản, tôi được sống lại ba bốn tầng kỷ niệm. Kỷ niệm của tuổi ấu thơ, kỷ niệm của anh chị em trong gia đình, của thành phố, kỷ niệm của văn chương, nghệ thuật... Thời còn bé, được xem một phim hay (mà có phim nào chẳng hay đối với lũ trẻ chúng tôi) là cả một ngày hội. Phim xem rồi, chúng tôi bàn tán mãi không thôi, nâng niu giữ lấy từng tờ chương trình vuốt thật phẳng phiu. Thời còn bé, dù phim chẳng được xem, chỉ được người lớn dem về cho một

tờ chương trình, in mực đen hay xanh trên giấy màu, hình ảnh không rõ nét, những đứa trẻ mới lớn cũng đã sung sướng mở trí tưởng tượng ra những chân trời mới bên ngoài, ở trong thế giới "người lớn". Tôi trộm nghĩ là trong những mất mát lớn đã qua, người ta không còn để ý đến một bộ môn "nghệ thuật" rất chóng phai là ngành văn chương phụ họa cho điện ảnh: tên phim, phụ đề Việt ngữ, những tờ chương trình tóm tắt cốt truyện phim, và nhất là những bài điểm phim...

Thời đó xem phim Mỹ đã là một cái thú, đọc Mai Thảo điểm phim trên tờ *Kịch Ảnh* lại là cái thú khác. Đối với riêng tôi, phê bình phim ảnh là một bộ môn còn quá mới của chúng ta và trong lãnh vực đó, Mai Thảo là cây bút xuất sắc nhất.

Giờ đây, xem lại những phim cũ, tôi hồi tưởng lại quãng đời niên thiếu và có dịp đối chiếu những suy tư của mình ngày nay với cảm quan của mình lúc xem phim lần đầu để nhớ lại không khí ấu thơ ở quê nhà. Vì vậy xem phim Mỹ càng xưa cũ tôi càng thấy nhớ nhà! Người Mỹ thì chẳng khi nào hiểu được cái phản ứng này ở những khán giả người Việt mình cả.

*

Trong cái thú xem phim cũ, tôi nhận ra một chi tiết kỹ thuật về phim ảnh: phim thời xưa nhạc hơi ồn. Nhạc phim có tác dụng gây thêm xúc động phụ trợ cho cốt truyện, nhưng thời xưa, nhạc phim thường đơn giản và được tấu lên khá ồn ào nên nhiều lúc gây tác dụng ngược. Cái gì thái quá cũng thường gieo tác dụng ngược, vì vậy mà sự cân nhắc liều lượng là cả một nghệ thuật. Phan Thị Trọng Tuyến nắm rất vững nghệ thuật đó.

Tôi nghĩ như vậy khi đọc tập truyện **Một Trang Đời** của bà (*).

*

Đất nước chúng ta không có nhiều may mắn, và viết về quê nhà, về quá khứ, về kỷ niệm, ta hiếm có những chuyện vui. Nếu dựng lại truyện quê nhà trên khung vải, người ta sẽ thấy nhiều màu xám màu đen hơn những màu xanh tươi rực rỡ. Điều đó có lẽ nhiều tác giả cũng đồng ý với tôi.

Như nhiều tác giả khác, Phan Thị Trọng Tuyến cũng khởi sự đào xới từ ký ức để ghi lại cho ta những hình ảnh của kỷ niệm. Nhưng khác với nhiều tác giả khác, Phan Thị Trọng Tuyến không dìm độc giả xuống đáy

sâu của sự ngột ngạt bế tắc. Ta không bị *overdose* là nhờ ở nghệ thuật của bà.

Tập truyện gồm có mười truyện ngắn, thời gian trải dài từ lớp tuổi học trò tới thời trung niên của các nhân vật. Không gian thì lan rộng theo vết chiến tranh và chính sự, từ trong nước ra tới bên ngoài, tại Pháp, tại Mỹ. Trong tập truyện, tôi yêu thích nhất *Ngày Xưa*, *Một Trang Đời*, *Thứ Bảy*, *Xóm Tầu*, *Xóm Việt*. Có lẽ độc giả thì mỗi người mỗi ý nhưng chỉ với mười truyện ngắn Phan Thị Trọng Tuyến cũng đã thành công trình bày hầu hết những bi thảm hay oái oăm đến bật cười của truyện nước ta, từ trong ra ngoài. Bà trình bày một cách hết sức nhẹ nhàng, tươi tắn.

Truyện *Ngày Xưa* mở đầu tập truyện là một tiêu biểu cho loại "Cách mạng vào trường". Vào truyện là sự tinh khôi ngọt ngào của ngôi trường nữ sinh, với không khí êm dịu trìu mến có thể thấy trong ký ức của mọi thiếu nữ đa cảm. Cuối truyện là nỗi hoang tàn hụt hẫng như hồi kết của một bi kịch xã hội thời chiến. Nhưng, khác với nhiều tác phẩm viết về cuộc đổi đời bên ngoài xã hội tràn vào trong sân trường như một con nước đen, truyện ngắn Phan Thị Trọng Tuyến vẫn lấp lánh ánh nhìn trẻ thơ và lảnh lót tiếng cười tinh nghịch của lớp tuổi nữ sinh. Truyện ngắn của bà không phải là của người lớn viết về "trẻ thơ trong Cách mạng" cho những người lớn khác đọc để nêu lên những câu hỏi lớn. Vì vậy, nó "thật" và "gần" với chúng ta hơn. Đọc Phan Thị Trọng Tuyến người ta không thấy sự mệt mỏi dìm mình xuống cõi tuyệt vọng.

Tác giả có cái nhìn thân ái về nhân thế nên ngòi bút của bà vẫn có nét đôn hậu và tránh được những nhát chém quá tay. Tôi coi đây là một đặc điểm lớn của nghệ thuật và có lẽ của con người Phan Thị Trọng Tuyến.

Tôi càng cảm được rõ ràng cái triết lý "phù du" trong tập truyện khi tác giả không dùng ngòi bút thanh toán một số vấn đề lịch sử, của lẽ thắng bại giữa hai phe. Bà châm biếm cái nhà nước cách mạng độc ác và mù lòa; nhưng châm biếm đã là một điều tha thứ, một nét thông minh của lòng tha thứ, không cay độc, không hằn học. Chẳng phải vì tác giả muốn xoá bỏ hận thù, mà vì bà sáng suốt nhìn ra nỗi tuyệt vọng chấp chới của "kẻ chiến thắng" và mỉm cười khoan dung. Óc khôi hài ý nhị của Phan Thị Trọng Tuyến, một đặc điểm khác của tác giả, ẩn hiện trong cả tác phẩm như màu sáng lung linh trên nền xám đen của kỷ niệm, của xã hội. Độc giả sẽ bật

cười khúc khích trong suốt tập truyện về những đối thoại sắc lẻm, những so sánh tinh quái và cả những lối chơi chữ thật tự nhiên thần tình, kể cả bằng ngoại ngữ (*Giương Cung Bắn Nhạn* là điển hình).

Mà dường như cốt truyện càng bi thương, Phan Thị Trọng Tuyến càng phóng túng đáng yêu. Chưa gặp tác giả tôi đã nghĩ rằng nói chuyện với một con người duyên dáng và tinh tế như vậy hẳn là một cái thú.

Qua tác phẩm, mà *Nắng Mưa Là Bệnh Của Trời*, hay Trèo Lên Trái Núi là những tiêu biểu, người đọc nhận ra rằng Phan Thị Trọng Tuyến không ưa người xảo quyệt, thô bỉ. Bà châm chước và châm biếm được nhiều thứ tội lỗi, chứ cái tính thời cơ và xảo trá thì không được sự nhân nhượng của tác giả. Con mụ "Việt kiều hồi hương" trong *Trèo Lên Trái Núi"* hay anh chàng Quân tháo vát trong *Một Trang Đời*, gã Huỳnh khả ố trong *Nắng Mưa Là Bệnh Của Trời* là những nhân vật không có chỗ đứng trong truyện của Phan Thị Trọng Tuyến. Tác giả tả ít mà ta hiểu nhiều và ghét thậm tệ! Nhưng, những truyện và nhân vật dắc ý nhất của tác giả, theo chỗ tôi riêng cảm thấy, là những người và việc xảy ra trong nước, ở bên ngoài cảnh sống thời thượng Tây Mỹ của "Việt Nam hải ngoại".

Tôi muốn nói đến một khía cạnh khá đặc biệt khác của nhà văn nữ này.

*

Theo tôi được biết, Phan Thị Trọng Tuyến rời Việt Nam trước 1975 và sống khá lâu tại Âu châu, đặc biệt tại Pháp. Nhưng, những truyện ngắn hay nhất của bà đều lấy bối cảnh ở trong nước, trước và sau cái mốc thời gian oan nghiệt 1975. Kỹ thuật hồi niệm (*flash-back* của bà, được sử dụng khá nhiều trong toàn tập truyện, đặc biệt trong *Trèo Lên Trái Núi* và *Người Lạng Im, Và Tôi Nói Bâng Quơ* đã hòa lẫn truyện xưa và nay trong một kích thước không gian để làm nổi bật cái phũ phàng ở bên trong đối chiếu với cái trơ trẽn và cô đơn ở bên ngoài. Những gì viết về chuyện bên trong đều xuất sắc và ý nhị mặc dù là những chuyện tác giả không trực tiếp mục kích. Chính vì vậy mà tôi càng thấy yêu thích nhà văn này. Ngược lại, tôi cho rằng Phan Thị Trọng Tuyến không mấy thành công trong những truyện mô tả cuộc sống lưu vong "thượng lưu" của người tỵ nạn ở bên ngoài (*Đêm Kể Chuyện* hoặc *Lấy Nhau Chẳng Đặng*).

Dường như, ở Phan Thị Trọng Tuyến, những kỷ niệm xót xa và niềm

nhớ thương quê hương tha thiết đã khiến tài năng của bà lên tới chỗ đặc sắc.

Một số người cho rằng tác phẩm văn chương chỉ có giá trị khi tác giả đã trực tiếp "sống" câu chuyện, hay đã dày công "tiếp thu" kinh nghiệm, "tham quan" thực tế. (Nói như vậy, những tác phẩm thời nay viết về Tần Thủy Hoàng hay Đức Quốc Xã... đều vô giá trị.) Người ta đánh giá sai sức sáng tạo của người nghệ sĩ và khép kín văn chương trong một thể loại tả thực. Phan Thị Trọng Tuyến là một minh chứng cho trường hợp trái ngược.

Những truyện ngắn tôi cho là đắc ý nhất của bà được dựng trên một không gian bà không còn có mặt là đất nước ta, ở vào khoảng thời gian bà đã ra đi là sau 1975. Nghệ thuật Phan Thị Trọng Tuyến là cảm được không khí quê nhà qua tin tức gián tiếp của bạn bè họ hàng để tỉnh táo dựng lên từ ký ức mình một khung cảnh đã mất mà vẫn còn và rất sát với thực tại. Nhưng, cũng chính nhờ sự gián cách tâm lý nói trên mà tác giả đã biết cân nhắc liều lượng trong nét bút tả chân và không rơi vào những loại hồi tưởng thái quá làm người đọc rã rời.

*

Từ ít lâu nay, chúng ta ngờ ngợ thấy một nỗi đe dọa trong văn học tại hải ngoại: thể tài tố cộng đã bớt ăn khách; loại truyện viết về những năm tháng cải tạo hay về tình hình nước ta dưới chế độ cộng sản cũng đã được khai thác khá nhiều; những tác phẩm viết về cuộc sống mới bên ngoài đất nước cũng đã đụng tới nỗi cô đơn chán chường hay những va chạm không tránh khỏi giữa hai nền văn hóa Đông Tây; truyện xưa hay truyện nay đều đã trở thành chuyện *biết rồi, khổ lắm, nói mãi*... Vì vậy mà chúng ta nghe nói tới sự bế tắc trong các đề tài được viết tới.

Khi phải đi mãi theo một nếp sáng tác, người ta dễ có khuynh hướng leo thang, viết càng ngày càng mạnh hơn, càng cay độc chua chát hơn về một hiện tình đất nước. Hoặc càng ngày càng táo bạo hơn về cuộc sống hải ngoại. Dần mòn, cả người viết lẫn người đọc đều thấy mệt mỏi trên lối mòn đã có nhiều người theo nhau tấp nập. Trong hoàn cảnh trên, cái nhìn tươi tắn của Phan Thị Trọng Tuyến là một luồng gió mới. Trong lành mà vẫn mới.

Người ta vẫn có thể viết về truyện cũ ở quê nhà mà không biến tác phẩm thành một bản cáo trạng. Người ta có thể viết truyện mới ở quê người mà vẫn thắm thiết gắn bó với quê hương và kỷ niệm, không biến tác phẩm thành một lời kêu rêu lai căng lạc lõng. Khác nhau chỉ ở chỗ có chân tài hay không. Phan Thị Trọng Tuyến chứng minh được điều trên khi những truyện ngắn viết về chuyện trong nước không là những khúc phim buồn với phần nhạc dệm quá ồn ào bi thiết.

Tôi nghĩ rằng với nghệ thuật ngày càng già dặn sắc bén, Phan Thị Trọng Tuyến sẽ khó rơi vào cảnh ngộ "thiếu chủ đề sáng tác". Cứ để cho con tim mình rỏn rang tâm sự và cho trực giác bén nhạy của mình bắt nhịp được cái mệnh nước nổi trôi, Phan Thị Trọng Tuyến sẽ không thiếu dịp chinh phục những độc giả mới bằng tài năng hiếm có của bà. □

(*) **Một Trang Đời**, tập truyện của Phan Thị Trọng Tuyến, An Tiêm xuất bản, California, Hoa Kỳ, 1991, 246 trang, giá 11 Mỹ kim.

THẾ UYÊN

điểm sách

*

VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN của NGUYỄN HƯNG QUỐC

Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng sản 1945 – 1990 *của Nguyễn Hưng Quốc do Văn Nghệ xuất bản, Califonia, 1991, 386 trang, giá đề $16.00. Địa chỉ phát hành: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.*

Nếu có nhận xét nào cần ghi nhận ngay là về nhan đề sách: tác giả Nguyễn Hưng Quốc đã cho chế độ Cộng sản Việt Nam bắt đầu ngay từ 1945. Điều đó không được sát với thực tế vì hai lý do. Thứ nhất là đảng Cộng sản Đông dương đã giải tán trong khoảng thời gian 1945-54 và lý tưởng chỉ đạo trong thời kỳ này là chủ nghĩa dân tộc đề cao tinh thần kháng Pháp mà thôi. Văn học Việt Nam không hề bị tác động bởi ý thức hệ Mác-Lê. Nếu căn cứ vào sự thành lập của đảng Lao Động, tên mới của đảng Cộng sản Đông dương, thì đảng này cũng chỉ xuất hiện sau 1950.

Lý do thứ hai là: cuộc kháng chiến chống Pháp đã bao gồm cả quân và dân của cả nước Việt Nam từ Lạng sơn đến Cà mâu, không phân biệt Quốc gia, Cộng sản, Phật giáo hay Công giáo. Chúng ta không chối cãi sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đán nhãn hiệu "Cộng sản" cho phong trào toàn dân chống Pháp 1946-1954, là một việc không đúng với thực tế của lịch sử. Điều hợp lý hơn nên làm là tách văn học thời kháng chiến chống Pháp thành một phần riêng biệt. Phần văn học dưới chế độ Cộng sản chỉ nên bắt đầu kể từ tháng 7-1954, đúng như chính tác giả

Nguyễn Hưng Quốc đã viết trong "Lời nói đầu" ... *Đặc biệt, kể từ năm 1954, đảng Cộng sản Việt Nam cố sức tạo nên một nền văn học riêng của họ, nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, tồn tại độc lập, hơn nữa, đối lập với nền văn học tự do ở miền Nam trước đây và ở hải ngoại hiện nay.* (trang ix).

Nhưng khuyết điểm trên đây không làm hại đến giá trị biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc, một nhà biên khảo mới xuất hiện chưa lâu nhưng đã chứng tỏ được tài năng viết, kiến thức tích lũy và sự khách quan của ngòi bút trên một số tạp chí ở hải ngoại. Hơn nữa bản thân Nguyễn Hưng Quốc đã sống và đọc sách 10 năm dưới chế độ Cộng sản sau 4-1975 nên sự am hiểu của ông về nền văn học này xét chung thật đáng chú ý. Do kinh nghiệm sống, chương I về "Các tổ chức văn học", chương II về "Chế độ kiểm duyệt", chương III về "Trường đại học viết văn và các trại sáng tác", chương IV về "Mức thu nhập của những người cầm bút" đều có sự vừa chính xác vừa cụ thể mà ở hải ngoại hiện nay khó có ai có thể viết hơn.

Cũng do 10 năm đọc và sưu khảo ở nội địa sau 1975 này, Nguyễn Hưng Quốc đã cung cấp được một trình bày và phân tích đầy đủ hơn về phong trào văn chương phản kháng của *Nhân Văn - Giai Phẩm* – về thời kỳ văn học này, cuốn của tác giả Hoàng Văn Chí trước đây mới chỉ cung cấp một tác phẩm nặng về tuyển tập thi văn hơn là một biên khảo văn học.

Những trình bày phân tích của Nguyễn Hưng Quốc trong phần IV về nền văn học phản kháng đang gây nhiều tranh luận trong giới độc giả và biên khảo ở hải ngoại, cũng rất đáng chú ý. Tài liệu đầy đủ, sự kiện chính xác, tuy vậy vẫn có một khuyết điểm: Nguyễn Hưng Quốc quá quan tâm tới các sách báo tài liệu của miền Bắc nên không chú trọng tới sự việc mặc dù vấn đề xét lại văn học được những Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến nêu lên trước đó ở miền Bắc, nhưng sự phản kháng thật sự bắt đầu năm 1985 trên tuần báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* và nguyệt san *Tuổi Trẻ Cười* xuất bản ở Sàigòn. Suốt trong những năm 85 và 86, chính hai tạp chí này đã mở màn cho nền văn chương phản kháng. Có thể nói chính những cây viết đóng góp trong hai tờ báo này đã mở đường cho phe đối mới tiến tới và thành công trong việc đưa Nguyễn Văn Linh lên chức vụ Tổng Bí Thư đảng cuối năm 1986. Sau khi nắm được đảng rồi, Nguyễn Văn Linh mới

đưa Đổi Mới thành quốc sách, bật đèn xanh, lúc đó những Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương... mới xuất hiện.

Về thời kỳ văn học phản tỉnh phản kháng 86-90 này, Nguyễn Hưng Quốc đã đưa ra một nhận định rất có tình người như sau:

"Sự phản tỉnh tất nhiên dẫn đến sự phản kháng.

Không nên đòi hỏi những người cầm bút tại Việt Nam, những kẻ đang đứng trước cánh cửa ngục tù rộng mở, đứng trước họng súng AK đen ngòm, đứng trước bao nhiêu nguy hiểm trùng trùng vây quanh, phải tuyên bố thẳng thắn chống cộng như những người cầm bút tự do ở hải ngoại..." (trang 366).

Nói chung khi dân tộc Việt Nam năm 1954 đã chia thành hai nước theo hai chế độ khác nhau, thì sự xuất hiện của hai nền văn học khác nhau không có gì để cho bất cứ ai phải ngạc nhiên. Tại hải ngoại nhà văn lão thành Võ Phiến đã viết một biên khảo khá đầy đủ về văn học Việt Nam Cộng Hòa 1954-1975, thì việc sơ kết hay tạm kết về nền văn học Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Hưng Quốc cũng rất là cần thiết. Nếu có gì đáng nói thêm, thì đó là kết luận của Nguyễn Hưng Quốc, một kết luận khá buồn, nhưng đúng, về nền văn học đỏ này:

"Cái gọi là văn học Cộng sản, thật ra, không phải là một cái gì thuần nhất. Nó có sắt, có thép, nhưng cũng có nước mắt nữa. Nó ình ội những tiếng gào thét giết người hung tợn. Nhưng nó cũng có cả những tiếng khóc thầm... Ở Việt Nam, từ năm 1945 đến nay, dưới chế độ Cộng sản, đã có bao nhiêu giọt nước mắt như thế rỏ xuống trên nền đất đen đặc bóng tối?"

(Kết luận của chính Nguyễn Hưng Quốc, cuối sách).

NHỮNG TUYỂN TẬP THƠ VĂN

Tại Việt Nam cũng như nhiều nước khác đều có những tuyển tập thi văn định kỳ hay không định kỳ. Mở đầu cho loại này ở Việt Nam là những giai phẩm của *Tự Lực Văn Đoàn* trước 1945, và nổi danh một thời là những tuyển tập thi văn của *Nhân Văn - Giai Phẩm* miền Bắc, và *Văn Hóa Ngày Nay* (Nhất Linh chủ trương) sau 1954.

Tại hải ngoại, những tuyển tập này vẫn xuất hiện khá nhiều, và đứng về quan điểm phê bình văn học, những tuyển tập này có thể coi như một cuốn sách đặc biệt, biểu lộ một đường lối văn học hay văn hóa chính trị, đi

từ khuynh hướng bảo thủ và chống cộng như *Tháp Sáng Quê Hương* của hội Văn nghệ sĩ Việt Nam Tự do (San Jose, California), đến khuynh hướng phóng khoáng hơn, không chỉ vì chế độ chính trị mà ngăn cản văn chương như *Hợp Lưu* (Westminster, California).

Bởi tính cách nặng về văn học của những tuyển tập này, dưới đây người điểm sách sẽ nói tới vài tuyển tập thi văn có giá trị đáng kể.

VĂN LANG

Tập san nguyên cứu Việt học, sáu tháng một kỳ, do Nguyễn Mộng Giác chủ biên, nhà xuất bản Văn Nghệ và An Tiêm phối hợp chủ trương, 210 trang khổ tạp chí thông dụng, bìa chữ, giá đề 10 Mỹ kim. Nơi phát hành: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.

Riêng cái từ *Việt học* thôi cũng đáng chú ý về nhiều phương diện. Xuất bản ở hải ngoại mà lại nghiên cứu về dân Việt và văn hóa Việt, đương nhiên là sách khó bán rồi. Bởi thế những độc giả hiểu biết không hề ngạc nhiên khi phải cần tới hai nhà xuất bản có tiếng là Văn Nghệ và An Tiêm phối hợp khả năng và vốn liếng mới có thể ấn hành thứ tạp chí này. Nhưng dù có thế, những người xuất vốn hẳn ít có hy vọng nào, dù nhỏ, về một thành công tài chính. Dứt khoát đó là một vụ "ăn cơm nhà vác ngà voi" cho... dân tộc Việt Nam không phân biệt ở nội địa hay hải ngoại.

Nhưng dù thế nào đó cũng là một hành động đáng khen và cần thiết phải làm. Cần thiết phải làm để khỏi mất mặt mất mũi với giới trí thức của những nước đang cư ngụ, đặc biệt là tại Bắc Mỹ và Úc châu. Lý do là trong những năm gần đây, giới biên khảo và sưu khảo của nhiều đại học lớn của Mỹ (và cả Canada, Úc...) đã quan tâm nhiều tới "Việt học". Ngay tại vùng Tây Bắc của Hoa kỳ, ba đại học lớn, University of Washington, University of Oregon và University of British Columbia (Canada) đã phối hợp nhau để tạo một "*The Northwest Regional Consortium for Southeast Asian Studies*", một thứ tổ hợp liên trường có tầm nghiên cứu bao trùm không những các nước Đông Nam Á, mà còn cả Á châu nữa. Riêng tại University of Washington, một mình nữ giáo sư Kim Nguyên đã phụ trách hai chương trình học về Việt ngữ và Văn học Việt đại cương.

Vậy thì dân Việt chính gốc có cố gắng đi một đường *Văn Lang* và *Việt*

học thì cũng là điều tối thiểu phải làm mà thôi. Tập I của *Văn Lang* đã phát hành tháng sáu vừa qua, và tập II tháng 12, với những bài nghiên cứu của Nguyễn Khắc Kham, Đỗ Quí Toàn, Nguyễn Thế Anh, Trần Văn Tích, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Thuyết Phong, Thế Uyên, Đoàn Nhật Tấn, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Mộng Giác, Đinh Trọng Hiếu, Như Hạnh...

Tên tuổi của những tác giả trên đủ bảo đảm cho giá trị biên khảo của các bài viết. Chỉ đó điều các bài đó hướng quá nhiều về Văn học và Sử học, trong khi ngành Việt học nên cần hướng về một nội dung mà giới giáo sư đại học Mỹ hiện nay dùng một từ riêng để gọi là *Sociocultural*. Và mặc dù tập I có đăng bài Thế Uyên phục hồi nhà văn Nam kỳ Lê Hoằng Mưu đã bị các nhà biên khảo văn học trước đây cố tình bỏ quên vì viết gay cấn, *erotic* quá... nhưng bài đó vẫn nằm trong khuôn khổ văn học cổ điển. Nhóm chủ trương *Văn Lang* nên *up-date* hơn nữa bằng cách nghĩ tới một vài bộ môn nghiên cứu mới xuất hiện trong một số đại học Mỹ, thí dụ như môn *Sexual Politics* chẳng hạn, chứ không nên tự giới hạn mình trong những phạm trù nghiên cứu Âu châu, đặc biệt là Pháp, đã truyền thụ cho giới trí thức Việt Nam trước đây nữa.

Như vậy *Văn Lang* sẽ phong phú hơn và Việt học sẽ tránh được cái tiếng chỉ chuyên về "hình nhi thượng" mà lờ đi cái "hình nhi hạ" tối quan trọng trong cuộc sống thường nhật của bất cứ dân tộc nào...

HỢP LƯU

Tập san văn học nghệ thuật biên khảo, hai tháng một kỳ, do Khánh Trường chủ biên, giá để 6 Mỹ kim. Nơi phát hành: Hợp Lưu, P.O. Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA.

Nhìn vào danh sách ban chủ trương đông tới 20 người, chỉ thấy có 4 người đã viết từ trước 75 (Luân Hoán, Hoàng Khởi Phong, Nhật Tiến, Đặng Tiến), 16 người còn lại đều chỉ bắt đầu văn nghiệp sau khi đã ra hải ngoại, trong đó có một số tên đã trở thành quen thuộc với độc giả như Đỗ Kh., Trần Thị Bông Giấy, Nguyễn Mạnh Trinh, Hồ Đình Nghiêm, Thụy Khuê, Trần Sa, Phan Tấn Hải...

Nội duyệt những cái tên trên, độc giả cũng có thể thấy khuynh hướng

văn nghệ và chính trị của nhóm này. Trẻ hơn, cởi mở hơn, không thích giáo điều chống cộng thời kỳ 1954, không thích những lời phán truyền của những nhà văn bảo thủ và các chính khách di tản 1975. Bởi thế không có gì để ngạc nhiên khi *Hợp Lưu* đăng bài vở không phân biệt xuất xứ trong nước ngoài nước, gốc xanh hay gốc đỏ. Cứ bài hay và có giá trị tư tưởng hoặc nghệ thuật là đăng. Bởi thế độc giả *Hợp Lưu* có thể bị sốc khi thấy sau bài của Thế Uyên là đến bài của Nguyễn Huy Thiệp, hai nhà văn trước kia đứng ở hai phía đối nghịch nhau, lại không hề giống nhau bất cứ một điểm nào từ văn phong tới đề tài lẫn thông điệp chuyên chở trong văn chương.

Nhưng khi đọc hết 200 trăm trang truyện thơ và tiểu luận của *Hợp Lưu*, người đọc có thể tìm thấy một nét nhất trí của nhóm chủ trương: đó là mơ tới sự đổi mới, làm mới và làm tốt hơn mọi con người Việt Nam, dù ở trong nội địa hay hải ngoại. Chiều hướng đó dĩ nhiên là đáng khen, nhưng cái tâm thức mới, *tâm thức hợp lưu* ấy chắc chắn sẽ va chạm với *tâm thức di tản* muốn kéo dài cuộc nội chiến Việt Nam, cái tâm thức chỉ biết có một nước là nước Việt Nam Cộng hòa mặc dù bây giờ đã là 16 năm sau ngày 30/4/75.

Một dân tộc, một cộng đồng muốn tiến về phía trước phải chấp nhận sự đổi mới, từng đợt từng đợt như các lớp sóng kế tiếp nhau, như măng non mọc thay tre trong rừng già. Những độc giả bảo thủ, được đào tạo làm chiến sĩ cho một cuộc chiến tranh lạnh nay đã tan theo sự sụp đổ của bức tường Berlin và những tượng Mác-Lênin trên đất nước Nga, hãy nên nghĩ như thế để trở thành bình tĩnh và khoan dung hơn với những nỗ lực mới, chiều hướng mới, như của *Hợp Lưu*.

Nếu có ý nghĩ nào sau cùng người điểm sách muốn nêu ra là ban lựa bài của *Hợp Lưu* nên xét lại cách lựa bài sao cho vui hơn, nhiều tiếng cười, nhiều hạnh phúc hơn. Những người viết trong nội địa thì chẳng nói làm gì, cuộc sống của họ đã khốn khó, cuộc chiến đấu cho một tương lai tươi sáng hơn còn đầy khó khăn, họ muốn viết vui cũng chẳng được. Nhưng còn chúng ta, ở hải ngoại, cuộc sống không ồn ào sinh động, đầy tự do và niềm vui hay sao?

Nên nghĩ tới nhà văn lớp trước Mai Thảo, dù là lớp trước tuổi cao mà trên tờ *Văn* còn có những bài hào hứng. Thí dụ như số gần đây đăng một

truyện tả ba phụ nữ tụ họp nhau trong đêm Hoa kỳ, nữ chủ xách một chai cognac ra mời chị một ly tôi một ly, tới sáng cạn sạch chai để cùng bàn về một đề tài "cái giống đàn ông có biết yêu không đây?"...

VĂN CHƯƠNG TẢI TÌNH TẠI HẢI NGOẠI

Trong những năm đầu của cuộc sống tị nạn tại nước ngoài, những tiêu chuẩn về văn hóa văn học được đưa ra thường là những tiêu chuẩn của chính quyền Việt Nam Cộng hòa cũ. Hai nét chính của tiêu chuẩn này là:

– Phải có tính chống Cộng.

– Không được viết truyện dâm ô đồi trụy.

Hai tiêu chuẩn này cũng là những tiêu chuẩn mà đảng Cộng sản Việt Nam cương quyết áp đặt từ nhiều thập niên ở miền Bắc rồi miền Nam của Việt Nam, nếu chúng ta thay những chữ "*tính chống Cộng*" bằng "*tính đảng*".

Nhưng dù là văn chương chống Cộng hay văn chương có tính đảng, tính giai cấp công nông, thì cũng đều là những nền văn chương "tải đạo" của các cụ Nho học thời xưa của chúng ta. Nguyễn Công Trứ đã miêu tả khá thích đáng thứ văn chương tải đạo này trong câu thơ "*Cầm chính đạo để tịch tà cự bí*", sau này bổ túc thêm bằng câu thơ trứ danh không kém của cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu "*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẩm*".

Nhưng cứ phải lo cho đạo, để đạo ám ảnh hoài (dù đạo Nho, đạo Phật, đạo Thiên Chúa, hay đạo Mác-Mao, đạo chống Cộng) thì cuộc đời mất hết sinh thú. Bởi thế xưa cũng như nay, các nhà văn thơ Việt Nam phải tìm cách phá mà ra, làm văn chương tải tình (đặc biệt là tình dục) với sự ủng hộ thường là nồng nhiệt của quần chúng độc giả. Tại hải ngoại, những nhà văn đi tiên phong trong chiều hướng văn học này là Kiệt Tấn, Đỗ Kh., Khánh Trường. Tăng cường thêm bởi những Vũ Huy Quang (*Mười truyện tân liêu trai*, bản dịch *Nhục bồ đoàn*), v.v...

KIỆT TẤN qua NỤ CƯỜI TRE TRÚC và NGHỆ MƯA

Nụ Cười Tre Trúc, *tập truyện của Kiệt Tấn do Văn Nghệ xuất bản, California, 1987, 262 trang, bìa chữ, bạt của Nguyễn Mộng Giác, giá đề 11*

Mỹ kim. Địa chỉ phát hành: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.

Nghe Mưa, *tập truyện của Kiệt Tấn do Xuân Thu xuất bản, California, USA. Tranh bìa của Thái Tuấn, 300 trang, giá đề 10 Mỹ kim. Địa chỉ phát hành: Xuân Thu, P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720, USA.*

Kiệt Tấn bắt đầu được độc giả biết tới và ưa thích với cuốn *Nụ Cười Tre Trúc* do nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1987. Tại lời bạt nằm ở phần chót cuốn sách, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã nhận xét chính xác và đầy đủ về văn chương Kiệt Tấn như sau:

"*Anh lần lượt viết lại những cuộc tình Á Âu lẫn những mối tình đầu của đời anh, truyện nào cũng thơ mộng tuyệt vời và nhục cảm ngùn ngụt. Anh viết bạo, viết hết tất cả sắc diện của tình yêu, anh đi suốt những gì mà những người viết khác chỉ dám đi một nửa. Nhờ thế, nhiều truyện tình của Kiệt Tấn có cái chất sống cuồng nhiệt của tác phẩm D.H. Lawrence... những tham lam cuống quít và những 'hơi thở rướn cong*'" (trang 260).

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác là một nhà giáo nghiêm túc, đến độ bạn bè trong văn giới thường gọi đùa anh là Đồ Giác (hiểu ngầm là không kém gì cụ Đồ Chiểu), bởi thế anh chỉ nói tới D.H. Lawrence và "hơi thở rướn cong" (mà từ ngữ nghe gay cấn này lại mượn của nhà văn nữ Túy Hồng) để diễn tả văn phong Kiệt Tấn.

Trên thực tế, lối viết của Kiệt Tấn chưa tới mức miêu tả tình dục kỹ càng đủ ba hồi như nhà văn Anh D.H. Lawrence trong tác phẩm nổi danh *Lady Chatterly's Lover*, hay nhà văn Mỹ Henry Miller trong các cuốn *Tropic of Cancer* và *Tropic of Capricorn* làm cho cuốn phim *Henry and June* quay về cuộc đời nhà văn này bị xếp loại NC-17 ở Hoa kỳ). Nhưng anh đã băng qua mức miêu tả của các nhà văn Thế Uyên, Dương Nghiễm Mậu và Túy Hồng.

Nhưng băng qua một cách vui vẻ và trong đam mê. Trước hết, người nữ trong văn chương Kiệt Tấn xuất hiện một cách cụ thể và đầy đủ cơ phận của một người nữ. Một nhân vật nữ vừa xuất hiện là Kiệt Tấn cho độc giả biết liền cô ta có bộ ngực to hay nhỏ, loại sọ dừa hay còn chũm cau. Chưa hết anh còn đặt cho phần thầm kín của người nữ một cái tên gọi rất văn chương là "đóa hoa thầm kín", để đôi lúc anh có tả nhân vật trong truyện gục đầu vào thưởng thức mật ngọt trần gian của các đóa hoa thầm kín ấy,

độc giả thuộc loại đạo đức thật (và đạo đức giả) cũng đỡ nhăn nhó than phiền.

Nhưng truyện của Kiệt Tấn, từ *Nụ Cười Tre Trúc* đến 12 truyện ngắn trong *Nghe Mưa*, không hề là dâm thư. Anh chỉ tả tình yêu một cách trọn vẹn, đủ hai khía cạnh tình cảm và xác thịt. Vậy thôi. Đã thế, do lối trích dẫn thật nhiều thơ tình, từ thơ tình tiền chiến đến thơ tình hiện nay, cài nhẹ nhàng khéo léo vào câu văn, Kiệt Tấn đã mang lại cho các tác phẩm của mình một thi vị độc đáo, độc đáo vì không giống ai đi trước mình.

Đọc những truyện của Kiệt Tấn người đọc còn có một thú vị khác nữa là được đi vào cuộc sống của lớp trẻ hải ngoại. Cuộc sống ở nước ngoài có là lưu vong, có là sầu vong quốc, có là di tản buồn, tị nạn sầu bi chăng, thì những điều đó chỉ đúng cho những người bảo thủ (về cả văn hóa lẫn chính trị) hay những người già mà thôi. Còn tuổi trẻ thực sự thì ở đâu chẳng vậy. Ta lớn lên ở đâu thì học ở đó, yêu đương ở đó, và "ở đó" là quê hương – dù là quê hương mới hay quê hương thứ hai.

Xét chung Kiệt Tấn đã là một nhà văn "thành danh" ở hải ngoại, tài năng của anh, sự quyến rũ của những bài anh viết khó có thể chối cãi. Nhưng Kiệt Tấn cũng nên có dè dặt xét lại lối viết của mình. Cứ truyện chàng và nàng, *she said he said*, hoài hoài rất có thể sẽ đưa đến một nhàm chán nào đó trong tương lai. Đến lúc đó, dám nhà văn này sẽ phải chọn một trong hai giải pháp; Một là bắt chước Võ Phiến đem chẻ sợi tóc làm tư rồi chẻ làm tám, hai là đổi nếp sống để có thêm chất liệu mới cho văn chương mình.

THƠ ĐỖ KH.

Thơ Đỗ Kh. *của Đỗ Kh. do Tân Thư xuất bản, California, USA, 1989, 94 trang, tranh bìa Khánh Trường, giá đề US&7.00. Địa chỉ phát hành: Tân Thư, 13081 Hope St., Garden Grove, CA 92643, USA.*

Ở hải ngoại sau 1975, Đỗ Kh. là một trong những nhà văn nhà thơ đi tiên phong trong việc đánh đổ bức tường thành của *ghetto* văn hóa. Một trong những bức tường của cái *ghetto* văn hóa là phải viết văn chương lành mạnh. Nếu nói theo ngôn ngữ điện ảnh của Hoa kỳ, thì phải viết văn theo tiêu chuẩn G (*General audience*: già trẻ lớn bé nam phụ lão ấu đều đọc

được cả) hay tối thiểu cũng chỉ là PG-13. Đỗ Kh. không những đã bất chấp những tiêu chuẩn luân lý chỉ phù hợp với thời sinh tiền của cụ Nguyễn Đình Chiểu ấy, mà anh còn đi xa hơn trong mọi địa hạt.

Thí dụ như địa hạt chọn lựa đề tài khi làm thơ. Không những anh đã chê những đề tài kiểu "di tản buồn", "tình hoài hương", "tâm tình lưu vong", "xa quê hương nhớ mẹ hiền", hay "phục quốc trong mơ", mà còn táo bạo hơn nữa là đưa vào thơ những đề tài hình ảnh trần tục thường ngày. Các nàng thơ của Đỗ Kh. không còn giống một chút nào các nàng thơ cổ điển tóc dài buông thả vạt áo lụa đong đưa ngồi thổi sáo bên bờ suối nữa, mà là những "Em nhẩy trên giường", "Em đi vớ lưới đen"... với những hình ảnh đại loại như sau:

Em lỡn cỡn hai chân nhún nhảy
Em vung vẩy xòe hai bàn tay
Em hổ hấp đầu ngực phập phồng
Em chân mày rậm em nhiều lông
Mông
Như hai quả soài tượng
Nhớ em tôi nhớ cũng nhiều
Sáng không nhớ đủ đến chiều nhớ thêm

(Tôi cần em bên mình tôi không cần xa, trang 56-58).

hoặc:

Nhưng mà em như là một bóng đèn đóng hộp
Khui nắp ra chợt thấy ánh sáng đủ mầu
Nhưng mà em như một mặt trời bánh phồng
Thấy vào dầu đang sôi nở ra thật mau

(Thật ra chẳng có gì đáng sợ, trang 22).

Rồi đến những đề tài về tình yêu. Tình yêu trong thơ Đỗ Kh. dĩ nhiên không là thứ tình yêu quen thuộc diễn tả bởi các Xuân Diệu, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư dầy lãng mạn quẩn quanh với tóc và môi, và cũng không phải là thứ tình yêu quằn quại siêu hình và dầy đặc chiến tranh của thời kỳ 1960-1975. Tình yêu kiểu Đỗ Kh. là tình yêu của trai gái Việt Nam tại hải ngoại, nếu mượn tạm từ ngữ cũ thì có thể gọi là "tình yêu bây giờ", "tình yêu hôm nay", tình yêu *made in USA, in France, in* nọ *in* kia.

Tình yêu ấy được diễn tả như sau:

Tình yêu ấy được diễn tả như sau:

Tôi phải nhìn em trực diện
Lúc không có ai chứng kiến
Tôi phải nhìn em nằm ngửa
Lúc không có ai chụp hình
Tôi phải nhìn em nằm ngược
Tôi phải nhìn em bằng được
Tôi phải nhìn em từ dưới lên
Bụng em chắn lối hai đùi em làm khung
...
Tôi phải nhìn em từ trên xuống
Ngực em làm mốc hai tay em đóng cọc
Tôi phải nhìn em trần truồng
Không mặc gì hết
Khi cặp môi em mấp máy không ra tiếng
Gọi tôi căng từng thớ thịt trên người
Khi ngón tay tôi trong em tìm kiếm
Khi ngón chân em cho tôi ngậm miệng
...
Tôi phải nhìn em bằng mùi vị
Bằng ẩm ướt tinh trùng
Bằng tế bào hoan lạc
Bằng sợi gân nhớn nhác

"Nhìn nàng" gì mà nhìn dữ dội vậy? Đến cuối bài thơ này, Đỗ Kh. có cắt nghĩa tại sao như sau:

Tôi bắt buộc phải nhìn em bằng thịt da
Tôi phải nhìn em bằng thể xác bởi vì
Tôi nhìn em trên hình tôi không nhận ra...

(Tôi nhìn em trên hình tôi không nhận ra, trang 46-50).

Làm thơ yêu em mà làm như trên dĩ nhiên không phải chỉ có các hậu duệ của Nguyễn Đình Chiểu nhăn nhó, mà chắc hẳn còn làm các nhà chùa, nhà thờ buồn bực. Chắc Đỗ Kh. cũng đoán biết thế nên anh đã làm thêm hai bài thơ ngắn nữa, như thế này:

Bẩy ngày Chúa cũng nhức đầu
Yêu em tôi chẳng chịu đau trọn đời
Bẩy ngày chúa cũng chán rồi
Có em nào chịu nổi tôi trọn tuần.
(Chúa nhật, trang 80).
Thích Ca dưới gốc bề đề
Năm mươi ngày lẻ bốn bề hào quang
Cây si dưới gốc tôi quàng Bao nhiêu mới đủ mơ màng đắc em.
(Đạo, trang 81).

Vấn đề đặt ra là: Chúng ta có nên nhăn nhó trước hiện tượng thơ kiểu Đỗ Kh. này chăng? Câu giải đáp có thể tìm thấy nếu chúng ta đặt một câu hỏi khác như sau: Lớp trẻ hải ngoại có sống trong bầu không khí và trên lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa hay không?

Nếu câu trả lời là "không", thì nên chấp nhận thơ Đỗ Kh.

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG của KHÁNH TRƯỜNG

Chỗ tiếp giáp với cánh đồng, *tập truyện của Khánh Trường, Tân Thư & Thời Văn xuất bản, sách dày 298 trang, tranh bìa và phụ bản của tác giả, giá bán 14 Mỹ kim. Địa chỉ phát hành: Tân Thư & Thời Văn, 9315 Bolsa Ave., Ste. 111, Westminster, CA 92683, USA.*

Xét về tuổi tác, Khánh Trường trở thành nhà văn rất trễ. Trước 1975, anh đi lính dù, đã chiến đấu tận tình, đã ở lại và đi cải tạo cùng đồng đội, rồi sau cùng mới vượt biên tới Hoa kỳ. Chỉ tới chặng này của cuộc đời, Khánh Trường mới thực sự vẽ và viết.

Trong địa hạt hội họa cũng như văn học, Khánh Trường như một con bò mộng húc thẳng về những hàng rào cấm cản của *ghetto* văn hóa hải ngoại. Cuộc triển lãm tranh đầu tiên của anh ở Santa Ana đã gây sốc nặng cho bà con: toàn bộ tranh triển lãm đều lấy đề tài từ người nữ khỏa thân và người nữ khi ân ái.

Về loại đề tài này thì ngay từ thời Phục Hưng, các họa sĩ nổi danh của Âu châu đã vẽ rất nhiều, nhưng với Khánh Trường, anh chọn lối ánh sáng, không phải từ trên xuống như mọi trường phái cổ điển, mà tỏa ra từ những phần thầm kín trên thân thể người nữ. Bởi vì đó là ba điểm nam châm ánh

sáng thu nhận cái nhìn của người khác, hiện diện chói sáng do cái nhìn của nam nhân.

Về địa hạt văn học, anh cũng có cùng thái độ. Tập truyện đầu tay, *Có yêu em không?* xuất bản năm 1990, đã gây chú ý và tán thưởng của độc giả – và gây sốc cho nhiều người đạo đức giả cũng như đạo đức thật tại hải ngoại. Trong tập truyện mới nhất, *Chỗ tiếp giáp với cánh đồng*, Khánh Trường đã làm chủ ngòi bút hơn. Những cảnh làm tình (hay cưỡng hiếp) được miêu tả quân bình hơn, nghĩa là bao gồm cả phần tâm cảm lẫn phần xúc cảm của thân xác. Thí dụ như truyện *Chỗ tiếp giáp với cánh đồng*, Khánh Trường đã dùng thật nhiều trang để miêu tả cô gái tật nguyền vào tuổi dậy thì như thế nào, đã ghi nhận sự thèm muốn lẫn nhau của nam nữ ra sao, trước khi cô lôi kéo người cha dượng vào chuyện làm tình với cô. Trước 1975, trên tờ *Sáng Tạo*, họa sĩ Duy Thanh (nếu người điểm sách nhớ sai, xin độc giả đính chính giùm) cũng có viết một truyện khá hay về cô gái tật nguyền ăn mày dĩ dáy đã có bầu như thế nào. Nhưng so hai truyện, lối viết của Khánh Trường nhân bản hơn, gián tiếp nhắc nhở là dù tật nguyền hay không, một người nam hay nữ vẫn có những nhu cầu tình dục cần được thỏa mãn.

Đọc Khánh Trường cũng có một thú vị khác. Đó là về không gian và hành động. Trước 1975, đa số nhà văn sống trong thành phố an bình nên đề tài của họ chỉ quanh quẩn với những cột đèn, vỉa hè, ngõ hẻm, phòng trà và những cuộc tình giữa một chàng và một nàng. Văn chương có không gian bát ngát và hành động mạnh chỉ thấy trong tác phẩm của một số nhà văn hiếm hoi như Thế Uyên, Nguyên Vũ, Duy Lam, Phan Nhật Nam. Bây giờ ở hải ngoại cũng có hiện tượng tương tự: văn chương hải ngoại đa số vẫn chung nhau tính cách thành thị an bình ấy. Bởi thế đọc Khánh Trường, độc giả có cái thú vị về không gian rộng và hành động mạnh mẽ.. Truyện ngắn *Biến cố trong rừng tràm* tả lại một cuộc vượt biên thất bại, với đám người chạy lạc vào rừng tràm đói đến độ phải giết trẻ con để ăn thịt – không biết chuyện đó có thực sự xảy ra trên thực tế ở Việt Nam không, nhưng trên biển Thái Bình thì đã xảy ra rồi: cách đây chưa lâu báo chí có đăng tải chính quyền Phi luật tân tống giam một số người vượt biên vì tội đã giết và ăn thịt người cùng thuyền trên vùng biển quốc tế.

Truyện *Bí mật của rừng già* cũng lạ lùng nhưng hợp lý. Truyện xoay

quanh những người vượt biên đường bộ, băng qua Cao miên để đến Thái lan. Cảnh cưỡng hiếp tàn bạo, đầy tính *sadistic* xảy ra ở vùng đất này, không ai không biết. Khánh Trường tuy vậy có cái nhìn lạc quan (điều ít thấy ở văn chương anh) khi để người nữ bị cưỡng ép làm vợ viên chỉ huy kháng chiến người Miên, sau khi đã sinh con, đã xoay sang cảm tình với kẻ đã cưỡng hiếp mình. Để rồi sau khi đã tới lập nghiệp thành công ở Hoa kỳ, bà ta quyết định trở về thăm Việt Nam rồi từ đó sang Miên tìm kiếm kẻ đã cưỡng hiếp mình và đứa con gái của mình.

Nhưng truyện hay nhất của Khánh Trường lần này là *Thảm cỏ nát trong khu vườn hoang*. Đứa nhỏ trong truyện chứng kiến ở khu vườn hoang cảnh mẹ nó làm tình với một chú hờ thuộc loại *playboy*, đã lên tiếng tố cáo chuyện này làm gia đình đương sự tan nát: bà mẹ bị chồng đánh tàn nhẫn đến chết, hai năm sau ông bố uống rượu say, vô tình hay tự ý, đã chết đuối. Và đương sự thì sau bao nhiêu năm, ở miền đất phía Nam của Hoa kỳ, nhớ lại chuyện cũ, dù tuổi đã cao, cũng chẳng biết ai là người có lỗi. Chẳng qua là thêm một thảm kịch nữa.

Dùng chữ thảm kịch thật đúng để nói chung về văn chương Khánh Trường. Tất cả những điều anh viết, dù về những chủ đề và không gian khác nhau, đều chung tính cách thảm kịch của chúng. Nhưng cuộc sống của con người có phải chỉ thuần là những chuỗi thảm kịch lớn nhỏ kế tiếp nhau không? □

Chính trị?
đọc NHÂN VĂN

P.O. Box 53658 San Jose, CA 95153, USA

Văn chương?
đọc VĂN HỌC

P.O. Box 3192 Tustin, CA 92680, USA

NGUYỄN ĐỨC LẬP

mảnh vụn một đời

*

CHƯƠNG I

• Chuyện của bà Năm Nhăn và thím Bảy Ớt

Trời còn sớm bưng. Chợ chồm hổm mới có kẻ bán chớ chưa có người mua. Vừa mới hào hển đặt gióng gánh xuống, chưa kịp thở một hơi dài cho khoan khoái, thím Bảy Ớt đã nghe bà Năm Nhăn giựt ngược:

– Ê, Bảy...

Quay qua, ngó ngang, thím Bảy Ớt bắt gặp bộ mặt hết sức quan trọng và cặp mắt háo hức của bà Năm. Thím định mở miệng chào một tiếng cho phải đạo, nhưng đã bị bà Năm chận ngang. Giọng bà đầy vẻ bí mật, trong khi mặt bà hất lên một cách song tàn:

– Mầy biết tin gì chưa?

Bà Năm Nhăn là vậy, chuyện gì đã lọt tới tai, mà bà thấy cần phải "truyền rao" cho người khác, dù là nhỏ như chuyện thằng Tửng, con của chệt Kỵ, bán bánh bò, đầu chá quẩy trong chợ, nghịch ngợm trèo me, trèo điều sao đó, bị té phun máu óc sao đó, hay là lớn như chuyện chuyến xe đò Huỳnh Mai, chạy đường Phước Hải - Sàigòn, trễ nải việc đóng thuế đóng má, bị "mấy ổng" núp trong lùm, xả súng bắn cho tan hoang, chết hết mười mấy mạng, gần ngã ba Xuyên Mộc, bà cũng đều làm ra vẻ quan trọng như nhau.

Biết tánh bà Năm Nhăn quá mức, thím Bảy Ớt vẫn dớn dác:

– Tin gì vậy, dì Năm?

Chưa chi mà thím Bảy Ớt đã bị rầy oan mạng:

– Chuyện bằng trời như vậy mà mầy hổng biết cái gì hết ráo. Thiệt, con nầy là cái thứ ăn ở hổng có tình có nghĩa, hổng biết làng trên xóm dưới, ai còn ai mất gì hết. Dám có bữa tao chết thẳng cẳng, cái xác đã sình thúi, ruồi bu kiến đậu rồi, mầy cũng không hay...

Tuy vô cớ mà phải bị nghe cự nự, thím Bảy Ớt vẫn không giận. Thím còn cười lớn, nhe răng nhe lợi đỏ chạch nước cốt trầu:

– Nói gì mà quá vậy, bà nội? Cái xác cọp ăn ba ngày hổng hết của bà mà ngã xuống một cái, mười làng tám tổng cũng phải giựt mình, làm sao mà tui hổng biết cho đặng.

Thím hạ giọng buồn buồn:

– Thiệt ra, đâu có phải tui vô tình. Tối ngày tui ở riết trong rẫy, phải lúc thúc lo ba cái cây trái, rau cỏ trong vườn, rồi còn gà, vịt, heo cúi nữa chi, một tuần mới quảy gánh ra chợ một lần, chuyện thiên hạ làm sao tui biết hết cho đặng.

Bà năm Nhăn gật gù, làm như chấp nhận luận điệu phân trần của thím Bảy Ớt là hữu lý. Cái mặt no tròn như dĩa xôi đơm đầy của bà càng tăng thêm vẻ quan trọng. Giọng bà trở nên nhỏ rức:

– Chú Ba Xe Ngựa chết rồi, chôn hồi sáng hôm qua.

Thím Bảy Ớt kinh ngạc thiệt tình, kêu lên chát chúa:

– Thiệt vậy sao?

Không đợi cho bà Năm kịp trả lời, thím phân vân liền:

– Hổng lẽ như vậy... Mới tuần trước, đi ngang qua trước mặt tui, chú còn mạnh sân sẩn, có thấy đau yếu bịnh hoạn gì đâu nà. Chú bị làm sao mà chết?

Bà Năm Nhăn kéo giọng dài nhằng:

– Đừng có nói là tuần trước. Mới sáng hôm trước đây nè, chú còn ghé mua của tao hai đồng chao chùa đây nè. Vậy mà hôm sau chú đã chết nhăn răng. Chú còn nói chao chùa của tao làm, tuy thấy xấu mặt, nhưng ngon hơn chao vịm, chao hũ của các chú nhiều lắm. Chú nói ăn lần một là muốn ăn lần hai, ăn thét rồi muốn ghiền luôn. Mà, có phải chú ăn chao của tao lần một lần hai đâu, Bảy. Chú ăn chay trường ba, bốn chục năm nay

rồi, mà tao cũng bán cho chú ba, bốn chục năm rồi. Nói thiệt với mầy nghen, Bảy. Tao mà đã ra tay làm chao thì đừng hòng có ai qua mặt nổi.

Thím Bảy Ớt lắc đầu quầy quậy, ngán ngẩm:

– Sao kỳ vậy, bà nội? Sao đang nói chuyện chú Ba Xe Ngựa bị chết, bà nội lại đâm hơi vô ba cái chuyện làm chao, làm tương? Tương, chao gì ở trỏng?

Bà Năm Nhăn coi bộ bị cụt hứng, giọng bà quạu đeo:

– Cái con nầy, lanh chanh vừa vừa thôi chớ. Nói thì phải có đầu, có đuôi, có khúc nầy, có khúc kia chớ. Hổng lẽ, mầy hỏi tắt ngang một câu, rồi tao trả lời tắt ngang một tiếng cho mầy nghe. Như vậy, hết chuyện tức thì sao? Như vậy, làm sao mà vui?

Thím Bảy Ớt càng ngán ngẩm hơn:

– Bà nội ơi là bà nội, thiệt tui chạy mặt bà luôn. Ai đời, chuyện người ta chết mà bà làm như chuyện mần tuồng, hát bội, nói ra để cầu vui. Làm như vậy, coi bộ hổng nên...

Bà Năm Nhăn cười hí hí:

– Bữa nay, bà nhập hay sao mà miệng lưỡi mầy coi bộ đạo nghĩa dữ vậy, Bảy? Nói thiệt cho mầy nghe nghen, chết là chú Ba Xe Ngựa chết. Còn, tao với mầy đây hả? Tao phải rán ngồi cho hết buổi chợ, kiếm năm, bảy đồng, đặng độ cái thân già. Còn mầy, cũng phải trông bán cho mau, rồi lo mua quơ quào ba mớ, để rồi còn về mà lo cơm lo nước cho chồng cho con. Nếu vì chuyện chú Ba chết, mà tao với mầy ngồi giơ hai cái bản mặt đưa đám ra, bữa nay, công chuyện bán buôn kể như tàn mạt...

Nói thì nói vậy, nhưng miệng lưỡi của bà Năm Nhăn bỗng ngậm ngùi ngang:

– Ai cũng chết một lần mà, mầy. Bữa nay, chú Ba chết, nhưng mai mốt rồi cũng tới tao, tới mầy. Mình đâu có thấy người ta chết mà mình cười được... Nhưng, gẫm cho cùng mà nghe, chú Ba chết cũng khỏe cho thân chú thôi. Cuộc đời của chú cũng đâu có cái gì hay. "*Vợ con không có, mèo chó cũng không*", sống lủi thủi cui cút một mình, trái gió trở trời cũng không ai cạo gió, giác hơi, mà tối lửa tắt đèn, cũng không ai đỡ tay đỡ chưn. Hồi nào mạnh khỏe thì không sao, còn có thể day trở được. Bây giờ, già rồi, sống buồn, sống khổ như vậy, sống nữa mà chi...

Lỗ tai dỏng lên mà nghe, nhưng thím Bảy Ớt đâu có ngồi không. Thím lẹ tay trải một tấm ny lông cũ mèm ra trước mặt, rồi soạn sành, sắp xếp hàng họ.

Thím Bảy Ớt không phải là một người sống chuyên nghiệp bằng nghề buôn bán. Nguồn lợi nuôi sống chồng vợ, con cái nhà thím là năm sào vườn và hai mẫu đất rẫy. Lâu lâu, một tuần lễ hay mươi bữa, nửa tháng, thím mới ra chợ một lần, để mua thức ăn như khô, mắm, tép bạc, cá vụn, và cà phê, thuốc rê. Tiện thể, coi có cái gì bán được, trái bầu, trái mướp, mươi cọng bạc hà, vài bó bò ngót, mồng tơi, một, hai chục hột gà, hột vịt hay trái mít, quày chuối, thím chất hết vô hai cái thúng, quẩy ra chợ.

Bà Năm Nhăn thì khác. Bà ngồi ở chợ mỗi ngày. Thiệt khó xếp bà vô trong bất cứ một loại tiểu thương nào. Bà bán tương, bán chao, bán tàu hũ, mì căn. Món nào cũng do tự tay bà làm lấy. Đó, như bà nói đó, một khi bà đã ra tay làm, khó có ai qua mặt nổi. Bà còn bán giấy tiền, vàng bạc, trầu cau, vôi trắng, vôi đỏ và vỏ giấy. Tánh bà hịch hạc, thích nói chuyện cầu vui, nhưng, đừng thấy vậy mà tưởng bà hiền. Mỗi lần có ai động mồ động mả ngửa miệng chọc bà, khiến cho bà nổi cơn tam bành lên, bà sẵn sàng bỏ cả buổi chợ, vừa xăn quần, vừa vỗ mông bồm bộp, lôi hết ông bà ông vải, tông môn từ đường nội ngoại của người ta ra, mời ăn tam thứ thập vật, món nào nghe qua cũng bắt nổi da gà. Được một cái, tuy miệng lưỡi độc địa, nhưng lòng dạ của bà không có ác. Ai rủi gặp chuyện gì không may, kêu tới bà, dù có bận việc gì quan hệ tới đâu chăng nữa, bà cũng xăng xái chạy lại liền.

Thím Bảy Ớt chép miệng than:

– Thiệt là bậy bạ. Chớ chi mà tui hay được, tui cũng rán chạy ra để đưa chú một lần cho trọn tình trọn nghĩa. Chú sống đã cui cút như vậy, tới khi nằm xuống, không mấy người đưa, nghĩ cũng thảm thiết lắm chớ.

Bà Năm Nhăn nghinh mặt lên:

– Mầy đừng nghĩ vậy mà lầm. Đám ma của chú Ba lớn nhứt làng nầy từ trước tới giờ. Cả làng tụ lại đông đủ chỉ thiếu có vợ chồng mầy... Với lại thằng cha Sáu Ngát... với lại con mẹ...

Bà Năm "với lại... với lại..." một hơi. Thím Bảy Ớt nghe tới đâu, thở

phào nhẹ nhõm tới đó. Bởi vì, vắng mặt tại đám ma đâu phải chỉ có vợ chồng thím, mà còn cả một dọc dài "với lại...".

Giọng bà Năm trở nên háo hức:

– Tao chỉ mong, tới khi tao chết rồi, đám ma được một nửa như vậy, tao cũng mừng... Chèn ơi, Nhưng Sành với Bảy Môn ra tay cất đám thì đâu có dở, mầy. Mấy chục năm mới được coi lại một lần, thiệt là mãn nhãn.

Bà Năm Nhăn như muốn gạy mọt:

– Ê, Bảy, tới chừng tao chết, mầy chịu khó lội ra, bàn với mấy đứa con của tao, rước Bảy Môn với thằng cha Nhưng Sành tới lo hậu sự cho tao, cho được ấm đám. Kệ nó, thằng cha Nhưng Sành trật trìa, trật búa, trật sên, trật bàn đạp mặc dầu, nhưng cái nghề của thằng chả mình phải nhờ tới.

Bà còn nói thêm:

– Miệng lưỡi của mầy, coi vậy, chớ lợi hại vô cùng. Mầy mà múa lưỡi Tô Tần, chắc chắn là đám con tao phải nghe. Thím Bảy Ớt cười ré lên:

– Bà nội nầy thiệt là cắc cớ. Bà còn mạnh cùi cụi tới chừng nào mới chịu chết. Tới hồi bà chết, chắc gì Bảy Môn với Nhưng Sành còn sống. Hai thằng chả đã già cúp bình thiếc hết rồi, cũng mấp mé miệng lỗ hết rồi. Hổng chừng, tới chừng hai thằng chả theo ông bà, bà còn phải đi đưa, ở đó mà kêu hai thằng chả đứng ra cất đám cho bà.

Bà Năm Nhăn nói xuôi xị:

– Thì tao dặn hờ làm vậy.

Tự nhiên, bà giở giọng "triết lý":

– Nói cho cùng mà nghe. Cái chuyện chết sống, làm sao mình dám nói trước được. Có nhiều cái quân trời đánh thánh đâm, mới thấy mặt, mình đã rùng mình, nổi da gà, mong cho nó chết cha nó cho rồi, cho thiên hạ đặng bình yên. Vậy mà nó sống hoài, như cây đa cây cầy. Còn có nhiều người hiền lành tử tế hết sức, sống lâu chừng nào, thiên hạ đặng nhờ chừng đó thì lại chết non chết yểu, chết tức chết tối, chết không kịp trối. Cái câu mà thiên hạ thường bàn bạc, mà tao nhớ đời *"những thằng đáng chết sao không chết, lại chết chi thằng đáng sống lâu"* (1), nghe qua thiệt là hữu lý.

Giọng bà Năm Nhăn càng nói càng ngậm ngùi, trong khi bộ mặt thím Bảy Ớt, càng nghe càng ngẩn ngơ. Miếng trầu trong miệng thím cũng

không buồn nhai. Thím Bảy Ớt là vậy, khi vui thì nói bô lô ba la, cười tích toác, khi buồn thì ỉu xìu như bánh bò mắc mưa, như bánh tráng nhúng nước.

Bà Năm Nhăn vẫn chưa thôi:

– Ở cái tuổi của tao, tuy già thì cũng chưa phải là già, nhưng, có ai dám bảo đảm là tao sẽ sống lâu hơn Bảy Môn với Nhưng Sành? Với lại, thời buổi nầy mà, đạn "cà nông" bay trên đầu mỗi ngày, đi láng cháng thì mìn gài dưới đất. Ai biết được phước đức của ông bà để lại nó lớn tới đâu? Trời kêu hồi nào thì dạ hồi nấy chớ làm sao bụm miệng làm thinh cho được. Thêm một nỗi, ban ngày thì lính Quốc gia hành quân, ban đêm thì mấy ổng mò ra tuyên truyền thâu thuế. Nội hồi hộp, giựt mình không cũng đủ giảm thọ, chớ đâu phải đợi tới Ngọc Hoàng giũ sổ. Như thằng Quới, con Hai Hóa đó, nó chăn bò chớ nó có phá làng phá xóm gì đâu, chăn bò mà nó không lùa vô trong rừng trong trảng thì nó lùa đi đâu. Vậy mà sao "mấy ổng" buộc nó vô cái tội do thám, lôi nó ra mà cắt cổ...

Mặt thím Bảy Ớt xanh chành ngó thấy. Hai mắt thím dáo dác liếc dọc liếc xuôi. Giọng thím cứng lại nhưng nhỏ rức:

– Sao khi không đang nói chuyện nhơn tình, bà lại "diễn thuyết" chuyện chánh trị vậy, bà nội? Bộ bà muốn Nhưng Sành với Bảy Môn cất đám cho bà thiệt hả? Bộ bà hổng muốn sống lâu với con với cháu hả? Chuyện chánh trị đâu phải tới phiên mình bàn.

Nói thì nói vậy, nhưng thím lại buột miệng than:

– Thời nầy, muốn sống, cũng phải khổ trần thân. Nuôi được hai con heo, thức khuya dậy sớm, xắt chuối nấu cám, tối mày tối mặt, tới chừng bán được, "mấy ổng" ra thâu thuế, mất ngót nghét hết một con, phải nghiến răng móc túi đưa ra răn rắt, chớ kêu được với ai? Bầy gà nuôi được, mới trộng trộng một chút, mấy ông Nghĩa quân vô "xin khéo" vài con, cũng phải bấm bụng bấm dạ bắt đưa cho mấy ổng, chớ hổng lẽ đội đơn kiện lên tới tòa Áo Đỏ. Cái cảnh trên đe dưới búa mà. Mà rồi, còn nữa chớ đâu đã hết, lính Quốc gia mà biết mình đóng thuế cho "mấy ổng" thì dễ gì mình được để yên. Còn "mấy ổng" mà nghe mình tiếp tế cho mấy ông Nghĩa quân ngoài đồn, thì coi bộ mình khó sống... Muốn khỏi chết thì phải ngậm miệng làm thinh. Nói nhiều đâu tránh khỏi điều bất tiện...

Bà Năm Nhăn chép miệng:

– Ứ hự!

Rồi, tới phiên bà cự nự thím Bảy Ớt:

– Mầy cằn nhằn tao sao có nói chuyện chánh trị, nhưng miệng lưỡi mầy có vừa või gì đâu. Mầy bàn còn quá cha tao...

Thím Bảy Ớt chận ngang:

– Tại dì nói, tui mới nói... Chớ có ai cạy miệng biểu nói, tui cũng làm thinh.

Bà Năm Nhăn như biểu đồng tình:

– Ừ, mấy chuyện đó nói cho đã miệng, lợi đâu không thấy, mà hại thì thấy trước mắt rồi.

Giọng bà chán nản ngang:

– Bị ba cái chuyện chết sống, khiến tao phải nói sang đàng... Lẽ ra, chỉ nên bàn chuyện chú Ba Xe Ngựa thôi...

Thấy bà Năm Nhăn chịu quay về điều mà mình đang ấm ức trong bụng, thím Bảy Ớt hăng hái:

– Ừ, mình đang bàn chuyện chú Ba Xe Ngựa mà. Nãy giờ, vòng vo Tam Quốc cả đỗi, mà dì vẫn chưa nói cho tui hay tại làm sao mà chú Ba lại bị chết cấp kỳ như vậy. Bịnh hoạn, không. Tai bay họa gởi, cũng không. Cớ gì mà chết?

Bà Năm Nhăn đăm chiêu thấy rõ. Đôi mắt bà nheo lại, ngó mông lung. Chợ đã bắt đầu đông mà bà không để ý. Ai ứng tiếng chào bà, bà đáp lại một cách lơ mơ. Ai sà vô, mua một món gì đó, bà bán cho mau. Thím Bảy Ớt cũng vậy. Miệng nói, tay đưa hàng, nhưng chỉ trông cho vắng khách để thím được nói chuyện với bà Năm cho thỏa mãn...

Bà Năm Nhăn như muốn "triết lý" nữa, khi bà bắt đầu nhập đề:

– Ông bà mình có nói "*sống là gởi, thác là về*", thiệt cái chết của chú Ba Xe Ngựa cũng tỉ như sự đi về. Nhiều người, ham sống sợ chết, nên mới nghĩ sơ tới cái chết đã xanh mày xanh mặt rồi. Nhưng, tới hồi mạng số dĩ tận rồi, có sợ cũng đâu có thoát được. Thím Bảy Ớt nóng nảy chận ngang:

– Dì đang nói cái chết của chú Ba Xe Ngựa cũng tỉ như sự đi về...

Bà Năm Nhăn liếc xéo thím Bảy một cái, nhưng bà không gây. Bà gật đầu:

– Ừ, chú coi cái chết như sự đi về. Buổi sáng, chú còn ra mua chao của tao. Buổi chiều, chú còn kêu ông Mười Kiểng, chú Tám Ngát, thằng Sáu Mót, chồng của con Tám Neo, qua ăn bánh uống trà, luận bàn nhơn tình thế thái. Chạng vạng, Sáu Mót còn thấy chú đứng tắm ở bờ giếng. Vậy mà đâu tới tám, chín giờ tối gì đó, Tám Ngát chạy qua xin mấy cây nhang, thấy chú nằm im. Tưởng chú ngủ, Tám Ngát thò tay, tính kêu dậy. Ai ngờ, mình mẩy chú đã lạnh tanh, cứng đơ. Tám Ngát chạy ra tri hô, la làng la xóm lên, bà con mới tụ lại. Tao cũng đâu có chịu ở nhà...

Thím Bảy Ớt đoán già đoán non:

– Chắc là trúng gió, trúng mấy chớ gì? Chạng vạng mà còn đứng tắm giữa trời, gió máy đâu có trừ ai...

Bà Năm Nhăn lắc đầu:

– Lúc đầu, nhiều người cũng nói như vậy đó. Nhưng, ông Mười Kiểng "khám nghiệm" cái xác của chú Ba từ đầu tới chưn. Ổng nói nếu bị trúng gió, các xác không đặng mềm mại, tươi tỉnh như vậy. Ổng bàn có lý, nên ai cũng phải công nhận là đúng.

Thím Bảy Ớt phân vân:

– Hay là chú tự tử? Có thiếu gì loại thuốc uống vô chết cấp kỳ.

Bà Năm Nhăn lắc đầu quyết liệt hơn:

– Cũng không phải. Có người cũng nói như vậy, nhưng ông Mười Kiểng cũng bác luôn ý này. Ổng nói tự tử chết thì cái mặt phải bầm đen. Mắt phải trợn ngược. Đàng này chú Ba mặt mày vẫn trắng tươi, mắt nhắm bình thường, miệng còn hơi mỉm cười, làm như đang ngủ mà thấy chiêm bao điều gì vui lắm.

Thím Bảy Ớt định đưa thêm giả thuyết hay là chú Ba Xe Ngựa bị mấy con độc vật như rắn rít gì cắn, nhưng thím lặng im, vì theo bà Năm Nhăn vừa nói, qua hình tích xác chết như vậy, chắc chắn không phải là bị con gì cắn rồi.

Trước nét mặt ngẩn ngơ của thím Bảy Ớt, bà Năm Nhăn giảng giải thêm:

– Tại sao tao nói cái chết của chú Ba cũng tỉ như sự đi về? Là vì, theo

ông Mười Kiểng, với lại Tám Ngát, Sáu Mót nói lại, làm như chú Ba biết trước ngày giờ chú chết. Buổi chiều, cả đám ngồi ăn bánh uống nước trà, tự nhiên, chú nói nhiều điều như muốn trối. Chú nói con người sanh ra đời, ai cũng phải làm một chuyện gì đó, để khỏi sống uổng. Chú nói, cuộc đời của chú, ở đợ từ hồi còn nhỏ, tấm thân bầm trầy nói làm sao cho xiết, nhưng cái chuyện gì đó đối với đời người, chú đã làm xong rồi, chú đã hoàn toàn mãn nguyện rồi, thành ra, chú có chết cũng không còn điều gì phải ân hận hết. Chú nói, một người, khi đã làm xong bổn phận, trong lòng không còn vướng bận một điều gì nữa hết, khi chết sẽ thanh thản lắm... Bà Năm Nhăn ngừng lại một chút, rồi buồn bã:

– Theo đám ông Mười Kiểng nói lại, chú Ba nói nhiều lắm, khiến ai nấy đều phải ngạc nhiên. Sống gần gũi với chú mấy chục năm trời, ai cũng thấy chú lúc nào cũng buồn bã, lầm lì, ít nói, làm như trong bụng chú có điều gì u uất, không nguôi. Ai cũng biết chú hiền lành, độ lượng, giúp được cái gì thì không bao giờ từ nan. Nhưng, mấy ai từng thấy được chú vui đùa giỡn hớt. Vậy mà bữa đó, chú cười, chú nói nhiều lắm. Ai cũng lấy làm lạ, phải đưa mắt nhìn nhau. Chú còn nhờ mấy người đó lo giùm hậu sự cho chú mà...

Thím Bảy Ớt vén ống tay áo, giơ cánh tay ra trước mặt bà Năm Nhăn:

– Dì Năm coi nè, nghe dì nói mà tui bắt rùng mình, nổi da gà. Mấy người chết như vậy linh dàng trời. Chắc mai mốt, tui hết dám đi ngang chùa Cây Me.

Bà Năm Nhăn cười nhẹ:

– Thiệt cái con nầy, chuyện chưa hết, mà mầy đã lo xa...

Thím Bảy Ớt sốt sắng:

– Ừ, chuyện chưa hết thiệt. Tui phân vân trong bụng nãy giờ. Chú Ba chú nói là chú mãn nguyện trong lòng, chết cũng yên tâm vì chú đã làm xong một cái chuyện gì đó. Nhưng, "cái chuyện gì đó" là chuyện gì?

Bà Năm Nhăn lại lắc đầu lần nữa:

– Tao cũng đâu có biết. Tao cũng phân vân trong bụng như mầy. Tao cũng muốn biết như mầy. Nhưng, tới giờ nầy, tao cũng chưa biết ắt được.

Thím Bảy Ớt cau mày:

– Rồi, bộ dì không hỏi đám ông Mười Kiểng sao?

Bà Năm Nhăn mau mắn, nói luôn một hơi:

– Sao lại không? Nhưng đám đó cũng đâu biết gì. Họ cũng phân vân như mình. Ông Mười Kiểng nói chú Ba chỉ nói làm vậy, chớ không chịu trắng đen minh bạch cho rõ là chú đã làm chuyện gì. Ông Mười Kiểng nói gần gũi với chú mấy chục năm, ổng có thấy chú làm được cái gì đâu nà. Cái chuyện chú hết dạ trung thành với ông Cai tổng Ngươn, mấy chục năm trời chú vẫn thắp nhang cho ổng, ai cũng biết. Nhưng chuyện đó đâu có phải là chuyện làm cho chú mãn nguyện. Nếu phải, thì chú đã mãn nguyện lâu rồi, đâu đợi tới ngày giờ nầy... Ngoài ra, cũng theo ông Mười Kiểng, chú sống độc đinh cô quả, như một cái bóng mờ, làm được cái gì nên hình đâu mà nói...

Thím Bảy Ớt lầm bầm:

– Chết thì dễ như vậy, tại sao lại để chuyện khó cho người ta. Để cho người ta phải thắc mắc hoài "chuyện đó" là chuyện gì?

Bà Năm Nhăn chép miệng chấm câu:

– Ừ, "chuyện đó" là chuyện gì? □

(Còn tiếp)

---

(1) Đây là hai câu của Tư Chơi Huỳnh Thủ Trung khóc Tư Út Phạm Thế Đẩu. Tư Chơi là kép cải lương, kiêm soạn giả, kiêm ông bầu, nổi tiếng một thời, là chồng của hai cô đào lừng danh là Bảy Phùng Há và Kim Thoa. Tư Út là kép mùi, kép đẹp, hát hay, diễn xuất giỏi có tiếng. Tư Út lên hát ở Nam Vang, đau ban trái chết trên đó, xác phải đốt thành tro. Tư Chơi, trong cơn tửu nhập, làm thơ khóc bạn. Nguyên bài, gồm bốn câu, như sau:

Tư Út em ôi, vội chết đâu
Để cho kẻ thảm với người sầu
Những thằng đáng chết, sao không chết
Lại chết chi thằng đáng sống lâu?

"Kẻ thảm" ở đây là cô Sáu Ngỗng, vợ của Tư Út, phải đâu tang tóc chế lặn lội lên Nam Vang, đem tro tàn cốt hôi của chồng về xứ, còn "người sầu" ở đây chính là Tư Chơi, đang say bí tỉ.

thư độc giả
*

Thư của ông Nguyễn Hà Trung (Woodbridge, Virginia)

Thưa quí tòa soạn,

Tờ *Văn Học* số 69, phát hành tháng 11 năm 1991, nơi trang 3, có đăng một bài viết của giáo sư thạc sĩ, tiến sĩ Dương Đức Như với những đề nghị đổi mới chữ quốc ngữ.

Xin khoan bàn đến những đề nghị của bài viết này, chúng tôi có một thắc mắc xin quí ông trả lời cho. Trước khi vào bài, quí báo có đăng một đoạn gọi là "Lời tòasoạn" (hai từ *tòa* và *soạn* được viết liền) để giới thiệu tác giả và bài viết. Đọc qua "Lời tòasoạn" này, chúng tôi không biết đó có thật là lời tòa soạn không, hay chỉ là mấy lời của chính tác giả viết và những ý kiến đề nghị của ông.

Nếu thực là lời tòa soạn, thì chúng tôi rất không đồng ý với việc làm của quí ông vì thiết nghĩ tờ *Văn Học* xưa nay vẫn đóng vai trò của một diễn đàn, để từ đó các ý kiến, các sáng tác của các tác giả được gửi đến người đọc. Độc giả có thể đồng ý hay không đồng ý với tác giả bài viết. Nhưng tòa soạn thì không bao giờ đứng về phía của người viết hay độc giả.

Tuy nhiên, khi đọc những điều được viết trong "Lời tòasoạn", độc giả có thể nghĩ quí ông đã đứng hẳn về phía người viết chăng? Thí dụ tất cả những đề nghị sửa đổi cách viết chữ quốc ngữ trong bài viết của tác giả Dương Đức Như đã được tòa soạn mau mắn dùng ngay trong "Lời tòasoạn" để gửi độc giả. Chúng tôi sợ rằng làm như thế, *Văn Học* sẽ khiến cho độc giả hiểu là toà soạn đồng ý với tất cả những bài lai cảo, và những bài lai cảo gửi đăng ở *Văn Học* đều phản ánh lập trường, ý kiến của tòa soạn.

Chúng tôi thỉnh thoảng vẫn còn viết lách bằng tiếng Việt và rất hài lòng với hệ thống chữ viết hiện nay. Chúng tôi đã trót yêu nó và thấy nó cũng có những cái duyên dáng của nó. Lối viết ấy, qua một thời gian dài ở với chúng ta, đã có một đời sống, một nhân cách riêng của nó, mà chỉ cần liếc qua, chúng ta có thể thấy ngay đó là những chữ Việt, dù cho chúng có

xuất hiện trong một cuốn sách, một bài báo ngoại ngữ. Chỉ vì muốn dễ dàng cho nghề ấn loát, cho người đánh máy, bưu tín, viết tay (mà đã chắc là dễ dàng chưa?) mà phải đưa ra những đổi thay làm mất đi cái cá tính của chữ quốc ngữ hay sao? Tác giả Đoàn Nhật Tấn đã rất đúng khi viết rằng trong tiếng Anh và tiếng Pháp, "*người đời sau tôn-trọng cả những tự-mẫu không phát-âm của văn-tự, để mỗi từ có một dạng đặc-biệt gắn liền với ý-nghĩa và cho truyền-thống chữ viết duy-trì liên-tục từ đời nọ đến đời kia để người sau hiểu trọn-vẹn tư-tưởng, tiếp-thu toàn-bộ tài-sản văn-hóa của người trước qua sách vở, văn-tự di-lưu...*" Đó là chưa muốn nói tới những đề nghị nói là mới của giáo sư Dương Đức Nhự, chúng ta cũng đã thấy các ông Nguiễn Ngu Í (viết i thay vì y; viết ng thay vì ngh...), Hồ chí Minh (viết f thay vì ph; viết k thay vì c...) làm từ mấy chục năm trước. Bài viết của giáo sư Dương Đức Nhự không làm giản dị cách viết chữ quốc ngữ, mà chỉ gây thêm phiền toái và tạo khó khăn cho những người học tiếng Việt (thí dụ đối với một người ngoại quốc học tiếng Việt, thì *nhịtrùngâm* sẽ là *nhịt rùng âm*, hay *nhị trù ngâm*, hay *nhịt trùn gâm*?), nhất là các em bé trong bước vỡ lòng (cứ thử dậy các em bé vừa mới khai tâm đánh vần *quốcngữ* với hai vần viết liền nhau xem). Tại sao phải lựa một con đường khó hơn là bắt người đọc dựa vào hoàn cảnh và ý nghĩa của câu để đoán ra cách đọc và ý nghĩa của các từ ghép này? Đòi hỏi như vậy có quá đáng đối với người ngoại quốc học tiếng Việt và các em bé mới qua khỏi cấp vỡ lòng không? Những đề nghị cải cách đó không bỏ hẳn được các dấu giọng, cũng không thể viết liền tất cả các từ kép mà không làm cho người đọc lầm lẫn, và vẫn phải dùng dấu nối.

Người Mỹ vẫn thường nói *if it ain't broke, don't fix it.* Đúng thay. Con lợn đang khỏe mạnh, thôi đừng chữa chạy, thuốc men gì cho nó cả. Cổ nhân chúng ta cũng nói vậy.

Chúng tôi đang e ngại rằng nếu quí ông đồng ý với những đề nghị của tác giả, như độc giả đã thấy trong "Lời tòasoạn", thì từ nay trở đi, quí ông có định dùng luôn những đề nghị cải cách đó trong tất cả các số *Văn Học* sau này hay không? Chúng tôi mong đó không phải là điều quí ông định làm.

Trả lời thư ông Nguyễn Hà Trung:

Văn Học thành thật cảm ơn ông đã nêu lên điểm ngộ nhận đáng tiếc

đó. Ở đây chúng tôi chỉ xin trả lời ông về thắc mắc liên quan đến "Lời toàsoạn" mở đầu bài viết của giáo sư Dương Đức Nhự, kỳ dư những điểm khác liên quan đến bài viết, chúng tôi không dám lạm bàn. Thực ra, *Văn Học* không hề "mau mắn" đồng ý với những đề nghị thay đổi cách viết chữ quốc ngữ của tác giả Dương Đức Nhự như ông đã vội vã nghi ngờ. Khi viết "Lời tòasoạn" theo cách viết mới, chúng tôi chỉ làm công việc tối thiểu là tôn trọng lời yêu cầu của người viết bài, nếu có lời tòa soạn thì xin viết theo cách của toàn bài. (Cũng như ông đã tôn trọng ý kiến của tác giả Đoàn Nhật Tấn khi dùng dấu nối cho những từ kép trong câu trích dẫn bài giáo sư Đoàn, mặc dù chưa chắc ông đã hoàn toàn đồng ý với giáo sư Đoàn). Dù sao lời "mắng mỏ" của ông cũng là một bài học đáng nhớ cho chúng tôi để tránh những trường hợp ngộ nhận đáng tiếc tương tự trong tương lai.

Thư của ông Vũ Văn Tính (Long Beach, California)

...

Đọc qua hai bài viết về ngữ học của hai giáo sư Dương Đức Nhự và Đoàn Nhật- Tấn trên tạp chí *Văn Học* số 69, tôi mạn phép xin được đóng góp một vài ý kiến thô thiển như sau:

Hai bài viết nói trên đều là những công trình biên khảo nghiêm túc, giá trị, là những ý kiến đóng góp hết sức tích cực về ngôn tự, văn tự nước nhà. Tuy nhiên, theo thiển ý, lời kêu gọi của giáo sư Đoàn Nhật-Tấn có lẽ còn có sự đáp ứng chứ đề nghị của giáo sư Dương tôi e là quá cấp tiến, khó có thể áp dụng được. Nhưng bên cạnh những đề nghị đó của hai giáo sư, tôi thiết nghĩ chúng ta có một yêu cầu cấp bách hơn là làm thế nào phong phú hóa gia tài tự vựng Việt ngữ chúng ta đang có hiện tại. Trong một bài viết về ngôn tự dân tộc cũng đăng trên tạp chí Văn Học cách đây ít lâu, nhà văn Võ Phiến có đưa ra một nhận xét rất chính xác là tiếng Việt chúng ta rất phong phú ở những từ cụ thể nhưng lại thật nghèo nàn ở những từ dùng để diễn tả ý niệm. Điều này thật rõ ràng khi chúng ta học và đọc sách vở Âu Mỹ. Có những từ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp đòi hỏi cả một cụm từ tiếng Việt để giải thích (thử tìm hai hay ba chữ tiếng Việt để dịch cụm từ *sexual harassment xem*). Đó là chưa kể các văn tự đó có cả một kho tàng thuật ngữ dùng trong các lãnh vực chuyên môn như triết học, kinh tế, khoa học... mà tiếng Việt ta thật nghèo nàn.

Người Mỹ rất dễ dàng trong việc chấp nhận những từ mới, và vì thế gia tài tự vựng của họ thật phong phú. Tỉ dụ, cách đây ít năm, có người đùa chơi đưa ra từ yuppies (chữ *yup* do cụm từ *young urban professionals* viết tắt mà thành) thế là cả nước hồ hởi dùng từ yuppies một cách thật thoải mái. Gần đây phong trào đọc thơ trong giới trẻ Mỹ lên cao. Ở Chicago, có người nghĩ ra trò đọc thơ kèm theo tiếng nhạc đệm (có lẽ bắt chước Việt Nam ta), thế là có ngay từ *pong* (do chữ *poem* và *song* gộp lại).

Tôi thiển nghĩ, công việc cần kíp hơn trong lúc này là làm sao chúng ta có thêm được càng nhiều từ mới càng tốt, những từ không những dùng trong sách vở mà còn phổ cập thâm nhập đến lời ăn tiếng nói hằng ngày... Những từ cần thiết tức thời có lẽ là những thuật ngữ chuyên môn, nhất là trong lãnh vực tin học, một lãnh vực mà mức tiến bộ được tính bằng tuần, bằng tháng chứ không phải là năm... Ở hải ngoại chúng ta có khá đầy đủ điều kiện để thực hiện công tác đó mà tôi tin chắc các học giả của chúng ta có thừa khả năng thực hiện. Có như thế văn hóa Việt mới mong bắt kịp đà tiến bộ vượt bực của văn hóa nhân loại hiện giờ.

Một đề nghị nữa là chúng ta nên cố thống nhất chính tả Việt ngữ sao cho đồng nhất, đừng để tình trạng ông nhà văn này viết *sử dụng*, bà nhà thơ kia viết *xử dụng*, ông triết gia này viết *dòng*, bà phê bình gia nọ viết *giòng*. Khó coi lắm. Tưởng tượng đọc Hemingway thấy có chữ *mistake* rồi đọc sang Steinbeck thấy ông này viết là *misteak* thì mình nghĩ sao về cái ngôn ngữ Anh?

Trả lời thư ông Vũ Văn Tính:

Đề nghị của ông thật đích đáng và hợp lý. Riêng phần chính tả Việt ngữ, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt riêng lẻ, Văn Học có cố gắng thống nhất (cố tới đâu hay tới đó) bằng cách dựa vào bộ *Việt Nam tự điển* do Lê Văn Đức – Lê Ngọc Trụ biên soạn. Cho đến khi có một quy định rõ rệt (từ một hàn lâm viện?), chúng tôi chỉ có thể làm được bấy nhiêu thôi.

Thư của bà Lê Hương (California)

VỀ MỘT NIỀM ĐAU

Tôi là một nữ độc giả của khá nhiều sách báo tại hải ngoại. Sở dĩ tôi nói khá nhiều vì tôi đang ở trong thời kỳ nghỉ ngơi sau hơn mười mấy năm làm việc khá nhọc nhằn. Các con tôi đều đã trưởng thành và muốn dành cho

mẹ nhiều thì giờ để an dưỡng, chuẩn bị cho những ngày mà tuổi đời đã có thể gọi là tri thiên mệnh.

Nhờ thế, tôi đã có dịp theo dõi tường tận cái hiện tượng nóng bỏng vừa mới xảy ra tại hải ngoại, đến từ cuốn Tiểu Thuyết Vô Đề của một nhà văn nữ miền Bắc. Tôi rất thích đọc sách nhưng lại không thích đọc loại sách tuyên truyền, vừa nhức đầu, vừa khó chịu, vì cái lối viết gò bó, đóng khung trong những lời ca tụng về cái tôi đáng ghét dành cho một chế độ. Nói về mình thì bao giờ cũng đúng, cũng hay cũng đẹp. Có ai dám tự nhận mình là cha ăn cướp đâu!

Tuy thế, vì muốn hiểu rõ vấn đề để tự mình có một nhận định thật đúng đắn về những diễn tiến đã xảy ra từ phía người đọc. Một phụ nữ mà vốn liếng kiến thức và văn hóa nhiều nhất là ở mức trung bình như đa số những phụ nữ khác đang ở trên miền đất tạm dung hay đang ở tại quê nhà. Cuốn Tiểu Thuyết Vô Đề với tôi hoàn toàn không có một giá trị đặc biệt nào đáng phải nhắc nhở đến nếu so sánh với rất nhiều tác phẩm của các nhà văn nữ khác ở hải ngoại. Nếu có chăng, thì chỉ là một thứ văn chương được ngộ nhận là phản kháng của một nhà văn đã từng được đãi ngộ trong một chế độ độc tài, đảng trị. Một chế độ đã may mắn chiến thắng sau một cuộc nội chiến kéo dài, và chấm dứt thật bất ngờ, không thực lực, không công bằng.

Bằng thái độ cao ngạo, tác giả đã viết lên những suy tư của mình, tự vạch lên những sai trái của cả hai phía trong cuộc chiến rồi cũng chính mình biện hộ cho mình từ trong cuộc chiến đó. Nhà văn Cao Xuân Huy, tác giả cuốn Tháng Ba Gãy Súng trong tạp chí Thế Kỷ 21 đã bình phẩm rất xác đáng, minh chứng cụ thể về *đôi điều không ổn* trong tác phẩm ấy. Do mặc cảm tự tôn hay do lòng xem thường người đọc, của một kẻ đứng trên vị trí của một người chiến thắng, Dương Thu Hương đã dùng cuốn Tiểu Thuyết Vô Đề trình bày những điều sai sự thật, cố tình bóp méo sự thật. Tác giả đã quên rằng "dưới ánh mặt trời không có gì mới lạ" và sự thật bao giờ cũng là sự thật, dù sự thật đó có bị che đậy, có bị khỏa lấp dưới ngòi bút thiếu lương tâm của bà đi nữa!

Thủ đoạn đó của tác giả đã không làm tôi ngạc nhiên, vì tôi chưa bao giờ đặt lòng tin vào những cây bút đã và đang là công cụ của một chế độ mà quyền hạn và tư tưởng thật hạn hẹp nằm trong khuôn thước của một thể

chế đỏ từ trong ra ngoài. Tuy họ có tự bọc cho mình một lớp da mịn màng bên ngoài một trái tim nóng bỏng cùng một khối óc tưởng như là thông minh, nhưng bên trong cũng không thể nào che dấu được cái bộ máy "rô-bô" với những hàng nút bấm tinh vi của những bàn tay điều khiển kín đáo. "Đừng nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm", câu này đã trở thành câu châm ngôn đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa mà không một đồng bào miền Nam nào không thuộc nằm lòng.

Tôi cũng đồng thời đọc được những lời phê bình khen chê của một số nhà văn, nhà báo ngoài nước từ hiện tượng trên. Những lời chê dĩ nhiên tôi không cần đề cập đến. Vì với tôi, như thế vẫn chưa đủ so với những bài học được trả bằng máu và nước mắt của những con người yêu chuộng tự do thật sự qua những cuộc di tản khổng lồ 54 — 75. Lý tưởng Cộng sản luôn luôn được rêu rao dưới chiêu bài "chống ngoại xâm". Bao nhiêu ông cha ta đã vì thế mà ra đi theo lý tưởng cao đẹp và thiêng liêng đó, để rồi cuối cùng vẫn phải, một là dính chân vào chủ nghĩa Cộng sản (cái chủ nghĩa chỉ có thể lừa bịp được trên lý thuyết nhưng thực tế là cả một hậu quả ngu dốt, đói rách triền miên cho thân phận làm người), hai là bị thủ tiêu, bị vùi thây một nơi nào đó trong rừng sâu núi thẳm. Rồi tiếp đến là cuộc chiến "nồi da xáo thịt" cũng cùng với chiêu bài chống "Đế quốc Mỹ xâm lược". Vừa nấp sau bóng cờ của đàn anh Tàu, đàn anh Nga, vừa la bai bải rằng đã chiến đấu cho một lý tưởng trong sáng. Vừa đánh trống vừa ăn cướp, trên thế giới này chỉ có mấy anh, mấy chị trồi lên từ lớp bùn Cộng sản là hay hơn cả!

Lời chê thì không có gì đáng nói (vì chê vẫn chưa đầy đủ), nhưng lời khen thì quả đã làm tôi thất vọng ê chề. Kèm theo niềm thất vọng là sự buồn bã, đắng cay.

Nhớ lại những ngày này của mười ba năm trước, bồng bế đàn con dại tìm đường vượt biển. Trên biển cả mênh mông mà con đường sống chỉ được tìm thấy trong cái chết. Nhu cầu tự do đã phải đổi bằng một cái giá không ai có thể đánh giá chính xác được. Sau bốn năm kẹt lại trong chế độ vừa đói rách vừa ngu dân. Ngu thì cũng đúng thôi vì ông bà ta đã chẳng nói "có thực mới vực được đạo", không có ăn làm sao có chữ! Ngày nào cũng họp tổ, cũng kiểm thảo, ngày nào cũng lo sợ cái bóng ma "áo vàng" luẩn quẩn quanh đời sống, theo dõi, bắt bớ, chụp mũ. Cho đến hơi thở từ buồng

phổi cũng gần như bị nghẹt lại vì kềm kẹp. Kinh tế thì kiệt quệ, tinh thần thì căng thẳng. Hình ảnh của những người thân, những người bạn từ từ bị bắt đi mà ngày về không hẹn. Tất cả những điều đó đã ám ảnh, đe dọa tinh thần tôi. Cho đến bây giờ vẫn còn giật mình mỗi đêm dài mộng mị. Từ những kinh nghiệm của bản thân cho đến ngoài xã hội, sau một thời gian sống trong chế độ đỏ, những ngày tháng hiện tại dù mang nặng tâm tư của một người dân xa xứ:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Dù nhớ nước, nhớ nhà, nhớ cha già, nhớ mẹ yếu, dù sao đi nữa tôi vẫn cương quyết không trở về. Tôi chờ đến một ngày mà chế độ đỏ thật sự không còn nữa (cũng chẳng còn bao lâu nữa). Đời sống của người dân phải được bảo vệ bằng những luật lệ của một nền dân chủ tự do thật sự.

Thật đáng tiếc cho những lời ngợi khen cho một công cụ của chế độ mà chính mình và đồng bào mình đều là những nạn nhân bi thảm nhất.

Dương Thu Hương, đứa con cưng của nhà nước Cộng sản, có bị sửa sai, có bị khai trừ, có bị phạt giam thì cũng chỉ là chuyện trong nội bộ, trong gia đình và đảng quy của họ với nhau, can thiệp vào chỉ là làm việc dư thừa, dại dột. Nếu không bị chửi bới ngược lại thì cũng không khỏi bị chê trách, khinh bỉ.

Điều này đã là một kinh nghiệm gần nhất cho một số nhà văn hải ngoại - mà trong bản "Tự bạch" vừa được đăng tải, Dương Thu Hương đã chửi thẳng vào mặt họ. Thái độ hỗn xược và hàm hồ của tác giả khi bẻ quặt lại lời khen của nhà văn Thụy Khuê, một người đã vì mình mà hết lời ca tụng. Dương Thu Hương không hiểu rằng, đó là nếp sống, nếp suy nghĩ của một người dân trong chế độ tự do, sẵn sàng lên tiếng khen chê mà không cần để ý đó là bạn hay thù. Cái ưu điểm nổi bật của con người tự do là vậy, và cũng chính vì vậy mà họ đã thua trận. Thua những con người mà những thủ đoạn, những tiểu xảo, lọc lừa, những phản trắc cũng bình thường như chế độ. Cuộc sống của những cán bộ Cộng sản như Dương Thu Hương đã được nuôi dưỡng bằng những thức ăn tinh thần như vậy từ thuở còn trong trứng nước, còn là mầm non của đảng, để khi lớn lên trở thành đảng viên ưu tú, đảng viên nòng cốt trên mặt trận văn hóa, tuyên truyền. Ngòi bút của tác giả đã từng chiến đấu mạnh mẽ trên mặt trận chính trị, góp phần đắc lực

trong cuộc chiến chống Đế quốc Mỹ, trong chiến thắng "Mỹ cút Ngụy nhào".

Có vọng ngoại không? Có bất công mâu thuẫn không? Hay có dễ dãi lắm không khi một số nhà văn, nhà báo ngoài nước lên tiếng ca ngợi trường hợp Dương Thu Hương trong khi mà biết bao chiến sĩ của chúng ta trong cả hai mặt trận văn hóa, chính trị đang chết âm thầm trong ngục tối không một lời nhắc nhở đến.

Tôi cảm thấy buồn nhưng không trách họ, vì họ đã không biểu lộ được bản chất của những người được giáo dục bằng sự tự do thật sự, bằng lòng ngay thẳng tự tin. Chính vì không muốn nuôi thù hận, chính vì lòng yêu thương đồng loại nên dễ cảm thông, dễ tha thứ trước những nỗi bất bình, trước những người ngã ngựa và cũng chính nhờ những tấm lòng tốt đẹp đó đã tạo điều kiện cho một cây bút tầm thường với một tác phẩm cũng tầm thường đã có dịp lên mặt vênh váo dạy đời, hàm hồ, cao ngạo. Phủ nhận những lời khen để tự nâng mình cao hơn bằng một bản "Tự bạch" đầy những mâu thuẫn, khoác lác mà từ đó đã biểu lộ hết chân tướng của một con tốt lẻ trên bàn cờ Cộng sản. Một con tốt đáng lẽ, nếu biết thân, thì đừng nên lên gân một cách quá sức như thế.

Trước hết, tôi tự hỏi, Dương Thu Hương có thật sự bị giam giữ hay không? Nếu có, chắc chắn nhà tù đó phải là một nhà tù hoa gấm, một nhà tù thiên đường dành riêng cho những đứa con cưng của đảng. Vì từ trong nhà tù êm ái đó, tác giả đã được cung cấp đầy đủ những tư liệu, những sách báo cần thiết có liên quan đến tác giả từ hải ngoại, thong thả nghiên cứu tường tận để mà tiếp tục cái thủ đoạn xảo trá quen thuộc của mình, lừa bịp đồng bào nhẹ dạ, thiển cận, dễ tin bằng một lối lập luận mơ hồ, chủ quan, thiếu ngay thẳng của bản Tự bạch. Trò chơi khổ nhục kế đã được thi hành quá ấu trĩ, khi mà thực tế quá nhiều sự kiện trái ngược để so sánh.

Điển hình là nhà thơ Khoa Hữu, một người lính miền Nam đang còn kẹt tại quê nhà, chỉ vì một số bài thơ gửi ra hải ngoại và được đăng trên một vài tờ báo - những bài thơ mà nội dung rất bình dị - đã bị nhà cầm quyền moi móc cho ra đúng tên thật, câu lưu, kiểm điểm và quản thúc như là một tội phạm đáng kể. Trường hợp này nếu so với trường hợp Dương Thu Hương, với những cuốn tiểu thuyết viết thẳng tay như Những Thiên Đường Mù, Tiểu Thuyết Vô Đề vẫn ung dung tự tại, vẫn lớn miệng lớn

mồm tuyên bố vung vít, thử hỏi còn mâu thuẫn nào hơn (Và các nhà văn chúng ta ở hải ngoại, đã có ai lên tiếng cho trường hợp Khoa Hữu?)

Mâu thuẫn trên thiết nghĩ nếu một phụ nữ mà trình độ nhận thức ở mức trung bình như tôi, còn nhận thấy được thì trên cuộc cờ này, với con tốt nọ quả đã là một thất bại lớn cho nhà cầm quyền Cộng sản nói chung và Dương Thu Hương nói riêng.

Tác giả cứ tưởng rằng có thể đánh động được tâm lý của đa số quần chúng, bằng những giọt nước mắt xót thương giả đối đầy kịch tính khi đưa ra những suy tư, dằn vặt có từ cuộc chiến. Như hình ảnh của hai thằng con của cả hai miền Nam Bắc. Sinh ra và lớn lên, cầm súng và chiến đấu để rồi cùng chết trên một mặt trận. Người mẹ Việt Nam mang nỗi khổ như nhau và chính bà, người mẹ miền Bắc thắp nén hương cho cả hai thằng con không phân biệt. Nghe thì thật cảm động và xót xa, đáng thương, và tình thương xem ra rất công bằng. Nhưng nếu tác giả có quên hay cố tình quên thì cũng rán nhìn để kéo dài cuốn chỉ thời gian thêm mười mấy năm sau kể từ 1975, khi mà con của hai thằng Nam Bắc lớn lên trong cái xã hội rất nặng phần lý lịch. Đứa con miền Nam mang lý lịch của cha là "con ngụy quân phản động" và đứa con miền Bắc có lý lịch "con anh hùng liệt sĩ". Nhờ và vì lý lịch, hai đứa bé có hai hoàn cảnh sống trái ngược nhau. Đứa được ân sủng ăn học đàng hoàng; đứa bị bạc đãi phơi thây chiến trường "quốc tế" hoặc "vinh quang" nơi vùng kinh tế mới. Cảnh này hiện đang xảy ra nhan nhản trước mắt bà ngay trên chính quê hương, nơi bà đang "tranh đấu", chẳng lẽ bà không trông thấy. Mẹ Việt Nam như bà, như tôi lúc này sẽ nở nụ cười mãn nguyện hay nhỏ dòng nước mắt xót thương, cay đắng?

Tác giả cũng lại vẽ ra hình ảnh "ba người lính Cộng sản đu không gãy một cành đu đủ", hay nói lên những danh xưng quan liêu "Thưa Ngài" của anh lính trong chế độ miền Nam với cấp trên của mình. Những câu nói bịa đặt hoàn toàn ngu xuẩn mà tôi chưa hề được nghe trong suốt hai phần ba đời sống và lớn lên trên miền Nam thân yêu. Tác giả muốn nhét những lời ngu xuẩn vào miệng của những người đã bị mang danh là kẻ bại trận - với ý đồ muốn hạ nhục một lần nữa những người ngã ngựa - nhưng chính việc làm đó đã là những mũi tên bắn ngược lại vào chính mình, càng lộ rõ bộ mặt thật của những con người hèn hạ, ném đá dấu tay. Chắc bà cũng đã biết rõ cái câu "ngậm máu phun người" của cổ nhân.

Tác giả cho rằng việc "ba tên Cộng sản đu không gãy một cành đu đủ" đã chứng tỏ sự đãi ngộ chênh lệch của chế độ hai phía. Những người lính miền Bắc đã không được đãi ngộ giống như người lính miền Nam, và cũng chính vì sự khắc khổ đó, qua một lý tưởng cao đẹp đã huy động đến tinh thần khắc kỷ và trở thành yếu tố tạo nên chiến thắng. Tác giả dù có cố tìm mọi cách, mọi lý do để ngụy biện thì cũng không thể nào phủ nhận được sự chênh lệch bất công của chế độ khi "ba người Cộng sản đu không gãy một cành đu đủ" nhưng chỉ cần một đảng viên đã đủ để đu gãy đến ba cây đu đủ. Người dân, người lính không phải đảng viên đã bị sử dụng như một công cụ để thỏa mãn tối đa lòng tham cho những kẻ cầm quyền. Người dân, người lính làm chủ thì đói rách, thiếu thốn, còm cõi để nhường chỗ cho những tên đầy tớ thật sự thì vinh thân, phì gia...

Tác giả cũng đã dùng bản Tự bạch để phân bua cho những lỗi lầm của mình, như khi xuyên tạc hành động của những người lính thám báo "ngụy", đổ cho họ những tội lỗi dã man, giết người, hiếp người, xẻo thịt... Mặc dù nhà văn Cao Xuân Huy trong bài "Đôi Điều Không Ổn" đăng trên Thế Kỷ 21 đã xác định thật minh bạch, rõ ràng về những điều sai sự thật kia, tác giả vẫn còn ngoan cố, ra cái điều ân nghĩa, không muốn vạch áo cho người xem lưng để ngoại nhân xem thường người Việt Nam là tàn ác đầy thú tính. Nhưng đâu phải không vạch áo mà người ngoài không thấy được lưng mình, tác giả Dương Thu Hương chỉ vội nói, vội biện bạch nên cũng đã vội quên những vụ thảm sát rùng rợn nhất trong lịch sử loài người qua vụ Tết Mậu Thân, qua Đại Lộ Kinh Hoàng 72. Những người Việt Cộng sản nhân đạo như bà đã chôn sống hằng ngàn người dân vô tội, trói chân trói tay dưới những hầm chôn người khổng lồ. Một nhà văn, khi cầm bút mà không viết lên được những điều trung thực, xây dựng đứng đắn, ngược lại, chỉ dùng văn chương để xuyên tạc, bẻ ngoặt sự thật, ngụy biện, ngoan cố thì chỉ là những bồi bút vì đặc quyền, đặc lợi hoặc là công cụ của một chế độ độc tài, đảng trị mới có thể vứt bỏ lương tâm của mình như thế thôi.

Dù sao thì qua bản Tự bạch, Dương Thu Hương cũng đã để lộ cái chân tướng của một con tốt lẻ không hơn không kém, và cũng vì thế, đã đến lúc, nhà cầm quyền đỏ nên chấm dứt những màn kịch mập mờ đánh lận con

đen với những kịch sĩ thiếu kinh nghiệm và thiếu thực tài như Bùi Tín, Dương Thu Hương.

Chúng tôi là những người Việt tự do ở hải ngoại, là những nạn nhân của chủ nghĩa Cộng sản. Chúng tôi không cần ai dạy cho mình lòng yêu quê hương, dân tộc. Cũng không cần ai chỉ cho mình niềm đau làm người dân một nước nhược tiểu, niềm đau của tệ trạng "nồi da xáo thịt", núp bóng Nga Tàu hay núp bóng Mỹ thì cũng giống nhau thôi.

Cái mong ước cuối cùng vẫn là hạnh phúc, ấm no thật sự của người dân. Người dân mê muội, ngu si, ốm yếu, bệnh hoạn, người dân mà đời sống còn thấp hơn đời sống của loài thú nuôi trong nhà của các nước văn minh. Đó mới chính là niềm đau thật sự, đó mới chính là niềm đau riêng của mỗi người dân Việt và cũng là niềm khắc khoải lớn của những người Việt hải ngoại như chúng tôi.

Cũng chính vì để chia sẻ niềm đau đó, mà mỗi lần nhận đi thư của những người thân, của bạn bè từ cả hai miền Nam Bắc gửi qua, chúng tôi lại phải cố gắng lao động (lao động này mới chính thực là vinh quang) nhiều hơn, ngõ hầu dùng mồ hôi nước mắt của mình chia sẻ bớt nỗi nhục nhằn, thống khổ, xoa dịu bớt niềm đau của đồng bào mình.

Và mỗi lần san sẻ như thế là mỗi lần nỗi phiền muộn dấy lên mạnh mẽ nhất. Vì không ai là không biết rằng từ mồ hôi và xương máu đó đã nuôi sống luôn cả một chế độ độc tài, bất công, mà lẽ ra, nếu không có khoản tiền viện trợ lớn lao từ tình yêu bao la của người Việt hải ngoại, có lẽ đã sụp đổ sớm hơn trước một nền kinh tế kiệt quệ, lạc hậu, nghèo nàn và một chế độ tham nhũng, thối nát.

Thật quả đáng buồn nhưng còn có sự lựa chọn nào hơn???

Cali tháng 3-92

Lê Hương

Trả lời bà Lê Hương:

Văn Học nhận được bức thư góp ý của bà cho một cái nhìn về hiện tượng đang làm đau lòng nhiều người từng hí hửng trước đây, ôm chầm lấy những kẻ mà, đáng lý ra, đã phải được xác định đúng chỗ đứng của họ, và chính ngay chỗ đứng của mình. Không định được điểm đứng, cái nhìn sẽ không thể nào chính xác. Văn Học thấy có nhiều điều đồng ý với bà nên xin phép bà, Văn Học đăng lại nguyên văn bức thư. □

NGUYỄN MẠNH TRINH giới thiệu

sách mới trong tháng

*

Hồi Ký, *tập II, tác giả Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ, sách dày 346 trang, giá bán 13 Mỹ kim.*

Trong lịch sử Việt Nam, thời gian từ 1947 đến 1975 là một giai đoạn đầy ắp những biến cố chính trị và văn học quan trọng. Học giả Nguyễn Hiến Lê đã viết về thời kỳ ấy, dùng thể văn hồi ký để phác họa lại những biến chuyển của đất nước. Tuy là tự truyện, nhưng ông đã dùng ngòi bút mình để phê phán hai chế độ ở hai miền Nam, Bắc Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh và đã có ít nhiều thiên lệnh rõ ràng. Ông cũng thẳng tay chê trách người Mỹ và sự can thiệp của họ vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Phần viết về cuộc đời văn chương của ông có những nhận xét tương đối chính xác hơn. Dù sao, đây cũng là cuốn Hồi Ký của một cây bút đứng đắn đã có công đóng góp một phần không nhỏ vào nền văn học và giáo dục nước nhà. Quyển sách là một tư liệu không thể thiếu cho những người viết về văn học và lịch sử.

Những vấn đề Việt Nam, *tập hợp những bài viết từ trong nước và hải ngoại, nhà xuất bản Trăm Hoa, sách dày 406 trang, giá bán 22 Mỹ kim.*

Một công trình nghiêm túc, một tập hợp những bài viết của nhiều tác giả trong và ngoài nước nhìn vào những vấn đề nhức nhối nhất của đất nước. Trên bình diện kinh tế, chính trị, văn hóa, là những suy nghĩ để tìm một chọn lựa sống còn trước nhu cầu cấp bách là phục hồi xã hội và phát triển kinh tế nhằm cứu vãn tình trạng bế tắc hiện tại. Từ những chỗ đứng khác nhau, từ những quá khứ đôi khi thù nghịch nhau, những ý kiến, không phải những ý kiến rập khuôn, cùng gặp nhau ở một điểm chung là mong muốn một ngày tốt đẹp cho quê hương đất nước.

Nguyên Sa, Tác giả và Tác phẩm, *tập hợp những bài viết của nhiều tác giả, nhà xuất bản Đời, sách dày 176 trang, giá bán 12 Mỹ kim.*

Qua quyển sách, một tập hợp những bài viết của các cây bút Cao Thế Dung, Du Tử Lê, Đỗ Long Vân, Mai Thảo, Phan Kim Thịnh, Tạ Tỵ, Thi Vũ, Thượng Sỹ, Trần Văn Nam, Vũ Bằng, Nguyễn Mạnh Trinh, chân dung của nhà thơ, tiểu thuyết gia Nguyên Sa đã được phác họa một cách linh động. Người tra cứu cũng như độc giả sẽ dễ dàng sử dụng quyển sách như một tư liệu cần thiết và tương đối đầy đủ.

Một trang đời, *tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến, nhà xuất bản An Tiêm, sách dày 250 trang, giá bán 11 Mỹ kim.*

Với Phan Thị Trọng Tuyến, đời sống được biểu hiện bằng kỷ niệm và văn chương là cách thế để biểu lộ cảm tình của người viết đối với đời sống ấy. Đọc thuyện Phan Thị Trọng Tuyến, hệt như cảm giác một người đang buồn bực bỗng có một người bạn để hàn huyên tâm sự. Đời sống, dù ở quê nhà hay xứ người, dù là cái "riêng" ấp ủ của tác giả, nhưng vẫn là cái "chung" của nhiều người. Trong bài giới thiệu ở mặt bìa sau, có một nhận xét làm người đọc thích thú: "*Trong truyện ngắn* Trèo lên trái núi, *Phan Thị Trọng Tuyến nhận xét*: 'Chuyện gì cũng vậy, đủ thời gian và khoảng cách để ngó lại, đều có vẻ khôi hài, phù du.'" Có lẽ đó là nét chung của tất cả các truyện ngắn trong tập truyện *Một Trang Đời*.

Những ngày ở Virginia, *tập tuyện Vi Khuê, nhà xuất bản Đại Nam, sách dày 212 trang, giá bán 12 Mỹ kim.*

Với 15 truyện ngắn, lúc ở ngôi thứ nhất, lúc ở ngôi thứ ba, khi là tự truyện, khi kể về người khác, tập truyện là những chuyển động của đời sống với nhiều nét bi thảm và được diễn tả cốt làm nổi bật chân dung con người của muôn thuở, bất biến, của thất tình lục dục, của chuyện Việt Nam lẫn lộn giữa tiếng cười héo hắt và tiếng khóc xót đau. Dù có truyện là những đoạn ghi chép lại những ngày giờ Mậu Thân ở một thành phố đáng ghi nhớ là Đà lạt (*Đà lạt, Tết Mậu Thân*) hay một nơi chốn nào đó ở quê nhà, nhưng không khí trong tập truyện phần đông vẫn là ở xứ người, với những nhân vật đang sống những ngày tháng bây giờ, và muốn nói về cái hôm nay, dù đôi khi nhắc lại thời quá khứ thì cũng chỉ cố tâm làm nổi bật thời hiện tại...

Trầm hương hạnh phúc, *tập truyện Hoàng Du Thụy nhà xuất bản Đại Nam, giá bán 10 Mỹ kim.*

Nhà văn nữ Hoàng Du Thụylà một khuôn mặt tương đối mới của văn học Việt Nam hải ngoại. *Trầm hương hạnh phúc* là tác phẩm đầu tay gồm 13 truyện ngắn. Nhận xét về tập truyện, nhà văn Hồ Trường An viết: "*Với lối văn trong sáng giản dị, Hoàng Du Thụy đã bước vào văn chương hải ngoại bằng những bước đi vững chãi tự tin, cái đặc sắc của cô là óc quan sát tinh nhạy, sự diễn tả tình ý bằng những nét đơn sơ nhưng cực kỳ sắc bén như những vết chém. Cái tài điểm thứ hai của cô là những nhận xét dí dỏm biểu lộ óc thông minh vô cùng linh hoạt...*"

Tôi với người chung một trái tim, *truyện vừa của Du Tử Lê, nhà xuất bản Thiên Nga, sách dày 92 trang, giá bán 9 Mỹ kim.*

Một chuyện tình có đau đớn xót xa và thơ mộng lãng mạn được diễn tả bằng ngôn ngữ rất thơ. Một thiên tự truyện của một trái tim dồn dập nhịp, có thực tại và mộng ước kề sát, có tình dục lơ lửng với đạo đức, có những lời kinh cầu nguyện sát bên những âu yếm tỏ tình. Truyện được diễn tả bằng ngôn ngữ của tình yêu rất trẻ nhưng cũng rất già nua, của bất kể mọi chuyện trên đời để cốt được yêu nhau. Truyện của những người yêu nhau nhưng lại suốt đời xa nhau bởi "*Tình chỉ đẹp khi còn dang dở*" và "*Thơ có hay vì rỏ máu cho nhau*"...

Thiên đường máu, *tập thơ của Hữu Loan, bài giới thiệu của Hà Thượng Nhân, Hải Bằng, Ngô Bình Chương, Xuân Vũ, nhà xuất bản Quê Ngoại, sách dày 185 trang, giá bán 12 Mỹ kim.*

Hữu Loan là một nhà thơ nổi tiếng với bài thơ "Màu tím hoa sim" hầu như bất tử trong văn chương Việt Nam. Ông tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm và bị chế độ Cộng sản trù dập suốt mấy chục năm trời. Tuy sống nghèo nàn nhưng ông vẫn hừng hực lửa qua những bài thơ được gửi ra hải ngoại và phổ biến. Qua những: *Dao khúc: Cừu và Cò; Huyền thoại: Người, Trâu, Ngựa, Ác hoa và Nấm độc, Bi khúc địa cầu...*, tiếng kêu trầm thống của một trí thức trước cảnh đổ vỡ tan nát của đất nước. Thơ như tiếng kêu uất nghẹn, hừng hực lửa chống đối bạo tàn. Trong thi ca Hữu Loan, tội ác Cộng sản như bóng tối, được vạch trần không khoan nhượng. Trong một khía cạnh nào đó, Hữu Loan đã là một chiến sĩ kiên cường.

2000 ngày đêm trấn thủ Củ chi, *hồi ký của Xuân Vũ & Dương Đình Lôi,*

tập một trong toàn bộ 5 quyển, nhà xuất bản Trời Nam, sách dày 338 trang, giá bán 10 Mỹ kim.

Chiến tranh Việt Nam cho đến bây giờ vẫn còn nhiều điểm trong bóng tối. Từ cách nhìn bị ảnh hưởng qua bộ máy tuyên truyền của hai bên đến phương vị nhìn ngắm tùy thuộc chủ quan người viết, chiến tranh đã có thật nhiều che giấu và nhiều huyền thoại được cố ý đánh bóng một cách thật dụng tâm. Nhà văn Xuân Vũ trong tập hồi ký của một nhân vật tên Dương Đình Lôi, tham gia vào cuộc chiến trong vai trò một cán binh Cộng sản. Sự thực được vạch trần và huyền thoại bị đập vỡ. "Củ chi đất thép thành đồng" như tuyên truyền đã thành "đất lún thành bùn". Hơn ai hết, Xuân Vũ đã là một người trong hàng ngũ Cộng sản lâu năm nên hiểu rõ sự thực của cái gọi là "hiện thực xã hội chủ nghĩa". Và văn chương, với Xuân Vũ, đã thành một phương tiện để làm rõ hơn cái chính và tà, phân biệt rõ ràng hơn giữa ánh sáng và bóng tối.

Thơ Hoa Sen, *tác giả Nguyễn Hữu Nhật, nhà xuất bản Anh Em, sách dày 150 trang, giá bán 15 Mỹ kim.*

Với những đoạn thơ ngắn nối tiếp nhau, thơ Nguyễn Hữu Nhật đã ở trong một chuỗi dây xích liên tục nhau từ ý tưởng này qua cảm xúc khác. *Hoa Sen* với 300 bài thơ nhỏ, thành một biểu tượng để phác họa lại một xã hội, một cảnh đời đảo điên nghiêng ngửa. Thơ là tiếng kêu than vọng đến lưng trời, là hy vọng Việt Nam, là tâm Phật lồng lộng trong cảnh đời, cảnh người Việt Nam. Nhiều lúc âm hưởng Phạm Thiên Thư, có lúc mộc mạc gần gũi ca dao, nhưng có lúc có nét chấm phá cô đọng của Haiku. Thêm vào đó, Nguyễn Hữu Nhật còn đem bàn tay họa sĩ tài hoa để phác thảo lên những tâm ý mênh mông của những câu thơ rất Việt Nam, rất thiền nhưng cũng rất sống động của những quãng đời đầy dông bão.

Một đêm cho thơ, tình, và âm nhạc, *thơ Trần Văn Nam, nhà xuất bản Đời, sách dày 90 trang, giá bán 8 Mỹ kim.*

Thơ Trần Văn Nam ở những bài thơ tám chữ và lục bát đã có phong vị riêng, của thiên nhiên hiền hậu, của cuộc đời đơn sơ. Thơ ở rất gần lời nói thường ngày, mộc mạc, dễ dàng. Thơ của hình ảnh bắt gặp thoáng qua, của ấn tượng Cà mau, Bến tre, của ngày xa xưa cây xoài, con két, ấu thơ chưa nhòa. Thơ Trần Văn Nam là thơ của quê hương, của *"Suốt một đời vẫn thấy nước trường giang, Chuyến phà quanh co bãi cồn bát ngát."*

Huynh đệ tương tàn, *nguyên tác của Nayan Chanda, bản dịch Phạm Quốc Bảo, nhà xuất bản Thế Giới, sách dày 300 trang, giá bán 15 Mỹ kim.*

Nayan Chanda là một ký giả có nhiều hiểu biết về tình trạng chính trị của các nước Đông Dương. Trong thời kỳ chiến tranh ở Việt Nam, ông là người sinh sống ở Sàigòn và theo sát những biến chuyển tại đó. Từ trước đến nay ông là một cây bút chủ lực của tạp chí Kinh tế Viễn Đông (Far Eastern Economic Review). Hiểu biết của ông không phải là sự võ đoán phỏng chừng mà có căn bản rõ ràng. Những cuộc tiếp xúc với những yếu nhân chính trị trong vùng đã khiến ông nhìn thấy được những thay đổi trong chính sách mà họ đang áp dụng. *Huynh đệ tương tàn* viết về chiến tranh Đông Dương lần thứ ba, khởi đi từ quá khứ, chứa đựng những bài học bổ ích cho hiện tại và tương lai. Bản dịch của nhà văn Phạm Quốc Bảo trong sáng và muốn làm công việc rút tỉa thêm những yếu tố cần thiết để góp phần tạo dựng một phương thức cứu quốc kiến quốc của chung dân tộc chúng ta hôm nay.

Nghĩ trong mùa xuân, *tạp luận, tiểu luận của Thế Uyên, nhà xuất bản Xuân Thu, sách dày 271 trang, giá bán 12 Mỹ kim.*

Tập hợp nhiều bài viết của nhà văn Thế Uyên đăng rải rác trên báo chí hải ngoại trong thời gian gần đây. Đề tài rộng, từ tình dục, cho đến thời sự, lịch sử, tôn giáo, văn học. Ngòi bút Thế Uyên thẳng thắn, mạnh bạo, không kiêng dè những điều cấm kỵ, dễ gây ấn tượng mạnh trong lòng người đọc. Bài *Nguyễn Văn Trung và những người Công giáo bạn tôi* trong quyển sách là một thiên hồi ký đầy thú vị kể về thời kỳ ông còn kẹt lại quê nhà.

THƯ TÍN

*

Anh Phạm Văn Đạt (San José, California): Văn Học hiện còn rất ít các số báo cũ từ số 1 trở đi, bán với giá 4 Mỹ kim một số, kể cả bưu phí. Sẽ lục tìm và gửi lên anh những số anh cần để đóng góp thêm vào tủ sách gia đình của anh. Đã lâu không gặp lại bằng hữu trên miền đất "thung lũng hoa vàng" đó. Vì sinh kế, nhiều người đã trôi giạt đến những phương trời khác. Riêng anh Hoàng Khởi Phong thì thú thực với anh, chúng tôi cũng không biết hiện giờ "ngài" đang ngự giá nơi mô. Thân.

Anh Cao Xuân Tứ (Hòa Lan): Anh đoán đúng đó, TYT chỉ là bút hiệu, một bút hiệu không mấy phù hợp với con người bên ngoài theo như lời nhận xét của anh Thế Uyên. Độc giả Văn Học ở Hoà Lan không nhiều lắm, nhưng lại có khá nhiều thư viện đặt mua báo dài hạn, có lẽ do lời yêu cầu của bà con người Việt mình bên đó. Kính.

Anh Hoài Mỹ (Na Uy): Trước sau, được gặp hai nhân vật từ Na Uy đến thăm Cali nắng ấm. Năm ngoái anh Dương Kiền và mới đây là chị Nguyễn Thị Vinh. Bao giờ đến lượt anh về thăm đây? Rất mừng khi thấy anh chị ở miền tuyết lạnh xa xôi như thế mà không giảm lòng yêu mến văn nghệ chút nào. Thân.

Anh Trần Nguyễn Thế Trang (San José, California): Cảm ơn lời khen tặng. Văn Học hân hạnh được anh cộng tác. Xin anh gửi về những sáng tác mới. Thân.

Anh Anh Hồ (A.P. 96663?): Văn Học có cái trái khoáy, ngược ngạo là số bán thì không bao nhiêu so với các báo thương mại khác nhưng nó cất công mò mẫm tìm đường đến tận cùng những ngõ ngách xa xôi nhất của quả địa cầu này. Đại liên, Trung quốc; Á căn đình; Na uy là một vài thí dụ. Nhưng cái địa chỉ của anh ngoài phong bì làm chúng tôi thắc mắc lắm.

Chẳng lẽ một nơi chốn nào còn xa hơn thế nữa? Dù sao, đó cũng là một điều đáng quí, mặc dù xa xôi anh vẫn không quên tờ báo. Thân.

Một bà ở Ventura: Lá thư của bà làm chúng tôi suy nghĩ khá nhiều. Những ý kiến bà viết trong thư chúng tôi không thể không quan tâm đến nếu còn muốn giữ tinh thần tích cực trong việc duy trì và phát triển sinh hoạt văn học Việt Nam ở hải ngoại. Tuy nhiên, theo như bà nói trong thư, văn chương thể hiện đời sống con người, hay nói cho bớt mơ hồ hơn một chút, văn chương đào xới những cái hay dở, đẹp xấu, phải trái, thuận nghịch của kiếp nhân sinh, và nếu chúng ta khăng khăng chối bỏ những điều rất thực của đời sống (sự thực đôi khi rất tàn bạo và xấu xa) thì e rằng văn chương sẽ đi vào ngõ cụt. Giới hạn đề tài trong văn chương là một quan niệm bảo thủ thường chỉ xảy ra ở những quốc gia dưới chế độ độc tài. Văn chương Việt Nam thuở trước có thể kín đáo, dịu dàng nhưng đó là văn chương của những người đi trước. Những người viết ngày nay có tâm tình và nhân sinh quan riêng của họ. Dòng chữ họ viết ra phản ánh thời đại, nơi chốn họ đang sinh sống, và có thể không giống chút nào dòng chữ những người đi trước họ. Một chi tiết khác đáng để ý là những người viết ở hải ngoại, nhất là những người trưởng thành ở xứ người, có rất ít kinh nghiệm về nơi chốn họ sinh ra bên kia bờ đại dương. Họ cũng tiếp cận nhiều với nền văn hóa đa dạng của các quốc gia nơi họ cư ngụ. Vì thế, quả tình không công bằng chút nào nếu đem so sánh văn tài họ với những người viết trong nước ở những đề tài đất nước quê hương. Về hiện tượng văn chương ở hải ngoại mang nhiều dục tính Tây phương thì chúng tôi xin mượn câu nói của nhà văn Llosa của Peru để trả lời bà. Nhà văn này nói đại khái, "Anh có thể viết về bất cứ đề tài nào, miễn viết hay." Chúng tôi xin thêm là sáng tác dục tính có hai loại: dâm tình và khiêu dâm. Dâm tình có thể là văn chương nhưng khiêu dâm nhất định không. Kính. □

MỤC LỤC

● **THƯ TÒA SOẠN** 1

● **TẠ QUỐC TUẤN**

đạo đức kinh hay đức đạo kinh *2*

● **TỪ MAI**

bài thơ tả tâm trạng "yên giặc, về quê"
nổi danh nhất trong văn học trung hoa *17*

● **TRẦN VĂN TÍCH**

tu từ học... y khoa *23*

● **KHOA HỮU thơ**

mấy dòng thơ gửi thi sĩ *36*

● **TRƯƠNG VŨ**

những đêm dài trên quê hương *38*

● **TRẦN HỒNG CHÂU thơ**

em vẫn ngồi đây vầng trăng khuyết 48

● **NGUYỄN MẠNH TRINH**

phỏng vấn nhà văn nguyễn xuân hoàng *50*

● **NGUYỄN XUÂN HOÀNG**

người quen *66*

● **CHÂN PHƯƠNG thơ**

độc tấu cho bốn bàn tay ngập cát *76*

● **PHẠM VIỆT CƯỜNG thơ**

trả lời bằng câu hỏi *80*

● **THẬP LANG**

món quà cho người vợ trẻtrong đêm giáng sinh *81*

● **HỒ ÔNG thơ**

nghiệp chướng - thoáng chốc - vô thường *87*

● **PHAN NI TẤN (N.D.) thơ**

thấm - giải thích *88*

● **HOÀNG XUÂN SƠN thơ**

mùa đông chim trống mái *89*

● **CAO XUÂN TỬ thơ**

ngày ta yêu nhau *90*

● **NGUYỄN VĂN SÂM**
buổi sáng buồn ở tiểu sàigòn 92
● **BOBBIE ANN MASON - NGUYỄN KHANH dịch**
tình 101
● **ĐỖ KH. thơ**
bài thơ cô gái 117
● **NGUYỄN LÝ thơ**
trà xuân - một thuở - vẫn một mình ta 118
● **TRẦN MỘNG TÚ**
nơi không có định mệnh 119
● **NHƯ CHI thơ**
những khúc rời ở san diego 130
● **VŨ QUỲNH N.H.**
bức tranh cũ 132
● **PHẠM CHI LAN thơ**
trí nhớ, hình ảnh, và đường bay 141
● **TRẦN SA thơ**
hôm sau cái chết 142
● **DƯƠNG NHƯ NGUYỆN**
thành phố, mùa thu và tiếng động của lá 144
● **LÊ TẤN LỘC**
một lần toan tính... 154
● **ĐÔNG NHÂN**
đọc "lộc trại"... 159
● **NGUYỄN THỊ HOÀNG ÂN thơ**
lộc trại - xuôi nam 163
● **QUỲNH GIAO**
kỷ niệm của phan thị trọng tuyến 164
● **THẾ UYÊN**
điểm sách 170
● **NGUYỄN ĐỨC LẬP truyện dài**
mảnh vụn một đời 184
● **THƯ ĐỘC GIẢ** 194
● **NGUYỄN MẠNH TRINH giới thiệu**
sách mới trong tháng 205

MỜI TÌM ĐỌC:

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Cuốn truyện dài đặc sắc nhất trong năm
(GS Nguyễn Ngọc Bích 1991: Tản mạn về một năm văn học hải ngoại)

GIỌT LỆ XÉ HAI

Văn Khoa xuất bản 1991

Giá tại Mỹ $14.00
Các nước khác: US$15.00 (bao luôn cước phí)

Hỏi mua ở các hiệu sách hoặc gửi ngân phiếu về:
Văn Khoa, 9200 Bolsa Ave, Suite 123
Westminster, CA 92683 USA

MỜI TÌM ĐỌC:

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Cuốn truyện dài đặc sắc nhất trong năm
(GS Nguyễn Ngọc Bích 1991: Tản mạn về một năm văn học hải ngoại)

GIỌT LỆ XÉ HAI

Văn Khoa xuất bản 1991

Giá tại Mỹ $14.00
Các nước khác: US$15.00 (bao luôn cước phí)

Hỏi mua ở các hiệu sách hoặc gửi ngân phiếu về:
Văn Khoa, 9200 Bolsa Ave, Suite 123
Westminster, CA 92683 USA

Đã Phát Hành

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761
(Giá 6 Mk, Ngoài nước Mỹ 7 Mk)

THƯ MỤC HỒNG LĨNH

ĐANG IN:

- **Bến Không Chồng** *Dương Hướng*
- **Tướng Quân** *Truyện phóng tác theo Shogun (Trọn bộ 4 cuốn)*
- **Ác Mộng** *Truyện dài Ngô Ngọc Bội*
- **Hành Trình Ngày Thơ Ấu** *Dương Thu Hương*
- **Quãng Đời Đánh Mất** *Dương Thu Hương*
- **Người Tình (The Lover)** *Marguerite Duras*
  Phạm Việt Cường chuyển ngữ
- **Emily L.** *Marguerite Duras, Phạm Việt Cường chuyển ngữ*
- **Truyện Ngắn Nam Cao**

ĐÃ IN:

- **Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma** *Nguyễn Khắc Trường*
  Giải nhất văn xuôi 1991
- **Chuyện Tình Kể Trước Lúc Rạng Đông** *Dương Thu Hương*
- **Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên** *Tập nhạc Trịnh Công Sơn*
- **Một Cõi Đi Về** *Tập nhạc Trịnh Công Sơn*
- **Sự Lừa Dối Hào Nhoáng** *Phóng tác theo The Bright & Shining Lie của Neil Sheehan*
  Giải thưởng Pulitzer 1988 và National Book Award
- **Tác Phẩm và Dư Luận** *Nguyễn Huy Thiệp*
- **Nỗi Buồn Chiến Tranh** *Bảo Ninh*
  Giải nhất văn xuôi 1991
- **Chiếc Chìa Khóa** *Junichiro Tanizaki, Phạm thị Hoài dịch*
- **Mê Lộ** *Phạm Thị Hoài*

Nhà Xuất Bản HỒNG LĨNH
9601 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 531-7223 Fax: (714) 531-1107

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

LAPTOP ONLY $1895.00

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Nhà xuất bản
tân thư

Đã phát hành:

CÓ YÊU EM KHÔNG?

KHÁNH TRƯỜNG

Giá 14 Mỹ kim

khanh truong
CO YEU EM KHONG ?

Thư từ ngân phiếu xin đề:
KHÁNH TRƯỜNG
13081 Hope St., Garden Grove, Ca 92643, USA.

TRÂM ANH - THE PERFECT BRIDE

(714) 638-8209

(714) 373-1345

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA

(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...

Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...

Nhận cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH SẼ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — **8.00MK**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  Nguyễn Hưng Quốc
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC** — **13.00MK**
  Will Durant — Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II** — **14.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — **15.00MK**
  Hermann Hesse — Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — **6.00MK**
  Rainer Maria Rilke — Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV** — **(18, 20, 20, 20MK mỗi tập)**
  Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** — **15.00MK**
  Tạ Chí Đại Trường
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** — **8.00MK**
  Đỗ Khánh Hoan dịch

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

CƠ SỞ XUẤT BẢN ĐẠI NAM HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

NHỮNG TÁC PHẨM GIÁ TRỊ MỚI XUẤT BẢN

- **BỘ VIỆT SỬ TÂN BIÊN của soạn giả Phạm Văn Sơn**
  - Cuốn I: Thượng Cổ Và Trung Cổ Thời Đại $16.00
  - Cuốn II: Trần Lê Thời Đại $20.00
  - Cuốn III: Nam Bắc Phân Tranh $16.00
  - Cuốn IV: Từ Tây Sơn Mạt Diệp Đến Nguyễn Sơ $16.00
  - Cuốn V: Việt Nam Kháng Pháp Sử $16.00
  - Cuốn VI: Việt Nam Cách Mạng Cận Sử $16.00
  - Cuốn VII: Chế Độ Pháp Thuộc Tại Việt Nam $16.00
- **BỘ QUÂN SỬ VIỆT NAM do Bộ TTM/QLVNCH soạn**
  - Quân Sử I: QLVN Dưới Các Triều Đại Phong Kiến $16.00
  - Quân Sử II: QLVN Chống Bắc Xâm Và Nam Tiến $25.00
  - Quân Sử III: Quân Dân Việt Nam Chống Tây Xâm $28.00
  - Quân Sử IV: QLVNCH Trong Giai Đoạn Hình Thành $28.00
  - Cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968 $28.00
- **TỰ ĐIỂN, SÁCH VĂN HỌC VÀ TRIẾT HỌC**
  - Tự Điển Danh Nhân Thế Giới *Trịnh Chuyết soạn* $18.00
  - Tự Điển Pháp-Việt *Đào Văn Tập soạn* $25.00
  - Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị *Lê Ngọc Trụ soạn* $22.00
  - Tự Điển Truyện Kiều *Đào Duy Anh soạn* $22.00
  - Bộ Sử Việt Nam *do một nhóm giáo sư soạn, bộ 2 cuốn* $20.00
  - Việt Nam Tân Tự Điển *Thanh Nghị soạn* $28.00
  - Đại Việt Sử Ký Toàn Thư *Ngô Sĩ Liên, Nhượng Tống dịch* $14.00
  - Rèn Luyện Tâm Thuật Huyền Linh *Phạm Công Thiện* $10.00
  - Bảy Đại Triết Gia Trung Quốc Đời Chu Tần *Ngô Quân* $8.00
- **TIỂU THUYẾT**
  - Theo Ánh Tinh Cầu *Tùy bút của Toàn Phong* $15.00
  - Giá Tự Do *Truyện vượt biên của Nguyễn Ang Ca* $15.00
  - LL12 Nữ Điệp Viên *Truyện gián điệp của Huỳnh Dung* $16.00
  - Những Chuyện Tình Trong Cung Cấm *Đoàn Văn Thông* $12.00
  - Lối Bướm Đường Hương *Truyện Hồ Trường An* $12.00
  - Những Bí Mật Trên Dãy Hy Mã Lạp Sơn *Thinh Quang* $12.00
  - Băng Nhi *Truyện Quỳnh Dao, Ngô Quân dịch* $10.00
  - Một Kỷ Niệm Đẹp *Hồi ký Nguyễn Tấn Hưng* $10.00

Thư Mua Sách, Tiền Bạc xin gửi về
DAINAMCO
P.O. Box 4279 GLENDALE, CA 91202 - USA

Giá 7 Mỹ kim